

bình nguyên lộc



lộc trần
Việt ngữ

lột trần việt ngữ

bình nguyên lộc

lộ trần việt ngữ

MIN
PRESS
2016

CHƯƠNG I

GỐC TỎ RA SAO?

Từ vài mươi năm nay, nhiều học giả Pháp và Việt đã nghiên cứu lịch trình tiến hoá của Việt ngữ trong vòng ba trăm năm nay, và đã khám phá ra một số sự kiện mới lạ.

Lần này chúng tôi thử đi xa hơn, trong thời gian và không gian, trong thời gian thì đi xa về sáu trăm năm trước, trong không gian thì đi xa từ Đông Bắc Á đến Đông Nam Á, rồi đến Trung Mỹ, thử xem cái Việt ngữ thượng cổ nó ra sao và đã tiến hoá cách nào cho tới ngày nay.

Sở dĩ các bậc đàn anh của chúng tôi chỉ đi có ba trăm năm vì quý vị đó đã thấy Việt ngữ là một ngôn ngữ riêng biệt, không có bà con trong không gian và thời gian, và văn kiện cổ của ta thì không có để các vị nghiên cứu.

Chúng tôi thấy khác rằng chúng ta thuộc chủng Mã Lai, mà có hàng trăm dân tộc khác cũng thuộc chủng Mã Lai, ở khắp thế giới và có cả tài liệu về ngôn ngữ Mã Lai trong sách vở của Trung Hoa, thành thử chúng

tôi mới thám hiểm xa được trong không gian và sâu hơn trong thời gian.

Tuy nhiên đây chỉ là công trình của kẻ phá rừng, luôn luôn có khuyết điểm. Nhưng khi nền móng đã đặt ra rồi thì người sau cứ từ đó mà tiến lên, kẻ phá rừng gặp quá nhiều chướng ngại, còn kẻ khai thác một đám đất đã được khai quang sẽ có dịp đào sâu hơn.

Để chứng minh sự đồng chủng giữa hai dân tộc, khoa học dùng nhiều phương pháp trong đó phương pháp đối chiếu ngôn ngữ là một.

Nếu chỉ có hai dân tộc, thì sự đối chiếu đi thật sâu vào toàn thể cơ cấu của cả hai ngôn ngữ, tức một quyển sách thật dày cũng chưa đủ. Nhưng nếu là hai ba chục dân tộc thì không cần phải đi sâu đến thế mà sự giống nhau của một số danh từ là đủ rồi, nhất là khi các dân tộc ấy hoàn toàn không có liên hệ nhau hồi cổ thời.

Thí dụ chúng tôi cho rằng ta và Nam Dương không hề có liên hệ nhau hồi cổ thời, có nhà phê bình cãi lại rằng có. Mặc dù không có sử liệu chứng minh sự có liên hệ, chúng tôi cũng cố nhượng bộ nhà phê bình, vì sự kiện lịch sử ấy CÓ THỂ xảy ra được.

Nhưng Nhựt Bổn và Nam Dương thì hẳn là không. Chúng tôi có lên xứ của người Sơ Đăng, cả hai lần đều không được, thì ngay như Việt và Sơ Đăng, cùng chung địa bàn mà còn khó có thể tiếp xúc với nhau, thì Nhựt và Nam Dương không làm sao mà trao đổi ngôn ngữ với nhau được, trừ phi vào cổ thời, Nhựt đã di cư đi Nam Dương hoặc Nam Dương đã di cư lên Nhựt Bổn,

chứ sự trao đổi ngôn ngữ và văn hoá thì sử không biết, mà lý trí của con người cũng khó lòng chấp nhận.

Chúng tôi đã ám chỉ đến một số danh từ, và chắc quý vị đã đặt thắm một điều kiện rằng danh từ ấy phải chỏ một ý niệm của con người cổ sơ, mới nói lên được cái gì, chứ một danh từ chỉ một vật do một xã hội văn minh chế tạo ra thì nó có thể đi xa khắp toàn cầu, từ nước này sang nước khác. Thí dụ chúng tôi đã từ chối đối chiếu danh từ HỘP, mặc dù khắp Đông Nam Á đều có danh từ HỘP giống nhau, vì lẽ rằng hộp là vật dụng mà loài người biết quá trễ, và hơn thế, trong cổ vật Đông Sơn, không có cái hộp nào hết thì ta phải biết rằng vào đầu Tây lịch dân Đông Nam Á chưa làm được cái hộp, và tất cả mọi dân tộc đều học của Trung Hoa danh từ HẠP của họ.

Điều kiện mà quý vị đã đặt thắm ra trong bụng, sẽ được kính trọng và kính trọng đến mức triệt để. Chúng tôi đi về dĩ vãng, xa hơn thời nông nghiệp nữa, vì khi biết nông nghiệp thì các dân tộc đồng chủng đã tách rời ra mà sống riêng rẽ ở các địa bàn khác nhau, sáng tác danh từ không giống nhau nữa, và RUỘNG, LÚA, THÓC, không làm sao mà giống nhau giữa các dân tộc đồng chủng. Nhưng những danh từ như CÁI CÂY, CON MẮT thì dùng được.

Chúng tôi xin trình ra một biểu đối chiếu có mặt 28 dân tộc và theo dõi danh từ đối chiếu trong một khoảng thời gian ba ngàn năm.

LỘT TRẦN VIỆT NGỮ

Việt Nam:	CÁ
Sơ Đăng:	KÁ
Mường:	KA
Xi Tiêng:	KA
Mạ:	KA
Mnong:	KA
Kơđư:	KA
Kôhô:	KA
Lào:	KA
Cựa:	KA
Kâyong:	KA
Núp:	KA
Srê:	KA
Halang:	KAA
Bàna:	KAA
Thái:	BLÁ
Radê:	KAN
Giarai:	KAN
Rôglai:	ICAT
Người Châu Giang:	KAN
Chàm:	KAN
Khả lá vàng:	AKA
Churu:	AKAN
Đa Đảo:	AKA
Nam Dương:	IKAN
Kuy:	QAKAA
Khả Tu:	KAĐÓONG
Nhựt Bốn:	SAKANA

Đáng lý vì chúng tôi nên chọn động từ ĂN, vì có người sẽ nghĩ rằng ĂN cổ hơn CÁ, nhưng chúng Mã Lai lại có đến hai động từ: ĂN và XOÌ, họ chia thành hai khối, một khối nói XOÌ, một khối nói ĂN, như thế là không còn thống nhất nữa. Tuy nhiên CÁ không kém cổ sơ hơn ĂN một chút xíu nào hết. Loài người biết nói tiếng người, là đã sáng tác ra danh từ CÁ rồi vì cách sanh sống độc nhút của họ, thuở sơ khai là HÁI LƯỢM, CẦU KÉO và SẼN BẮN.

CÁ có đầy đủ giá trị thượng cổ để ta dùng đối chiếu cho có hiệu quả.

Các dân tộc trên đây, đều được quý vị biết, trừ một dân tộc mà chúng tôi cần giải thích hơi dài dòng, đó là người mà trong biểu đối chiếu, ghi là người Châu Giang.

Trong tỉnh Châu Đốc có năm làng, mà dân ta gọi gộp là vùng Châu Giang. Dân ở đó, được người miền Nam biết là ai. Nhưng trong vòng mười năm nay, bỗng dưng họ tự xưng là Chăm, nhưng chúng tôi biết nguồn gốc của họ, nên để riêng họ mà không nhập chung với người Chăm.

Nội cái danh từ IKAN cũng đã cho thấy rằng họ là người Nam Dương chứ không phải là người Chăm vì người Chăm nói KAN.

Khi tổ tiên của người miền Nam di cư vào đây, sau năm 1623, thì có ba sự kiện xảy ra:

Người Chăm chạy vào đất Cao Miên lánh nạn, đều bị người Cao Miên bắt cóc làm nông nô, sử Pháp đã

cho biết như vậy. Vì thế mà họ căm thù Cao Miên và theo Nguyễn Hữu Kính để trở về với ta, và được định cư ở Tây Ninh. Trong khi đó thì người ở vùng Châu Giang lại được ưu đãi từ trước đến thời đó.

Sự kiện sau, cho thấy rằng họ không phải là người Chăm nên số phận khác người Chăm tị nạn.

Sự kiện thứ ba là ta không gọi họ là Chăm, từ thuở ấy đến nay mà gọi họ là Chà Và. Chà Và là danh xưng phiên âm, ngày xưa chỉ dùng để trỏ người Java, khác với ngày nay mà Chà Và cũng chỉ người Ấn Độ. Tổ tiên của người miền Nam đã gọi họ như vậy, không phải vì các cụ thạo về dân tộc học mà chắc chắn là vì người Châu Giang đã tự xưng như vậy, chớ các cụ không thạo phân biệt các dân tộc cho lắm. Cho đến ngày nay người miền Nam cũng cứ gọi họ là Chà Châu Giang, mà không là *Chăm Châu Giang*.

Nhưng họ tự xưng là gì, tưởng không có gì quan trọng, trong cuộc nghiên cứu của chúng tôi. Chúng tôi chỉ nói ra những điều trên đây, để giải thích tại sao chúng tôi không nhập họ với người Chăm. Hai thứ người đó nói khác nhau, thì không nên nhập chung lại. Chúng tôi xin đối chiếu thử hai danh từ khác thì ta cũng sẽ thấy rằng họ nói y hệt như người Java và khác hẳn người Chăm!

TRỜI

JAVA: LANGIT

CHÂU GIANG: LANGIT

CHÀM: LINGIK

NGƯỜI

JAVA: ORANG

CHÂU GIANG: ORANG

CHÂM: URANG

Trước khi đi sâu vào lịch sử thành hình và các cuộc tiến hoá của danh từ CÁ của 28 dân tộc trên đây, chúng tôi xin trình bày sơ lược về khoa ngữ học.

Đó là một khoa học rất mới, nhưng không ấu trĩ chút nào hết, và khoa đó đã tìm ra một số luật ngữ về ngữ học căn bản, có thể dùng được cho mọi trường hợp.

Một trong những cái luật đó là sự mọc đầu, mọc đuôi, rụng đầu, rụng đuôi thỉnh linh của một danh từ, và đôi khi mọc và rụng ngay cả khúc giữa nữa. Thí dụ danh từ VITA của La Tinh thì trong Pháp ngữ, nó rụng chữ T giữa, chỉ còn lại VIA biến thành VIE.

Sự rụng và mọc do đâu mà ra thì chưa biết được, thí dụ BONUS của La Tinh thì trong Pháp ngữ, nó rụng mất cái đuôi US chỉ còn lại BON, nhưng trong Tây Ban ngữ thì trái lại cái đuôi lại mọc rất dài, hoá ra là BUENO. Cái đuôi mọc dài mà khúc giữa là ON cũng bị đổi ra là UE.

Thế thì đầu, đuôi nào cũng có thể mọc ra được cả, và cả khúc giữa cũng mọc và rụng như thường, mà không biết vì lẽ gì.

Một cái luật khác của nhà ngữ học M. Swadesh cho biết điều sau đây: cứ một ngàn năm thì một dân tộc biến dạng, hoặc thay thế hẳn danh từ của họ một lần

và lối 20% danh từ bị biến dạng. Luật Swadesh chưa được các nhà ngữ học nhìn nhận và bị công kích dữ, nhưng riêng chúng tôi thì chúng tôi nhìn nhận, vì chúng tôi có chứng tích rằng luật ấy đúng, và các nhà tiền sử học trên thế giới cũng xác nhận rằng luật đó đúng khi họ so sánh văn liệu khắc trên các cổ thạch bi cách nhau một ngàn năm của một ngôn ngữ nào đó thì quả họ thấy có sự biến dạng, hoặc sự thay thế đó và quả con số ước lượng trung bình là 20% cũng đúng.

Thế thì khi Nam Dương, Nhựt Bốn và Việt Nam khác nhau, không có gì lạ hết vì ba dân tộc đó đã tách riêng khỏi đại khối từ nhiều ngàn năm rồi:

Nhựt Bốn: Makanai = thức ăn

Nam Dương: Makanan = thức ăn

Việt Nam: Đồ ăn = thức ăn

AI của Nhựt, AN của Nam Dương và ẮN của Việt Nam đồng nghĩa, tức có nghĩa là THỨC. Còn Việt không có MAK như Nhựt Bốn và Nam Dương vì Việt không mọc đầu, hoặc đã mọc và đã rụng, và ta sẽ biết lát nữa đây, danh từ Việt Nam đã rụng đầu hoặc chưa mọc đầu.

Còn hàng trăm luật khác nữa, nhưng chúng tôi chỉ cần hai cái luật đó mà thôi, trong chương này. Chúng tôi xin thưa thêm một điều này nữa, cũng có thể xem là một cái luật, nhưng nó dĩ nhiên quá, nên được chấp nhận ngay, không có đối chọi với nhau: là giữa các ngôn ngữ xa xôi, không liên hệ nhau, có thể có vài danh từ trùng hợp về hình dáng và về nghĩa. Thí dụ tính từ BAD của Ba Tư và tính từ BAD của Anh, cả hai đều giống hết

nhau và đều có nghĩa là KHÔNG TỐT. Nhưng các nhà ngữ học theo dõi lịch sử của hai từ từ đó thì thấy rằng không hề có liên hệ nhau, và sự giống nhau chỉ là tình cờ.

Khoa ngữ học biết được điều này là sự trùng hợp ngẫu nhiên của danh từ trong các ngôn ngữ xa lạ với nhau, không bao giờ vượt quá con số 5 và không bao giờ lại có sự trùng hợp ngẫu nhiên y hệt như vậy giữa 28 ngôn ngữ.

Con số 28 mà chúng tôi chọn, xoá được nghi ngờ rằng lại có sự trùng hợp ngẫu nhiên, và con số mười ngàn từ mà chúng tôi đối chiếu trong một quyển sách khác, cũng xoá được nghi ngờ nói trên.

Chúng tôi chọn toàn là danh từ cổ và thượng cổ, và khi cứ nói rằng là ta vay mượn, thì dân tộc ta phải là dân tộc cầm trước khi vay mượn động từ ĂN và XÔI.

Có thể nào mà vua Hùng Vương bỗng dưng bỏ ngôn ngữ của người, vay mượn toàn bộ ngôn ngữ Nam Dương chăng? Hẳn là không. Người ta chỉ phải làm thế khi nào bị áp lực mạnh của kẻ thống trị, như Thất Mân Phúc Kiến đã mất ngôn ngữ vì bị áp lực mạnh của Trung Hoa. Nhưng thuở vua Hùng Vương nói CÁ thì ta chưa hề bị ai trị cả.

Chúng tôi đã đối chiếu một số danh từ Việt - Mã trên ti vi, và có bạn phê bình: "Không giống chút nào hết!" Thí dụ:

Việt Nam: Sắp xếp

Nam Dương: Siap-siap

Việt Nam: Mất (chết)

Nam Dương: Mati

Nhưng làm thế nào mà giống hệt nhau được khi mà hai dân tộc đã tách rời ra rừ nhiều ngàn năm và sống xa nhau đến sáu ngàn cây số (nếu tính từ Hà Nội).

Các bạn ấy đã quên mất sự kiện sau đây là Anh và Pháp chỉ sống cách nhau có một eo biển mười mấy cây số, tức liên lạc với nhau mỗi ngày từ cổ chí kim, và cũng đồng gốc Ấn Âu với nhau, thế mà từ cái gốc SABULUM của La Tinh, Pháp nói SABLE, Anh nói SAND chỉ giống nhau có SA lại bị hai dân tộc đó đọc khác nhau, tức không còn gì cả.

Dưới đây cũng là một cái luật ngôn ngữ, nhưng không được dùng trong chương này nên chúng tôi chỉ nói sơ qua: ngữ học chỉ kể âm đọc (phonème) mà không kể ký hiệu (gnaphique) vì ký hiệu của các ngôn ngữ thì bầy bạ hết. Về phonème thì SABLE và SAND khác hẳn nhau, nhưng SẮP XẾP và SIAP-SIAP thì giống nhau.

Khoa ngữ học phân biệt bốn loại giống nhau, một cách minh bạch:

- giống nhau vì đồng chủng (Parenté);
- giống nhau vì hợp chủng (Affinité);
- giống nhau vì vay mượn hồi cổ thời (Emprunts aux temps archaïques);
- giống nhau vì vay mượn hiện đại (emprunts).

Chúng tôi xin chữa ra sự giống nhau vì đồng chủng, vì đó là nòng cốt của chương này.

Hai thứ giống nhau loại nhì và ba, thường đi chung với nhau. Đó là trường hợp của Thái và Trung Hoa. Nước Tây Âu đã đón tiếp người Trung Hoa từ thời Đông Chu đến nay, cả trong những con số đếm của Thái từ 1 đến 10 cũng là tiếng Tàu. Con ONG được gọi là PHIỀNG tức là PHONG tức cũng tiếng Tàu và ông tri huyện được gọi là ông CHAOUU mà người Việt dịch là ông CHÂU, nhưng thật ra đó là ÔNG CHỦ (huyện). Đó là hợp chủng và vay mượn cổ thời.

Loại thứ tư thì không dân tộc, không ngôn ngữ nào thoát khỏi hết.

Nhưng ở đây, sử học và địa lý xen vào rất mạnh. Chúng tôi xin kể một kinh nghiệm bản thân. Chúng tôi đã đi đến xứ của người Sơ Đẳng hai lần, nhưng đều thất bại cả mà lần đầu, do quân đội mời, tức có đầy đủ phương tiện, đi với cả làng báo Sài Gòn.

Thế mà người Sơ Đẳng có danh từ LỎI ỔI mà họ dùng như động từ. Đó là một danh từ mà cả một số trí thức ta cũng không biết là gì. Tiếng Pháp nói là AMNIOS, nhưng một số trí thức Pháp cũng không biết là gì.

Chỉ có các bác sĩ Việt Nam và các cô đỡ Việt Nam là có dùng danh từ quá chuyên môn đó mà thôi vì đó là danh từ thuộc về cơ thể học (Anatomie) và sản khoa, mà dân ta đã có từ thuở nào không ai biết.

Trong ngôn ngữ Sơ Đẳng, LỎI ỔI là CÓ THAI. Nhưng trong Việt ngữ LỎI ỔI là túi da mỏng nằm giữa dạ con và bào thai, bọc lấy bào thai. Có lẽ ta biến nghĩa, còn

Sơ Đăng dùng đúng theo từ thượng cổ vì trong LỖI ỔI có chữ LỖI tức KHÔNG LỖM, còn ỔI thì biết đâu lại không là cái bụng trong thời thượng cổ.

Hồi tiền chiến, các cố đạo Pháp và Việt có lên trên ấy giảng đạo. Nhưng các cố hản không có dịp dạy họ danh từ đó, nếu các cố có biết đi nữa.

Về sau này quân đội ta có trấn đóng trên ấy, nhưng chưa chắc quân đội giỏi tiếng Việt hơn các cố và nhất là không có thì giờ để dạy họ danh từ đó.

Vậy, không phải cứ sống chung nhau ở một địa bàn là có thể có ảnh hưởng qua lại với nhau. Càng không có thể có ảnh hưởng vì các dân tộc sống giữa họ và ta lại không có danh từ đó. Đừng nói chi cho xa, ngay như người Mạ ở Biên Hoà, cũng không có danh từ đó.

Còn ta với Nhựt thì học với nhau hồi nào mà ta nói CÂY SÀO (chống thuyền), Nhựt cũng nói KI SAO.

Trong khoa đối chiếu ngôn ngữ, các nhà ngữ học loại ra ba yếu tố chót rồi mới lấy yếu tố thứ nhất để mà kết luận, muốn bác bỏ các ông phải đưa ra ba chứng tích sau, chớ không phải chỉ nói một tiếng: “có tiếp xúc” mà được với các ông.

Nhựt có đến buôn bán ở Hội An dưới thời Chúa Nguyễn nhưng vào thời đó thì họ đã văn minh rồi, ta cũng thế, không cần vay mượn nhau danh từ SÀO làm chi hết.

Những nguyên tắc tổng quát ấy đã trình ra rồi, chúng ta trở về với biểu đối chiếu là được. Người Khả Lá Vàng trốn tránh trong rừng đèo Mụ Già từ trên hai

ngàn năm nay, chắc không có dịp học danh từ Aka của ai hết, còn quần đảo Marguises thì ở cách xa Hà Nội 15 ngàn cây số theo đường chim bay, người Việt Nam cũng không ra ngoài khơi Thái Bình Dương hỏi nào để dạy họ danh từ Aka.

Muốn chứng minh rằng các danh từ trong biểu đối chiếu, đồng chủng với nhau, khoa học dùng phương pháp khác: tiền sử học và đối chiếu sọ. Công việc ấy chúng tôi đã làm rồi trong quyển sủ của chúng tôi. Ở đây ta dùng ngữ học cũng cứ để làm công việc đó.

Thoạt nhìn vào bản đối chiếu, quý vị có cảm giác ngay rằng danh từ ấy đồng gốc, nhưng từ KA đến SAKANA cũng còn khá xa nhau. Nếu quả có sự đồng gốc thì sợ rằng 28 phần tử đồng gốc có những phần tử ngoan ngoãn vâng lời tiền nhơn, mà cũng có khá nhiều phần tử phiến loạn, những đứa con hoang của chủng tộc, chủng Mã Lai.

Vậy chúng tôi cần đưa những tay lang bạt kỳ hồ trở về hàng ngũ. Đây là một cuộc chiêu hồi để mời những anh lãng tử tung cánh chim tìm về tổ ấm vậy.

Chỉ hơi phiến là không biết tổ ấm ở đâu, và ra sao. Phải bắt tất cả nói SAKANA y như Nhựt Bổn, hoặc nói IKAN y như Nam Dương, hay nói KÁ y như Việt Nam? Chưa, chưa ai biết gì cả, kể cả chúng tôi cũng chưa biết gì về cái gốc tổ nó ra thế nào. Mà đừng tưởng rằng Nam Dương giữ đúng gốc tổ Mã Lai vì họ đang tự xưng là người Mã Lai. Chúng tôi đã có chứng tích riêng là họ đã biến bậy rất nhiều. Và vì thế, ở đây, kẻ bị chúng tôi

tình nghi hơn hết là Nam Dương.

Không phải vì chúng tôi thấy đa số nói KA mà tình nghi Nam Dương. Chúng tôi không dám áp dụng luật đa số trong địa hạt khoa học vì khoa học đã đưa ra một luận cứ rất vững: một sai lầm nhơn cho một triệu người thì nó thành một triệu sai lầm, chớ không thể thành sự thật.

Chánh trị chấp nhận luật đa số vì chánh trị có lý do riêng của chánh trị. Khi mà đa số biểu quyết chấp nhận một hành động là đa số sẵn sàng gánh chịu hậu quả tai hại của cuộc biểu quyết đó. Sự biểu quyết trong lãnh vực chính trị chỉ là một cuộc thí nghiệm. Khoa học không dám làm những cuộc thí nghiệm quá nguy hiểm như vậy.

Vậy chúng ta bắt buộc phải áp dụng phương pháp khác. Xin nhắc lại rằng chúng ta hồ nghi Nam Dương trước nhứt vì Nam Dương đã có tiền án, sẽ trình bày sau. Và Nam Dương bị bố ráp trước nhứt.

Đáng lý chúng tôi nên dùng danh xưng Miền Dưới mà không nên nói quá rõ là Nam Dương. Miền Dưới là cách xưng riêng của miền Nam nước Việt, đã được sáng tác từ trên hai trăm năm nay để gọi gộp ba quốc gia Mã Lai Á, Nam Dương và Phi Luật Tân, ba quốc gia có ngôn ngữ gần giống nhau là người Mã Lai.

Ở đó còn lắm phương ngữ, có thể tại Djakaria, người ta không nói là IKAN cũng nên, nhưng ở một vùng xa nào đó thì chắc chắn có ít lắm, là vài tỉnh nói IKAN. Nhưng vì đồng bào miền Bắc và miền Trung không

hể biết có danh từ tổng quát là Miền Dưới, thành thử chúng tôi tạm dùng từ danh xưng quá chính xác là Nam Dương cho dễ hiểu.

Chưa kịp điều tra thì chúng tôi đã nắm vững trong tay bằng chứng là Nam Dương đã biến sai danh từ IKAN. Bằng chứng thấy được trong một danh từ khác, chỉ một loại chim mà người Việt Nam gọi là chim BÓI CÁ. Con chim BÓI CÁ, Nam Dương gọi là PÓRAKA.

Thế là hình thức AKA còn nguyên vẹn trong ngôn ngữ Nam Dương, không còn chối cải được nữa.

Tiếp đầu chữ PÓR có nghĩa là BẮT. Thí dụ PÓPULÔ là “bắt phải cô lập nơi một cù lao”. PÓKARA là BẮT CÁ. Dân Việt Nam là nhóm Mã Lai rất tài tình khi ta biến PÓRAKA thành BÓI CÁ. Về phương diện âm đọc (Phonème) BÓI không khác PÓ tức là kính trọng cái Phonème của chủng tộc, nhưng động từ Bói lại nói lên được nhiều ý nghĩa hơn PÓR.

Những cái luật về ngữ học, các nhà ngữ học châu Mĩ chỉ đoán để lập luật, mà không hề thấy sự kiện. Thí dụ họ đoán rằng VITA của La Tinh rụng T giữa là biến thành VIE của Pháp, nhưng trong Pháp ngữ cổ thời không hề có dấu vết VITA.

Nhưng ngôn ngữ Nam Dương thì còn chứa chấp đủ cả các dấu vết xưa, vì chúng tôi sẽ chứng minh rằng PÓRAKA cổ ít lắm cũng ba ngàn năm. Nếu các nhà ngữ học Âu Mĩ dùng ngôn ngữ Nam Dương để làm tài liệu, thì họ được chứng kiến tất cả những thay dạng đổi hình hiện đang diễn ra nữa, chứ không phải chỉ có dấu

vết xưa mà thôi.

Chúng tôi xin trình ra một thí dụ: ở Mã Lai Á, động từ CẠ, CỌ của Việt Nam, họ nói là KARKAS. Thành linh, cách đây không đầy một năm thì tại địa phương kia, vùng Kedah, bỗng dưng thiên hạ chặt đứt khúc giữa và chữ R rụng thành linh, chỉ còn lại có KAKAS.

Ngôn ngữ Nam Dương là tài liệu sống cho cho khoa ngữ học và là một cuốn phim chiếu lại những biến thái của danh từ (Métamorphose) từ trên hai ngàn năm nay, mà ta nhìn thấy được cả từng chi tiết tiến hoá.

Tuy nhiên, ngôn ngữ ở Việt Nam cũng không kém tánh cách tài liệu sống chút xíu nào hết. Chắc có chi không biết cái MUỐNG là gì, bởi đó là một danh từ chuyên môn. Chúng tôi cũng không biết ở vùng Bắc Việt và Trung Việt, đồng bào ta dùng cái MUỐNG để làm gì, vì tự điển định nghĩa không được rành mạch. Riêng ở miền Nam nước Việt thì cái Muống là một cái lu dùng trong công nghệ làm đường.

Các từ điển xưa của ta, ký hiệu cho danh từ đó (Graphique) là MUẮNG đó là ký hiệu thật đúng với âm đọc (Phonème) cách đây 100 năm.

Ấy, cái MUẮNG, người Sơ Đăng gọi là cái UĂNG tức Việt Nam đã mọc ra cái đầu M. Nhưng cũng cứ món đó, nhưng người Mạ gọi là cái UĂQ, tức người Sơ Đăng đã mọc đuôi NG. Chúng tôi xin trở lại danh từ AKA. Rõ ràng là Nam Dương đã rụng đầu A, mọc đầu I, lại mọc thêm cái đuôi N.

Bây giờ chúng ta moi luật của M. Swadesh ra để

dùng. Cứ một ngàn năm thì một dân tộc biến dạng danh từ của họ một lần. Ta thí dụ IKAN chỉ mới có 400 tuổi. Thế thì IKA phải thọ 1.400 tuổi, và AKA phải thọ 2.400 tuổi, vì đã ba lần thay đổi hình dạng từ AKA đến IKAN.

Sự mọc đầu và mọc đuôi của các danh từ không nhảy vọt, và chỉ mọc ra dần dần như Uâq, Uâng, Muăng đã cho thấy và khi Muăng chỉ một vật dụng khác thì nó chỉ thay đổi có cái dấu thôi: Muăng-> Muăng-> Muổng.

Sakana của Nhựt Bản không phải vừa xuất hiện là dài ngay, theo thuyết N. Marr của Nga Xô, mà nó giống hệt mũi Cà Mau, tức nhờ phù sa bồi đắp, nó mới dài dần dần hồi, khác hẳn với Makaanai vì Mankanai là hai từ nhập lại, AI là tiếp vĩ ngữ (tiếp vĩ ngữ này nên hiểu theo quốc tế, Pháp và Việt, và không nên hiểu theo Nhựt. Danh từ tiếp vĩ ngữ của Nhựt mang một nghĩa khác hơn.)

Khi ta thí dụ rằng IKAN bốn trăm tuổi thì ta cũng thí dụ rằng AKAN một ngàn bốn trăm tuổi vì một cuộc biến dạng đòi hỏi một ngàn năm, theo luật Swadesh. Mặt khác, nhìn vào danh từ của dân Churu, ta biết rằng cái đuôi N mọc ra trước cái đầu A, bằng chứng Churu đã có đuôi người rồi, mà đầu cứ còn là A, tức I phải mọc sau.

Vậy $AKA \rightarrow AKAN \rightarrow IKAN = 400N + 1.000N + 1.000N = 2.400$ tuổi. AKA đã thọ đúng 2.400 năm rồi.

Vậy ta chặt tất cả những cái đuôi N mới mọc sau của tất cả các dân tộc có đuôi N. Như vậy Churu chỉ còn AKA, Chàm, Rađê, Giarai, chỉ còn KA, Nhựt Bản

chỉ còn SAKA vì cái đuôi N bị chặt thì cái đuôi A cuối không còn dính với danh từ được nữa. Nhựt Bốn mất trọn âm NA cuối.

Vậy còn lại:

Đa số: KA

Trung số: AKA

Thiểu số: SAKA

Ta tha thứ Thái vì họ là Mã Lai thuộc chi khác chứ không phải chi Lạc như các dân tộc kia. Họ nói BLA là được rồi, đừng làm phiền họ.

Chúng tôi mới ra tay cho một hiệp đầu mà bao nhiêu khách giang hồ đều trở về gần với tổ ấm rồi đó. Ra tay một lần nữa là thống nhứt hết cả, và sự đồng chủng có thể lòi ra một cách minh bạch.

Chữ S đầu của Nhựt Bốn và Q đầu của Kuy rất dễ loại, vì đã có tiền lệ chữ S đầu mọc thành linh. Thí dụ về danh từ LÁ, trong khi đại khối Mã Lai nói Lá thì ông Cao Miên đơn độc mọc ra cái đầu S.

Việt Nam: LÁ

Cổ ngữ Ba Thục: LẠ

Cổ ngữ Tây Âu: LÁ

Việt Nam: LÁ

Célèbes: HALA

Chàm: HALA

Sơ Đăng: HLA

Nam Dương: LAYU

Nhựt Bốn: HẠ

Cao Miên: SLAT

Ta có thể đặt S của Cao Miên thì ta cũng có thể chặt S của Nhựt Bản.

Vậy còn lại:

Đa số: LA

Trung: ALA

Vấn cứ còn một phần tử ngoan ngoãn và một phần tử phiến loạn. Phải giống nhau cả, hoặc phải có chứng tích rằng 1 trong 2 là gốc tổ thì ta mới xong phận sự. Nhưng ta chưa có chứng tích đó. Và ta tìm thử. Một câu chuyện bên Tàu có thể giúp ta biết sự thật vì dân Mã Lai, Nam Dương đã được biết là dân Việt ở Hoa Nam đời nhà Chu.

Câu chuyện này xảy ra tại Hoa Bắc, vào thời mà nước Sở đã thành lập rồi, tức không lâu hơn thế kỷ thứ 7 trước Tây lịch. Tuy nước Sở được thành lập do người Trung Hoa lãnh đạo, nhưng đa số dân chúng là người Việt, thuộc chi Lạc bộ Mã, và còn nói tiếng Mã Lai thuần túy. Ta biết như vậy vì có vô số danh từ của Sở, Ngô, Việt được Tàu phiên âm và so lại thì rất giống ngôn ngữ của Nam Dương. Nghĩa là không phải chỉ có Thất Mân mới là Lạc bộ Mã, mà toàn thể Hoa Nam đều là Lạc bộ Mã, trừ nước Tây Âu của chi Âu, tức của người Thái.

Trương Dung là một triết gia Tàu, mà các triết gia Tàu thì hay nói bóng nói gió.

Một hôm Trương Dung chỉ con chim hồng và nói với những triết gia đối lập với ông ta: “Cũng cứ con chim này mà dân nước Sở gọi là chim ẤT, dân nước Việt gọi

là chim PHỪ”.

Ý ông ta muốn nói rằng người đời bày đặt nói văn vẻ để che đậy sự thật, chỗ nội dung cũng chỉ thế thôi. Quân xâm lược không nói rằng mình xâm lược mà nói là đi khai hoá man di.

Câu chuyện triết lý ở Hoa Bắc đó, thế mà lại cho ta biết rõ ngôn ngữ Mã Lai vào khoảng năm 700 trước Tây lịch.

Hiện nay con chim hồng được dân Miền Dưới chỉ bằng hai danh từ: Burong sama và Aka kórapu.

Ông Tàu, vì có ngôn ngữ độc âm nên khi phiên âm, ông ta nuốt bớt âm của “Man di” và PHỪ đích thị là BURONG SAMA, còn ẤT đích thị là AKA KÓRAPU.

(Dân ta đã mất danh từ đó và mượn danh từ HỒNG của Tàu, không biết được ta biến dạng như sao, nếu ta còn giữ được ngôn ngữ một cách trọn vẹn.)

Không phải mỗi lần người Trung Hoa cổ thời phiên âm danh từ ngoại quốc, họ đều nuốt hết âm, chỉ chừa lại một, nhưng họ đã có làm như vậy, có lẽ đối với những danh từ và danh xưng quá rắc rối, mà AKA KÓRAPU thì khá rắc rối, còn họ thì sống trước thời Tây Chu, tức chưa văn minh cao như dưới các trào Đường, Tống, chưa quen với ngoại quốc bao nhiêu.

Vào giữa đời Hán, tức sau thời nước Sở được thành lập một ngàn năm, người Tàu đã văn minh hơn, đã quen biết với ngoại quốc nhiều hơn, thế mà họ cũng còn nuốt âm.

Họ vay mượn danh từ Manga của Phạn ngữ (trái

xoài) và nuốt âm A, chỉ còn lại MANG và Quan Thoại đọc là MÁNG, viết ra chữ, các cụ nhà nho đọc là MÔNG.

MANGA rất giản dị, họ đã giỏi hơn nhiều rồi, còn AKA KÖRAPU rắc rối hơn, họ lại kém hơn giữa đời Hán, thì cho rằng họ nuốt hết chỉ chừa lại âm ẤT, không có gì là gượng ép cả.

Thế thì AKA đã thọ 2.700 tuổi chứ không phải 2.400 tuổi. Nhưng có thể còn hơn thế kia, vì có thể IKAN đã được 1.000 tuổi rồi, và hơn 400 tuổi của IKAN chỉ là một thí dụ phát phơ của chúng tôi: nếu IKAN có 1.000 tuổi thì IKA phải có 2.000 tuổi và AKA ba ngàn tuổi, tức dân Sở đã nói AKA rồi, nước Sở mới được thành lập.

Tới đây thì ta đã vào ngõ cụt, chưa biết gốc tổ là KA hay AKA. Thế nên chúng tôi phải đối chiếu một tiếng nữa, nó là đại danh từ, và chúng tôi sẽ ngược về 5.000 năm trước và đi xa hơn trong không gian có thể được, để biết cái gốc tổ ấy, thật đúng nó ra sao.

(Chúng tôi tin rằng vua Hùng Vương nói AKA, chứ không nói KA và Việt ngữ, cũng như các ngôn ngữ gốc Mã Lai khác đều đa âm. Tại lưu vực Hồng Hà, ta bị nhiễm ảnh hưởng độc âm của Hoa ngữ và trở thành độc âm. Vua Hùng Vương đã nói AKA như người Khả Lá Vàng, là người đồng thời với vua Hùng Vương, nhưng vì lẫn trốn, họ không chịu ảnh hưởng ngoại lai, nên ngôn ngữ của họ không có biến.

Nhưng đó chỉ là trực giác, phải có chứng tích mới xong. Và biểu đối chiếu thứ nhì sẽ cho thấy rõ mọi việc)

Sơ Đăng:

A

= Tôi

LỘT TRẦN VIỆT NGŨ

Nam Dương:	A KU	= Tôi
Nhật Bản:	(WAT) A KU (SHI)	= Tôi
Khả Tu:	KU	= Tôi
Chàm Bình Tuy:	CAU	= Tôi
Việt Quảng Bình:	TAU	= Tôi
Radê:	KÂU	= Tôi
Việt toàn quốc:	TAO	= Tôi
Việt toàn quốc:	TÔI	= Tôi
Đa Đảo:	JA	= Tôi
Đa Đảo:	YA	= Tôi
Churu:	BLA	= Tôi
Chàm:	DAHLAK	= Tôi
Việt thượng cổ:	AI	= Tôi
Khả Lá Vàng:	AI	= Tôi
Lào:	ANH	= Tôi
Rôglai:	ANH	= Tôi
Mạ:	ANY	= Tôi
Thổ dân Trung Mỹ:	NI	= Tôi

Ở đây, mặc dầu cũng không dám dùng luật đa số, nhưng chúng ta không sao mà không trực giác rằng âm A là âm chánh, chớ không phải âm KU.

Chúng tôi xin nói rõ là TA và MÌNH do ngữ nguyên khác tạo ra, chớ không phải là A hay AKU gì hết, và chúng tôi sẽ có dịp nói nhiều về hai ngữ nguyên lạ ấy ở một nơi khác.

Ở đây các phần tử phiên loạn còn đông hơn ở biểu đối chiếu trước nhiều lắm! Tuy thế, gốc tổ lại dễ truy

ra hơn, vì có đường đi để ta đến đó, chứ ta không còn gặp ngõ cụt nữa.

Trước hết, chúng tôi xin trình ra chứng tích rằng hồi cổ thời dân ta nói Ai = Tôi, mà không có nói Tôi, Tao gì cả. Dấu vết còn rơi rớt lại thật rõ ràng trong Việt ngữ hiện kim.

Quý vị thử hình dung ra một đôi vợ chồng son trẻ, ở trong một căn nhà không có đệ tam nhân. Tối lại, người chồng mê đọc sách, người vợ hỏi:

“Gì mà nghe như có tiếng sủng hử anh?”

“Ai biết đâu?”

AI rõ ràng là: Nào TÔI có biết gì đâu, vì TÔI bận đọc sách. AI không thể nào mà chỉ đệ nhị nhân hay đệ tam nhân được.

Thế là một sự kiện đã được biết chắc: vua Hùng Vương nói hết như người Khả Lá Vàng, nói AI, chứ không nói TA, TÔI, TAO.

Và vua Hùng Vương cũng nói y hết như người Khả Lá Vàng về các danh từ khác, tức nói AKA, chứ không nói KÁ, tức Việt ngữ đã đa âm. Nó bị độc âm sau thời Mã Viện. Đây chỉ là một chứng tích. Chúng tôi sẽ có nhiều chứng tích khác ở Chương kế.

Trong chương này, ta bận tâm nhận diện gốc tổ Mã Lai hơn là gốc tổ của riêng Việt ngữ.

Giải quyết xong vấn đề AI thượng cổ của Việt Nam, ta xét đến đại danh từ của người Chăm. Người Chăm cho mọc một cái đầu rất dài là DAHL, có thể không phải là một cái đầu mà chỉ là đại danh từ của thổ

dân Mêlanê bị ghép vào với AKU rồi AKU mất đuôi U chỉ còn sót lại một mảnh là AK, nhưng âm A cứ là âm chánh chớ không là KU vì U đã biến mất.

Đa Đảo khi thì JA, khi thì YA, đối đầu, nhưng cứ kính trọng âm A. Churu cũng thế, Lào, Rôgai và Mạ cũng thế.

Xét đến Watakushi của Nhựt là sự thật lòi ra.

Tra từ điển Nhựt - Hoa, chúng tôi thấy họ dịch WAT là NGÃ tức WÒ của Quan Thoại, còn SHI được dịch là TƯ tức SHI của Quan Thoại, đọc đúng hơn Wò. Nhưng họ không có đọc sai WÒ đâu. Họ thường dùng chữ T để làm bức tường ngăn chặn giữa hai nguyên âm WÒ + AKU = WOTAKU. WOTAKU về sau mới biến thành WATAKU.

Đại danh từ ngôi thứ nhất của Nhựt thì là: Tôi Tôi Riêng.

Xin đừng thấy đó là kỳ khôi, bởi CHÚNG TA của họ là TÔI TÔI HAI ĐỨA, y hệt như ĐÔI TA của Việt Nam. Vậy thì TÔI là TÔI TÔI RIÊNG, là rất ổn.

Nhưng ta đã đi đến một phần sự thật rồi đây. Người Nhựt viết chữ như thế, nhưng khi đọc, họ nuốt âm. Nhưng họ nuốt âm KU mà không nuốt âm A. Thế thì đã thấy rõ âm A là âm chánh.

Âm A thì kẻ giữ được là người Sơ Đẳng. Nhưng không vì thế mà ta kết luận được rằng gốc tổ là A. Còn một kẻ nữa nói rất dị kì. Đó là thổ dân ở Trung Mỹ. Họ nói NI. Nếu không biết họ là ai, ta đã loại NI ra. Nhưng thổ dân Trung Mỹ được xác nhận là Mã Lai thì phải lòi

kéo họ vào hàng ngũ.

Riêng chúng tôi, chúng tôi biết họ gồm hai đợt Mã Lai y hệt như ở Việt Nam và ở Nhật, bằng khoa ngôn ngữ tỷ hiệu. Thí dụ họ có những danh từ của Lạc bộ Trãi di cư cách đây năm ngàn năm mà ta đã đánh mất, nhưng Nhật còn giữ được.

Momo = cây đào

Tobi = chim ưng

Ta không phải suy nghĩ lâu, cũng biết NI do đâu mà ra. Đó là một mảnh của ANY của người Mạ.

Có ANY rồi thì người Sơ Đăng và thổ dân Trung Mỹ mới tách đôi ra, một đàn mang A đi Tou Ma Rong, một đàn mang NY đi Trung Mỹ và biến thành NI.

Nhưng xin đừng tưởng rằng Mạ là gốc tổ. Ở đa số các biểu đối chiếu ta sẽ thấy rằng kẻ thủ vai trò đầu đàn là người Sơ Đăng chứ không phải người Mạ.

Vậy ANY là đại danh từ đã có từ thuở Lạc bộ Trãi di cư, tức cách đây 5 ngàn năm, theo tiền sử học. Nhưng có thể trước đó còn khác hơn. Nhưng ta chỉ có thể đi xa tới 6 ngàn năm là cùng, không đi xa hơn được, và có thể ANY đã được 1000 tuổi rồi, mới bị tách làm đôi.

PHỤ CHÚ

Xin thận trọng về luật Swadesh. Có những danh từ lì lợm và không bị biến dạng. Luật Swadesh có đúng, nhưng cũng có chỗ không đúng, thí dụ như những danh từ cứng đầu thì ông không nói đến. ANY là danh từ khá cứng đầu vì theo ước lượng của chúng tôi thì nó có thể thọ 6 ngàn năm rồi, đáng lý toàn thể danh từ đều biến

dạng hết, nhưng nó thì còn.

Xin đừng ngộ nhận là ta chỉ mới bắt chước Chăm mà biến CAU thành TAU thuở ta nam tiến tới Quảng Bình. Biểu đối chiếu phải trình bày như vậy, để cho thấy rõ xâu chuỗi biến dạng: TÔI do TAO, TAO do TAU, TAU do CAU, CAU do AKU chứ không hề hàm ý thời điểm và nơi chốn. Có thể TAU đã biến dạng tại lưu vực Hồng Hà một ngàn năm trước khi xuống Quảng Bình vì ở Bắc Việt cũng có Lạc bộ Mã đến ở trợ với vua Hùng Vương 500 năm trước Tây lịch. Đó là tổ tiên của người Mường và thuở ấy Mường nói hệt như Chăm.

CHƯƠNG II

VIỆT NGỮ ĐA ÂM TRƯỚC MÃ VIỆN

Ta đã thấy rằng vua Hùng Vương, Hai Bà Trưng không nói Tôi, Cá, mà nói AI, AKA, và nếu ta biết rằng luật Swadesh đúng, thì ta không phải ngạc nhiên nữa.

Nhưng ta cần thêm chứng tích. Việt ngữ nằm trong đại khối Mã Lai ngữ, mà các nhà ngữ học đều cho rằng Mã Lai ngữ đa âm vì ảnh hưởng Ấn Độ tại Nam Dương thì làm thế nào mà Việt ngữ ở lưu vực Hồng Hà, không thọ lãnh ảnh hưởng Ấn Độ, lại đa âm được.

Chúng ta sẽ thấy rằng Mã Lai ngữ đã tự động đa âm hoá trước khi một số người Mã Lai di cư đi Nam Dương, ngược hẳn với quan niệm thông thường. Thế thì Việt ngữ cũng có thể tự động đa âm hoá được. Về chủ trương này, tưởng không cần phải chứng minh. Ta nói CÁM ƠN là nói tiếng Tàu. Người Khả Lá Vàng nói tiếng Việt cổ thời là TÔWAYKÔ, tức nói với tam âm. Một số người Đa Đảo cũng nói Tôwaykô. Đó là kẻ đã nói Ai, nói AKA.

Nhưng ta cần càng nhiều chứng tích càng hay. Ta thử nghiên cứu biểu đối chiếu dưới đây:

LỘT TRẦN VIỆT NGỮ

Việt Nam:	XINH
Ra Đê:	MSIN
Đa Đảo:	SINI
Miền Dưới:	ASAM ASIN
Chàm Bình Tuy:	SAM
Nhật Bản:	SHAN

Theo nghĩa đen thì Asam Asin chỉ là CHUA MẶN. Tính từ kép của Miền Dưới được dùng theo nghĩa bóng. Nhan sắc Chua Mặn là nhan sắc dễ ưa, tức XINH.

Các cô Sài Gòn thích ăn cóc ngâm nước muối, các cô gốc Hà Nội thích ăn ô mai thì phải chăng của Chua Mặn là của dễ ưa?

I - Các dân tộc đều đọc âm hoá cái tính từ vừa kép vừa nhị âm này và chỉ nói Mặn mà thôi, người Nam Dương thì còn giữ đúng hai từ.

II - Chàm Bình Tuy và Nhật biến cái Phonème SIN khác xa Phonème gốc nó phải là ASIN, SIN, hoặc XINH hoặc SINI.

III - XINH của Việt Nam và SHAN của Nhật Bản đã bị quên nghĩa đen, còn các dân tộc khác thì còn nhớ cả hai nghĩa.

IV - Tại sao Việt và Nhật lại quên? Vì họ tân tạo hai tính từ mới để diễn nghĩa đen là MẶN và SHIO và danh từ mới được dùng lối 200 năm là danh từ cũ chỉ còn mang nghĩa bóng.

V - Tại sao họ lại tân tạo tính từ thứ nhì? Vì một tính từ chỉ hai ý niệm thì không hay, thường gây rắc rối. Riêng Việt Nam, tân tạo MẶN rồi thì lại tân tạo MẶN

MÀ nữa, và cũng cứ dùng tỉnh từ mới theo nghĩa bóng, có lẽ Mận Mà còn non tuổi cho nên ta chưa kịp quên nghĩa đen của Mận Mà.

Chúng tôi nói rằng Việt và Nhựt quên nghĩa đen của XINH và SHAN, chắc không ai tin. Nhưng ở cuối Chương quý vị sẽ thấy rõ là dân tộc nào cũng đã quên hàng ngàn danh từ cổ của họ. Việt Nam may mắn nhất thế giới là đại khối Mã Lai còn giữ được và tục ngữ ca dao ta còn nằm đó để làm chứng. Hễ trong tục ngữ ca dao có danh từ nào ta không hiểu thì ta cứ học các sinh ngữ quanh ta là hiểu ngay. Thí dụ không còn ai biết BÍT là gì nữa, cả trong câu tục ngữ MẮN SON BÁT BÍT. Nhưng còn hai trăm triệu người đang dùng mạnh danh từ đó. Đó là danh từ Mã Lai BIKÁ có nghĩa là SỮ. Đồ SỮ là tiếng Tàu mà ta vay mượn sau Mã Viện rồi quên Bít đi. Đó là luật Swadesh. Không có Mã Viện, ta vẫn quên một số danh từ như thường.

Cái may là các dân tộc gốc Mã Lai không quên giống nhau, hễ Nam Dương quên thì ta nhớ, ta quên thì Nhựt nhớ, nhưng ta may hơn họ là ta có học ngôn ngữ của họ còn họ thì không học ngôn ngữ của ta. Hiện ta rất bí về BÚA trong CHỢ BÚA. Nam Dương thì biết Búa là gì. Trái lại họ rất bí về CON CHIM MÚA (con Công) bởi họ đã mượn động từ Múa của Mã Lai. Nhựt Bồn lại rất bí về KI trong KIMONO, nhưng ta thì biết KI là gì. Ta rất bí về MAY trong MÁU MAY, nhưng Nhựt Bồn biết rõ MAY là gì.

Nhưng đó là chuyện về sau. Xin trở lại điều đối chiếu. Ta nghiên cứu tỉnh từ Asam. Asam là Chua, như đã nói

(xưa kia ta cũng có Asam, nhưng ta đánh mất. Nam Dương còn giữ được cả hai Asam và CHUKA). Nhưng thật ra thì hồi cổ thời, nó chỉ là SAM. (Xin đừng lẫn lộn Sam này với SAM của Chàm Bình Tuy có nghĩa là Mặn).

A chỉ là tiếp đầu ngữ mới được thêm sau.

(A) sam = Trái chua

(Ma) sam = Giấm chua

(Ba) sam = Sữa chua (Yaourt)

Mỗi món chua, mỗi mang một tiếp đầu ngữ khác nhau. Thế thì Mã Lai ngữ xưa kia chỉ là độc âm. Việt ngữ cũng thế. Nhưng nó đa âm từ thời nào, có phải chăng là vì ảnh hưởng Ấn Độ?

Chúng tôi giải quyết rằng nó đa âm thuở dân Mã Lai chưa di cư đi Nam Dương. Ta nghiên cứu lại tính từ ASAM ASIN thì rõ. Họ nói ASAM ASIN, nhưng họ cũng nói ASAM GARAM. Garam là Muối. Nhan sắc chua mặn hay chua muối, cũng thế thôi.

Biết danh từ MUỐI của họ rồi, biết thêm văn phạm của họ nữa thì một sự kiện vô cùng quan trọng sẽ lộ ra. Muốn diễn cái ý niệm BỎ THÊM MUỐI VÀO, họ không nói BUBỎ GARAM (Bubỏ = Bỏ thêm vào), mà thêm tiếp vĩ ngữ I, hoặc UI, nó hoá ra là GARAMI, hoặc GARAMUI.

Nếu họ đi Nam Dương rồi mới đa âm hoá thì ta đào đầu cho ra vĩ ngữ MUI để giữ lại hầu biến thành MUỐI, sau khi ta bị Mã Viện độc âm hoá?

Hình như quý vị không tin lối giải thích đó. Chúng tôi xin giải thích một cách khác nữa.

Người Chăm đã tự động và tự lực đa âm hoá từ lâu đời lắm rồi. Họ có tiếp đầu ngữ MÔM, MÔNG có nghĩa là LÀM và bị ta vay mượn, biến thành MẮN: *"Mi nói rứa, ta biết mần răng bây chừ?"*

Có lẽ quý vị lại bác: "Chính người Chăm cũng thọ lãnh ảnh hưởng Ấn Độ từ đầu Tây Lịch".

Chúng tôi chỉ mong cho quý vị bác như thế để đưa luận cứ lớn ra. Người Chăm Bình Tuy nói độc âm. Từ hai ngàn năm nay, ảnh hưởng Ấn Độ thừa thì giờ để tới Bình Tuy chớ không phải chưa kịp xuống Bình Tuy. Thế thì có phải chẳng là ảnh hưởng Ấn Độ hoàn toàn không chi phối ngôn ngữ Chăm? Trong biểu đối chiếu, chúng tôi cố ý dùng danh từ Bình Tuy là SAM để quý vị thấy ngay rằng người Chăm Bình Tuy nói độc âm. Bao nhiêu âm của Chăm, đều bị Chăm Bình Tuy nuốt hết, chỉ chừa lại một âm độc nhất, bất kể ảnh hưởng Ấn Độ.

Người Chăm Bình Tuy không phải là người Chăm chẳng? Đúng thế vì biên giới Chiêm - Phù Nam nằm tại Bắc Khánh Hoà Nhưng cả Phù Nam lẫn Chăm đều là Lạc bộ Mã, nói y hệt với nhau và đều thọ lãnh ảnh hưởng Ấn Độ cùng lúc với nhau. Quốc tịch chẳng liên hệ gì với vấn đề. Vấn đề là có ảnh hưởng Ấn Độ hay không và ảnh hưởng đó có chi phối ngôn ngữ hay không?

Người Cao Miên cũng cùng chung số phận với người Chăm, những ngôn ngữ có bao giờ đa âm hay không?

Ta có thể kết luận mà không sợ sai lầm rằng một số người Mã Lai đã tự động và tự lực đa âm hoá ngôn ngữ của họ trước khi họ di cư đi Nam Dương. Việt ngữ

ở trong khối đó, nên vua Hùng Vương mới nói AI, AKA, TÔWAYKÔ.

Hiện tượng sau đây trong Việt ngữ cũng là một chứng tích hùng biện tiết lộ tánh cách đa âm của Việt ngữ trước Mã Viện. Tất cả danh từ kép của ta đều gồm hai từ đồng nghĩa với nhau, không khác một nét.

Nhiều học giả, nhiều nhà văn phạm cứ chủ trương rằng từ thứ nhì trong danh từ, tính từ kép của ta hoàn toàn vô nghĩa, chỉ thêm chơi cho êm tai. Thí dụ CÂY CỐI, MÚA MAY vân vân.

Ta quên hàng ngàn danh từ cổ. Khi ta lật quyển *Tục ngữ phong dao* của Nguyễn Văn Ngọc thì ta thấy có vô số danh từ mà ta không hiểu, như MÂM SON BÁT BÍT đã viện dẫn đến khi này.

Có quả thật CỐI vô nghĩa hay không trong CÂY CỐI? Không. Chùng Mã Lai có hai danh từ chỉ CÂY.

Khả Lá Vàng: KI

Mạ: KI

Nhứt Bốn: KI

Việt Nam: CÂY

Miền Dưới: KÂYU

Đa Đảo: KAIWI (ĐẢO FUGUSON)

Ra dê: KIÂO

Nhưng đồng thời họ cũng có:

Ngô, Việt, Sở: BÔ CỐC

Miền Dưới: BÔ CỐC

Việt Nam: CỐI

Nhứt Bốn: BÔKU

Đa Đảo:

BUKÔ

Vậy CỐI chỉ là Cây, không hề vô nghĩa bao giờ hết và nó là danh từ thứ nhì của chủng tộc.

MAY cũng không vô nghĩa. Trong Nhựt ngữ MAI (I cụt) đích thị là MÚA. Và MÚA MAY cũng có nghĩa hẳn hoi. Nhưng MAY còn nằm trong ngôn ngữ ta, mặc dù ta không dùng động từ MAY nữa. Gió HEO MAY, là gió gì? HEO là biến dạng của HIU (hắt) còn MAY là MÚA. Gió đó LÀM MÚA cây cỏ dữ lắm, bằng vào câu tục ngữ: *"Gió heo may chẳng mưa thì bão."*

NỘI là gì trong ĐỒNG NỘI? NỘI cũng chưa biến mất, nhưng tuổi trẻ ngày nay tuyệt đối không biết, nếu họ không có đi học, không có nghiên cứu truyện Kiều.

NỘI chỉ là ĐỒNG mà thôi. Đó là danh từ của Lạc bộ Trãi, được dùng mạnh ở Nhựt Bản, dưới hình thức là NÔ còn ở xứ ta thì hầu gần như bị quên.

Danh từ cũng có đời sống như sinh vật, có sinh, bịnh, lão, tử, thế nên mặc dầu không bị ảnh hưởng ngoại lai, cũng có thể mất, bằng chứng là Nguyễn Du chỉ mới đây thôi, thế mà người đã dùng mạnh danh từ NỘI, còn ta thì đã hết dùng danh từ đó rồi.

Nhưng Tây lại không hề bắt ép ta bỏ danh từ NỘI. Chính luật Swadesh đã chi phối tất cả. Khi chúng tôi nói rằng ta bị độc âm hoá sau Mã Viện là chúng tôi chỉ mượn thời Bắc thuộc để chỉ thời điểm chứ không có ý gì đổ lỗi cho Mã Viện cả đâu. Và lại Mã Viện chỉ có mặt mấy năm rồi đi mất thì làm sao kịp thi hành biện pháp sâu rộng nào. Nhưng quả ta đã bị nhiễm ảnh hưởng

độc âm của người Tàu khi ta tiếp xúc lâu dài và nhất là theo học với họ.

Nhưng tổ tiên ta đã nhiễm bệnh nhưng vẫn còn nhờ dấu tích tiền nhơn mà họ hoài cổ khi họ tạo ra danh từ kép để nuôi nấng cái ảo tưởng rằng họ còn đa âm như trước đó.

Một danh từ gồm hai từ hoàn toàn đồng nghĩa là một chế tạo rất vô lý. Nhưng tổ tiên ta không vô lý. Họ chỉ tạo ảo tưởng đa âm khi chợt thấy là họ bị độc âm, và chợt ngậm ngùi nhớ xưa.

Không còn ai biết NHỎ NHOI là gì cả. Nhưng những người thạo tiếng Thái thì hiểu, nếu họ chịu nghiên cứu. NOI là NHỎ trong Thái ngữ. Chẳng còn ai biết SÁ là gì trong ĐƯỜNG SÁ. Nhưng khi ta nói ĐÀNG SÁ thì Nam Dương nói TÀNG SÁNA. Sána là hướng, là phía của con đường.

Chẳng còn ai biết BÚA là gì cả trong CHỢ BÚA nhưng Miền Dưới biết rất rõ. BÚA là HỔ trong giá cả. Chợ búa là nơi con người thường mua hớ.

Chúng tôi bắt được dấu vết độc âm hoá của Việt ngữ, nó gồm năm phương pháp sau:

I) Ta tách đôi một danh từ Mã Lai ra làm hai âm khi nào danh từ đó mang hai nghĩa. Thí dụ KAYA, Kaya được người Miền Dưới dùng với cái nghĩa là LỚN như BIỂN CẢ, NGHIỆP CẢ, và GIÀU.

KA/YA = Cả + giàu

Với KA, ta chỉ thêm dấu hỏi. Nhưng với GIÀU thì ta thêm cả một nguyên âm U. (Về phương diện Phonème

thì YA giống hệt GIA nên kể như YA không bị biến dạng).

Chúng tôi cho rằng ta nói tiếng Mã Lai đúng hơn người Chăm, không ai tin cả, kể cả người Chăm cũng không tin. Nhưng trong Chăm ngữ thì KAYA là QUẢ BÁNH chứ không có gì là CẢ là GIÀU hết như trong Mã ngữ và Việt ngữ. Còn giàu của Chăm là MƠ TÀ.

Trái lại ta với Nam Dương thì đã giống hệt nhau ở KAYA lại giống hệt nhau ở Quả:

Việt Nam: Quả

Nam Dương: Kúe

II) Ta tách đôi một tiếng Mã Lai để làm một danh từ Kép mà từ thứ nhì hoàn toàn vô nghĩa vì danh từ Mã Lai ấy chỉ mang có một nghĩa. Thí dụ KUYU.

KU/YU = Cù Dù = Buồn thảm

Tuy nhiên rồi ta vẫn cố cho nó một nghĩa,

KU/YU = Cú Vọ

Chúng tôi không bao giờ thấy con Vọ. Vài cụ tả thì ra đó là con chim mèo (Chat huant) và Vọ chỉ được sáng tác bằng quơ rối gán đại cho một con chim đã có tên rồi.

III) Ta tách hai một danh từ Mã Lai và lần này thì ta không còn làm sao mà gán từ thứ nhì cho ai được nữa, ta đành để nó vô nghĩa thực sự. Thí dụ: LỒ LÀ.

Lo/lai = Lơ là (là vô nghĩa)

IV) Ta nuốt hết tất cả mọi âm của Mã Lai khi nào danh từ mang ba âm sắp lên và chừa lại một độc nhất:

Kómarau = Ráo

Kóma đã bị nuốt chửng, chỉ còn lại cái đuôi Rau (Ráo).

Tombikar = đồ sứ

Tơm và Kar bị nuốt chửng chỉ còn lại khúc giữa BIK
(BÍT - mâm son, bát bát)

V) Ta dịch khi nào danh từ Mã Lai là một danh từ kép mà trong đó gồm hai từ chung cho Trãi và Mã. Cái từ riêng ấy bị ta thay bằng một từ riêng của Trãi. Đây là trường hợp ngộ nghĩnh hơn hết trong các phương pháp độc âm hoá.

Thí dụ danh từ SOAN (cây soan). Danh từ ấy dưới thời Hai Bà Trưng không có giản dị như thế đâu.

Trong quyển *Tục ngữ phong dao*, ông Nguyễn Văn Ngọc ghi câu tục ngữ sau đây: "*Ăn cây táo rào cây soan đâu*" rồi thì ông đánh một cái dấu nơi chữ ĐẤU, chưa ở dưới là ĐÀO. Thế nghĩa là ông đã quên ĐẤU là gì, và chưa như vậy là một lối giải thích riêng của ông. Nhưng đáng kính ông lắm là ông đã ghép ỹ như đã nghe thiên hạ nói chứ không tự ý sửa đổi. Nếu ông đã sửa đổi thì từ năm sách này ra đời đến nay, 40 năm đã qua rồi, chưa chắc câu tục ngữ ấy còn được ai nói đến nữa và dấu cũ đã bị xoá.

Nhưng dấu cũ còn và ta sẽ biết SOAN ĐẤU là cái gì. Chữ ĐẤU đã bị miền Bắc sửa lại là ĐẤU (chung lưng đầu cật) Nhưng nếu miền Bắc không sửa, còn nói là ĐẤU như miền Nam, thì cũng không ai biết SOAN ĐẤU là gì. Nhưng học tiếng Nam Dương rồi thì biết cây soan, Nam Dương gọi là : KAYU ĐOAN MAMBU.

MAMBU là Nhỏ và ĐẤU LẠI (Feuilles composées) vì có một loại soan có lá như thế. Còn Đoan là danh từ

thứ nhì của chủng Mã Lai, chi LÁ, mà ta đã đánh mất.

Vậy *cây soan đầu là cây lá nhỏ và đầu (đầu) lại*. Ta biến KAYU thành CÂY, ĐOAN thành SOAN, MAMBU là tính từ riêng của Lạc bộ Mã, nên ta không dùng, mà dịch là ĐẦU, ĐẦU có nghĩa tương đương với MAMBU.

Nhưng khi SOAN đã bị quên rằng là LÁ thì không còn ai biết ĐẦU, ĐẦU là gì nữa hết, cho dầu nó ở dưới hình thức nào đi nữa.

(Tên của loại cây ấy có một lịch sử rất ngộ nghĩnh qua ba hình thức sau đây:

Cao Miên: So Đau

Miền Nam: Sầu Đầu

Miền Trung: Sầu Đông

Vậy, ai học của ai? Thấy rõ là Cao Miên đã học của Việt Nam, hay của Phù Nam hồi cổ thời vì Phù Nam có ngôn ngữ như Nam Dương. Ta biết được rằng chính họ đã học vì hai tiếng So Đau của họ chẳng có nghĩa gì dính líu đến LÁ và ĐẦU cả. Đó là họ mượn âm đọc chứ không phải dịch mà cũng không phải là đồng gốc.

Nhưng miền Trung và miền Nam thì rõ là đã học của Cao Miên, vì SOAN ĐẦU không thể biến thành SẦU ĐÔNG, SẦU ĐẦU, mà SO ĐAU của Cao Miên thì có khả năng đó.

Chúng tôi tạm xem như Cao Miên học của Phù Nam, còn miền Trung thì học của Cao Miên; qua đèo Mụ Già, hồi nước Cao Miên còn ở Trung Lào).

Dân ta đã quên Việt ngữ hết. Chúng tôi đối chiếu PRI của Mạ và Rừng của ta, trong quyển sử, đã bị công kích dữ. Nhưng cứ lật Nguyễn Văn Ngọc mà xem:

Miếng tu hú ăn lơ rú lơ ri.

Phải chăng RI là tiếng Việt cổ có nghĩa là Rừng?

Chúng tôi cho rằng VĂN LANG do CAU SỘC mà ra, cũng bị chê là nguy hiểm. Nhưng tại sao MO CAU không gọi là Mo Cau mà gọi là MO NANG? Vì tổ tiên ta gọi Cây Cau là Cây Nang. Danh từ Cau chỉ mới có đây thôi vì luật Swadesh.

Thương Việt: PƠNANG

Chàm: NÂNG

Nam Dương: PINANG

Cổ Việt: NANG

Còn sọc thì

Nam Dương: BỐ LANG

Thương Việt: VLANG

Nam: VĂN

Bắc: RẦN

Ta biến thành

Văn Lang: Nang Vlang = Cau Sọc

Bị các nhà nho cho ký hiệu *Con trai xâm mình*.

Cứ lật Nguyễn Văn Ngọc ra là học được hàng tá danh từ Mã Lai, Nhật Bản, Trung Mỹ.

Cô kia có tính dờ hơi

Nấu cơm ra cháo, nấu khoai ra bù.

Chẳng ai biết BÙ là gì cả kể cả *Tự điển Khai Trí Tiến Đức*. Bù là cháo. Cháo là tiếng Tàu nó đã đẩy Bù ra khỏi Việt ngữ sau Mã Viện, nhưng Bù cứng đầu, di cư vào Trung và Nam dưới hình thức Bồi = Cháo đặt.

Mạ: PÒ

Churu:	PÒ
Lào:	PÒ
Kôhô:	PÒ
Sơ Đăng :	HÒ
Cao Miên:	BOBO
Nam Dương:	BÙBO
Nam Việt:	(CHÁO) BỒI

Nguyên nhưn làm mất ngôn ngữ chỉ xảy ra ở Bắc Việt dưới thời Lê Trịnh. Lưu dân đi Trung, đi Nam cứu vẫn được khá nhiều danh từ mà GHE là một.

Có người đưa ra câu hỏi sau đây: “Tiếng ta vốn đa âm, nhưng đã bị chặn đứng sau Mã Viện. Bây giờ có nên tái khởi hành cho nó đa âm trở lại hay không?”

Câu hỏi này, tưởng không nên đặt ra vì quyền lực ở trong tay dân chúng, chứ không ở trong tay ta. Nếu họ muốn thì họ cứ cho đa âm, bằng không, ta không làm sao mà bắt ép họ được.

Nhưng chủ trương sau đây thì nên chặn đứng: Bỏ gạch nối liền, viết dính các danh, động, tính từ kếp lại.

Ta nên chặn đứng nó vì nó sẽ làm cho ta bối rối lắm, không còn biết đầu đuôi ra sao nữa, trong vài chục năm tới, cái hoạ mà hiện Nhựt đang mắc phải.

Ta thấy, mặc dù có những danh từ viết dài, người Nam Dương không bao giờ viết dính các danh từ ngắn của họ. Thí dụ: XÀO XẠC thì cứ là SOK-SEK; CHUA MẶN thì cứ là Asam Asin, để còn biết ngữ căn ở đâu. Họ làm y hệt như Tây, dùng tiếp đầu ngữ, tiếp vĩ ngữ, nhưng chỉ có vài cái như Pháp. Thí dụ Pháp có tiếp vĩ

ngữ ABLE chỉ sự có thể được thì Nam Dương có AN, dùng hoài hoài, trong mọi trường hợp:

Makan = Ăn

Makan + an = Ăn được

Thế nên nhìn vào một từ dài là họ biết ngữ căn ra sao rồi.

Nhật Bốn thì trái lại, làm hết như đề nghị của Việt Nam trên kia, nên giờ có lắm tiếng dài họ quên mất nghĩa của các phần tử hợp thành.

Thí dụ trong Nhật ngữ, cần lấy động từ Makan mới xong. Nhật đã đánh mất động từ ấy của họ, chỉ còn giữ được trong môi trường hợp độc nhất là MAKAN - AI có nghĩa là THỰC PHẨM. Nhưng AI lại không phải dùng hoài hoài để chỉ phẩm chất, thành thử nhìn vào MAKANAI họ không biết nó do đâu mà ra nữa. Đó là hai từ Makan và Ai bị viết dính, và khi quên nghĩa của một, thì chẳng biết nghĩa của từ khác.

Trường hợp điển hình là hiện họ đang bí về phần tử KI trong KIMONO, y hệt Việt Nam bí về BÚA trong CHỢ BÚA, và Nam Dương bí về MÚA trong con CHIM MÚA.

Họ biết MONO là MÓN, nên họ dịch ra tiếng Tàu là Vật. Thế thì KIMONO là hai từ rời được viết dính, nhưng không theo luật nào cả nên họ quên mất KI là gì, và dịch càn là MẶC. MÓN MẶC thì rất ổn, nhưng đó là dịch vì đoán hiểu chớ không phải vì biết, vì ở các chữ KI rời, không hề có chữ KI nào được dịch là MẶC hết vì cái lẽ dễ hiểu rằng KI không bao giờ có nghĩa là MẶC trong Nhật ngữ.

Nghiên cứu ngôn ngữ của Lạc bộ Trãi xong, ta mới biết KI là gì. Tất cả âm AI của Lạc bộ Trãi đều biến thành âm I của Nhựt:

Cây = Ki

Trái = Ki

Vậy KI trong KIMONO, chỉ có thể là Cài (nút)

Tại sao lại là Món Cài (nút)? Ai biết đâu! Có lẽ trước khi KIMONO được phát minh, loại áo xa xưa hơn được cột bằng dây chằng?

Đó là chúng tôi đoán hiểu vì thấy từ điển Nhựt bối rồi vì quên nghĩa của KI. Những chữ KI rồi không bao giờ được dịch ra tiếng Tàu là TRƯỚC tức MẶC, thế mà thành linh KI trong KIMONO được dịch là Trước Vật = Món mặc thì hơi khó chấp nhận.

PHỤ CHÚ

Chùng Mã Lai có tính từ thứ hai để chỉ sự chua mà vài học giả Việt Nam cứ cho là mượn của Tàu. Nhưng TSÚA của Quan Thoại chỉ là Giấm, CHUA của họ là TOAN mà họ đọc là XỐL hoàn toàn không dính líu tới CHUA của Mã Lai:

Việt Nam: CHUA

Nam Dương: CHUKA

Sơ Đăng: CHÔU

Cao Miên: MÔCHU

Nhựt Bổn: SUI

Nhựt đã mượn TSÚA của Quan Thoại và đọc là SU = Giấm, mượn XỐL và đọc là SAN = Chua, nhưng SUI là tính từ Mã Lai mà họ còn giữ được.

CHƯƠNG III

NHỮNG ĐẢO ÂM NỘI BỘ TRONG CHUNG MÃ LAI

Chương này vẫn cứ nghiên cứu về ngôn ngữ, nhưng nó sẽ đưa ta về dân tộc học, và chúng tôi phải điền đầu với những nhận xét sau đây, không còn biết kết luận ra sao cho ổn, nên chỉ giải thích theo chủ quan và đợi người khác rút tĩa ra từ đó những kết luận về chủng tộc học cần thiết.

I - Những âm AU của Nhựt Bốn đều biến thành âm UA của Việt Nam, và ngược lại:

Nhựt	Việt
IRAU	RỬA
MAU	MỬA
KAU	MUA
NAO	NỬA
NIAO	VỪA (VẶN)

Không phải luôn luôn biến như vậy thí dụ CÂY SÀO thì cứ là SAO, nhưng thường biến như vậy và hễ có biến là theo cái luật trên. Luật đó, đúng cho tất cả các nhóm Mã Lai khác đối với Việt Nam, chớ không phải chỉ đúng cho Nhựt Bốn. Thí dụ:

BÁU	LÚA
RAU	RỪA (DỪA)

Sơ Đăng	Việt
----------------	-------------

CHÔU	CHUA
------	------

Mạ và các phụ chi Việt

LAU	DỪA
-----	-----

RAU	RỪA
-----	-----

KA LAUUA	CÁ LẤU (CHẠCH LẤU)
----------	--------------------

Nhưng kỳ lạ thay, đối với Nam Dương thì ta không có biến, mặc dầu người Thượng là Lạc bộ Trãi, tức thẳng dòng với ta hơn, còn Nam Dương là Lạc bộ Mã, tức không thẳng dòng.

Nam Dương Việt

KURA	RỪA
------	-----

SUA	(ĐỒNG) THOÀ
-----	-------------

PUA	THOẢ
-----	------

SUAI	THÓI
------	------

Nhìn vào các bảng đối chiếu trên, ta thấy Nhựt giống hệt Thượng Việt.

Thượng Việt:	KI	(CÂY)
--------------	----	-------

Nhật Bốn:	KI	(CÂY)
-----------	----	-------

Mạ:	RAU	(RỪA)
-----	-----	-------

Nhật Bốn:	ARAU	(RỪA)
-----------	------	-------

Khả Lá Vàng:	KITA	(HƯỚNG BẮC)
--------------	------	-------------

Nhật Bốn:	KITA	(HƯỚNG BẮC)
-----------	------	-------------

Thoạt nhìn, có người sẽ cho rằng không có gì là lạ,

trừ Radê và Giarai, còn thì toàn thể Thượng Việt đều là Lạc bộ Trãi hết vì toàn thể nói CHƠN, Radê, Giarai và Chăm nói CẶNG. Còn ở Nhựt thì là Mã Lai hỗn hợp Trãi + Mã y hệt như ở lưu vực Hồng Hà. Thế thì Nhựt có giống Thượng Việt là chuyện dĩ nhiên.

Nhưng không dĩ nhiên chút nào hết vì ta là Lạc bộ Trãi đa số thế mà lại khác Thượng Việt và giống Lạc bộ Mã là Nam Dương.

Về danh từ thì ta giống Thượng Việt hơn, nhưng về âm AU thì như thế đó. Đây là một cuộc đi sâu vào môn đối chiếu ngôn ngữ, chớ nếu chỉ dừng chân tại các cuộc đối chiếu phớt qua, không thể thấy được chi tiết này.

Chúng tôi thử giải thích, nhưng không lấy gì làm chắc thật chắc đến một trăm phần trăm. Trước khi di cư đi Nam Dương một nhóm Lạc bộ Mã rất lớn đã sống chung với ta tại lưu vực Hồng Hà, mà không có lên Cao Nguyên. Họ còn để lại hậu duệ là người Mường.

Ta chịu ảnh hưởng của họ về sự đảo âm AU thành UA, còn người Thượng vốn Lạc bộ Trãi như ta thì lại thoát.

Thí dụ Cây Dừa thì trước khi bọn Lạc bộ Trãi đến ta vẫn gọi là DAU y như Thượng Việt, Lúa, ta gọi là LAU, RỪA ta gọi là RẬU, v.v.

Không thể nói là họ chịu ảnh hưởng của ta vì chỉ có một nhóm là có ở lưu vực sông Hồng Hà, mà toàn thể Nam Dương, Mã Lai Á, Phi Luật Tân đều nói giống nhau về điểm đó. Nếu họ chịu ảnh hưởng của ta thì cái khối kể trên không thể giống nhau như thế được, bởi đa số không chịu ảnh hưởng, còn kẻ chịu ảnh hưởng

thì lại quá ít.

Nhưng giải thích như vậy xong rồi, tạm ổn rồi thì vấp phải điều này là Nhựt không biến luôn luôn như vậy mà chỉ biến có nửa chừng thôi. Thí dụ:

Nhựt

Việt

Sitxuua (Setsewa) Tích xưa

Nói một cách khác, ta chịu ảnh hưởng của Lạc bộ Mã nhưng chỉ chịu có nửa chừng, còn một phần thì cứ giống Lạc bộ Trãi vì Xưa là danh từ của Lạc bộ Trãi chắc một trăm phần trăm, mà Lạc bộ Mã không có.

(Cả hai Việt và Nhựt đều mượn TÍCH của Tàu. Ở Nhựt bọn Lạc bộ Trãi đã thua trận và bị Lạc bộ Mã lãnh đạo từ hai ngàn năm nay, khác hẳn ở Việt Nam là vua Hùng cứ vững ngôi.)

Nhựt có hai danh từ để chỉ hai văn thể thì đều là danh từ của Lạc bộ Trãi:

Tích xưa = Sitxuua (Setsewa)

Món xưa = Xuuamônô (Sewa mono)

Văn thể thứ nhứt chỉ chuyện cổ tích, còn văn thể thứ hai là một loại kịch chuyên diễn tuồng phong tục.

Quả xưa kia bọn Lạc bộ Trãi đã dùng XUUA để chỉ phong tục nữa, chớ không phải chỉ chò chuyện cổ không mà thôi, có lẽ đó là nghĩa rộng của CỔ. Người Sơ Đẳng còn giữ được danh từ XUUA có nghĩa là Phong Tục dưới hình thức XRUA.

Hai danh từ đó, cho thấy vai trò văn hoá của Lạc bộ Trãi ở Nhựt rất lớn lao, thành thử âm UA không lẫn âm

AU được trong toàn thể Nhựt ngữ.

Có hơi kỳ khôi là ở Việt Nam Lạc Mã đã chịu thần phục vua Hùng Vương thuộc Lạc Trãi, nhưng Lạc Trãi lại bị truyền nhiễm âm độc.

Chúng tôi giải thích như vậy, nhưng không dám tin cho lắm là đã giải thích đúng. Có cái gì trục trặc trong vấn đề dân tộc vì vấn đề đảo âm UA này, rất khó mà truy ra manh mối, nó không được xuôi chèo mát mái là Trãi Việt Nam lại giống Mã mà khác Trãi Thượng.

Có thể nào mà các đời vua Hùng Vương, sau là bọn Mã chẳng, vì Trãi đã bị tràn ngập khi Mã đến quá đông, y hệt như ở Nhựt Bản? Truyền thuyết Mường không nói gì hết về một cuộc đảo chánh, cướp ngôi nào cả, nhưng sự đảo lộn của âm UA lại bắt ta nghĩ rằng Trãi Việt Nam đã bị tràn ngập.

Đây là Chương ngăn nhứt của quyển sách, nhưng nó sẽ mở ra một đám đất mênh mông cho những người khác nhiều khả năng hơn khai thác, tìm tòi để biết có sự dời đổi vai trò lãnh đạo dưới các đời Hùng Vương hay không?

Tưởng cũng nên nói rõ một lần nữa về cách phân biệt hai thứ Lạc ở địa bàn Mã Lai. Danh từ riêng của hai thứ Lạc đó, rất dễ biết, nhưng con người của họ thì không, vì Mã Lai thì giống nhau hết thảy, và vì có nhóm Lạc bộ Trãi chịu ảnh hưởng nặng nề của Lạc bộ Mã, khiến ta lẫn lộn hai thứ với nhau.

Trên miền Thượng có nhiều chi nhóm như Churu, Roglai, Lào, vừa dùng danh từ của Chàm (Lạc bộ Mã),

vừa dùng danh từ của Lạc bộ Trãi, tức giống Việt Nam hơn.

Đó là các nhóm ở gần Ninh Thuận, Khánh Hoà, Phú Yên, họ có chịu ảnh hưởng của Chăm.

Rất khó lòng mà biết họ thuộc Lạc Mã hay Lạc Trãi vì nếu nhìn kỹ vào ngôn ngữ của họ, ta thường thấy số danh từ của hai nhóm Mã và Trãi đồng số lượng với nhau.

Chúng tôi có thử dựa vào danh từ dùng làm căn bản, nhưng không chắc gì hết.

Người Churu gọi lúa là Pơđai, tức đó là tiếng Chăm đọc sai chút ít. Nhưng đồng thời họ cũng gọi lúa là KUÊ, hình thức đầu của danh từ LÚA của nhóm Trãi.

Họ dùng RƠGƠI là hình thức đầu tiên của GIỎI của bộ Trãi, nhưng CON thì gọi là ANA, tức tiếng Chăm đọc sai.

Họ là Trãi nhưng được Chăm khai hoá.

Theo chúng tôi thì chế độ hôn nhân là bằng chứng vững chắc hơn cả. Hiện trên thế giới, không có nhóm Lạc bộ Trãi nào còn theo mẫu hệ hết thì tình trạng dân Cao Nguyên chắc cũng thế.

Vậy đối với những nhóm chắc một phần trăm là Trãi, như Sơ Đăng, Ba Na, Mạ, thì không có vấn đề. Các nhóm chắc một trăm phần trăm là Mã như Radê và Giarai, cũng không có vấn đề.

Đối với các nhóm khác, ta cứ dựa vào chế độ hôn nhân của họ là ăn chắc, chớ không dựa vào ngôn ngữ một cách đơn phương được. Tuy Mã và Trãi có đến 40%

danh từ chung, nhưng vẫn khác nhau, mà sự khác nhau ấy cần được biết và yếu tố giúp ta biết chắc là yếu tố độc nhất: hôn nhân.

Nhưng cũng không nên biết điều này là nhân loại phải mất ít lắm là một ngàn năm mới bước sang từ mẫu hệ đến phụ hệ được, chớ không phải đầu hôm sớm mai mà xong việc. Nhưng ở Việt Nam thì ba nhóm Mã lớn là Chăm, Giarai và Rađê không có dấu hiệu muốn bước sang phụ hệ.

Vậy chỉ có dấu hiệu đó là đủ chứng tích họ là Trãi rồi, chớ không cần đợi thấy họ theo phụ hệ hẳn. Thí dụ tục đi ở nhà vợ một thời gian rồi mới về nhà mình là tang tích mẫu hệ mà cũng là dấu hiệu đang bước sang phụ hệ của vài nhóm Trãi chậm tiến.

Các ông Tây thường cứ bằng vào số lượng danh từ để cho nhóm này thuộc vào nhóm nọ thì không đúng.

Chúng tôi tìm khắp Đ.N.Á. lục địa và Đ.N.Á hải dương mà chỉ gặp có hai nơi độc nhất có động từ HÔN là động từ riêng của Lạc bộ Trãi. Động từ này chỉ có mặt ở Nhựt Bốn, dưới hình thức HOOZURI và ở đảo Marquises, dưới hình thức HÔNGHI: nhưng Nhựt Bốn có, không đáng ngạc nhiên vì ở Nhựt, Trãi và Mã đồng số dân với nhau. Sự kiện Đa Đảo có, mới là lạ. Đa Đảo còn theo mẫu hệ toàn loạt, không có đảo nào bước sang phụ hệ hết. Thế thì họ là Mã. Nhưng lại có HÔN ở quần đảo Marquises.

Điều này chứng tỏ rằng tiền sử học làm việc thiếu sót. Lạc bộ Trãi có đi xa khỏi Nam Dương, chớ không phải

là chỉ có ghé tại đảo Célèbes không mà thôi. Trái lại đảo Célèbes là địa bàn của Lạc bộ Trãi, thế mà dân ở đó không có động từ HÔN, vì rồi về sau họ bị Nam Dương lấn át và chịu ảnh hưởng rất nặng của Lạc bộ Mã.

Thế nên trong việc học ngôn ngữ, chúng tôi phải học quá xa, học tận đảo Pâques ở cực Nam Mỹ vì ở đó có vài danh từ Việt Nam. Vài dân Tộc Sơ Đăng, có mặt tại Đa Đảo.

(động từ của Nam Dương là CHIUM, có thể nối kết với HÔN, nhưng chúng tôi chỉ tìm được có một cái khoen độc nhứt ở miền Nam nước việt là HUN, phát âm với chữ U, trong khi phải có hai ba chục cái khoen, thành thử chúng tôi không thể CHIUM được).

CHƯƠNG IV

NGUYÊN NHÂN MẤT MẮT ÂM D VÀ GI CỦA MIỀN BẮC

Một người Bắc Việt mới vào Nam, không thể nào phát âm được hai âm D và Gi giống người Nam cả, chỉ dẫn thế nào họ cũng thất bại. Đó là người khác chỉ dẫn, còn chúng tôi chỉ dẫn thì họ có thể đọc ngay tức khắc. Thí dụ DA THỊT, thay vì viết như vậy, tôi viết là YA THỊT và chỉ dẫn rằng phải qua hai giai đoạn:

1. Tách rời Y và A
2. Nhập lại thật nhanh.

Thế là họ thành công liền. Chỉ tốn có hai phút.

Sự kiện ấy chứng tỏ nhiều điều kỳ lạ lắm. Là lưỡi của hai miền không có khác nhau chút nào hết và họ vẫn phát âm được y hệt như Trung, Nam và bất kỳ nhóm Mã Lai nào, và cả Trung Hoa cũng phát âm được.

Nhiều người hay đổ thừa cho sự lai Trung Hoa, nhưng chúng tôi nghe Trung Hoa nói mỗi ngày hai tiếng XÌ DẦU cả chục bận. Họ vẫn phát âm được chữ D thì thủ phạm không phải là người Tàu.

Đồng bào miền Bắc đọc được, như bất kỳ ai, nhưng

phải qua một thời kỳ tập sự, ngắn hay dài tùy người chỉ dẫn, thí dụ với tôi thì chỉ tốn có hai phút, còn người khác có khi chỉ dẫn hai ba năm, họ đọc cũng không được.

Thế nghĩa là khi xưa, có một thời họ đọc được, nhưng họ đã đánh mất khả năng của họ chăng? Không.

Thế giới không có chữ D của Nam Kỳ. Đó sáng tác riêng của các cố đạo. Thế nghĩa là loài người không có âm D. Vậy viết ra chữ D rồi bắt thiên hạ phải đọc chữ đầu đó như Nam Kỳ thì làm thế nào mà người miền Bắc đọc cho được. Họ đã nỗ lực đến mức tối đa, nhưng nó chỉ hoá ra Dz mà thôi.

Trong ngôn ngữ những gì nhân tạo và cưỡng ép thì không xong. Nếu phải cải cách quốc ngữ thì công việc cần làm trước nhứt là bỏ chữ D.

Ở khắp các địa bàn Mã Lai, ngày nay các nhà ngữ học đã dùng chữ Y để ký hiệu cái âm mà các cố đạo đã ký bằng D và họ thành công 100%.

Thế thì cái lưỡi của đồng bào miền Bắc không có bình tạt gì cả, tại ký hiệu sai không giúp họ đọc được âm ấy.

Nhưng ta nên tự đặt câu hỏi. Trước khi chữ Quốc ngữ được các cố đạo chế ra, đồng bào miền Bắc phát âm chữ D ra sao? Có phải là Dz như ngày nay hay không?

Đã bảo nhân loại không có âm D thì họ không bao giờ có dịp phát âm D mà nghĩ rằng họ đã phát âm đúng hay sai. Ngày nay họ phát âm là Dz thì chỉ là một nỗ lực đặc biệt (nhưng không thành công) để diễn tả chữ D nhân tạo đó.

Có một âm gần gần như thế, đó là âm Y, và họ đã phát âm được, nay thì thế xưa chắc cũng thế, trước khi ngoại nhân đưa vào một ký hiệu kém khả năng miêu tả là D.

Sự miêu tả văn phạm và giọng đọc rất là quan trọng và ngày nay tất cả các nhà ngôn ngữ học thế giới đều chú tâm vào đó.

Nhưng đừng tưởng là các cổ dốt. Về phương diện Phonème thì Y chỉ có giá trị bằng phân nửa

I. Đó là một bán nguyên âm (Semi – voyelle). Nhưng dân ta phát âm DA rất mạnh ở D, thành thử các cổ thấy là Y không ổn nên mới phát minh D mà cả thế giới đều không có. Nhưng các cổ phát minh GI thì quả thật là dị kì. Hồi tiền chiến ở Hà Nội người ta đã cãi nhau âm i về chữ DÒNG và GIÒNG. Sở dĩ có cãi nhau là tại hai chữ đó đọc như nhau. Thế thì GI thậm vô ích.

Sự bối rối của các cổ trước Y đọc thật mạnh của ta do ta có âm IA trong chữ KIA. Người Chăm không có âm IA nên họ viết IA cho Chăm và Chăm đọc thật đúng là D như Nam Kì, vì I mạnh lắm. Các cổ không làm như vậy được cho Việt vì sợ IA (DA) lẫn lộn với IA (KIA), nên đành phát minh D kém khả năng miêu tả.

Nhưng nếu các cổ cứ dùng Y như các nhà ngữ học Âu Mỹ đã dùng cho Nam Dương và Thái Lan, rồi đưa ra ước lệ này là Y có đầy đủ giá trị như I, tức đọc mạnh được, thì đã không xảy ra rắc rối nào hết.

Ở Nam Dương và Thái Lan, người công dân cũng phát âm rất mạnh ở DA vì họ cũng là Mã Lai như ta, nhưng khi dùng ký hiệu Y thì các nhà ngữ học đã đưa

ra ước lệ đó, nên không có gì trục trặc cả.

Kết luận, miền Bắc không bao giờ mất âm D vì không bao giờ có âm D mà họ chỉ có âm Y đọc mạnh như I.

Vậy nếu có cái cách ta sẽ cải cách với ước lệ như ở Nam Dương và Thái Lan, tức bất kể luật quốc tế, cho phép đọc Y thật mạnh như I.

Nghiên cứu ngôn ngữ của toàn khối Mã Lai, chúng tôi lại nhận thấy điều này là Mã Lai không có âm V, hoặc rất hiếm có. Nhưng Việt Nam thì rất giàu V. Tại sao Mã Lai lưu vực Hồng Hà lại làm khác?

Đó là một cái cách lớn có mục đích hẳn hoi, xảy ra cách đây hơn hai ngàn năm. Muốn biết mục đích của cuộc cải cách cổ thời ấy, ta cần biết thêm đặc điểm nữa của ngôn ngữ Mã Lai. Đại khối Mã Lai lạm phát nguyên âm. Đôi khi có đến năm nguyên âm dính liền với nhau.

Thí dụ ĐỪA của Nam Dương là TAUỪA, còn ĐỪA của Nhựt Bổn là: Tauuamurê, tức cũng có bốn nguyên âm, AUUA dính nhau y hệt như Nam Dương, chỉ khác có cái đuôi MURÊ.

Danh từ CON ĐIỀU của Thái còn kinh khủng hơn nữa. Nó là HYIAOU tức chứa đến 5 nguyên âm dính liền nhau, THỪA MỪA của Nam Dương là MIỪA.

Những danh từ ấy, có tánh cách đa âm. Khi ta đọc âm hoá ngôn ngữ ta sau Mã Viện thì dĩ nhiên ta phải thu ngắn những danh từ đó, bằng cách phát âm V để thay cho hai, ba nguyên âm, hoặc nuốt mất một số nguyên âm.

Các dân của tộc khác không đọc âm hoá thì cứ tiếp

tục đọc dài cho tới thế kỷ 19, các nhà ngữ học Âu Mỹ cho họ mượn W thì giải quyết được sự kỳ dị khi ký hiệu bằng La Tinh. TAUUA của Nam Dương biến thành TAWA TAUUAMURÊ của Nhật biến thành TAWAUMRÊ.

Chúng Mã Lai lại cũng không có dấu ngã bao giờ và người ta lại tự hỏi lưu vực Hồng Hà đã sáng tác dấu ngã làm gì cho rắc rối đến thế.

Những gì chúng tôi viết ra dưới đây là chỉ viết riêng cho các nhà nghiên cứu và xin báo trước rằng chúng tôi không bảo đảm một phần trăm nào hết cho chủ trương dưới đây, chính vì ông bạn Trung Hoa đã dạy chúng tôi học Quan thoại cũng chỉ tưởng thế thôi mà không dám chắc gì hết.

Chúng tôi đã chứng minh trong quyển sử, bằng một biểu đối chiếu rằng dân tộc ta đã học với thầy Hoa Bắc vào đời Hán, nên ta nói tiếng Tàu giống giọng Quan Thoại hơn là giống các giọng khác, mặc dầu ta có đọc sai Quan Thoại, vẫn còn cứ khá giống Quan Thoại.

Ông bạn Trung Hoa của chúng tôi vốn người Thất Mân đồng ý về điểm đó, nhưng có thêm ý kiến nầy là Quan Thoại ngày nay đã sai giọng Quan Thoại đời Hán, và người Tàu vừa trở về với Quan Thoại đời Hán mà ta gọi là *Tân Âm* nhưng nó vốn là *Cựu Âm*. Đó là Quan Thoại của khu tam giác mà chúng tôi đã nói đến trong quyển sử.

Cái *Quan Thoại Tân Âm* nhưng mà là *Cựu Âm* đó có dấu huyền rất là kỳ dị là hơi giống dấu ngã của Bắc Việt, tức xuống rồi lên, nhưng chỉ ít thôi, và rất khó

nhận ra.

Chỉ có người Việt châu thổ Hồng Hà mới đủ thính tai để nhận diện được cái dấu huyền kỳ dị đó, còn cho đến cả người Tàu ở xa kinh đô cũng không nhận được, không đọc được.

Thế nên họ đã sáng tác dấu ngã để diễn tả cái dấu huyền đó mà trên thế giới chỉ có họ là nhận ra mà thôi. Nhưng họ lại đi quá lố, chớ thật ra thì cái dấu huyền Quan Thoại đời xưa, không có lên cao đến thế, vì vậy mà trừ Bắc Việt ra, trên thế giới không ai nhận ra được hết, kể cả người Tàu ở ngoài khu tam giác đó.

Ông bạn người Trung Hoa ấy đã đưa ra thí dụ cụ thể để minh chứng chủ quan của ông:

Quan thoại	Bắc Việt
Mà	Mã (ngựa)
Wùa	Vũ (mưa)
Dèl	Nguyễn (họ)
Luỳ	Lữ (họ)
Nài	Nãi (sữa)
MÌ	MỠ

Chúng tôi chất vấn ông bạn Trung Hoa đó: “Nói thế thì tại sao những danh từ không do tiếng Tàu mà ra, cũng viết với dấu ngã?”

Ông bạn Trung Hoa nầy đã theo dõi chúng tôi khi chúng tôi viết sử, và đã biết tất cả những gì chúng tôi viết trong đó, nên ông bạn đáp ngay: “Đó là tại những danh từ ấy không phải là của Lạc bộ Trãi. Các anh đã vay mượn của các nhóm khác rồi quên mất chủ nhơn,

cứ ngô là của Tàu”.

Thí dụ ẨM BÔNG, anh đã nói là do AMBING của Lạc bộ Mã mà ra (Nam Dương: Ambing = Ẩm bông).

Chúng tôi cười hơi mỉa mai: “Có thể nào mà chúng tôi quên cả chủ nợ hay không?”

“Có. Thuở đó Trung Hoa là số dzách khiến ai cũng ngô cái gì cũng của Tàu mà ra cả. Anh có biết hiện nay (năm 1972) người Thái Lan gọi người Trung Hoa là gì không?”

“Không.”

“Họ gọi đồng bào của chúng tôi, kể cả cu li nữa là CHAOU JIN, tức là CHỦ NHƠN. Họ gọi theo đời Tần, mà họ bị đánh chiếm, rồi thì nó quen miệng đi. Các anh không có gọi Trung Hoa như vậy, nhưng hẳn các anh có phục Trung Hoa, khi Mã Viện bình định xong, và các anh bắt đầu an phận, theo học văn hoá Tàu.”

Chúng tôi lại chất vấn thêm, và ông bạn vẫn cứ trả lời xuôi rọt:

“Tôi còn thắc mắc. Có những tiếng Tàu mang âm huyền rõ ràng thế sao Bắc Việt vẫn phát âm hỏi.”

“Hà, cái này dễ hiểu quá mà, tại các anh học với lính Quảng Đông, Phúc Kiến, tức bọn quân bổ túc cho đạo binh viễn chinh, mà người Quảng Đông, Phúc Kiến chỉ mới bị trị trước các anh không tới một trăm năm. Họ chỉ vừa bị Hoa hoá và cho tới ngày nay họ không nhận diện được cái dấu huyền đó, thế nên họ phát âm sai, tức với dấu hỏi.”

Ông bạn lại đưa ra thí dụ:

Quan thoại Quảng Đông Bắc Việt

Quò	Quỏ	Quả
Chường	Chưởng	Thường
Pèo	ẻo	Biểu

Chúng tôi xin lặp lại là chúng tôi không đảm bảo gì hết, và chúng tôi chỉ viết ra để các nhà học giả thạo hơn chúng tôi nghiên cứu thử, chớ chính chúng tôi cũng chẳng nhận diện được dấu huyền Quan Thoại đó, và chính kẻ dạy chúng tôi học cũng không đọc được cái dấu huyền hoặc đó.

Dấu sao sự kiện này cũng có và còn nguyên vẹn, là trong đại khối Mã Lai đông hơn 300 triệu, chỉ còn Bắc Việt là có dấu ngã, khiến ta phải nghĩ rằng họ mới sáng tác về sau, không biết để làm gì, còn gốc tổ thì không có.

Mặc dù không tin chủ trương trên đây, chúng tôi vẫn bản khoăn tự hỏi những luật hỏi ngã của văn phạm ta sao mà hơi kỳ kỳ, đại khái như thế này: khi mà các danh từ gốc Hán Việt mà bắt đầu bằng D, L, M, v.v. thì phải viết với dấu ngã.

Ở đây, nguyên nhơn tại chữ D, chữ L, chữ M. Tại sao các chữ đó là nguyên nhơn được? Chủ trương của ông bạn Trung Hoa tuy không được chúng tôi tin, nhưng nguyên nhơn mà ông bạn ấy đưa ra có vẻ là nguyên nhơn thật sự, chớ còn chữ D, chữ L, chữ M làm thế nào lại là nguyên nhơn được.

Nếu chủ trương của ông bạn Trung Hoa nói trên mà sai, tưởng ta cũng cần tìm nguyên nhơn khác hơn là chữ D, chữ L, chữ M, nó không có vẻ gì là nguyên nhơn cả.

CHƯƠNG V

TÀI BA CỦA VIỆT NGŨ

Mẹ hát con khen hay thì chẳng được ai khen theo hết. Nhưng chúng tôi khen vì MẸ CHÚNG TA tài tình thật sự.

Nam Dương và Nhựt Bốn đã chế biến ra lắm trò, nào là Nam Dương gắn đầu gắn đuôi như Tây, Nhựt Bốn chia động từ như Tây, nhưng diễn tả không hơn Việt Nam chút nào hết mà lại còn kém hơn nhiều bậc.

Các nhóm Mã Lai khác đều mắc nạn đồng âm dị nghĩa mà vô địch là Miến Dưới và Nhựt. Việt Nam cũng có danh từ đồng âm dị nghĩa, nhưng rất là ít, thí dụ Đồng (bằng), Đồng (thau), trong khi đó thì các dân tộc khác mỗi nhóm có hai ba chục tiếng đồng âm.

Ta cũng đã có như họ, vì tất cả đều là Mã Lai, nhưng ta đã uyển chuyển cho mất sự lạm phát đồng âm, còn họ không biết làm thế.

Đó là nguyên nhơn của các dấu sắc, huyền, hỏi, nặng của ta mà các nhóm khác rất hiếm có. Thí dụ GIÁ RẺ ở Nam Dương, thì rẻ chỉ là MURAH. Chữ H cuối chỉ có giá trị của 1/3 cái dấu hỏi hay dấu sắc của ta mà thôi,

tức như là MURẢ, nhưng RẢ phải đọc thật nhẹ, chữ H được đọc nửa chừng thì người đọc đứt hơi thình lình.

Quý vị đã thấy ta biến PÓAKA thành BÓI CÁ một cách tài tình. Chúng tôi đếm được trong các tự điển Miền Dưới 40 chữ Tờăng chẵn chòi, không thiếu một nét.

Việt Nam cứ sử dụng dấu sắc huyền hỏi nặng là đẹp tan hết:

Tờăng = Trần

Tờăng = Trảng

Tờăng = Trắng trợn

Tờăng = Trong

Vân vân và vân vân...

Ta biến dạng mà không hề làm mất Phonème, làm mất nghĩa, và trái lại còn thêm nghĩa rất dồi dào. Xem người Mạ và ta biến dạng một từ ngữ Mã Lai thì thấy rõ là ta quá tài.

Con sulong = Fils aîné, Elder

Người Mạ biến thành: KON TABÔNG. Phonème đã sai rồi, mà TABÔNG thì chẳng có nghĩa gì cả trong ngôn ngữ Mạ.

Việt Nam biến: CON ĐẤU LÒNG

Có tài tình chưa? Phonème còn nguyên vẹn, nhứt là trong CON SO và SỔ LÒNG, mà ĐẤU LÒNG cũng đầy ý nghĩa. Đó là một cuộc biến có cố ý, có ý thức vì hiểu nghĩa, chứ không phải là kẻ vay mượn, chỉ mượn âm, như Cao Miên đã biến Kayu Đoan Đâu thành So Đau.

Kẻ hiểu nghĩa để biến cho còn nghĩa là kẻ có danh từ đó, chớ không phải vay mượn.

Sự biến dạng của Tờrăng trong Việt ngữ, tuy hay về số lượng, nhưng không hay về phẩm chất vì ta chỉ bỏ dấu khác mà thôi, ngoài ra không có sửa đổi bao nhiêu. Nhưng sự biến dạng của một động từ, động từ CHẾT thì tài vượt bậc.

Chùng Mã Lai có hai động từ chỉ ý niệm chết, mà Miền Dưới chỉ dùng có một là MATI.

Nam Dương: Mati

Chàm Ninh Thuận: Mưtai

Chàm Bình Tuy: Htai

Thái: Tai

Việt Nam: Mất

Thái cũng biến nhưng biến một cách vô ích, và nếu không có cái khoen Chàm Bình Tuy, không làm sao mà nhận ra được TAI do MATI mà ra.

Nhưng Việt Nam biến có mục đích hẳn hoi, để xoá đồng âm U như với tĩnh từ Tờrăng.

Vậy Mati = mất.

Ta nuốt chữ I cuối. Thí dụ: Ông tôi mất năm ngoái.

Người Nam Dương cũng có ao nuôi cá và lũy tre quanh làng y như ở Bắc Việt, và họ gọi ao đó là:

Ao mati = Ao chết

Tại sao ao lại chết? Vì nước ao không được thay đổi tức đó là nước chết. Việt Nam không bằng lòng như thế và trong trường hợp này, ta không nuốt chữ I mà nuốt âm MA. Âm TI còn lại được biến thành ra là TỪ.

Ao mati = Ao tù

Xin lưu ý các nhà làm từ điển. Chữ Tù hồi cổ thời chỉ

có nghĩa là (nước) Chết.

Đèn không cháy nữa, người Nam Dương gọi là:

Đian mati = Đèn chết

Tại sao chết? Vì ngọn lửa đã chết. Trong bài hát *Au clair de la lune*, của Pháp ta cũng thấy câu: *Ma chandelle est morte*, tức cây nến của tôi đã chết.

Việt Nam cũng chẳng bằng lòng và lần nầy ta biến âm TI thành TẮT.

Đian mati = Đèn tắt

Có tài tình chưa? Và cũng xin các nhà làm tự điển biết rằng vào cổ thời TẮT, chỉ có nghĩa là CHẾT. Hiện nay trong Việt ngữ, ta vẫn còn nói TẮT để chỉ ý niệm Chết. Thí dụ: “Ông tôi tắt nghỉ hôm qua”.

Sự tài tình ở đây, còn hơn cả trong từ ngữ CON ĐẤU LÒNG nữa. Và có hàng ngàn trường hợp biến tài tình như cái vụ Ti → Tù, Ti → Tắt.

Khi ta so tự điển Việt Nam với tự điển các dân tộc khác gốc Mã Lai, ta thấy luôn luôn tự điển ta dày hơn tự điển họ quá nhiều, bởi họ chỉ định nghĩa có một chữ MATI còn ta thì phải định nghĩa cho ba chữ: MẮT, TỪ và TẮT.

Nhưng hủy bỏ đồng âm, tuy là tài, nhưng vẫn không tài bằng mỹ hoá như trường hợp CHIM BÓI CÁ đã cho thấy.

poraka = Bắt cá → Bói cá

BÓI CÁ đậm ý nghĩa hơn BẮT CÁ, nhưng không khác âm bao nhiêu. Thế thì không cần gì tiến tới đa âm như họ, ta vẫn diễn ý được nhiều hơn họ và nhứt

là hay hơn họ.

Xem ra sự đa âm hoá không đem đến cái lợi nào đáng kể hết, và nếu không bị ảnh hưởng Trung Hoa chặn đứng cái đà đa âm của ta, ta vẫn không hơn gì ngày nay đâu, bằng chứng là Nam Dương, mặc dầu đa âm hoá, vẫn kém hơn ta về sự phong phú của ngôn ngữ.

Khi mà ta sáng tác được chữ TỪ rồi thì nó đẻ ra một bầy con: TỪ TÚNG, TỪ HẨM, TỪ BINH, VÀO TỪ, Ở TỪ, NGỒI TỪ, TỪ MỌT GÔNG, TỪ RỮ XƯƠNG, TỪ TỘI, CƠM TỪ, CAI TỪ, RỮ TỪ, MẮN TỪ, BỎ TỪ, NHÀ TỪ, CHẾ ĐỘ LAO TỪ, VƯỢT TỪ, NƯỚC TỪ, TỪ TREO, TỪ Ở, TỪ ĐÀY, TỪ BIỆT XỨ, vân vân và vân vân.

Các người ham bắt ta làm nô lệ Trung Hoa, chắc cho rằng ĐÈN là do ĐĂNG của Tàu. Nhưng Tàu đọc ĐĂNG là TẤN, mà TẤN thì quá xa ĐÈN, không như DIAN của Nam Dương. Và tiền sử học đã nói rõ là Lạc bộ Mã, khi di cư không có chịu ảnh hưởng của Tàu.

Chúng tôi có hai chứng tích cho rằng ta không học của Tàu:

I - Tất cả đều dùng âm đầu Đ trong khi Tàu dùng T.

II - Nhưng chứng tích đó rất yếu. Các nhà khảo cổ đã tìm được một cây đèn La Mã tại Cao Miên, vì năm 17 OS.K La Mã có gởi sang Trung Hoa một đoàn trò xiếc, bọn ấy có đi ngang qua Cao Miên. Họ lại tìm được đèn đời Hán tại Trung Hoa. Đèn Trung Hoa và đèn La Mã xấu hơn đèn Đông Sơn nhiều lắm. Không lẽ thấy lại kém hơn trò?

Chính Nhật là đã học của Tàu vì họ nói là Tô. Tô do

Tấn mà ra chớ không do Đian được.

Con khen mẹ bấy nhiêu đó là vừa, mặc dầu còn hàng ngàn biến dạng tài tình và nhứt là có mục đích rõ rệt nữa. Khen nhiều quá người khác sẽ khó chịu, nhứt là những quốc gia có 30 chục danh từ đồng âm dị nghĩa, trong hàng trăm trường hợp, hàng trăm danh từ.

CHƯƠNG VI

VUA HÙNG LÃNH ĐẠO BAO NHIÊU BỘ LẠC?

Còn nói rõ lại về danh xưng. Chủng Mã Lai ở Viễn Đông chia thành hai chi. Chi Âu tức người Thái. Chi lạc là chi thứ nhì.

Chi lạc lại chia thành hai tiểu chi:

A) Austroasiatiques, chủ đất Hoa Bắc trước khi người Tàu xuất hiện. Bọn nầy đã di cư đi Đại Hàn, Nhật và Việt Nam cách đây năm ngàn năm, được Tàu gọi là Lạc bộ Trãi, chúng tôi gọi là Mã Lai đợt I trong quyển sử của chúng tôi. Nhưng ở đây chúng tôi gọi tắt họ là Trãi.

B) Austronésiens, chủ đất Hoa Nam trước khi người Tàu xuất hiện. Bọn nầy đã di cư đi Chàm, Phù Nam, Nam Dương, và lộn ngược lên Nhật, được Tàu gọi là Lạc bộ Mã và chúng tôi gọi là Mã Lai đợt II. Nhưng ở đây chúng tôi gọi tắt họ là Mã.

Hai thứ Mã Lai ấy chỉ có những danh từ của con người cổ sơ là giống nhau thôi, như Tay, chơn, mặt, mắt, núi non, bông lá. Những sáng tác về sau, khác nhau hết.

Nhưng đặc biệt trong danh từ cổ sơ, đáng lý gì phải giống nhau hết, họ lại khác nhau ở CHƠN và CẮNG. Bọn Trãi nói CHƠN, bọn mã nói CẮNG.

Trong lãnh thổ Việt Nam hai nhóm ấy còn tồn tại:

Trãi: Việt Nam + thiếu số Mã Lai ở trợ Đa số Thượng Việt;

Mường: Mường là Mã, khi xưa nói y hệt như Nam Dương, nhưng nay đã bị Trãi hoá và nói gần giống ta, Chăm, Phù Nam, Rađê, Giarai.

Có ba thứ người mà số phận giống hệt Mường đó là người Yêh, người Roglai và người Churu, họ là Trãi nhưng lại bị Mã hoá. Thuở xưa họ nói y hệt như Việt Nam, nhưng nay họ nói gần giống người Chăm vì nỗ lực đồng hoá của Chăm.

Ở Nhựt Bồn cũng có hai tiểu chi Lạc y hệt như ở Việt Nam, nhưng số lượng khác. Trãi Việt Nam do nhóm ADÔUK của vua Hùng Vương lãnh đạo, còn Trãi Nhựt Bồn có lẽ do nhóm KHẢ TU lãnh đạo. Nhóm này hiện ở ngang Đà Nẵng phía trong Trường Sơn, nói khá giống người Nhựt về các danh từ Trãi. Còn danh từ Mã ở Nhựt thì dĩ nhiên là giống Nam Dương, y hệt như ở Việt Nam.

Để chứng minh sự kiện đồng chủng, khoa học chê ngôn ngữ tỷ hiệu.

Nhưng nhờ khoa đó mà chúng tôi biết chắc vua Hùng Vương lãnh đạo tất cả bao nhiêu bộ lạc vào khoảng năm 500 trước Tây lịch, biết chắc 100% và biết tên cả các bộ lạc ấy nữa.

Trước hết chúng tôi đã dùng luật đối chiếu của M. Swadesh, ông ấy có lập ra nhiều cái luật, mà một rất quan trọng: Luật về số lượng danh từ cần phải đối chiếu.

Chúng tôi đã kiểm soát chặt chẽ luật đó và chúng tôi thấy nó đúng 100%. Theo M. Swadesh thì chỉ cần đối chiếu 200 danh từ mà thôi là đủ rồi.

Không phải là hai dân tộc phải giống nhau tất cả ở số lượng 200, mà đa số danh từ trong hai trăm mà giống nhau, là đồng chủng.

Một kết quả ngộ nghĩnh và hay ho, lòi ra sau cuộc kiểm soát của chúng tôi. M. Swadesh cho phép đối chiếu CON MẮT mà không cho phép đối chiếu CÁI MẮT. Nhà ngữ học lỗi lạc đó đã nghiên cứu và thí nghiệm rồi, chớ không phải nói liều.

Hiện có lối một trăm dân tộc gốc Mã Lai, tất cả đều còn giữ được danh từ CON MẮT giống nhau, còn CÁI MẮT thì có ba dân tộc đánh mất: Nhựt Bổn, Cao Miên, Nam Dương.

Nam Dương mượn MUKA của Phạn ngữ, Cao Miên và Nhựt cũng thế (vì Nhựt, bọn Mã đã từ Nam Dương đi ngược lên để nhập bọn và lãnh đạo bọn Trãi tại Phù Tang). Nhưng Nam Dương lấy nguyên vẹn MUKA còn Cao Miên chỉ lấy âm đầu là MUK, Nhựt chỉ lấy âm sau là KA rồi biến thành KAO.

Thế là luật Swadesh chặt chẽ đến bất ngờ. Họ cấm đối chiếu Cái Mắt, chúng tôi không nghe, cứ đối chiếu, mới lòi ra sự kiện không ăn rơ.

Vậy chúng tôi đã đối chiếu 200 từ Việt ngữ căn bản của Swadesh với ngôn ngữ của khắp Đông Nam Á, và chúng tôi tìm được trên 300 nhóm bộ Lạc Trãi. Những danh từ Việt mà nhóm này không có, thì nhóm khác có.

Thí dụ hai tính từ THẤP và NGẮN thì chỉ có một nhóm độc nhất là có, đó là nhóm KUY. Thí dụ động từ TÊM (trầu) chỉ có một nhóm độc nhất là có đó là nhóm PACOH. Danh từ LỖI ỐI chỉ có một nhóm độc nhất là có, đó là nhóm Sớđăng.

Đây là tên của các nhóm đó ngày nay, ngày xưa chắc họ mang tên khác, vì có nhóm bị ngoại nhân đặt tên, chớ thực ra họ tự xưng khác, thí dụ nhóm Khả lá vàng là do người Lào đặt ra chớ họ tự xưng là ALAK.

Chúng tôi bắt đầu từ trên xuống, tức từ Hà Tĩnh Quảng Bình đổ xuống, còn ở trên nữa thì không có Lạc bộ Trãi. Và chúng tôi bỏ các nhóm lai căng ra thí dụ nhóm Hơroy!

1. Khả lá vàng
19. Mnong
2. Bru
20. Gar
3. Pacóh
21. Xi Tiêng
4. Phương
22. Mạ
5. Tà ui
23. Lào
6. Khả Tu

- 24. Núp
- 7. Tà Kũa
- 25. Kâyông
- 8. Cựa
- 26. Srê
- 9. Jêh
- 27. Churu
- 10. Duan
- 28. Kôhô
- 11. Kayông
- 29. Rôglai
- 12. HRÊ
- 30. Biat
- 13. Sơ Đăng
- 31. Tu Nong
- 14. Bà na
- 32. Kớ lua
- 15. Tơ dra
- 33. Mung Buk
- 16. Mớ nôm
- 34. Hrê
- 17. Ha lang
- 35. Cuti
- 18. Rơ lờm

Chúng tôi bỏ Radê và Giarai ra vì họ, Chăm và Mường chỉ mới đến xứ ta 500 năm trước Tây lịch. Tiếng Việt có vay mượn của họ, nhưng những danh từ vay

mượn ấy không phải là căn bản.

Vậy vua Hùng Vương và khoảng năm 500 trước Tây lịch đã lãnh đạo 35 bộ lạc trên đây, và khi thống nhất được rồi thì ta có Ngắn, có Thấp, có Têm trâu, có Lỗi ối, mà bộ lạc nào không có đều phải học hết và tiếng Việt thành hình.

Không rõ Hùng Vương thuộc bộ lạc nào, nhưng ông vẫn phải thuộc 1 trong 35 bộ lạc đó. Chỉ có hai bộ lạc là có danh từ NẮNG ghen bà con, còn TÊM (trâu) thì chỉ độc một bộ lạc có mà thôi, đó là dân Pacóh, như đã nói.

Những điều chúng tôi nói ra trên đây không phải là suy luận như bạn Nguyễn Mạnh Côn đã nói mà có chứng tích hẳn hoi. Thí dụ nhóm Khả Tu chỉ có tỉnh từ ĐAU, tuyệt đối không biết các tỉnh từ khác của Việt Nam, còn nhóm Mạ thì chỉ có tỉnh từ xóc (Đau xóc hông), tuyệt đối không có tỉnh từ ĐAU.

Vua Hùng Vương thứ I thống nhất các bộ lạc được rồi thì lấy của mỗi bộ lạc một tỉnh từ, nhờ vậy mà ta có Nhức, Đau, Tức, Rát, Xóc, Lói,... phong phú hơn bất kỳ nhóm Trái nào khác, và tất cả các nhóm Trái ở lưu vực Hồng Hà đều phải học với nhau, Việt ngữ thành hình và thống nhất ngay từ thời Hùng Vương.

Chỉ có độc một nhóm Khả mới có động từ RAAN có nghĩa là RÁN SỨC, những bộ lạc khác nói GẮN vân vân... Về chữ Raan thì tự điển K.T.T.Đ viết đúng gốc tổ là RÁN (không G) còn dân chúng miền Bắc phát âm RÁNG có G là sai gốc tổ rồi vậy.

Sự lựa chọn danh từ để vay mượn thật là khó hiểu

lý do. Người Khả Tu có đến 9 động từ ĐỀ khác nhau, nhưng ta không có lấy động từ nào của họ hết, mà lấy động từ đề của Mạ là dân chỉ có một động từ đề độc nhất. Nhưng không nên hiểu rằng Mạ chính là bộ lạc của vua Hùng Vương, vì những danh từ khác ta không có lấy của Mạ, tức Mạ và ta chỉ giống nhau có mà thôi. Mỗi bộ lạc ấy chỉ giống ta có (không kể các danh từ chung như Mắt, Chim, Cây, Lá).

Thí dụ Thượng Việt có những danh từ sau đây để chỉ con cọp:

Klóa

Klá

Yau

Agôôt

Kann bơi

Pahua

Kooq

Chắc chắn là ta lấy Kooq để biến thành CỌP. KOOQ là danh từ của người Khả Tu. Mà nó là danh từ trùng hợp với danh từ của bộ lạc của vua Hùng Vương chứ không phải Khả Tu là bộ lạc lãnh đạo.

Những danh từ nào mà ta chê không lấy, đều bị Nhựt Bốn lượm hết. Thí dụ người Khả Tu gọi con CHÓ là ANÚK là trùng với INÚ của Nhựt Bốn, người Khả Lá Vàng gọi CÂY là KI cũng trùng với Nhựt Bốn, không khác một nét.

Danh từ MANG là ĐÊM, được khắp Cao Nguyên dùng, nhưng ta chê, cũng được Trãi ở Nhựt trọng dụng

và biến thành BAN.

Sự chọn lựa giữa ta và Nhựt không ăn khớp với nhau ở mỗi danh từ, thành thử Nhựt vừa giống ta, lại vừa giống đồng bào Thượng. Có thể nói hễ danh từ nào của Thượng Việt mà Nhựt dùng thì ta không, ta dùng thì Nhựt không, chỉ trừ một số nhỏ.

Theo tiết lộ của giáo sư đại học Nghiêm Thẩm thì Nhựt cũng đã biết sự kiện đó rồi và họ có thử đi Cao Nguyên, ghé thăm giáo sư, nhưng chẳng hiểu họ có thành công trong việc đi tìm gốc tổ hay chăng?

Tỷ lệ 10/35 trên đây thoạt trông thì mâu thuẫn với lối trình bày của chúng tôi khi nãy là theo luật Swadesh, không bắt buộc phải giống nhau 100% mà đa số danh từ giống nhau, tức 55% là đủ rồi. Nhưng 10/35 thì thấp hơn 55%.

Ở đây lại cần giải thích rõ ràng minh bạch: 10/35 là số lượng danh từ đặc biệt mà bộ lạc lãnh đạo cần mượn thêm, như TÊM (trầu) chẳng hạn, còn 55% là số lượng danh từ thường mà tất cả đều phải giống nhau như Mắt, Nước, Lá, v.v.

Về sự chọn lựa, ta chỉ có thể lấy lý trí mà suy ra chớ không thể biết chắc được: khi nào một ý niệm cần được diễn ra bằng nhiều hình thức, như bị đau đớn, có nhiều lối đau khác nhau, thì vua Hùng Vương mới phải vay mượn lung tung nơi các bộ lạc mà ông lãnh đạo, còn khi nào một ý niệm chỉ cần diễn ra bằng một hình thức độc nhất như Đẻ chẳng hạn thì không có vay. Như vậy thì Đẻ của Mạ chỉ ngẫu nhiên trùng với Đẻ của bộ

lạc lãnh đạo, chớ không phải là bộ lạc ấy vay mượn Đê của Mạ.

Về sự kiện thứ nhì, ta cũng chỉ biết được qua một cuộc suy luận mà thôi. Vua Hùng Vương dĩ nhiên là có khuynh hướng bắt các bộ lạc khác dùng danh từ của bộ lạc ông. Nhưng ở trường hợp này thì ông không thể thành công, bởi nếu trong 36 bộ lạc, mà chỉ có 3, 4 bộ lạc trùng hợp với ông thì ông bị thiếu số, danh từ của đại đa số sẽ thắng. Thành thử những danh từ mà Văn Lang chánh thức hoá về sau, không phải luôn luôn là danh từ của bộ lạc vua Hùng, mà phải là danh từ của đa số.

Tuy nhiên, khi chúng tôi đối chiếu tổng quát, chúng tôi thấy rằng bộ lạc đã thống nhất các bộ lạc khác có ngôn ngữ tương đối giống như với ngôn ngữ Khả Lá Vàng, mặc dầu vì trốn tránh trong rừng từ hơn hai ngàn năm nay, Khả Lá Vàng đã mất gần hết ngôn ngữ, không phong phú như Khả Tu chẳng hạn, nhưng những danh từ còn sót lại thì quá giống danh từ hiện kim của ta.

Nhưng xin cần nói rõ. Thí dụ CÁ thì chính Sơ Đăng giống ta 100% còn Khả Lá Vàng thì nói AKA, nhưng các danh từ khác thì Sơ Đăng lại không giống ta mà Khả Lá Vàng giống, tuy chỉ giống tương đối như CÁ và AKA, nhưng không khác hẳn như Sơ Đăng.

Sự ít giống, nhưng lại ít ở tất cả mọi danh từ là dây liên hệ mạnh hơn là giống nhiều, giống 100%, nhưng chỉ trong một số danh từ mà thôi. Ngoài Khả Lá Vàng, thì các bộ lạc khác như nhau, không bộ lạc nào hơn bộ

lạc nào về sự giống ta.

Thời điểm năm 500 trước Tây lịch mà chúng tôi đưa ra không phải là thời điểm đúng hay khá đúng mà là thời điểm chắc chắn không có đệ tam nhân xen vào vì tiền sử học cho biết rằng chính năm đó là năm bọn Lạc bộ Mã đến nơi (tổ tiên của người Mường). Từ năm đó đổ lên thì cuộc thống nhất của các bộ lạc Trãi xảy ra vào năm nào, chắc không bao giờ biết được hết vì con số 18 đời vua Hùng Vương không thể kiểm soát, mà con số về thời gian trị vì của một đời vua cũng không thể biết được, phương chi không phải thống nhất xong rồi là có vua ngay đâu, mà có thể chỉ có tổng tù trưởng mà chưa có Hùng Vương thứ I, và tình trạng đó, có thể kéo dài 500 năm cũng được như thường.

Đôi khi có vua rồi, nhưng lại chưa thống nhất được như trường hợp của người Giarai, họ có đến hai ông vua, Thủy Xá và Hoả Xá, thế mà họ chưa thống nhất nổi Rađê đồng chi Mã với họ.

Nhưng thường thì thống nhất rồi, mới có vua. Trường hợp Giarai là trường hợp đặc biệt.

Khi thống nhất xong thì tên của các bộ lạc phải bị quên, không còn Pacóh, Bru, Khả Tu gì nữa hết ở lưu vực Hồng Hà mà chỉ còn có VRĂN NANG = Cau sọc và hàng ngàn năm sau Vrán Nang mới bị biến thành Văn Lang. Nhưng Vrán Nang là quốc hiệu hẳn hoi chứ không phải là tên của bộ lạc lãnh đạo. Bộ lạc ấy tên gì, ta sẽ thấy lát nữa đây.

Ta cũng không nên ngộ nhận về sự kiện sau đây là

không phải chỉ có 35 dân tộc ấy là giống ta, mà ngôn ngữ Khả Si của dân Naga ở Assam (Ấn Độ) cũng giống hết ngôn ngữ thượng Việt, nhưng họ ở quá xa lưu vực Hồng Hà thì họ không thể được vua Hùng Vương thống nhất, nên chúng tôi chỉ kể tên các dân ở Cao Nguyên, Lào và Cao Miên mà thôi, vì những phần tử không được thống nhất, có đi xa lắm cũng chỉ đi quanh đó, còn Khả Si tuy cũng là Trai, nhưng họ định cư xa như thế tức họ Nam thiên từ Hoa Bắc do ngã hướng Tây, y như bọn lạc bộ Chuy, tức không có ghé lưu vực Hồng hà.

Con số 1.960 tù trưởng mà truyền thuyết Mường nói đến không vì con số 35 trên đây mà sai, bởi mỗi bộ lạc có nhiều tù trưởng. Nhưng con số 15 bộ của truyền thuyết ta thì chắc chắn là sai. Bộ của truyền thuyết ta, cho dầu có nghĩa là bộ lạc, hoặc tỉnh gì cũng không thấy còn dấu, mà dấu vết cổ thì phải còn, chúng tôi thấy như vậy khi kiểm soát về các việc khác.

Truyền thuyết của khách trọ là Lạc bộ Mã đã xóa mất truyền thuyết của Lạc bộ Trai. Nhưng trên Cao nguyên hần là còn cái gì và chúng tôi mong đợi ở các nhà nghiên cứu khác, hiện họ đang làm việc tại Cao nguyên.

Chúng tôi nói có tất cả 35 bộ lạc, nhưng thật ra là 36, vì vua Hùng Vương thuộc một bộ lạc khác, có tên khác, và đông hơn cả, nên mới thống nhất được các bộ lạc khác.

Vua Hùng Vương thuộc bộ lạc nào. Trong quyển sử của chúng tôi, chúng tôi đã tiết lộ rằng đa số đồng bào Thượng gọi ta là Mandi, bằng Phạn ngữ, vì chịu ảnh

hưởng của Cao Miên và Chăm. Nhưng ở trên Kontum đổ lên Hà Tĩnh thì họ lại gọi ta khác vì họ không có chịu ảnh hưởng của Chăm và Cao Miên và chúng tôi tin rằng họ gọi theo thời Thượng cổ.

Từ người Khả Tu đến người Pacóh đến người Bru, ở trên địa bàn Sơ Đăng, đều gọi ta là dân AĐUỐC. chắc chắn là vua Hùng thuộc bộ lạc AĐUỐC, là bộ lạc đa số ở lưu vực Hồng Hà.

Ađuốc chẳng có nghĩa gì cả trong ngôn ngữ của bất cứ nhóm thượng nào. Có lẽ đó là danh tự xưng và phải có nghĩa trong bộ lạc Ađuốc, nhưng các bộ lạc khác không có danh từ đó nên họ không hiểu, trừ các bộ lạc bị thống nhất thì hiểu, nhưng đó là một danh từ đã mất vì luật Swadesh.

Tuy nhiên tất cả các nhóm Trãi trên Cao Nguyên đều có truyền thuyết cho rằng họ và ta đồng gốc tổ.

Và xin đừng ngộ nhận ở điểm này. Trên 30 bộ lạc đó, không phải là các bộ lạc khác ly khai vì không khứng được với vua Hùng thống nhất. Sự kiện lịch sử khác hẳn sự tưởng tượng của ta. Khi rời Hoa Bắc di cư đi Việt Nam thì mỗi nhóm chiếm một vùng ở các nơi mà Pháp gọi là Đông Pháp, nhưng đặc biệt ở lưu vực Hồng Hà thì có đủ mặt tất cả các bộ lạc vì hai lẽ:

- a) Tất cả đều ghé lại đó.
- b) Nhưng rồi họ thấy là đất quá chật cho tất cả, nên rồi mỗi nhóm mỗi có người tái khởi hành để đi nơi khác, vì vậy mà mới có đồng bào Thượng ở nơi khác.

Và xin cũng đừng hiểu lầm về điểm thứ nhì này.

Là đồng chi lạc bộ Trãi với nhau, họ phải có danh từ chung với nhau hết thấy, chỉ có những danh từ đặc biệt mới là khác và mới được vua Hùng vay mượn, chớ Cá, Nước, Mắt, Mũi, Tay, Chơn đều như nhau. Thí dụ: RỬA thì tất cả đều nói là RAO, RÀO, ARAU, MARAU, IRAU, v.v.

Vua Hùng Vương lại thống nhứt ngôn ngữ hơi lạ lùng là lấy cả hai trạng từ của một nhóm để nhập làm một. Thí dụ nhóm Khả Tu có trạng từ Mak có nghĩa là MẶC KỆ, và trạng từ Takê đồng nghĩa. Mak bị nhập với Takê để làm mặc kệ của Việt.

Tuy người Việt miền Bắc vẫn nói Mặc gọn lòn, còn người Việt miền Nam vẫn nói Kệ gọn lòn (hoặc THÂY KỆ. THÂY là trạng từ Phù Nam).

Thế nghĩa là MẶC KỆ chỉ mới có về sau này, chớ không phải vua Hùng Vương nhập lại, còn hồi xưa ta vẫn nói y hệt như Khả Tu là Mak và Takê chúng tôi chủ trương rằng tất cả dấu vết cổ thời đều còn đủ và trường hợp MẶC, KỆ và MẶC KỆ đã cho thấy rõ như vậy.

Việt ngữ thành hình đúng vào năm mà cuộc thống nhứt các bộ lạc đã hoàn thành, chớ trước đó thì chỉ có các phương ngữ Mã Lai, mà không hề có ngôn ngữ của bất kỳ quốc gia nào, vì các quốc gia Việt ở Hoa Nam cũng chỉ được thành lập đồng thời điểm với nước Văn Lang chớ cũng chẳng lâu đời hơn được.

Như đã nói, chúng tôi không biết cái thời điểm ấy, nhưng sớm lắm cũng chỉ một ngàn năm trước Tây lịch chớ không thể sớm hơn, bởi từ chiếc đá mài lưỡi rìu

có tay cầm tiến lên phong kiến giai cấp, mất hai ngàn năm là vừa, không chậm cũng không mau.

Tuy nhiên, cái Mã Lai ngữ hay các phương ngữ Mã Lai trước đó, cũng vẫn là Việt ngữ phần nào rồi, bởi các danh từ chung của chủng tộc đã nằm sẵn trong đó rồi, kể cả vài yếu tố về văn phạm nữa.

Người Jeh nói: Nó, anh là tôi = Tôi là anh của nó (hơi ngược)

Người Mạ nói: Tôi ăn cơm = Tôi ăn cơm (xuôi)

Người Khả Tu nói: Tôi nhắm mắt = Tôi nhắm mắt (xuôi)

Thống nhứt xong rồi thì xuôi ngược gì phải một chiều hết thấy.

Nhưng đó chỉ là các phương ngữ của Lạc bộ Trãi, và Việt ngữ Lạc bộ trái.

Bọn Lạc bộ Mã chưa tới nơi mà Việt ngữ đã giàu 30 lần hơn mỗi bộ lạc trong 35 bộ lạc kể trên. Bọn Mã tới Việt thì Việt ngữ lại phong phú gấp đôi vì bọn ấy lại còn có nhiều danh từ riêng hơn các bộ lạc Trãi bởi họ đã lập quốc rồi ở Hoa Nam.

Đến năm 500 trước tây lịch thì bọn Lạc bộ Mã đến nơi và vua Hùng Vương lại vay mượn của bọn khách trọ ấy (tổ tiên của người Mường). Bấy giờ thì vua Hùng giống hệt như Nhựt Bốn ngày nay, là mỗi ý niệm có hai danh từ. Thí dụ như Nhựt lấy MASÉ của Nam Dương, (Mã) biến thành Mađa có nghĩa là NỮA, và lấy một trạng từ của một nhóm Trãi ở Nhựt để làm trạng từ NỮA thứ nhì của họ dưới hình thức NAO.

Chỉ phiên là không thể biết NAO và NỮA, tiếng nào chắc chắn đúng gốc tổ hơn, vì không thể theo dõi tất cả những danh từ thượng cổ được như chúng tôi đã theo dõi CÁ và TÔI.

Nhưng chúng tôi có cảm giác rằng NỮA đúng gốc tổ hơn vì đồng bào Thượng nói gần gần như thế, thí dụ người Sơ Đăng nói NẾÔ, giống Nữa của ta hơn là giống NAO của Nhựt. Tuy nhiên đó chỉ là một cảm giác, vì luật đa số không bao giờ được chúng tôi dùng để chứng minh cái gì hết.

Bọn Trãi ở Nhựt chắc không đồng số với bọn Trãi ở Việt Nam, và sự lựa chọn danh từ để thống nhứt cũng không giống nhau giữa dân Việt và dân Nhựt, nên Việt ngữ và Nhựt ngữ tuy có giống nhau, nhưng không phải là giống 100% được. Họ lại bị Trung Hoa tràn ngập nên họ mất danh từ nhiều hơn ta.

Một ngàn năm trăm năm sau đó, ta bắt đầu Nam tiến và gặp lại (dĩ nhiên là người Chăm, tổ tiên của người Mường), nhưng ta cũng gặp lại các nhóm Trãi mà 5.000 năm về trước, không định cư ở lưu vực Hồng Hà, mà ở Trung Việt và Cao Nguyên. Ở Trung Việt họ đã bị người Chăm di cư đến, đánh đuổi họ lên Cao Nguyên để họ nhập bọn với Trãi nằm sẵn trên đó.

Hễ người Chăm lui tới đâu thì ta lại gặp bọn Trãi xưa ở đó. Tới Quảng Trị, ta mới gặp lại người Bru, tới Huế mới gặp lại người Pacóh ở Asau, Alưới, tới Quảng Nam ta mới gặp lại người Khả Tu, và mãi cho đến năm 1623 ta mới gặp lại người Mạ đang làm chủ đất Đông

Bắc Nam Kỳ, Cao Miên chỉ là chủ trên giấy tờ. Người Mạ là dân mà theo sử thì ta gặp lại sau cùng. Nhưng thật ra, dân mà ta gặp trễ nhất là người Sơ Đăng và người Jêh. Ở Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi, Bắc Bình Định, ta bị các thứ dân khác ngăn không cho ta liên lạc với Jêh và Sơ Đăng. Đó là dân Takua, Katua, CUA, vân vân... Những người Việt lái quế ở vùng đó, tiếng là nói mua quế Ngọc Lĩnh của người Sơ Đăng, nhưng thật ra thì họ chỉ được tới Trà Mi là đất của người Katua, Sơ Đăng bị vây tứ phía.

Vài năm trước khi Pháp xâm lăng ta, có một số người Việt bị bắt đạo, mạo hiểm chạy lên nơi nầy mà ngày nay là thị trấn Kontum. Nhưng nơi đó là đất của người Bà Na, và ta cứ bị các thứ dân khác ngăn ta với dân Sơ Đăng, vào năm 1840 ấy. Đó là dân Rongao, một thứ dân lai căn.

Ta (tức các cố đạo, chứ không phải thường dân) chỉ thật sự tiếp xúc được với người Sơ Đăng từ năm 1920 đến nay mà thôi.

Trong cuộc tái hợp này, đôi bên vẫn có học thêm với nhau, nhưng rất ít, vì ta đã văn minh lắm rồi, còn họ thì cũng đã đủ danh từ để dùng, còn có dư nữa là khác. Thí dụ ta học tên của một loại danh mộc Yêng Yêng của người Khả Tu ở Quảng Nam, tên của một loại danh mộc Cẩm Lai của người Mạ ở Biên Hòa.

Mỗi nhóm thượng học của ta được bao nhiêu danh từ trong lần tái hợp này, ta đều đếm được cả, nếu ta bỏ công ra học hỏi, không có vấn đề lẫn lộn thượng cổ, cổ

và hiện kim được.

Nhiều danh từ, truy nguyên rất khó nhưng rồi cũng truy được. Thí dụ hiện nay người Mạ ở Lâm Đồng gọi chiếc xe mô tô là Mayô. Chúng tôi tìm mãi mới hay rằng họ học với nông dân Biên Hoà thuở họ còn có mặt ở Biên Hoà. Nông dân Biên Hoà gọi xe đó là xe Máy Dầu. Máy Dầu biến thành Mayô được còn Mô tô thì không.

Mạ là nhóm thượng mà ta có trao đổi ngôn ngữ nhiều nhất vì họ là nhóm thượng độc nhất ở đồng bằng, ít lắm cũng từ Mỹ Tho lên đến Biên Hoà và đã sống chung với ta ít nhất cũng 200 năm, họ chỉ rời khỏi Biên Hoà trên nửa thế kỷ nay thôi.

(Những nhóm Trãi khác như Bà Na, Sơ Đăng, Khả Tu xưa cũng ở đồng bằng Trung Việt, nhưng bị Chăm đánh đuổi lên Cao Nguyên, còn Mạ thì không hề bị Phù Nam đánh đuổi vì Phù Nam quá kém và quá ít người. Sử tàu chép rằng dân Phù Nam hỗn tạp về dòng giống là vì lẽ đó. Mạ được chấp nhận ở lại Nam Kỳ để làm công dân Phù Nam.

Chợt bọn Lương Hà đến nơi (chỗ không phải Ấn Độ như sử Tây đã chép), lãnh đạo Phù Nam, lập ra một đế quốc lớn, nhưng Lương Hà rất văn minh, cũng không đánh đuổi ai cả, mà để vậy hầu đồng hoá và thống nhứt Mạ. Nhưng cấp lãnh đạo đó chưa hoàn thành sứ mạng thì đến thế kỷ thứ 6, bị Cao Miên diệt đi, người Mạ chỉ mới bị Phù Nam hoá nửa chừng thì lại bị Cao Miên hoá, nhưng cứ còn giữ đất. Mãi đến năm 1623, ta di cư vào Nam mà tổ chức tế nhị của ta làm bực mình

họ, họ mới bỏ đất lần hồi cho ta, rút dần từ phía dưới lên Biên Hòa, và ngày nay thì họ chỉ còn có mặt thưa ở Long Khánh, nhưng trung tâm thì ở Lâm Đồng.)

Họ là chủ đất Nam kỳ trước khi Phù Nam đến nơi (đồng lúc với Chăm tức 500 trước Tây lịch). Họ kém nên bị Phù Nam lãnh đạo. Phù Nam bị Cao Miên diệt quốc rồi thì họ bị Cao Miên lãnh đạo. Nhưng ta tổ chức quá chặt chẽ, không dễ lỏng lẻo như Cao Miên, nên họ khó chịu, rút dần lên Lâm Đồng hết và đến nay họ vẫn còn làm rẫy.

Một vài phụ chi quanh họ, định canh, nhưng chánh chi cứ luân canh.

Danh từ của họ có len vào cả văn chương của miền Nam nữa, nhứt là trong ca dao, tục ngữ và họ dùng đến ba ngôn ngữ: Phù Nam, (Lạc bộ Mã) Cao Miên (Lạc bộ Chuy) và Lạc bộ Trãi của chính họ. Nhưng tất cả các danh từ của con người cổ sơ nơi họ đều là danh từ của Lạc bộ Trãi.

Ta phải thú nhận rằng ta kém người Chăm trong việc khai hoá đồng bào Thượng. Chăm là Lạc bộ Mã, thế mà họ làm thế nào mà ba nhóm Trãi và Churu, Rôglai và Jêh dùng đến 80 % danh từ của Lạc bộ Mã và định canh hẳn.

Người Mỹ tới đây rất trẻ và khi họ nghiên cứu người Jêh họ kinh ngạc vô cùng vì người Jêh ở ngang Quảng Ngãi mà lại ăn nói hết như người Nam Dương nên vài nhà ngữ học người Mỹ kết luận rằng Nam Dương đã di cư đến đó.

Người Mỹ không biết rằng hồi cổ thời, nơi đó khít vách với Chiêm Động là trung tâm văn hoá của Lâm Ấp rồi của Chiêm Thành. Họ cũng không biết rằng hồi đời xưa, người Chăm nói y hệt như Nam Dương. Họ lại cũng không biết rằng người Chăm không thể chối nhận có mandi ở cạnh kinh đô Indrapura được, thành thử họ chỉ còn một con đường độc nhứt là đồng hoá triệt để người quanh đó. Nhưng họ thất bại với người khít vách là người Takua và người Cua, nhưng lại thành công lớn với người Jêh ở trong xa, giáp ranh với Ai Lao. Họ nhờ đất của người Jêh để liên lạc với Chân Lạp vốn lập quốc ở Ai Lao hồi cổ thời, và chính vì thế mà Chăm ngữ lại mang hơi nhiều danh từ Cao Miên, khiến các ông Tây đời xưa đặt Chăm ngữ và Cao Miên ngữ vào một gia đình. Đó là một sai lầm to tát.

Bọn Lạc bộ Chuy Nam thiên cùng lúc với bọn Trãi, cách đây 5.000 năm. Nhưng riêng Cao Miên thì không, mặc dù họ cũng là Lạc bộ Chuy. Bọn Nam thiên thượng cổ chỉ là người Munda rồi người Miến điện, tuy đồng gốc với Cao Miên, nhưng khác.

Ta biết được điều ấy nhờ quốc hiệu Cao Miên xưa là CHANH RA mà họ còn nhớ nghĩa là được Tàu phiên âm là Chơn Lạp. Chanh là người Tàu, trong ngôn ngữ Cao Miên. Còn Ra thì người Pháp cho rằng là THẮNG. Chanh Ra là thắng Tàu.

Một sự kiện đáng ngạc nhiên ở Nhựt, bọn Mã lãnh đạo bọn Trãi. Thế mà danh từ Mã trong Nhựt ngữ lại bị biến nát hết, đến không nhìn nhau được nữa khi các

nhà bác học Nhựt đối chiếu Mã ngữ và Nhựt ngữ.

MÃ

NHỰT

Kaki	bị biến thành	Ashi = Cẳng
Masé	→	Mađa = Nữa
Siang	→	Asa = Buổi sáng
Muka	→	Kao = Mặt
Bôcốc	→	Boku = (cây) cối
Kiri	→	Hiđari = Bên trái

Nhưng danh từ của bọn thua trận, bị lãnh đạo là bọn Trãi thì lại được giữ gần gần như nguyên vẹn:

TRÃI

NHỰT

Múa	→	Mau
May	→	Mai
Nữa	→	Nao
Irau, Rửa rarr	→	Arau
Anuk	→	Inú (chó)
Rui	→	Taruki
Cây	→	Ki
Tay	→	Tê

Vẫn là có biến, nhưng còn nhận diện với nhau được, như CÂY biến ra KI, chỉ như CỐI là BÔCỐC mà biến thành BÔKU thì khó lòng mà nhận bà con.

(Theo luật Swadesh, thì danh từ Ashi của Nhựt, chỉ mới có lối hai trăm năm thôi, vì danh từ KAKI còn nguyên vẹn trong Nhựt ngữ, và ở độc một trường hợp: Mizukaki = Cẳng nước = Cẳng có bẹ như cẳng vịt, cẳng ếch.

Kaki rụng đầu K vào năm 500 trước Tây lịch chẳng

hạn, tức còn lại AKI, mãi cho tới năm 500 sau Tây lịch, đúng một ngàn năm, theo luật Swadesh, thì mọc khúc giữa S, hoá ra là ASKI.

Aski thọ suốt ngàn năm, tức cho tới năm 1500 sau Tây lịch ngang với Mặt Lê của ta thì lại mọc thêm khúc giữa H, sau khi rụng khúc giữa K. Sự mọc và rụng này đi song đôi với nhau trong vòng ba trăm năm, cho đến năm 1800, thì Ashi thành hình: ASKI → ASHI.

Mong các nhà bác học Nhựt tìm cổ văn của họ để kiểm soát xem lịch trình biến dạng Kaki → Ashi ra thế nào, có đúng như những bài toán mà chúng tôi đã vẽ phác ra theo luật Swadesh hay chẳng.)

Lạc bộ Trãi (Bắc Việt) nói NA NÁ thì Lạc bộ Trãi Nhựt cứ còn được phép nói ANNA. Nhưng Lạc bộ Mã (Nam Dương) nói NANA = TRÁI DỨA, TRÁI THƠM, TRÁI KHÓM, thì Lạc bộ Mã (Nhựt) biến thành PAINAPPURU.

Nếu đó là vay mượn của Anh PINE-APPLE thì lại còn tệ hơn nữa vì cả hai nhóm Trãi và Mã ở Nhựt đều mất hết ngôn ngữ đời tiếp xúc với người Anh mới gọi tên được loại trái đó.

Họ mượn danh từ Châu Âu một trăm lần nhiều hơn ta, cả trái chanh cũng bị gọi là RIMON tức LIMON, nhưng riêng về NANA của Nam Dương thì không chắc Nhựt mượn Pine-Apple vì chính Châu Âu đã mượn NANA để biến thành ANANAS thì không lẽ kẻ cho vay lại đi vay lại của con nợ, nên chúng tôi nghĩ rằng Painappuru là do gốc tổ NANA bị biến dạng bậy bạ. Khi họ dám biến KAKI → ASHI thì họ dám biến tất cả. KAMI là MÌNH,

tiếng của thần tự xưng với loài người thế mà lại bị biến thành ÔNG THẦN thì họ dám biến tất cả ra tất cả, chỉ trừ danh từ của bọn thua trận thì được để yên, chẳng những thế, mọi ngành hoạt động văn hoá nghệ thuật đều dùng danh từ của bọn thua trận, đồ sứ là Sêtômônô = Món Lại Hộ, kịch phong tục thì SEWA- MONÊ tức MÓN XIUƯA, mà XƯA của bọn Trãi có nghĩa là PHONG TỤC; truyện cổ tích là SETSEWA tức TÍCH XIUƯA.

Ta có thể tưởng tượng rằng bọn Trãi ở Nhựt tuy thua trận các Thiên Hoàng, nhưng chỉ thua ở đường tơ kẻ tóc mà thôi, và kẻ lãnh đạo phải kính nể kẻ bị lãnh đạo đến mức không dám đụng tới danh từ của họ.

Hiện ngôn ngữ đó giải thích được sự kiện ở Nhựt hồi trung cổ, nội chiến xảy ra nhiều hơn ở nước ta bội phần.

Sử Nhựt hoàn toàn không biết gì hết về nguyên nhơn dân tộc mà chỉ đưa ra các nguyên nhơn khác, bởi họ không biết rằng Nhựt vẫn có hai thứ Mã Lai y hệt như ở Việt Nam, và có hai thứ danh từ khác nhau, trừ những danh từ của con người Mã Lai nguyên thủy thì mới giống nhau được như HẠ, SAKANA, TÊ, KI.

Cũng nên biết rằng khi bọn Mã từ Nam Dương lên xâm lăng bọn Trãi, thì bọn Trãi đã văn minh cao rồi nhờ di dân Trung Hoa do hậu duệ Phù Tô đưa sang Nhựt trên hai trăm năm trước khi bọn Mã tới.

Có lẽ bọn Mã chỉ thắng nhờ lực lượng quân sự, và cũng chỉ lãnh đạo nhờ lực lượng quân sự, còn văn hoá thì cứ do bọn Trãi nắm giữ.

Và bọn Trãi học tiếng Tàu không có thấy vì bọn Phù

Tô gồm toàn nông dân và thợ, thế nên người Nhựt dùng tiếng Tàu quá kỳ cục. Thay vì vay mượn danh từ CANH (ăn cơm của Tàu, như ta đã làm, họ lại sáng tác bằng cách nhập một tiếng Tàu là HẤP với một danh từ Trãi là MÓN. Nhưng họ lại đọc HẤP là SUI. Hoá ra CANH của Nhựt Bốn là SUIMÔNÔ.

Bọn Mã tới nơi, thắng trận, nhưng chẳng biết Ất Giáp gì hết cũng nói SUIMÔNÔ y hệt như bọn Trãi đã học nhầy dù, như vậy từ hai ngàn năm rồi.

Dưới đây là một nhận xét để giúp người Nhựt đi tìm bà con thật cật ruột. Về động từ Rửa thì hiện trong lãnh thổ Việt Nam, nó có mặt dưới các hình thức sau đây:

Việt Nam:	Rửa
Mạ:	Irau
Sơ Đăng:	Jíu
Sơ Đăng:	Ró
Khả Tu:	Arau

Nhựt nói là ARAU, không khác Khả Tu một nét. Khả Tu ở ngang Đà Nẵng về mặt vĩ tuyến ngenh các Anata. Người Nhựt gọi con CHÓ là INÚ, người Khả Tu gọi là ANUK, người Nhựt gọi CHI là ANE, người Khả Tu gọi là Anô. Nhựt gọi màu vàng là KI, người Khả Tu gọi là RI. Chắc chắn là Khả Tu ở Nhựt đã lãnh đạo phe Trãi ở Nhựt vì nếu dân nào ở V.N. cũng có Rửa, có Arau, thì chỉ có dân Khả Tu là có ANUK, ANÔ và RI.

Các nhà ngữ học Pháp làm việc cho Việt ngữ tiên

chiến, đã có một chủ trương sai lầm như sau: *“Vào thế kỷ X... thì Việt ngữ và Mường ngữ tách rời ra, Việt ngữ biến dạng, thay đổi nhiều, còn Mường ngữ thì không.”*

Chủ trương trên đây có đúng hay không? Ta chưa vội đáp, chỉ biết là nó hàm một yếu tố sai, không được nói ra.

Chủ trương đó, làm cho ai cũng hiểu rằng Việt ngữ và Mường ngữ trước đó là một. Đó là một sai lầm. Sở dĩ có chủ trương ấy vì vào những năm mà các ông Tây nghiên cứu Việt ngữ, chưa ai biết người Mường là dân nào cả, và giới học giả chia làm hai phái, một phái cho rằng người Mường là ai không biết, phái khác cho rằng họ là người Việt 100%. Chính những nhà ngữ học nói trên thuộc vào nhóm sau, mà đại diện là ông H. Maspéro.

Nay chúng tôi dựa vào ngôn ngữ tỷ hiệu thì biết chắc rằng người Mường là Austronésien, tức Mã Lai đợt II, tức Lạc bộ Mã, thì Việt ngữ và Mường ngữ là hai chớ không phải một, về mặt dân tộc. Về chủng tộc, dĩ nhiên họ và ta là một.

Hai thứ Mã Lai đó chỉ giống nhau 40% về danh từ mà thôi. Đó là những danh từ căn bản của con người Mã Lai nguyên thủy. Về sau, họ tách rời ra, sống ở hai địa bàn khác nhau là Hoa Bắc và Hoa Nam, nên họ sáng tác 60% còn lại, khác nhau hết.

Nhưng người Mường lại đặc biệt là đã tái hợp với ta vào năm 500 T.K theo tiền sử học cho biết, và họ định cư ở Bắc Việt với tư cách dân bổ sung, làm khách

trợ, nên rồi họ phải học theo ta, vì thế mà rồi 60% của họ, sau đó, họ phải bỏ đi, và nói như ta, nhưng lại đọc không giống được hết như ta.

Học tiếng Mường, ta thấy rằng họ dùng danh từ như ta, nhưng cứ còn sót lại lối ba bốn trăm danh từ của Nam Dương, tức của Lạc bộ Mã mà không ai chú ý, vì những nhà nghiên cứu Mường ngữ không biết tiếng Nam Dương. Thế rồi họ xem mấy trăm danh từ ấy là của cổ Việt, mà Việt Nam không dùng nữa.

Mường: No ti = Ổ dẫu

Nam Dương: Đi mana = Ổ dẫu

Họ đã nuốt MA vì chịu ảnh hưởng độc âm của ta, còn Di-Na bị bảo lộn thành Noti: vậy Noti là sự đảo lộn và biến dạng của Đina của Nam Dương chớ không bao giờ là hình thức cổ của Ổ Dẫu của Việt Nam.

Mường = La no pò = Làm sao vậy.

Nam Dương = Apa = Làm sao.

LA NO PÒ cũng chẳng dính dáng gì tới tiếng Việt cổ hết.

Trong quyển sử, chúng tôi có trình ra hai danh từ Mường giống hệt danh từ Nam Dương:

Mường: Tô = Cây dâu tằm

Nam Dương Pơ tô = Cây dâu tằm

Mường: Pơ Đuông = Lúa gạo

Nam Dương: Pađi

Chàm cổ: Pơđà

Chàm kim: Pađai

Rađê: Pơđai

Giarai: Pođai

Thế thì không có sự tách rời nói trên bao giờ, và trước sau gì họ cứ khác. Ta có thể phân chia như sau:

40% giống nhau từ thượng cổ: cứ còn;

60% khác nhau.

Như đã nói, bia trên đền Hùng đã nói đến HÙNG. Đó là các cụ nhà Nho đã Hoa hoá một danh xưng Việt, chắc chắn là như vậy, chớ Việt ngữ thuần túy không có tiếng Hùng. Các cụ Hoa hoá nhưng vẫn Hoa hoá cái gì chớ không phải sáng tác, mà cái gì đó thì hiện nay không ai còn nhớ nữa, chỉ thấy đồng bào ở Bắc Cao Nguyên gọi ta là Ađuôk.

Thế thì rất có thể họ gọi theo cổ thời, chớ Chăm, Cao Miên, Ấn Độ đều không có danh từ AĐUÔK còn người gọi ta là AĐUÔK lại cũng chẳng biết AĐUÔK là gì. Ta cứ tạm kết luận rằng AĐUÔK có nghĩa là HÙNG, rồi tìm học thêm vì có vài nhóm Thượng hiện chưa bao giờ được ai biết ngôn ngữ ra sao như một nhóm định cư giữa người Sơ Đăng, người Khả Tu và người Jêh, nhóm ĐL.

CHƯƠNG VII

MÌNH VỚI TA TUY HAI MÀ VẪN CỨ LÀ HAI HAY LÀ TRÒ CHƠI XÍ CỘT CỦA CÁC ĐẠI DANH TỪ MÃ LAI

Chúng tôi không biết ở Trung và Bắc có trò chơi xí cột hay không nên phải giải thích sơ qua vài dòng. Trò chơi thường xảy ra ở một ngôi nhà lớn mà trống trải, một vựa lúa to, vào lúc mãn mùa chẳng hạn, trong đó phải có nhiều cây cột không bị chướng ngại vật ngăn trở, ít lắm là mười cây.

Nếu có mười cây cột thì trẻ con phải đông 11 đứa. Mười đứa làm chủ mười cây cột, còn một đứa thì dư, không có đất cắm dùi. Thế là nó thua. Nhưng nó chưa thua vì các đứa “xí”, tức “cướp” được cột, phải thay đổi với nhau, chớ không được phép giữ chỗ một cách cố định, không giây phút nào sự đổi chỗ được phép ngưng hết. Và đứa thất nghiệp sẽ mau chơn cướp một trong hai, ba, bốn cây bị bỏ trống trong vài giây ấy, thế là nó lại được và một đứa khác phải thua.

Các đại danh từ của chúng Mã Lai cũng thế. Nhưng chúng tôi chỉ nghiên cứu có chi Âu tức Thái và chi Lạc với ba phụ chi là Lạc bộ Trái, Lạc bộ Mã, và Lạc bộ Chuy mà thôi, còn chi Nam Ấn, Trung Mỹ và Đại Hàn

chúng tôi còn đang tìm học, thì xin chữa họ ra.

Ta có dân ca (hay thơ?):

Mình với ta tuy hai mà một

Ta với mình tuy một mà hai.

Nhưng trong ngôn ngữ Việt Nam thì MÌNH với TA, tuy hai mà vẫn cứ là hai.

Chúng tôi bắt đầu xét ngôn ngữ của chủng Mã Lai từ thời thái cổ đến nay, và chúng tôi chia các thời kỳ lịch sử của chủng Mã Lai như sau:

Thái cổ: Haute antiquité: 8 ngàn năm

Thượng cổ: Antiquité: 5 ngàn năm

Cổ: Epoque archaïque: 3.500 năm

Trung cổ: Moyen âge: 2.500 năm

Đến năm 40 sau Tây lịch thì một biến cố lớn xảy ra, làm xáo trộn ngôn ngữ của ta quá nhiều. Đó là cuộc xâm lăng của Mã Viện. Và từ lối năm đó, thì Việt ngữ vốn là Mã Lai ngữ đa âm, bị độc âm hóa và nhiều biến chuyển nữa xảy ra.

Chúng tôi đi theo sát lịch sử của chủng tộc là chủng Mã Lai nó chia rõ rệt ra thành các thời kỳ sau đây:

I - THÁI CỔ: sống chung nhau quanh núi Himalaya

II - THƯỢNG CỔ: tách rời để di cư đi Ấn Độ và Hoa Nam, Hoa Bắc

III - CỔ: tái hợp tình cờ vì cuộc săn đuổi của Tàu. Trước thời tái hợp có một biến cố lớn là các chi nhóm đã lập quốc rồi ở bên Tàu, và ở Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam, v.v. Vậy khi tái hợp là văn hóa đã hơi khác nhau đôi chút vì sự định cư lâu đời ở các quốc gia đó, và các

nhóm đều phong phú thêm về ngôn ngữ, nên lại học qua học lại với nhau, y như học của ngoại quốc.

IV - TRUNG CỔ: lại tách rời, rồi các chi nhóm bị ảnh hưởng ngoại lai của Tàu và Lương Hà, Á Rập, Ấn Độ.

Trong thời Trung cổ này thì Việt ngữ thành hình hẳn với những vay mượn của thời tái hợp và của Tàu.

Họ đã lập quốc ở bên Tàu, đã sáng tác thêm, nhưng cái MẶT cứ là MATA, con MẮT cứ là MATA, LÁ cứ là HALA, (??) cứ là ĐOAN, CÂY cứ là KÂY, Kaýu.

Nhưng những thứ tế nhị hơn thì đã khác.

Chúng tôi đi từ cái ta đến gia đình, đến thiên nhiên, đến dụng cụ, đến đời sống tinh thần, và mặc dầu nghiên cứu ngôn ngữ ta lại biết được những sự kiện lịch sử mà tiền sử học không cho biết.

Quả thật tiền sử học không có phép mầu. Nhưng ngôn ngữ học và các khoa học khác có cái gây thần ấy và cùng lúc với nghiên cứu ngôn ngữ, ta thử tìm biết đời sống tinh thần và tâm linh của dân ta xem sao.

Đây là một phần trong một ngàn trang (chớ không phải 500 trang) sách của quyển NGUỒN GỐC MÃ LAI CỦA DÂN TỘC V.N bị lọc ra, vì quyển đó quá dày sẽ bán không được. Và chúng tôi làm được vài quyển nho nhỏ với cái phần bị lọc đó.

Đại danh từ TÔI của chủng tộc, thuở ban đầu dĩ nhiên không phải là TÔI đâu. Nó đã tan nát rồi, vào thời tái hợp, nhưng ta khôi phục lại được cái đại danh từ tối quan trọng đó.

Nó chỉ còn tồn tại trong chi Lạc bộ Trãi và Lạc bộ

Mã, còn chi Âu đã nói là CHUN, chi Lạc bộ Chuy đã nói là KHNHUM từ hơn 2.000 năm nay.

Cái TÔI cổ lối 6 ngàn năm đã tìm lại được ở chương I. Đó là ANY với một bảy con đông vô số kể.

Vua Hùng Vương nói AI. Nhưng bọn Lạc bộ Mã bị Tàu săn đuổi, đến ở trọ với Vua Hùng lại nói AKU. Ta không bỏ AI, không cóp AKU, nhưng ta sử dụng nó cũng khá linh động.

Từ nhiều trăm năm nay, dân ta đã quên tiếng Việt, ngộ Quan Lang là ông quan có tước là Lang. Nhưng không phải vậy đâu. Đó là KUANG T'LANG.

KUANG là danh từ của ta, tức của Lạc bộ Trãi, có nghĩa là tù trưởng. Còn T'LANG là danh từ của khách trọ mà ta vay mượn có nghĩa là thái ấp nhỏ.

Kuang T'lang = Tù trưởng thủ lãnh 1 thái ấp nhỏ.

Hôm nay một sự lầm lẫn y hệt như thế đang xảy ra tại Ninh Thuận. Người Chăm là Lạc bộ Mã, lại vay mượn danh từ KUANG của Thượng Việt là Trãi và dùng để gọi ông Quận Việt Nam. Kuang đã biến thành Quan, lại đang biến thành Quận.

Bọn khách trọ văn minh, đã đóng góp để kiện toàn văn hóa ta, mà vua Hùng ban thái ấp cho họ, ban các T'lang mà hiện nay họ còn giữ với tước KUANG bị hiểu lầm là QUAN.

Nhưng ta đã hiểu lầm một cách tai hại hơn. Đối với Lạc bộ Mã thì Kuang T'lang = Thăng tù trưởng.

Thế thì khi ta gọi người Mường là Quan Lang thì họ bị mịch lòng ghê lắm, nếu họ còn nhớ tiếng Việt cổ thời

của bọn Lạc bộ Mã.

Phải gọi họ là Kuang T'lang Aku, nói tắt là KUANG T'LANG KU mới là có lễ độ, vì từ ngữ ấy có nghĩa là: Bầm tù trưởng CỦA TÔI.

Lối nói đó, giống Tây, nhưng hữu lý hơn Tây. Tây nói VOTRE MAJESTÉ = Bệ hạ của các anh, thì còn nghĩa gì nữa!

Ta đã quên hết tiếng Việt rồi, từ ngày mà ta dời KU để đứng trước các nhân vật, chứ không phải sau: Cụ Tuần, cụ Phán, v.v.

Đây là vay mượn chớ không còn là danh từ chung nữa nên ta biến và dùng sai, vì ta không thạo nghĩa. Danh từ nào vay mượn là biết ngay, vì nếu có biến dạng, biến nghĩa, nó vẫn còn có lý. KU biến thành CỤ và dời chỗ thì còn có lý, nhưng nó tự lật tẩy nó rằng nó là con vay mượn ở trường hợp sau đây, mà ta hiểu bậy bạ quá sức tưởng tượng.

Khi Lạc bộ Mã (và hiện Nam Dương còn dùng y hệt như hồi cổ thời) giới thiệu con trai nhỏ của họ với ai, họ cũng dùng AKU, không phải với ý nghĩa tôn kính quan to nữa, mà với ý nghĩa quý báu đứa con đó.

Anak Aku = Con nít của tôi.

Rồi họ cũng co rút Aku thành Ku. Nhưng lần nầy thì Việt Nam không đảo ngữ nữa, mà cứ để vậy, thay Anak bằng danh từ THẰNG và cho KU một ý nghĩa kỳ dị: cơ quan sinh dục của con trai: "Thằng cu Tí, thằng cu Tèo".

Khi giới thiệu con gái bé, Nam Dương nói: "Anak

gađi”.

Gađi = Con gái bé trinh trắng.

Cả hai tiếng tốt đẹp là KU và GAĐI đều bị dân tộc Việt Nam cho một cái nghĩa xấu nhất thế giới.

Anak Gađi = Cái đi.

Ở đây Anak bị thay bằng CÁI và Gađi bằng ĐI.

Nhưng ĐI thuở ấy (thời Hùng Vương) vẫn còn nghĩa là gái bé trinh trắng. Nó chỉ xấu về sau này, khi ta có danh từ đồng âm là CON ĐI mà thôi.

Danh từ CON ĐI do tiếng Tamoul (Dravidien Nam Ấn) mà ra, không biết nó len vào Việt ngữ từ hồi nào, và bằng cách nào. Đó là danh từ CHAN ĐI. Nhưng không phải là danh từ chung thượng cổ đâu vì hồi thượng cổ không hề có nghề mãi dâm.

Tóm lại KU và ĐI thuở xưa rất tốt đẹp. Tiếng thứ nhứt bị ta quên nghĩa rồi hiểu sai, rồi tiếng thứ nhì thì rui ro đồng âm với CON ĐI do Chandi tạo ra, khiến ta ngộ nhận về sau.

Ngôn ngữ phiêu lưu kinh khủng và viết về lịch sử ngôn ngữ còn khó hơn là về lịch sử dân tộc nhiều lắm. Nào ai dè trong Việt ngữ lại có danh từ Mông Cổ, danh từ Tamoal, mà lại là những danh từ tối quan trọng vì KỂ và HỌ là hai ý niệm có tầm vóc lớn, còn CON ĐI tuy là chuyện xấu xa nhưng vẫn đánh dấu một biến cố lớn trong xã hội Việt Nam: sự xuất hiện của nghề mãi dâm.

Rồi ta sẽ thấy còn nhiều danh từ lạ nữa, mà Phạn ngữ là một.

Danh từ Kuang T'lang cho ta biết thật đích xác chế

độ xã hội Việt Nam vào năm 500 T.K, năm mà tiền sử học cho biết rằng Lạc bộ Mã (tổ tiên người Mường) đến ở trợ với vua Hùng Vương.

Nước nhà đã thống nhất theo chế độ phong kiến vì còn thái ấp, và không khác ngày nay ở xứ Mường chút nào cả. Nhưng vua Hùng Vương lại không có một danh từ để ban cho thái ấp trưởng, mà tạm dùng danh từ Kuang là tù trưởng.

Tù trưởng chỉ là trưởng của bộ lạc thôi chứ.

Điều thứ nhì mà ta được biết là bọn khách trợ ấy vẫn được trọng đãi, vì được phong kiến ở những thái ấp nhỏ, chứ không phải chỉ được làm thường dân mà thôi. Sở dĩ được vậy là nhờ họ đã văn minh lắm và giúp vua Hùng kiện toàn văn hóa.

Bọn Mã rất văn minh. Chính họ là tác giả trống đồng. Vua Hùng Vương kết nạp họ vì tình đồng chủng (40% danh từ giống ta) mà cũng để kiện toàn văn hóa của Văn Lang. Chính họ là kẻ đã đưa đôi đũa ăn cơm tới với danh từ Đũa.

Đừng tưởng đó là chuyện chơi. Cho tới năm nay người Ấn Độ văn minh là thế, vẫn còn ăn cơm bằng ngón tay. ĐUA vốn là chỉ số từ có nghĩa là hai, họ và ta biến thành ĐÔI và Đũa.

Nhưng vua Hùng Vương cũng không vừa gì, bằng không, ông đã mất ngôi, y như bọn Trãi ở Nhựt Bản. Thiên Hoàng mà bọn Mã đến cướp ngôi của bọn Trãi đã lập quốc rồi. Vua Hùng Vương cũng đã tiến lên thời đại đồng pha (cổ vật núi Voi) và hơn bọn Mã về nông

cụ. Họ có lưỡi HÁI. Đó là danh từ mà trước đó ta không có. Nhưng vua Hùng Vương có lưỡi A, mà:

Một lưỡi A, bằng ba lưỡi hái.

Tuy nhiên phải nhìn nhận rằng bọn ấy văn minh lắm, vì họ lập quốc lâu đời hơn vua Hùng Vương, quanh hồ Động Đình.

Chính bài dân ca ông Ninh ông Nang là của họ chứ không phải của ta:

Ông Ninh ông Ninh

Ông ra đầu đình

Ông gặp ông Nang ông Nang

Ông Nang ông Nang

Ông ra đầu làng

Ông gặp ông Ninh ông Ninh.

Có thuyết cho rằng ông Ninh là nói ngọng hoặc hình thức cổ của ông Linh (thiên). Còn ông Nang là hình thức cổ của ông Lang.

Nhưng chúng tôi cũng có bằng chứng rằng hồi đầu Tây lịch dân ta gọi ông Lang là T'BOT. Lang là tiếng Tàu thì ta không làm sao mà có được vào thời Hùng Vương.

Và lại nếu Ninh là Linh Thiên thì linh thiên chỉ có thể hiện ở đầu đình, nhưng mà ông Ninh cũng hiện diện ở đầu làng như loài người thì không ổn. Và lại ta cũng chưa vay mượn tính từ Linh của Tàu.

Hiện nay người Nam Dương (Lạc bộ Mã) vẫn có một tục ngữ tương tự, nhưng ý nghĩa thì khác hẳn.

Lang là Lanang = đàn ông lực lưỡng.

Nin là Lilin = cây nển

Dân ta biến L thành N và I thành Ế.

Nhưng ĐÀN ÔNG với CÂY NẾN là cái quái gì? Đó là hai danh từ trong câu tục ngữ mà chúng tôi ám chỉ đến. Cây nển là tục danh dùng để gọi đùa những người đàn ông eo lá và vừa gầy lại vừa cao. Tục ngữ ấy đối chiếu hai loại nông dân có hình thù khác nhau, để đùa chơi vậy thôi.

Tục ngữ của MIỀN DƯỚI là như thế này: PUTORI LILIN, LANANG LAKI. Định nghĩa đen là: Công chúa cây nển gặp NÔNG DÂN ĐỤC LỰC LƯỠNG.

Ta biến Lanang thành Nang, Nảng.

Ta biến Linin đến hai ba lần:

Linin → Ninin

Ninin → Nin, Ninh

Nin → Nển

Lần biến sau cùng là vào thời Mã Viện mà ta bắt đầu bị độc âm hóa. Nhưng bài ca dao thì đã có trước đó vào giai đoạn nển còn là Ninh.

Ngày nay NANG hình như còn có mặt trong Việt ngữ với những hình thức sau đây:

(Nây) NẮN – (Bắp thịt) U NẮN.

Dân ca *họ* đi vào xã hội *ta*, cho thấy rằng thuở ấy *họ* và *ta* sống lẫn lộn với nhau chứ *họ* không sống biệt lập như ngày nay, vì thế mà chúng tôi chấp nhận truyền thuyết Mường, bởi không còn ai biết ai là con cháu của Trãi hay Mã nữa.

Vua Hùng Vương có Ủ mà không có DẠ, chính bọn ấy

đã đưa YA tới mà hiện Miên Dưới còn dùng.

Tóm lại, đó là thứ dân bổ sung có đời sống tinh thần và tâm linh tế nhị rồi. Hơn thế, vì đã lập quốc từ trước cả đời Tây Chu nữa, nên họ đã có những danh từ quý phái. Hơn thế, quanh họ có lu bù nước Việt văn minh bằng nhau (Sở, Ngô, Việt, Mân Việt) nên họ càng dễ văn minh hơn là vua Hùng Vương trợ trợ một mình ở Văn Lang.

Giàu danh từ quý phái, họ có đến ba đại danh từ ngôi thứ nhất:

AKU: để người xưng hô với người

KITA: để xưng hô với dân

KAMI: để thần xưng hô với người.

Thần ở đây là thánh trong tôn giáo đồng bóng mà vua Hùng Vương cũng có, nhưng lại không có đại danh từ.

Vậy vua Hùng Vương đã vay mượn KITA của họ để phân biệt quý với tiện.

Y như Tần Thủy Hoàng lên ngôi rồi tự xưng là Trẫm, bắt dân tự xưng là Ngã là Ngô.

Dĩ nhiên là thánh thần của bọn Lạc bộ Trái vốn nhà quê trước đó, tự xưng Ai, Any, bấy giờ cũng bước lên một bước trên đài danh vọng và cũng tự xưng là KAMI. Câu chuyện xảy ra cách đây 2.500 năm.

Sống chung với nhau vài trăm năm thì Lạc bộ Mã (người Mường) và Lạc bộ Trái đều biến KAMI thành ra MIN. Và MIN tồn tại cho tới năm các cố đạo Tây Phương đến xứ ta.

Hiện nay thì thánh thần ở Nam Dương cứ tự xưng là KAMI chứ không có biến.

Kẻ biến bậy có lẽ là Lạc bộ Trãi. Còn tổ tiên của người Mường, vì cái thân ở trọ, đành phải biến theo, chứ Chăm và Nam Dương có chủ quyền thì không biến!

Quý vị thấy AKU biến ra thiên hình vạn trạng, bây giờ ta theo dõi những biến dạng của đại danh từ KITA.

Vua Hùng Vương chỉ tiếp tục tự xưng là KITA cho đến khi trào đại bị Thục Phán diệt. Nhưng dân thì chưa trào đèo tự xưng là KITA. Ngày nay ở Miền Dưới (trừ Phi Luật Tân) đã mất vua rồi, thế mà chỉ có leo heo vài tỉnh, dân mới dám trào đèo tự xưng là Kita mà thôi.

Dân ta trào đèo có thể vào thời Đinh Bộ Lĩnh vì ông vua ấy bắt chuốc Tàu, tự xưng là TRẮM, Kita bị bỏ ngỏ. Nhưng khi trào đèo ta bỏ mất âm KI. Người Chăm trào đèo vào thời nào không rõ, nhưng âm ki chỉ được họ giữ lại có chữ K mà thôi.

Nam Dương: Kita (Dân chưa dám dùng)

Phi Luật Tân: Kita (Dân đã dám dùng)

Mã Lai Á (Kolantan): Kita (toàn quốc không dám dùng nhưng tỉnh Kolantan thì dám)

Đại Hàn: Đại Hàn là Lạc bộ Trãi thuần túy nên không có đại danh từ này.

Việt Nam: Ta (Thả cửa)

Chàm: Kta (Thả cửa)

Giarai: Ta (Thả cửa)

Mường: Ta (Thả cửa)

Cái TA thứ ba là TA của thánh thần cũng bị biến

lung tung.

Khi các cố đạo Tây Phương đến xứ ta để giảng đạo thì họ mượn KAMI (đã biến thành MIN rồi) để đặt vào miệng đức Giê Su. Khi thánh của nước ngoài dùng đại danh từ đó thì tự nhiên dân tộc ấy nó mất cả nghĩa thiêng liêng, thành thử họ cũng tự xưng là MIN một cách trèo đèo.

Khi ta đọc sách truyền đạo của các cố đạo Kitô giáo, viết bằng quốc ngữ hồi thế kỷ 17, là rất ngạc nhiên, tự hỏi sao đức Chúa Trời, đức Chúa Giê Su không tự xưng với loài người là TÔI ĐÂY, TAO ĐÂY, mà tự xưng là MIN đây, chữ MIN đó không có H cuối.

Các ông thuộc sách giảng đạo lâu lâu cũng không trả lời được khi ta hỏi họ nguồn gốc của đại danh từ MIN ấy trong Việt ngữ, họ chỉ nói đó là tiếng cổ.

Nay ta đã biết rằng ta là Mã Lai rồi thì mọi việc đều rõ. Hơn thế ta lại biết ở cổ Việt, Lạc bộ Trãi vững ngôi với các ông vua Hùng Vương, khi bọn Lạc bộ Mã tới bổ sung cho dân số của vua Hùng.

Còn dân chúng trèo đèo tự xưng là Min vào thời nào? Chắc là không ai dám phá nổi bí mật của thời gian đó, mặc dầu nó chỉ mới xảy ra không lâu, nhưng theo thư tịch thì ta biết, ta biết cả tên của kẻ trèo đèo. Đó là Nguyễn Du trong câu thơ:

Thôi đà cướp sống chống min đi rồi.

Một khi mà Min bị thần ngoại quốc dùng thì dân ta thấy rằng nó hết thiêng liêng, nên họ mới dám có sự trèo đèo ấy.

Ông Nhựt Bốn biến kỳ dị vô cùng. Thánh thần của ông không biết tự xưng là gì, nhưng ông thì biến đại danh từ KAMI đó thành danh từ với cái nghĩa ÔNG THẦN.

Thế nên khi đi tìm chủng tộc, họ mới phải điền đầu, vì so với ai, họ cũng khác hết.

Bọn Lạc bộ Mã văn minh lắm, như ta đã thấy với ba cái TÔI rắc rối của họ.

Cái Mây của chung, nhưng cả hai, Mã và Trãi lại cũng có cái Mây riêng.

Miền Dưới: Mika = Mây

Bà Na: Mi = Mây

Việt Nam: Mi = Mây

Mạ: Mi, Mai = Mây

Nhựt Bốn: Kimi = Mây

Nhưng đã yên đầu nào. Họ còn có một cái Mây lễ độ nữa, rắc rối lắm là nó giống hệt cái ta của họ.

Miền Dưới: Kita = Mây (lễ độ)

Cao Miên: Eng = Mây (lễ độ)

Việt Nam: Anh = Mây (lễ độ)

Mạ: yiênng = Mây (lễ độ)

Chàm: Ai = Mây (lễ độ)

XiTiêng: Ay = Mây (lễ độ)

Ra Ê: Ĩ = Mây (lễ độ)

Sơ Đăng: Ê = Mây (lễ độ)

Ông Nhựt lấy Anh + Kita = Anata = Mây (lễ độ).

Thì cũng như ông Nhựt lộn xộn nên không còn nhận ra bà con nữa.

Đại danh từ KITA = Mây (lễ độ) chỉ có dân Mã Lai Kedah là dùng mà thôi, nhưng anh Nhựt, có lẽ vốn đồng gốc với Kedah, nên anh ấy biết và mới nhập hỗn loạn như thế đó.

Ở Nhựt Bốn thủ phạm là Lạc bộ Mã, vì Lạc bộ Trãi đã mất ngôi, chịu phạt đàn em, ngôn ngữ chánh thức là ngôn ngữ Đông Kinh (Tokyo) mà đó là ngôn ngữ của bọn Lạc bộ Mã, bọn đã cướp ngôi của Lạc bộ Trãi và tự xưng là Thiên Hoàng từ 2.000 năm nay.

KAMI với MIKA lộn lạo điên đầu, nhứt là hai tiếng lại giữ hai ngôi: KAMI ngôi thứ nhứt, MIKA ngôi thứ nhì. Không phải chỉ là sự tình cờ mà có chuyện lộn lạo như vậy đâu. Ta thấy có sự liên hệ tư tưởng giữa Kita, Kami và Mika. Kita và Kami đều là tôi, chữ thứ nhứt, vua chúa dùng, chữ thứ nhì thánh thần dùng. Nhưng cái âm quan trọng trong đó là âm KI biến thành âm KA chứ không phải là âm MI.

KI nghĩa là Ta đây, thấy rõ trong KITA.

KA nghĩa là ta đây, thấy rõ trong KAMI.

KAMI, ngôi thứ nhứt, thì KA phải đứng đầu.

MIKA, ngôi thứ nhì thì MI phải đứng đầu, vì kẻ quan trọng không còn là Ka nữa mà là Mi, kẻ được gọi đến.

Ta cứ nói lên một câu mà một vị thần của ta xưa nói với con công và đệ tử, ta sẽ buồn cười lắm: "Mika phải cúng cho Kami một đĩa xôi đấy nhé!"

Còn vua Hùng Vương thì nói với một thần dân như thế này: *Kami chém kal mika*. KAL tức là CÁI, tức LICÁY, mà Lạc bộ Trãi trên Cao Nguyên dùng để chỉ

cái đầu.

Dân thì nói: "*Chắc con knot puôn rợ: kal, chắc, tay, jon*" (Thân thể người có bốn phần, đầu, mình, tay, chơn). Lạc bộ Trãi Cao Nguyên không đọc là chơn mà đọc là jon. Xưa kia ta cũng phải đọc là jon, không thể khác hơn được.

Ta lật một quyển tự điển Nhựt Bốn hay Nam Dương ta sẽ ngạc nhiên mà thấy TA với MI được định nghĩa dài một gang tay, còn NÓ thì chỉ có nửa dòng. Đó là dấu hiệu của hai xã hội phân biệt giai cấp triệt để, nên việc xưng hô giữa hai kẻ đối thoại là TAO với MẤY phải phức tạp không thể tưởng tượng được, Tao với Mấy là thần với người, là vua với dân, là nhà giàu với nhà nghèo, là chủ với tớ, là bạn với nhau, là nam với nữ, là quan với dân, là tướng với lính, là một vạn thứ, không sao kể cho xiết được.

Khi dân chúng Việt Nam trèo đèo tự xưng là MIN thì họ lại cho nó mọc cái đuôi H, mới đây thôi, tức sau Nguyễn Du.

Thế thì MÌNH với TA tuy hai mà vẫn là một vì đồng nghĩa. Nhưng MÌNH với TA tuy một mà là hai vì khác ngữ nguyên.

Và đây là trường hợp Minh với Ta tuy hai mà triệt để hai, hoàn toàn hai, đó là CÁI MÌNH (thân thể), hiện chỉ có bốn quốc gia còn giữ được:

Nhựt Bốn:	Mi
Đại Hàn:	Mon
Việt Nam:	Minh

Thái Lan Hmóan

HMOÁN, đọc chữ H và thật nhanh ở âm OA.

Hiện nay nhóm Khả Lá Vàng vẫn cứ gọi cái mình là cái CHẮC, còn người Việt miền Nam thì gọi kẻ lùn là *Chăn chắc*. Xin nhớ rằng Bắc Việt mất ngôn ngữ rất nhiều và quên mất CHĂN CHẮC. Người Khả Lá Vàng ở đèo Mụ Già chỉ có thể liên lạc được với miền Bắc chứ không với miền Nam để dạy miền Nam tiếng CHẮC. Và lại thuở Khả Lá Vàng mất nước Đạo Minh trong tay Chơn Lạp thì miền Nam chưa có mặt trên quả địa cầu.

Vậy miền Bắc vẫn phải có *Chăn Chắc* có nghĩa là kẻ lùn. Chăn chỉ là tính từ của Lạc bộ Mã là *Chin*, tổ tiên của người Mường, có nghĩa là *nhỏ bé*.

Vậy danh từ CHẮC có ít lắm cũng từ 5 ngàn năm, nhưng thật ra nó phải xuất hiện ít nhất cũng từ 8 ngàn năm, từ khi Lạc bộ Trãi phát tích. Năm ngàn năm là thời mà họ di cư tới cổ Việt. Nhưng danh từ kép Chăn Chắc thì chỉ mới có cách đây có 2.500 năm, năm mà Lạc bộ Mã, tổ tiên của người Mường, tới ở trợ với vua Hùng Vương và cho ta mượn CHIN.

Hiện nay ở nông thôn Bình Trị Thiên, người ta nói ĐẬP CHẮC thay vì nói ĐÁNH NHAU. Đập chắc là đập cái chắc của nhau, thế nên chúng tôi mới quả quyết rằng vua Hùng Vương nói hết như Khả Lá Vàng vì CHẮC là danh từ được thịnh dụng của Khả Lá Vàng, để chỉ cái Mình.

Khả Lá Vàng: Chak

Khả Tu: Chak

LỘT TRẦN VIỆT NGŨ

Sơ Đăng:	Cha
Hê Lang:	Cha
Mạ:	Sak
Lào:	Sak
Koho:	Sak
Nông thôn Bình Trị Thiên:	Chắc
Nam Việt:	Chắc

(Nam Việt mỗi ngày mỗi nói đến Chấn Chắc nhưng đã quên mất nghĩa, khác với Bình Trị Thiên còn nhớ rằng đó là Cái Minh. Nhưng Bắc Việt thì quên tuốt cả danh từ nữa.)

Nhưng Lạc bộ Trãi lưu vực Hồng Hà rắc rối hơn tất cả các nhóm Mã Lai khác. Họ còn biến Minh một lần nữa, để dùng làm tiếng xưng hô giữa vợ chồng, tiếng Minh nầy thì còn non choẹt nhưng không biết do Minh là THÂN THỂ hay mình là TA mà ra, bởi vì do cái nào cũng hữu lý cả, bởi em yêu mình, em xem mình như Ta (như em) cũng có lý, mà em xem mình như chính thân mình của em cũng có lý. Cái tiếng MÌNH trẻ tuổi nầy sống đâu được chừng một vài trăm năm thì đã chết vì ngày nay vợ chồng không xưng hô với nhau như vậy nữa.

Nay thì Em ơi! Anh ơi! Thế thì thể non hện biến làm gì, bởi BẬU chết, QUA chết, MÌNH cũng chết và vài năm nữa lối xưng hô Em ơi, Anh ơi, cũng sẽ biến mất.

Ngôn ngữ là một thứ khó diễn chế nhứt, y hệt như bắt chạch, bắt lươn, bắt cóc bỏ đĩa.

Năm 1954 đồng bào miền Bắc di cư vào đây, nghe người Nam nói BỰ thay vì TO, họ rất chối tai, nhưng họ không hề dè rằng TO chỉ là tiếng Mông Cổ và ta vay mượn cách đây 5.000 năm, và thuở thiên hạ mới dùng TO, thay cho LỚN thì những ông trung thành với ngôn ngữ gốc, chắc cũng đã tức mình ỷ hệt như những ông nghe BỰ lẩn át TO.

Đã bảo chính đại chúng tạo ngôn ngữ chớ không phải trí thức, thì xin trí thức đành chịu vậy, tức mình cho lắm chi tổn thọ.

Danh từ *Mình* là *Thân thể* là một hiện tượng mà chúng tôi suy gẫm từ hơn mười năm rồi mà không giải thích được. Tại sao khi tái hợp thì chúng Mã Lai còn giữ được hàng ngàn danh từ chung của thời thái cổ như Núi, Sông, Nước, Cây, Trăng, Lá, thể mà cái thân thể là cái gần gũi với họ nhứt, họ lại không giữ được.

MÌNH vốn là danh từ chung của đại khối Mã Lai, như MẮT. Nhưng MẮT thì giống nhau hết, mà MÌNH lại khác nhau hết, vì họ đã đánh mất hết. Nhưng chúng tôi tin là bọn Trái còn vì Khả Lá Vàng cổ nhứt. Vậy kẻ đánh mất là Chuy, Mã và Âu.

Nếu họ đánh mất, vì phải học của Tàu hay của Ấn, thì ta hiểu được, đằng nầy họ còn, nhưng lại khác nhau là thế nào? Chúng tôi phải kết luận rằng Mã, Chuy và Âu đánh mất chớ không phải còn, và họ học của một dân tộc kém hơn. Rất có thể họ học của một dân tộc kém hơn vì chế độ mẫu hệ của bọn Mã và bọn Chuy kéo dài rất lâu đời. Thuở ta tới cổ Việt thì ta bắt đầu

tiến lên phụ hệ, còn Mã thì không, ở các địa bàn của họ. Chuy cũng thế. Ngày nay, ta vào một gia đình Cao Miên, ta hỏi bất kỳ cái gì họ cũng bảo ta hỏi thẳng vợ họ. Điểm đó chứng tỏ rằng Lạc bộ Chuy ra khỏi mẫu hệ chưa lâu.

Ông G. Coedès đã cho biết rằng khi bọn Lạc bộ Chuy đến địa bàn mới thì thổ dân, thuộc chủng Mêlanê đã tiến lên cao bằng họ, tức tiến tới thời đại đá mài. Thế nên cuộc hợp chủng rất lớn lao. Và vì phía mẫu hệ đã giỏi nên bộ Chuy phải học với Mêlanê. Hẳn là như thế. Chắc Lạc bộ Mã cũng vậy, vì Nam Dương là trung tâm lâu đời nhất của nhóm loại với con người Java thì hẳn thổ dân phải giỏi.

Ở các địa bàn Thái và Lạc bộ Trãi thì Mêlanê rất kém vì thế mà Thái và Việt ít hợp chủng, lại còn lấn lướt phía bên nữ, nên sớm tiến lên phụ hệ, và mới còn giữ được Hmơan và Minh. Tiếng Thái đọc theo lời chỉ dẫn của chúng tôi thì rất giống mình.

Như thế, nếu vài bộ phận thân thể, có khác thì không còn phải ngạc nhiên nữa. Tuy nhiên, còn giống nhau rất nhiều: Mặt, Miệng, Lưỡi, Mắt, Xương, Lưng, Chơn, Cẳng, mà toàn khối đều nói giống nhau, ít lắm cũng trong chi Lạc, còn chi Âu có khác là chuyện dĩ nhiên vì họ khác chi. Nhưng cũng không khác bao nhiêu như danh từ mắt đã cho thấy:

Bộ Trãi: mắt

Bộ Mã: Mata

Chi Âu: tả

Đó là lấy một âm trong hai âm, theo thói quen của chúng tộc.

Nhưng đã có chứng tích rằng Lạc bộ Trãi cũng mất vì ta nói là *cái chắc* vào cổ thời chớ không nói *Cái mình*, và *Cái mình* chỉ là danh từ mà ta học của người Thái dưới trào An Dương Vương.

Nhưng Chắc của Trãi và Minh của Thái, cái nào là gốc tổ? Chỉ có trời mà biết. Truy lên tới đó là cụt đường vì nguồn bị nghẽn rồi.

Chi Âu tức Thái và Lạc bộ Chuy rất bê bối về đại danh từ. Lạc bộ Chuy chỉ giống đại khối Mã Lai có tiếng Eng = Anh. Chi Âu tức Thái chỉ giống có tiếng TAU mà họ đọc là RAOU, nhưng lại có nghĩa là CHÚNG TAU, còn thì khác cả.

Mấy họ nói là ĐÀN. Nhưng ĐÀN NÀO mới được chớ?

Ngôi thứ ba bị toàn khối khinh thường, mỗi dân tộc chỉ có một tiếng mà thôi. HẮN, xem ra là tiếng Mông Cổ mà cả Đại Hàn lẫn Nhật đều có, với hình thức khác, cố nhiên. Nhiều nhóm đồng bào Thượng cũng có.

Nhưng NÓ, chỉ là vay mượn của Lạc bộ Mã, nhưng vay mượn sai. Trong ngôn ngữ của Lạc bộ Mã, NYA chỉ là CỬA NÓ, chớ không là NÓ bao giờ. Nó là IA, mà Nam Kỳ có vay mượn biến thành DA (đọc là YA).

Ta, Lạc bộ Trãi, ta vay mượn sai thì còn cho qua, nhưng người Chăm là Lạc bộ Mã cũng đã dùng sai NYA. Nơi người Chăm, NYA biến thành NHU và cũng có nghĩa sai là NÓ.

Tuy nhiên các cụ Trung Việt và Nam Việt đã vay

mượn đúng NYA của Chàm đời xưa. Chàm đời xưa, nói đúng y như Mã Lai Nam Dương và NYA của Chàm đời xưa mang cái nghĩa là NGŨ ẤY. Các cụ miền Trung và miền Nam biến thành NỔ = Ngũ ấy. Nhưng NỔ đang hấp hối.

CHƯƠNG VIII

CON GÁI, ĐỒN BÀ, MÁI ĐỤC TRỒNG, CHỒNG VỢ

 uối sơ khai, danh từ chỉ đồn bà con gái đều giống nhau hết thảy, và còn tồn tại đến ngày nay:

Miền Dưới: Wahinê	= Đồn bà
Đa Đảo: Hina (Đảo Marquises)	= Đồn bà
Đa Đảo: Véhini (Đảo Alor)	= Đồn bà
Nhật Bản: Himê	= Con gái
Việt Nam: HỈM	= Con gái
Thái: Hi-in	= Phụ nữ
Lào: Mê-nhin	= Phụ nữ

(Tự điển Nhật định nghĩa HIMÊ là công chúa, nhưng sách Tây lại bảo rằng HIMÊ là con gái. Chúng tôi để danh từ HIMÊ trong biểu đối chiếu với sự dè dặt.)

Việt Nam đã bỏ mất nghĩa của HỈM và cho nó một nghĩa thô tục là cơ quan sinh dục của phụ nữ. Thế thì có lẽ Nhật cũng đã biến nghĩa danh từ HIMÊ của họ. Sách Tây mà chúng tôi nói đến, nghiên cứu các tác phẩm cũ của Nhật, còn tự điển là sách mới in. Trong vòng mấy trăm năm nay, Nhật ngữ đã bị thay đổi hết, tiến từ sự

bất biến đến có đủ các thứ biến y như Âu châu.

Trường hợp Việt Nam đánh mất danh từ HỈM có lý do đạo đức và luân lý, chứ không phải là quên nghĩa cũ như trường hợp Thăng Cu, Cái Đĩ. Cái lý do luân lý ấy rất là ngộ nghĩnh...

Ta cứ hình dung ra một bà mẹ hồi cổ thời, bà ấy dạy con: “Mấy nên che cái con gái của mấy lại”. Bà mẹ đó ăn nói rất tốt vì bà tránh phải thốt ra một tiếng thô tục. Dĩ nhiên là trong câu của bà, hai tiếng CON GÁI là HỈM, bởi danh từ con gái chưa xuất hiện.

Nhưng ăn nói như vậy chừng hai trăm năm là danh từ HỈM bị hoen ố rồi nên lại phải tạo ra danh từ mới để diễn ý niệm con gái. Nhưng con gái vẫn chưa xuất hiện, nhưng chúng tôi không đủ tài liệu để kể ra hàng chục danh từ có nghĩa là con gái trải qua 8 ngàn năm lịch sử của dân ta, nhưng đại khái là cứ vài trăm năm thì một danh từ con gái bị hoen ố chính vì cái câu đó, thế nên ta cứ phải thay đổi mãi, mà vua Hùng Vương, bà Trưng bà Triệu ăn nói khác ta ngày nay, chứ không phải y hệt như ta được đâu.

Luật Swadesh về thời hạn một ngàn năm cho 20% danh từ, không thể đúng với loại danh từ này, chúng chỉ thọ 200 năm là cùng. Cách đây một trăm năm, người Pháp nói LE PETIT COIN. Nhưng rồi họ phải bỏ, nói W.C. W.C là tiếng Anh, lại viết tắt thì tưởng nó thọ lâu lắm! Nhưng bây giờ thì họ không dám dùng W.C nữa mà nói TOILETTE.

Tuy nhiên, thật ra thì không phải thay đổi danh từ

thuở ta chưa có luân lý. Có lẽ chỉ phải thay đổi từ các đời Hùng Vương đến nay thôi.

Ta thử tìm biết danh từ CON GÁI của thời Hùng Vương 16, 17, 18 xem nó ra sao.

Người Khả Lá Vàng là người của thời đó và hiện còn sống sót họ nói: SALU GUÔI = Con trâu gái.

GUÔI không phải là hình thức đầu của GÁI. Nó chỉ có nghĩa là CÁI hời cổ thời.

Thế nghĩa là vào thời đó, ta dùng Gái để chỉ GIỐNG CÁI của loài thú chó chưa chỉ loài người.

Nhưng GÁI mà ta dùng ngày nay thì rõ ràng là của một nhóm Lạc bộ Mã kia là người Mường. Nhưng các nhóm Lạc bộ Mã khác như Chăm và Nam Dương thì nói khác.

Mường: On Kai = Con gái

Bình Trị Thiên: Con cạy = Con gái

Mãi cho đến ngày nay mà Bình Trị Thiên vẫn còn câu ca dao:

Con trai họ Võ thì lấy

Con cạy họ Võ thì đừng

Trong khi Lạc bộ Trãi chỉ có 36 phương ngữ ở khắp nơi, từ Đại Hàn đến Nhật, Việt, nhưng đã thống nhất rồi, ít lắm cũng ở ngoài đồng bằng, thì Lạc bộ Mã có quá nhiều phương ngữ. Ở Nam Dương có 350, ở Phi Luật Tân có 400. Đilen được chó chẳng chơi!

Người Mường chỉ là một nhóm nhỏ trong Lạc bộ Mã thế mà ông H. Maspéro đã tìm thấy 17 phương ngữ

Mường khác nhau! Vậy Mường đã cho ta vay KAI mà ta đọc là CẤY để chỉ CON GÁI, còn thấy được trong ngôn ngữ Mường ngày nay và trong ca dao Bình Trị Thiên ngày nay. Lúc Chúa Nguyễn lý khai, hân dân ta nói con CẤY ở toàn quốc, tức từ Bình Định tới Lạng Sơn, chứ không phải riêng chúa Nguyễn ở Bình Trị Thiên mới nói như vậy.

Câu ca dao nầy ít có người biết. Nhưng một người bạn ở miền Trung đã cho chúng tôi cái câu đó.

Và ở đây có sự lộn lạo thật buồn cười:

Cấy, Kai = Gái (Đáng lý phải = Cái)

Guôi = Cái (đáng lý phải = Gái)

Nhưng sau đó có sự điều chỉnh. Người ta bỏ KAI của Mường là khách trọ, dùng GUÔI của Khả Lá Vàng.

Ta trở về với Lạc bộ Trãi là Khả Lá Vàng, nhưng có biến nghĩa. GUÔI là Cái của họ, được ta hiểu là GÁI, còn KAI là GÁI của Mường bị hiểu là Giống Cái.

Ảnh hưởng của bọn Mã, to lắm chứ không phải vừa vì tính từ của họ lẫn át cả tính từ của ta, mặc dầu ta đã phản công, nhưng dấu vết còn sót lại mãi cho đến nay ở Bình Trị Thiên.

(Nhưng đất Bình Trị Thiên tuy đã bị Mã hóa ở tính từ CẤY, nhưng lại oanh liệt ở tính từ ĐAM.

Buổi mai, em xách cái oi

Em xuống dưới ao

Em bắt con đằm

Đem về bỏ trong cái thông

Hắn kêu cái róng

Hắn kêu cái rằng

Hắn kêu một tiếng: chàng ơi!

Chàng nay an phận tốt đời,

Bỏ em lẻ bạn, mở côi một mình.

ĐAM là CUA, được khắp Cao Nguyên dùng, nhưng ở đồng bằng thì chỉ có Bình Trị Thiên là còn bảo vệ nó, còn toàn quốc đã bị danh từ của bọn Lạc bộ Mã là danh từ KOJOR, mà ta biến thành CUA, tràn ngập hết.

Ta bị tràn ngập cho đến đổi đa số người Việt không còn biết con đăm là gì nữa cả, khi nghe đọc bài ca dao cổ trên đây mà chúng tôi chép lại của một nhà sưu tầm ca dao Trung Việt.)

Nhưng sự điều chỉnh xảy ra vào thời nào thì không thể biết. Chỉ biết rằng điều chỉnh xong rất lâu mà Kai và Cấy cứ tồn tại ở xứ Mường và ở Bình Trị Thiên.

Ta hạ bộ KAI của khách trọ là tổ tiên người Mường, từ địa vị NGƯỜI GÁI xuống địa vị CON CÁI. Đó là ngữ nguyên thật đúng của GÁI và CÁI.

Gái = chỉ thú vật của Khả Lá Vàng → chỉ người của ta.

Kái = chỉ người của Mường → chỉ thú của ta.

Còn MÁI là tính từ của đại khối mà dân tộc nào cũng có, nhưng Việt Nam hỗn xược cho nó cái nghĩa là giống cái của loài cầm, các nhóm Mã Lai khác, dùng để chỉ người.

Nhưng NÁI thì ta không hỗn xược mà chính Thái đã tự hạ mình:

Miền Dưới: Ponita = giống cái của người và thú, cầm thú.

LỘT TRẦN VIỆT NGỮ

Việt Nam: Nái = giống cái của heo

Churu: Ana = giống cái của heo

Rôglai: Ana = giống cái của heo

Thái: Nai = Đàn bà có chồng

Nhưng không chắc lắm là Thái tự hạ. Không có ai vô cớ mà tự hạ. Có lẽ các dân tộc khác tự tôn mà thôi, và xưa kia NÁI chỉ đàn bà có chồng, bằng chứng còn thấy được trong từ ngữ Việt Nam: NÁI XẾ. Thái giữ được, các dân khác biến bậy về nghĩa. Ta cũng giữ được, nhưng chỉ để nói đùa. NÁI XẾ là phụ nữ có con quá đông, nhan sắc bị tàn phá, trông bất ổn.

ĐỤC thì hơi rắc rối. Ta sẽ thấy rằng ÔNG, BÀ là tiếng Mông Cổ mà cả Tàu lẫn Ta đã vay mượn thì ĐÀN ÔNG, ĐÀN BÀ không thành vấn đề nữa. Chỉ còn ĐỤC và TRỐNG mà thôi.

Lạc bộ Mã và Lạc bộ Chuy nói khác hết.

Có người cho rằng ĐỤC do TUA của Thái mà ra. Nhưng chúng tôi chỉ thấy Thái học danh từ của Lạc bộ Mã, còn Lạc bộ Mã thì chưa hề học danh từ của Thái. Trong Thái ngữ có:

Tua phu = Đục người

Phu chai = Người đục

Đục người hay người đục gì cũng đồng nghĩa.

Nhưng Mường là Lạc bộ Mã thì có ĐUA = Trai. Mà Mường là một nhóm Lạc bộ Mã (độc nhứt có ĐUA). Các nhóm Lạc bộ Mã khác như Nhựt Bốn, Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Anh Đô Nê Xia, không thấy có).

Xin lập lại là Lạc bộ Mã dưới thời Chiến Quốc, vẫn

minh đã cao lắm rồi, còn Thái thì cho đến ngày nay vẫn còn thiếu danh từ để diễn ý.

Ngôn ngữ Thái và Cao Miên đầy dẫy danh từ của Lạc bộ Mã vì khi con dân của Sở, Ngô, Việt di cư thì dĩ nhiên là họ tạt vào rất đông đảo ở nước Tây Âu hùng cường. Còn Cao Miên thì lại học với Phù Nam, sau khi đã diệt quốc Phù Nam. Vì thế mà Thái mới vay mượn Tựa của Lạc bộ Mã.

Ta, ta vay mượn ĐƯA của Lạc bộ Mã, y như Thái, nhưng ta không biến ĐƯA thành TỰA mà biến ĐƯA thành ĐỰC.

Thế rồi cũng lại có sự điều chỉnh y hệt như ở trường hợp Cái, Gái, vì người Khả Lá Vàng nói:

Kuan Salu trui = Con trâu đực.

Vì Khả Lá vàng là Lạc bộ Trai nên rồi họ được ưu tiên và Mường phải lép vế vì Mường không thẳng dòng. Thế là Đưa, có nghĩa là Trai, bị hạ bệ xuống làm ĐỰC còn TRUI có nghĩa là ĐỰC, được tôn lên làm Trai.

Không nên ngộ nhận rằng ta đã biến CHAI của Thái làm TRAI, vì CHAI của Thái là biến thể của Licay và có nghĩa y hệt như Licay: đực, lực lưỡng, thủ lãnh, đàn ông.

Mỗi lần người Thái Lan sang Sài Gòn chơi túc cầu hoặc võ Anhê, ta thường nghe họ khuyến khích bỏ nhà: Chai yô! Chai yô! Chai của họ không phải chỉ là Đực mà còn có nghĩa là mạnh. Chai yô! Có nghĩa như là: Tiến mạnh lên!

Nhưng không vì họ cho nó nhiều nghĩa mà tính từ trai là của họ. Chính ta đã lấy của Khả Lá Vàng rồi biến

nghĩa, cũng như ta đã lấy Đok là con khi của đồng bào Thượng để biến thành KHÍ ĐỘT, vì thường thì sự vay mượn nội bộ xảy ra dễ dàng hơn.

Chúng tôi cũng e là có sự ngộ nhận trong danh từ PHU của Việt Nam, có mặt trong từ ngữ MỘ PHU. Người ta nói đó là tiếng Tàu.

Còn ngờ! Sao cái gì cũng của Tàu hết vậy?

PHU của Tàu chỉ có nghĩa độc nhứt là đàn ông, còn ta thì ta mộ cả phụ nữ để làm phu nữa. PHU của Thái thì mang cả hai nghĩa: nam và nữ.

Bà con Nam: Yạt ti phu chai

Bà con nữ: Yạt ti phu hiin

Thế là PHU của ta do PHU của Thái mà ra.

TRỐNG, ở nông thôn Bắc Việt được phát âm là SỐNG. Nông thôn thủ cựu và SỐNG là hình thức cổ của Trống. Nhưng cái gì biến thành SỐNG? Chỉ một nhóm Thượng Việt độc nhứt là người Khả Tu mới có tính từ nầy dưới hình thức GÔNG để chỉ giống đực của gà. SỐNG thành hình sau khi vua Hùng Vương thống nhứt các bộ lạc. Và cũng xin cứ nói đi nói lại mãi rằng không phải là Hùng Vương đã vay mượn GÔNG của Khả Tu mà bộ lạc Khả Tu và bộ lạc Ađuôk của Hùng Vương có chung tính từ GÔNG. Các bộ lạc khác, phải học theo, sau khi cuộc thống nhứt thành công.

VỢ thì nhứt định là chung vốn với Thái, họ nói là YAR, nhưng CHỔNG thì không giống ai cả và chúng tôi cũng nghi là tiếng Mông Cổ vì ÔNG thêm CH vào là hóa ra *đàn ông quan trọng và thân*.

(Xin nhắc đến tỉnh từ CÁI thứ nhì, trong BỐ CÁI Đại Vương. Đó là tỉnh từ có nghĩa là đực, là đàn ông, là lực lưỡng, là lãnh tụ, chẳng dính líu gì tới CÁI là giống cái hết thì ta không xét tới nó ở đây. Chỉ biết là tất cả các dân tộc Mã và Tráil đều có tiếng CÁI thứ nhì đó.)

Nhưng CHÔNG do ÔNG của Mông Cổ, mọc thêm cái đầu CH chỉ là giả thuyết. Lạc bộ Mã ở Nam Dương gọi CHÔNG bằng ba danh từ, cả ba đều có thể biến thành CHÔNG: RÔ ĐÔNG (Mã Lai Pahang) - BAGÔNG (Mã Lai Peralai) - KAMGÔNG (Anh Đô nê xia).

Một chi tiết ngộ nghĩnh: trên thế giới chỉ có chủng Mã Lai gọi Chông là NHÀ. Vậy Chông đồng danh từ với Nhà trong các nhóm. Thí dụ Chăm và các phụ chi Chăm như Rađê, Giarai đều gọi Chông là THANG là SANG, vì họ lại đồng hóa cái Thang với cái Nhà bởi nhà đời xưa cao cẳng, muốn leo lên loại nhà đó phải nhờ cái thang.

Vậy nơi các nhóm đó, cả ba danh từ Thang, Chông và Nhà là một.

Chăm: Thang = Chông, Nhà, Thang

Giarai: Sang = Chông, Nhà, Thang

Rađê: Sang = Chông, Nhà, Thang

Chu ru: Sang = Chông, Nhà, Thang

Cái thang là danh từ riêng của Lạc bộ Mã:

Nam Dương: Tanga: cái Thang

Việt Nam: Thang

Việt Nam: Nhà sàn = nhà có thang.

Chăm và phụ chi: Thang, Sang = Thang, Nhà, Chông

Nhựt Bốn: Tanna = cái kệ, tức cái món giống cái thang vì có nhiều bậc.

Nhựt Bốn là Lạc bộ Mã đa số, nhưng họ lại biến THANG thành cái KỆ, rồi thì họ phải tân tạo danh từ Nhà. Nhà của họ là UCHI, vì đó là thói quen của chủng Mã Lai, gọi cái nhà bằng bất cứ danh từ nào, thì cũng gọi chồng bằng danh từ đó.

Sự kiện này có thể biến thành luật chủng tộc học được. Hễ dân nào gọi chồng là NHÀ TÔI thì nhứt định dân đó thuộc chủng Mã Lai, không có ngoại lệ bao giờ hết.

Ngôn ngữ học lại phục vụ chủng tộc học được một cách chắc chắn, đó là điều bất ngờ.

Nếu Nhựt không biến Thang thành Kệ thì nhứt định chồng của các bà Nhựt Bốn là TANA, chứ không là UCHI.

CHƯƠNG IX

VỀ LOẠI TỪ CÁI VÀ CON

Khi học ngôn ngữ của các dân tộc gốc Mã Lai, chúng tôi có nhận thấy một điều Kỳ dị này là trừ ngôn ngữ Việt Nam ra, còn thì không có nhóm Mã Lai nào có loại từ CÁI hết, và có nhiều dân tộc không hề có bất cứ loại từ nào.

Theo nghiên cứu của giáo sư Trần Ngọc Ninh (*Bách khoa* số 349, ngày 15/07/1971) thì *cái cây* chẳng hạn, là một từ, tức là một đơn vị bất khả phân, và như thế *cái* không còn là loại từ nữa, như chúng tôi đã nói. Nhưng chúng tôi hơi nghi ngờ vì Việt ngữ, qua cuộc kiểm soát của chúng tôi, chỉ là Mã Lai ngữ một trăm phần trăm, mà không có nhóm Mã Lai nào có những từ có CÁI đứng trước hết.

Thí dụ ta nói *Cái thang* thì Mã Lai Nam Dương nói *Tanga*, Chàm nói *Thang*; Nhứt Bồn nói *Tana* chứ không hề nghe họ nói *Cái Tanga*, *cái Thang*, *cái Tana* bao giờ. Lại thí dụ ta nói *Cái cửa sông* thì Mã Lai nói *Kuala sungai*, tức cũng không có *Cái* đứng trước.

Mà không riêng gì Mã Lai Nam Dương, mà Cao

Miên, Thái, Chàm, hay Nhứt Bồn gì cũng thế cả, không ai có Cái hết.

Đồng bào Thượng Bru giàu loại từ nhứt, nhưng vẫn không có loại từ CÁI.

Như vậy ta phải hiểu rằng CÁI của Việt Nam là loại từ mới sáng tác về sau, do một ảnh hưởng ngoại lai, chỗ gốc tổ không có, mà các nhóm khác, tuy có chịu ảnh hưởng ngoại lai, cũng không có, vì CÁI sở dĩ nảy sanh ra trong Việt ngữ chỉ vì một ngộ nhận của dân chúng Việt Nam, mà khi nói đến ngộ nhận thì phải hiểu rằng các dân tộc khác không cùng chung ngộ nhận với ta, nên họ không hề có CÁI.

Chúng tôi tìm học, mà thấy rằng CÁI chỉ mới xuất hiện sau Mã Viện thôi, chớ không có lâu đời lắm, mà, như đã nói, chỉ do một sự ngộ nhận của dân chúng Việt Nam.

Nên biết rằng trong đạo quân viễn chinh của Mã Viện, tuy có quân Dạ Lang, quân Quảng Đông, Phúc Kiến, nhưng chủ lực quân vẫn là người Hoa Bắc, vì các tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến chỉ mới bị nhà Tần chinh phục trước đó không lâu, và họ chưa biến thành Tàu, và nếu có mặt họ, họ cũng nói một thứ tiếng Tàu ba trộn. Quân Dạ Lang cũng không phải là người Tàu.

Vậy ngôn ngữ được nói quanh các trại quân, phải là Quan Thoại. Mà Quan Thoại thì có danh từ CÁ (họ cũng đọc là Cá, các nhà nho ta cũng đọc như thế), nhưng danh từ ấy không phải là loại từ, nó là danh từ, và có nghĩa là *Đơn vị*.

Ta cứ nhìn vào một gia đình Quảng Đông ở Sài Gòn thì rõ. Dân Quảng Đông cũng nói tiếng Tàu, nhưng đọc bậy bạ cả, y hệt như các nhà nho ta, chớ không bao giờ có ngôn ngữ Quảng Đông như ai cũng tưởng.

Một ông gia trưởng Quảng Đông chia bánh cho con ông ta, và ông ta nói: Dzách cô, lượng cô, xám cô, v.v.

CÔ là CÁ đọc sai chớ không có gì, và ý ông ta muốn nói: “Một đơn vị, hai đơn vị, ba đơn vị” đấy.

Dân Lạc Việt đã nghe lính Hoa Bắc nói: Ý cá, lèng cá bằng Quan Thoại, và ngộ nhận rằng trước tên các món vật, phải có từ CÁ (đọc sai là CÁI) mới là hay. Thế rồi ta chấp nhận từ ấy, nó biến thành loại từ của ta, và đồng thời biến hẳn văn phạm ta, vốn không có loại từ CÁI bao giờ cả, trước Mã Viện.

Nếu không hiểu như chúng tôi, thì không sao cắt nghĩa nổi tại sao không có nhóm Mã Lai nào có CÁI hết, trừ Mã Lai Việt Nam.

Trước đây, ta không biết ta thuộc chủng nào, và tin theo ông H. Maspéro rằng là ta là một chủng riêng biệt, không dính với ai cả, thì nếu chỉ có ta là loại từ CÁI, không làm ai thắc mắc hết. Nhưng nay biết chắc một trăm phần trăm rằng ta là Mã Lai, và ba bốn mươi dân tộc khác nữa cũng là Mã Lai, thì sự kiện chỉ có một mình ta có loại từ đó, phải được đặt thành vấn đề nghiên cứu và được giải đáp thỏa đáng.

Chủ trương rằng CÁI và CON không thể giao hoán với nhau cũng không ổn. Rõ ràng ca dao ta hát:

Cái cò, cái vạc, cái nông

Chẳng những CÁI đã giao hoán với Con vật, mà giao hoán cả với Con người nữa. Đó là dấu hiệu lạm dụng của buổi đầu ngộ nhận, ta dùng CÁI loạn xà ngầu, sau rồi ta mới hạn chế nó để dùng làm loại từ chỉ đồ vật bất động mà thôi.

Chúng tôi lại có bằng chứng rằng dân Lạc bộ Trãi, hồi thời Trung cổ nói *Con nhà, Con đá, Con trời*, thay vì nói *Cái nhà, Ông trời, Cục đá* như ngày nay.

Vậy Cái là loại từ khả phân. Tánh cách khả phân lộ rõ trong hai câu đối thoại sau đây:

“Bác làm gì đó?”

“Tôi đồn cây”.

Không thể nói tôi đồn Cái cây. Còn tánh cách có thể giao hoán, thì câu ca dao trên kia đã cho thấy, mà không phải tại ca dao cổ nên mới còn giữ tánh cách đó, mà cả tục ngữ hiện kim cũng còn mang tánh cách giao hoán vì ta thường nói: “Phận con ong, cái kiến” và loại từ Cái chỉ mới có mặt sau Mã Viện mà thôi.

Còn CON? Loại từ CON thì dân Lạc bộ Chuy và Lạc bộ Trãi có. Nhưng đó cũng là loại từ mới xuất hiện về sau, tuy xuất hiện trước loại từ CÁI, nhưng vẫn không lâu đời lắm.

Theo một chương tới, quý vị sẽ thấy rằng CON, KO, O chỉ có nghĩa là NGƯỜI hồi cổ thời. Nhưng danh từ NGƯỜI lại ra đời, thay cho CON, O. CON hóa ra dư thừa và người ta cho nó một cái nghĩa khác. Ta dùng nó để làm loại từ (Mot générique) đặt trước các vận động (con chim, con vượn) hoặc các vật nhỏ bị động (con dao).

Sự thay bậc đổi ngôi xảy ra vào thời nào? Ở một chương tới chúng tôi cho rằng vào khoảng 500 năm trước Tây lịch, tức vào thời mà một ông Hùng Vương vay mượn KITA của Lạc bộ Mã. Thời đó, NGƯỜI đã xuất hiện, nhưng chưa mang dấu huyền và chỉ mới mang nghĩa là MÃY.

Đối với tai của người Cổ Việt còn sống sót ở đèo Mụ Già là người Khả Lá Vàng thì CON CHÓ có nghĩa là NGƯỜI CHÓ vì họ biết CON mà không biết NGƯỜI, lại không biết CON với tư cách loại từ.

Ta may mắn còn ca dao, tục ngữ xưa, nên ta mới dựng lại được xâu chuỗi biến dạng của các danh từ và nhờ thế ta mới thấy mọi thay đổi, NGƯỜI nguyên thủy, NGƯỜI cổ, NGƯỜI trung cổ ra sao.

Chúng tôi bắt gặp sự vay mượn và biến nghĩa của *Con* trong ngôn ngữ của người Mạ. Người Mạ là đồng bào Thượng trên Cao Nguyên Lâm Đồng, họ cũng thuộc chi Lạc bộ Trãi như ta (nhưng các ông Tây đã nói liệu rằng họ là Cao Miên).

Trong ngôn ngữ Mạ, *Con* được dùng như danh từ và có nghĩa là *Người* y như nơi người Thái, nhưng nó cũng được dùng như loại từ, giống hệt như Việt Nam. Đó là chứng tích biến nghĩa nhưng chưa xong, và chứng tích đó đánh dấu thời mới biến nghĩa *Con*, được dùng như thế đó, tức vừa là danh từ có nghĩa là *Người*, vừa là loại từ.

Dấu vết thời gian còn nguyên vẹn trong ngôn ngữ Mạ. Họ lạm dụng *Con* y hệt ta lạm dụng *Cái* để gọi

Cái Cò, Cái Vạc, Cái Nông, vì họ nói *Con Trời, Con Đá, Con Cây*.

Có lẽ xưa kia, thuở ta còn ở vào trình độ của người Mạ ngày nay, ta cũng nói con trời, con đá, con cây, y hệt như người Mạ. Đó là sự lạm dụng của buổi đầu.

Người Mạ có những bài dân ca như sau:

Kúp kon sim, any tom ta any

Kúp kon Mạ any tom ta đuốt

Dịch nghĩa:

Bắt *con chim*, tôi chỉ sanh sự với tôi.

Bắt *người Mạ*, tôi phải đánh nhau với họ.

Chỉ trong hai câu, ta đã thấy rằng *Con* được dùng với cả hai nghĩa: danh từ (có nghĩa là người) ở câu dưới, và loại từ ở câu trên.

("bắt người Mạ" là bắt các tù binh trong những cuộc chiến tranh bộ lạc, tức đó nguyên vẹn nơi người MẠ của thế kỷ 20)

Nhưng chẳng những có Con Mạ, mà lại có Con Trời nữa:

Ring tua con tro, tua tiở

Cóp tua mi, tua any

Dịch nghĩa:

Trời đồng ý với đất (con tro = con Trời)

Anh với em đồng ý với nhau

Ta lại còn một danh từ *Cái* rắc rối nữa, tưởng cũng nên nói rõ ra, mặc dầu danh từ này không gây ngộ nhận bao nhiêu.

Khi người Tàu nói họ đi *Cái xị*, tức đi Thị, đi Chợ,

thì *Cái* ở trong trường hợp này, hoàn toàn không liên hệ đến những *Cái* khác. *Cái* ở đây là danh từ Tàu mà ta đọc sai là *Nhai* và có nghĩa là *Đường phố* (Rue).

Thị của Tàu, không phải chỉ có nghĩa là chợ, mà còn có nghĩa là thành phố. Vậy đi *Cái xị* là đi *Nhai thị*, tức đi qua các phố của thành phố, y hệt như Việt Nam nói *Đi phố*. *Đi Cái Xị* của Tàu, không hề chỉ có nghĩa là *Đi Cái Chợ* đâu, mặc dầu khi nói như vậy, họ cũng có thể đi chợ, nhưng không phải luôn luôn đi chợ, miễn có đi qua các *Cái*, tức các *Nhai* là đủ rồi.

Hiện ở Chợ Lớn, ngoài các bảng tên phố của nhà nước, người Tàu thường đặt một bảng nhỏ để chữ Tàu, để đồng bào họ biết đâu là đâu. Đại khái có một ngõ hẻm mang tên là *Ô-Y-Hạng*, còn đường Lý Nam Đế nguyên vào thời Pháp thuộc tên là Rue de Canton, thì nay nó mang tên chánh thức của nhà nước là đường Lý Nam Đế, nhưng có bảng nhỏ chữ Tàu để là *Quảng Đông Nhai*, mà họ đọc là *Quảng Tổng Cái*.

Danh từ *Cái* này ta không có dùng trong Việt ngữ, mà chỉ biến thành *Nhai* trong Hán Việt mà thôi, nhưng đôi khi cũng gây ngộ nhận vì nghe người Tàu nói rằng họ đi *Cái Xị*, ta ngộ họ nhứt định phải đi *Cái thị*, tức *Cái chợ*.

Luôn tiện, chúng tôi cũng xin nói rõ về tính từ *Cái* của Việt ngữ. *Cái* không hề có nghĩa là giống *Cái*, mà oái oăm thay, lại có nghĩa là giống đực.

Trong Mã Lai ngữ, tính từ *Laki*, bị Chàm biến thành *Licáy* và Việt biến thành *Cái*, có nghĩa là đàn ông, là

giống đực, là lãnh tụ. Ngón tay Cái không phải là ngón tay của cô nào hết, mà là ngón tay to nhứt. Đường Cái không phải là đường để cho người đẹp đi dạo mà là đường rộng rãi, thợ Cái là thợ “xếp” đấy.

Con đại cái mang, không phải là Mẹ chịu trách nhiệm, mà là cha lãnh đủ, và *Bố Cái Đại Vương*, không phải là ông Phùng Hưng và bà Phùng Hưng, mà chỉ có ông Phùng Hưng thôi.

Hiện người Mã Lai có thành ngữ *Ibu Láki*.

Ibu = Bu = Mẹ

Láki = Thủ lãnh

Và thành ngữ đó có nghĩa Mẹ là nhà lãnh đạo.

Ở chỗ này, có hơi nhiều khê cần phải nói thật rõ. Thành ngữ *Ibu Láki* của Nam Dương (Lạc bộ Mã) là thành ngữ đã sẵn có của họ vào thời mà họ còn theo mẫu hệ. Nay họ đã theo phụ hệ rồi thì đáng lý gì họ phải sửa lại thành *Babu Láki* vì:

Babu = Bố

Láki = Lãnh tụ

Nhưng họ lại không buồn sửa. Ta người Việt Nam, ta đã sửa *Ibu Láki* vào thời Phùng Hưng thành *Babu Licáy*, vì ta đã theo phụ hệ vào thời đó. Sau ta biến mãi thì *Babu Licáy* trở thành *Bố Cái*.

Nhưng *Ibu* hay *Babu* gì cũng không quan trọng. Điều chính yếu là *Licáy* = *Cái* = *Lãnh tụ*, và *Cái* của ta là *Đàn ông*, là *Lãnh tụ* chứ không là giống *Cái*.

Đại Cổ Việt, cũng thế. *Cổ* chỉ là *Láki*, là *Cái* mà thôi. Hiện trên *Cao Nguyên đồng bào Thượng* dùng tiếng *Cái*

với các nghĩa sau đây: *Cái đầu, Quan trọng, Thủ lãnh.*

Còn *Cái* có nghĩa là giống *Cái* là do ngữ nguyên khác tạo ra, đã nói rõ ở đầu Chương.

Miền Nam có thành ngữ "*Đàn bà lại cái*" để trêu người bán nam bán nữ. Đó là tiếng Mã Lai rõ ràng.

Lại = Lagi = Mà lại còn

Cái = Đàn ông

Đàn bà lại cái có nghĩa là *đàn bà mà lại còn là đàn ông.*

Lagi còn để dấu ở tỉnh Bình Tuy, ở đó có một làng tên Lagi. Có lẽ người Chăm hay người Việt đã nuốt mất tiếng chớ Lagi không, chẳng có nghĩa trong địa danh. Tỉnh Bình Tuy là đất Cực Nam của Chiêm Thành, thuở Chúa Nguyễn diệt Panduranga, nên ở đó còn lắm địa danh Chăm tức địa danh Mã Lai, vì người Chăm rõ ràng là Mã Lai, Lạc bộ Mã.

Ngôn ngữ có sức sống mãnh liệt. Cách đây vài mươi năm, người Việt miền Nam có sáng tác thành ngữ "*Đàn bà lại đực*". Cũng với cái nghĩa bán nam bán nữ, vì họ quên nghĩa cũ nên lấy thành ngữ "*lại cái*" vô nghĩa. Họ hiểu *Cái* là giống *cái*, còn *Lại* là *trở thành*. *Đàn bà lại cái* = *Đàn bà trở thành giống cái*, thì quá vô lý.

Thế nên họ mới sửa lại, để cho nó hữu lý ra. Nhưng toàn thể người Việt miền Nam đều nhứt định dùng thành ngữ có vẻ vô lý, không ai dùng thành ngữ mới cả, mặc dầu nó có vẻ hữu lý hơn.

Tại sao cái có vẻ hữu lý lại bị tẩy chay? Vì tiềm thức và tâm để của dân tộc còn mơ màng nhớ mang máng

cái nghĩa cũ, tuy ngày nay có vẻ vô lý, như ngày xưa thì đúng.

Cái đúng đó đã bắt rễ thật sâu, thâm căn cố đế nơi tâm não họ, nên cái mới, có vẻ hữu lý bao nhiêu, họ cũng gạt bỏ ra ngoài.

Đáy lòng của họ còn giữ Lagi Licáy.

Có một cuộc tranh luận rất vui vẻ về nghĩa đúng của câu đầu của bài hát *Bắt cái hổ khoan*. Đây là dịp mà chúng tôi trình ra sự thật để dứt khoát cuộc tranh luận sôi nổi đó, bằng vào phương pháp truy nguyên các danh từ cổ mà chúng tôi tìm lại được tất cả. Những danh từ của Lạc biến mất tại Việt Nam có hai loại, một loại còn nằm đó, nhưng thiên hạ không còn ai biết nghĩa nữa. Một loại nằm ở các quốc gia Mã Lai khác, từ Đại Hàn đến Nam Ấn, đến Trung Mỹ.

Vụ này chúng tôi có ám chỉ trong quyển sử của chúng tôi, nhưng không dám nói dài dòng, vì quyển sử quá dài, nhà xuất bản hết tiền in, bắt phải thu ngắn lại còn 900 trang, thành thử phải nói tắt về quá nhiều việc.

Nguyên ông M. Durand có giải thích *Bắt cái hổ khoan* nhưng không ổn gì hết, chỉ cắt nghĩa được có tiếng Hổ mà ông dịch là "*Ohé!*" một loại tiếng để cùng gọi nhau làm việc, của Pháp.

Ông Ngô Quý Sơ (Hanoi 1943) giải thích rằng: "Trước khi kéo nhau đi thành hàng thì trẻ con bắt thăm bằng cách ai rút được cái rơm nào ngắn nhất thì làm trưởng đoàn. Như vậy, trẻ con gọi là *Bắt Cái*. Rồi thành ra bắt cái hổ khoan".

Ông Lê Khánh Vân giải thích rằng Bắt Cái = bắt cá.

Còn nhiều người tầm nguyên câu nầy, nhưng chúng tôi chỉ trích những ông có tìm được chút đỉnh sự thật, hoặc có nói cái gì độc đáo mà có sai, vẫn được trích.

Ông Tân Việt Điều ở nguyệt san *Văn Hóa* số 56 (1960) thấy là chưa ổn nên cho rằng Bắt cái = Bát cạy, và đó là từ ngữ Chăm mà ta mượn ở miền Trung, và *Bát* là Cây chèo còn *Cạy* là bơi chèo.

Sự thật ra sao thì ta cần biết thật rõ. Đó là hai động từ Trung cổ, mà ta mượn của người Mường tại Hồng Hà, chớ không phải là mới vay mượn về sau nầy của Chăm, mà Bát và Cạy cũng không giản dị như ông Tân Việt Điều đã giải thích, mà nghĩa của Bắt Cái cũng không phải do Bát Cạy mà ra.

Bằng chứng là ta mượn Bát Cạy của người Mường lộ rõ ra trong tự điển K.T.T.Đ, họ có định nghĩa, mà định nghĩa rất rành rẽ hơn Huỳnh Tịnh Của rất nhiều lại có đưa thí dụ là một câu thơ Việt miền Bắc: "*Một con thuyền cạy bát bên giang*".

Bắc Việt vẫn có tiếp xúc với người Chăm, nhưng chúng tôi cho rằng bắc Việt không có mượn của người Chăm, vì họ có văn thơ dùng hai tiếng đó, họ lại định nghĩa đúng hơn Đào Trong mà đại diện là Huỳnh Tịnh Của.

Nếu chỉ là vay mượn nơi người Chăm, tại Đào Trong thì luôn luôn tự điển K.T.T.Đ có viết: "Theo Huỳnh Tịnh Của" hoặc: "Tiếng của Đào Trong" hay là: "Tiếng của Nam Kỳ". Về *Bát Cạy* thì tự điển đó, chẳng những không

có ghi như thế, lại đưa thơ miền Bắc ra làm thí dụ, thì là miền Bắc cũng có Bát Cạy, và cạnh họ đã có người Mường để họ vay mượn, không cần phải mượn xa đến thế vì Mường và Chàm là một, hồi đời xưa.

Một lần nữa, chúng tôi thấy rằng cần phải nhắc rằng ở cả ba nơi đều có Lạc bộ Mã, vì có chứng tích. Ở Bắc Hà có tổ tiên của người Mường, chưa bị Trãi hóa (chúng tôi nói Trãi hóa mà không nói Việt hóa vì Mường hay Chàm, hay Phù Nam gì cũng đều là Việt cả). Ở miền Trung, có người Chàm. Ở miền Nam có người Phù Nam mà chúng tôi sẽ chứng minh rằng họ còn tồn tại hồi đầu thế kỷ 17, thuở dân ta di cư vào Nam.

Vậy danh từ nào, vay mượn của ai, và tại đâu, đều có thể biết được cả. Không phải hễ cứ là tiếng Chàm thì nhứt định phải vay mượn ở miền Trung vì bốn dân tộc sau đây, ăn nói y hệt nhau: Mường Trung Cổ, Chàm hiện kim, Phù Nam trung cổ và Nam Dương hiện kim (có chứng tích).

Ta đã biết rằng Mường, Chàm, Phù Nam, Nam Dương, đều là Mã Lai, thứ Mã Lai mà chúng tôi gọi là Mã Lai đợt II, Tây gọi là Austronésien còn Tàu cổ thì gọi là Lạc bộ Mã. Vậy tất cả các dân tộc đó đều có Bát, Cạy, nhưng dưới hình thức khác và nghĩa hơi khác một tí.

Và khi một danh từ khá cổ của ta mà gốc Lạc bộ Mã thì là ta vay mượn của người Mường tại Hồng Hà, chớ không phải là của Chàm, sau đời nhà Lý. Và nên nhớ rằng người Mường thuở xưa sống lẫn lộn với ta chớ không có biệt lập như ngày nay, và họ cũng chưa bị

quá nhiều ảnh hưởng của Lạc bộ Trãi là ta, như ngày nay, mà vẫn nói tiếng Mã Lai Nam Dương, y hệt như Chàm.

Những danh từ mới vay mượn của Chàm sau đời nhà Lý đều vì những tiếng đó không có dấu vết Trung cổ.

CẬY là KUẮK và nó chỉ có nghĩa là tránh né nhau trên sông, trên biển, không cứ phải bên nào.

BÁT là PỐT có nghĩa là *Kéo cây chèo khó khăn*. Không có tiếng nào có nghĩa là BÔI CÈO và CÂY CÈO cả.

Ta, người Việt Nam, Mã Lai đợt I, tức Lạc bộ Trãi, ta đã biến nghĩa, nhưng biến rất tài tình, không biến liễu lĩnh mà dựa theo những ý nghĩ sâu kín của lòng dân tộc của ta là dân Mã Lai, mặc dầu ta chỉ là Mã Lai đợt I, bộ Trãi, nhưng hai thứ Mã Lai, đều đồng dân tộc tính với nhau, đồng tâm hồn với nhau.

Chúng tôi nói PỐT của Lạc bộ Mã là kéo cây chèo khó khăn. Tại sao lại khó khăn? Ta nên nhớ rằng cổ sử Trung Hoa tả dân Việt lấy bên Trái làm bên thuận. Vậy khi trạo phu phải lái từ tả qua hữu, tức đi nghịch với thói quen của họ là họ nghe khó khăn lắm.

Thế nên dân Việt mới cho PỐT cái nghĩa là lái từ tả sang hữu (trên sông) hơi khác với nghĩa thật, nhưng vẫn hữu lý, vì chính nghĩa thật cũng chỉ là một cách nói bóng bẩy rằng là lái từ tả sang hữu.

Tự điển K.T.T.Đ đã định nghĩa đúng rằng BAT là lái từ tả qua hữu, còn Huỳnh Tịnh Của thì nói là cả hai tiếng đều có nghĩa là từ tả qua hữu, hoặc ngược lại,

tức sai hơn miền Bắc tức sự vay mượn không xảy xa ở Đàng Trong mà ở Đàng Ngoài, vay của người Mường, tức thuộc vào thời Trung cổ của Việt sử, 500 T.K vậy, chứ không phải từ thời nhà Lý mà ta đánh Chàm đầu.

Còn CẬY? Chúng tôi đã giải thích rằng KUẮK chỉ có nghĩa là tránh né nhau trên mặt sông. Nhưng dân ta đã trót cho PỐT cái nghĩa là tránh từ tả sang hữu, thì tổ tiên ta phải gán cho Kuắc cái nghĩa là từ hữu sang tả, như thế mới có chủ động từ chính xác để dùng trong việc hành thuyền.

Đó là căn cội và nghĩa thật đúng của CẬY và BẮT.

Nhưng nó không liên hệ gì tới BẮT CÁI hết.

Ông Durand đã vô tình đúng, khi dịch HỒ ra OHÉ, vô tình vì ông không biết lấy một tiếng Mã Lai nào cả. Còn ông Ngô Quý Sơn thì tri tình đấy, nhưng chỉ đúng phần nào thôi, vì ông không biết ngữ nguyên của BẮT CÁI. Ông đúng vì hiện nay dân ta vẫn còn nói BẮT CÁI để diễn tả cái ý *bắt thăm để làm cái*, trong những cuộc dò đen.

Ngày nay, ở Nam Kỳ, người mình, trong giới cờ bạc, cũng thường nói “LÀM CÁI” và “BẮT CÁI”. Làm cái là gì thì ai cũng biết cả rồi. Còn bắt cái được dùng trong trò đánh cắc tê mỗi người lật một lá bài, hễ ai lớn nút thì được làm cái, tức vẫn cứ bắt thăm để làm Licáy.

Ông Tân Việt Điều giải thích về BẮT CÁI khác với chúng tôi vì ông nghĩ rằng Bắt Cái do bài hát HẢI HỒ KHOAN của Đào Duy Từ mà ra. Đó là bài hát mà họ Đào làm ra cho thủy thủ hát, và trẻ con bỏ mất HẢI, chỉ còn

chữ *Hồ Khoan*.

Theo ông, hể chèo thuyền là có nói *BÁT CẠY*, và thủy thủ vừa hô *Bát Cạy*, và thủy thủ vừa hô *Bát Cạy* vừa hát *Hải Hồ Khoan*, trẻ con bắt chước, nhưng bỏ sót tiếng *Hải*.

Trẻ con bỏ sót một tiếng thì cũng có thể có được nhưng xem ra khó có thể lắm, vì *BÁT CẠY* là tiếng chuyên môn mà trẻ con cứ nhớ được thì *HẢI* không là tiếng khó, sao chúng lại quên?

Nhưng suy luận của chúng tôi chưa bác nổi kiến giải của ông Tân Việt Điều đầu, vì đó chỉ là suy luận, thường thiên lệch, chớ không phải chứng tích vững. Chứng tích vững là đây:

Theo chỗ chúng tôi nhớ, thì bài hát ấy không có tên là *HẢI HỒ KHOAN*, mà là *Quan hải hồ khoan*. Vì thế mà nhà xuất bản của Đào Duy Anh ở Huế mới lấy tên là nhà xuất bản *Quan Hải*.

Quan = Nhìn

Hải = Biển

Đó là hai tiếng có nghĩa. Dưới đây là ba tiếng vô nghĩa:

Hải = Biển

Hồ = Hồ

Khoan = Rộng

Hải hồ khoan vô nghĩa vì nó sai văn phạm chữ nho. Văn phạm đó phải là *Khoan hồ hải*, và chuyển sang tiếng Việt là *Biển hồ rộng*. Cái tên mà ông Tân Việt Điều đưa ra, nếu chuyển sang tiếng Việt thì là *Rộng biển hồ*,

tức sai văn phạm.

Chúng tôi không tin rằng một bức danh nho như Đào Duy Từ lại lầm về văn phạm Tàu, khi ông đặt tên bài hát của ông là *Hải hổ khoan*.

Nhưng vấn đề, không phải là thảo luận về văn phạm Tàu, vì nó chẳng liên quan gì tới bài này hết, nhưng cần nói ra sự thật, vì sự thật đó, cho biết một sự thật lớn hơn, có liên hệ đến vấn đề.

Nếu Đào Duy Từ không sai văn phạm Tàu thì bài hát không thể nào là *Hải hổ khoan* được, mà phải là *Quan hải hổ khoan*, và *Hổ khoan* nhứt định KHÔNG PHẢI là chữ nho, bởi chữ nho phải là *Khoan Hổ*.

Không phải là chữ nho thì là tiếng Việt chớ không còn tiếng nào khác mà nằm ở đó được, hay đúng ra là tiếng Lạc, nhưng Lạc bộ Mã chớ không phải Lạc bộ Trãi.

Đào Duy Từ là nhà nho không cách mạng, ít lắm cũng về văn chương, văn phạm. Vậy khi ông ghép chữ Nho *Quan hải* vào với chữ Nôm *Hổ khoan* thì đích thị là *Hổ khoan* là một tên riêng (Nom propre), tên của một bài hát cổ hơn, vì là tên riêng nên ông không có dịch ra chữ Nho, phải để nguyên như vậy để ghép vào chữ Nho.

Thí dụ muốn viết: Tôi đọc truyện *Les Misérables* thì một nhà nho cẩn thận phải viết: *Ngô độc Les misérables* chớ không thể viết *Ngô độc Bản cùng nhân truyện*, vì không dịch, người đọc sẽ biết ngay sách ám chỉ là sách nào, còn dịch thì quá nguy, bởi Nhựt Bốn cũng có một tác phẩm *Bản cùng truyện*, mà KHÔNG LÀ bản dịch

Les misérables của V. Hugo. Ấy, Đào Duy Từ ghép chữ Nho và chữ Nôm chính vì ông là nhà nho thông minh, nhất định không dịch tên riêng sợ người đọc không hiểu ông định ám chỉ đến cái gì. Ông không dịch thì người ta biết ngay rằng:

Quan hải = Nhìn biển

Hồ khoan = để ca bài *Hồ khoan* của dân tộc.

Thế thì ngay trong tên của bài hát của họ Đào, nhà nho ấy đã tiết lộ rằng có một bài hát cổ hơn mà ông đã ám chỉ đến trong cái tên của bài hát của ông. Bài hát cổ hơn là bài *Bắt cái hồ khoan*. Vậy *Bắt cái hồ khoan* không phải xuất hiện do bài hát của Đào Duy Từ, như ông Tân Việt Diệu đã viết, mà ngược lại bài hát của Đào Duy Từ bắt nguồn từ bài *Bắt cái hồ khoan*.

Nhưng tại sao họ Đào lại không đặt tên bài hát của ông là *Quan hải bắt cái hồ khoan*, mà lại bỏ bớt hai tiếng *Bắt Cái*? Vì ông quên nghĩa BẮT CÁI, nhưng còn nhớ nghĩa của HỒ KHOAN.

Ai biết được HỒ KHOAN là gì thì hiểu được bài hát cổ và hiểu được thâm ý của Đào Duy Từ, và biết được thêm rất nhiều truyện bí mật của thời Trung cổ nước ta, tức những gì xảy ra 500 năm trước Tây lịch mà bọn Lạc bộ Mã đến ở trọ với vua Hùng Vương.

Quyển sử của chúng tôi bị xén hết 1.000 trang, tức xén tất cả những gì mà Chương ngôn ngữ ti hiệu đã cho biết về đời sống tinh thần, đã cho ta biết cái mà giáo sư Trần Ngọc Ninh chê là tiền sử học dở, không cho biết được. Quà tiền sử học không biết nhiều chi

tiết, nhưng cổ ngữ học thì vạch rõ từng ly từng tí mọi việc nhỏ nhặt nhất.

Ông Durand đã tình cờ đúng, khi ông dịch Hồ = Ohé. Chúng tôi nói ông vô tình vì ông không biết tiếng Mã Lai.

Mã Lai Lạc bộ Mã, tổ tiên của người Mường, tại Bắc Việt có hai tiếng là AIHO và HAI, đồng nghĩa với nhau, và Chàm biến thành HỒI, HỐI, và ta biến thành HỀ, HỐI, HỒ, HỐI, ƠI và ƠI ƠI. Đó là tiếng dùng để gọi nhau.

Hồ là do ahô, còn khoan là do kuang. Bắt cái hồ khoan là :

PƠR LICÁY AHÔ KUANG!

Pơr = bắt

Licáy =Cái = lãnh tụ, thủ lãnh (Bố Cái Đại Vương)

Ahô = Ơi, hề!

Kuang = Thủ lãnh, tù trưởng, chủ soái

Câu đó dịch thoát là: “Thủ lãnh ơi ta nỗ lực để bắt tướng thủy quân (của địch) hề!”

KUANG to hơn LICÁY nên ta gọi thủ lãnh của ta là Kuang còn gọi thủ lãnh địch là Licáy.

Chúng tôi đã chứng minh trong quyển sử rằng vào thời Đào Duy Từ ta còn biết tiếng của Lạc bộ Mã, chưa biến dạng. Bằng chứng là tên xưa của cửa là được Ngô Thì Sĩ phiên âm là Cô la, tức phiên âm địa danh Kuala của Lạc bộ Mã. Các sử gia xưa ta luôn luôn dịch, khi nào họ dịch được. Nếu là Cửa Lò thì họ Ngô đã gọi là Lô Môn hoặc Lô Khẩu, nhưng họ Ngô lại phiên âm tức nơi đó, vào thế kỷ 17, còn mang tên là kuala y hết như vào thời Gia Long mà cửa Thuận An cứ còn được gọi là

Eo, một danh từ của Lạc bộ Mã.

Tên của bài hát cổ gồm 4 tiếng, nhưng chỉ có 2 tiếng là danh từ chung của hai chi Lạc, đó là LICÁY và AHÔ, còn Pơ tuy hơi giống bắt, nhưng không phải là ngữ nguyên của bắt. Kuang thì không bao giờ thành Việt ngữ về sau hết, vì bị lẫn lộn với Quan.

Chùng Mã Lai vô địch về thủy vận, nhưng Lạc bộ Mã nổi danh hơn Lạc bộ Trai, và có lẽ đó là bài hát của bọn Lạc bộ Mã xin quyền sống chung với vua Hùng Vương, phục vụ nhà vua trong thủy quân của nhà nước Văn Lang.

Xin nói rõ về AHÔ. Lạc bộ Mã có hai tiếng dùng để kêu gọi là AHÔ! Và HAI!

Chàm biến thành HỒI và HỐI. ĐỒNG HỐI là cánh đồng của người Chàm. Còn ta thì biến rất nhiều. Chỉ có hai tiếng đó mà nó đẻ ra HỐI, ỒI, ỒI ỒI, ỒI Ồ, Ê (Coi chừng: ÔHỒ là tiếng Tàu, còn Ô HAY là tiếng của Lạc bộ Chuy tức Miến Điện, Tây Tạng, Cao Miên).

Đã bảo Chàm biến Hai thành HỐI và HỒI, nhưng sao ta lại dùng Hồi và Hối của họ để chỉ họ, hai tiếng đó, đâu phải là tiếng của ta? Một nhà trí thức Chàm rí tai cho tôi biết rằng không nên gọi họ là HỒI, là HỐI, họ sẽ tức giận ghê lắm, vì đó là tiếng mà ta gọi kẻ không trọng.

Nguyên khi xưa, tại biên giới, họ không thấy ta họ cứ gọi mãi: “Hồi, Hối” hoặc “ Hồi! Hồi”. Ta chẳng hiểu gì hết, bèn dùng hai tiếng đó để trỏ họ, một cách châm biếm, ý muốn nói rằng đó là dân ưa nói “Hối, Hồi”.

VÙNG NÚI AN TAI HAY LÀ YẾU TỔ MÔNG CỔ TRONG VIỆT NGỮ

Khi sách này chưa in xong, chúng tôi có dùng Chương I để làm một cuộc thuyết trình, sau buổi nói chuyện thân mật, có chùa thì giờ cho quý vị thỉnh giả nêu thắc mắc.

Một vị giáo sư có khuyên chúng tôi, khi ám chỉ đến quyển *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam* (chớ không phải đến buổi thuyết trình) rằng nên cẩn thận khi chủ trương rằng Nhựt ngữ chứa đựng 65% tiếng Tàu và 35% tiếng Mã Lai.

Theo vị giáo sư thì Nhựt ngữ có chứa đựng dân tộc Mã Lai là khám phá của chính một nhà ngữ học Nhựt. Nhưng các nhà ngữ học Âu Mỹ kiểm soát lại thì thấy rằng dân tộc Mã Lai trong Nhựt ngữ rất ít và thuyết của nhà ngữ học Nhựt bị bỏ quên luôn.

Tưởng đây là một vấn đề hay, chúng tôi trình bày lại thật rõ chủ trương của chúng tôi để tự bào chữa và để tự cho thấy rằng các ông Nhựt ông Tây đều không đúng.

Khi thuyết của nhà bác học Nhựt ra đời thì chúng tôi cũng hay biết, nhưng có một điều mà nhà bác học

đó không hay biết, mà cho tới nay các ông Tây cũng chưa biết là có hai thứ Mã Lai: Austroasiatiques và Anstronésiens, mà Tàu gọi là Lạc bộ Mã và Lạc bộ Trãi, hai thứ đó chỉ giống nhau về ngôn ngữ có 40% mà thôi, vì khi dời Himalaya, định cư ở các địa bàn khác thì họ sáng tác khác hết.

Phân biệt họ là các nhà tiền sử học mà công trình không được các nhà ngữ học biết. Và các nhà ngữ học chỉ tiếp tục biết có một thứ Mã Lai độc nhứt là Mã Lai Nam Dương vì dân đó đang tự xưng là Mã Lai.

Trong quyển sử, chúng tôi trình bày rõ là Nhựt Bốn là Mã Lai hỗn hợp y hệt như Việt Nam. Nhưng các nhà ngữ học cứ chỉ biết độc có một thứ Mã Lai thì họ bác nhà bác học Nhựt hơi oan. Với lại chính nhà bác học Nhựt đó cũng chỉ biết có một thứ Mã Lai độc nhứt.

Thế thì trong số vốn Mã Lai mà Nhựt còn giữ được là 35%, chính nhà bác học Nhựt và các nhà ngữ học thế giới cũng chỉ thấy có 7% danh từ Mã Lai, còn văn phạm thì không có Mã Lai gì hết.

Tại sao là Mã Lai hỗn hợp, thì đáng lý phải có $2/3 = 17,5\%$ danh từ Nam Dương, thế mà lại chỉ có 7%? Vì người Nhựt biến nát danh từ Nam Dương hết, không chuyên môn không thể nhận ra.

Chúng tôi xin trình ra một thí dụ: "Hiện nay và BẦY GIỜ" người Nam Dương nói là MASA INI.

INI là trạng từ chung của chủng tộc mà ta còn giữ được dưới hình thức NI, NẤY, v.v. Nhựt cũng giữ được hời cổ thời. Nhưng họ bị hậu duệ của Phù Tô tràn ngập

hồi cuối nhà Tần, thành thủ họ bị truyền nhiễm cú pháp HIỆN ĐẠI. Thế nên họ dời INI, để trước MASA, nó hóa ra là INI MASA = HIỆN ĐẠI. Ini masa được dùng mãi cho đến thời canh tân thì họ lại viết dính các danh từ của họ lại, vì bắt chước Tây (tức cách đây không lâu).

Trong cuộc viết dính đó, NI bị nuốt và SA bị nuốt, nên nay chỉ còn IMA. Khi so MASA INI với IMA, không còn nhà bác học nào mà biết hai tiếng đó cùng gốc mà ra hết.

Thế nên sự thật có 17% tiếng Nam Dương, nhưng các ông chỉ biết có 7%, rồi các ông chê rằng thuyết đó sai. Nhà bác học Nhựt cãi không được cũng đành chịu thua. Vả lại vào năm mà nhà bác học Nhựt đó khám phá ra sự kiện nói trên thì khoa tiền sử học làm việc chưa xong. Khoa học chưa thấy dấu vết di cư của chủng Mã Lai từ Đại Hàn xuống Đông Nam Á. Như thế, ngôn ngữ của hai đảng phải giống nhau 100% họ mới nhìn nhận, phương chi lại giống nhau có 7% nhưng cũng đã nát hết như MASÉ biến thành MAĐÁ, MATI biến thành NAKI.

17% danh từ Lạc bộ Trãi thì không bao giờ được ai biết cả. Nhà bác học Nhựt đó đã khám phá một sự kiện lớn lao, cũng không biết có bọn Trãi trên đời nầy. Các ông Tây lại càng không biết hơn, vì các nhà bác học Âu Mỹ làm việc ở Đông Bắc Á không có làm việc ở Đông Nam Á và ngược lại. Không có ai ở Đông Bắc Á mà biết tiếng Việt Nam và tiếng Thượng Việt cả.

Danh từ của bọn Lạc bộ Trãi là bọn thua trận bị phe

Thiên Hoàng là Lạc bộ Mã lãnh đạo, tuy ít bị biến sai như danh từ Nam Dương, nhưng không ai biết tiếng Việt Nam và tiếng Thượng Hải thì làm sao đây?

Thí dụ, con sán (xơ mít) của ta thì Nhựt gọi là SANA. Sana đâu phải là tiếng Nam Dương, nhưng các ông chỉ biết có tiếng Nam Dương, thế mới chết. Cái SỪNG của ta, Nhựt gọi là TSUNO, cũng đâu phải là tiếng Nam Dương, thế nhưng các ông chỉ biết tiếng Nam Dương thì làm thế nào?

Vậy các ông bèn kết luận rằng Hàn ngữ và Nhựt ngữ thuộc dòng An Tai ngữ.

Văn phạm của Nhựt như thế này:

Ở đây chi có con chó là có hay không?

Ta nói:

Ở đây có con chó hay không?

CHI, người Nhựt nói là NÔ, nhưng đó cũng là sự truyền nhiễm của 127 huyện của Phù Tô, chớ Mã Lai không bao giờ có cú pháp đó. Tuy nhiên họ vẫn khác Mã Lai ở điểm động từ CÓ bị dời ra đằng cuối câu.

Nhưng không vì thế mà phủ nhận họ là Mã Lai được. Về vấn đề văn phạm bị biến, chúng tôi đã nói nhiều trong quyển sử. Chính danh từ mới trường tồn, còn văn phạm thì rất dễ bị mất, ngược hẳn với tin tưởng của mọi người.

Vậy ông Nhựt và ông Tây không nhận diện được 8% tiếng Nam Dương trong Nhựt ngữ và tuyệt đối không biết 17% danh từ của Lạc bộ Trãi tức của Đại Hàn, Việt Nam và Thượng Việt. Đại Hàn gọi con chó là con KAI

(con cây) khiến các ông Tây điếc tai, cho đó là tiếng Mông Cổ! Họ gọi TRĂNG là TAL, các ông Nhựt cũng điếc tai luôn, vì Nhựt đã quên danh từ Trăng của chủng tộc vay mượn của Tàu hàng trăm năm rồi: Nguyệt < yuyt < Tsuk (i).

Đó là danh từ của Lạc bộ Trãi mà Đại Hàn là Lạc bộ Trãi thuần túy 100%, không dùng lấy một danh từ Nam Dương nào hết như Nhựt và ta đã dùng.

Chúng tôi cảm tạ vị giáo sư tử tế đó, đã lưu ý chúng tôi đến một điểm có thể sai lầm to mà uống công học hỏi. Nhưng chúng tôi sẵn sàng đối thoại với các nhà bác học Âu Mỹ, nếu họ thêm đếm xia đến chúng tôi.

Và chúng tôi đã có bổ rồi. Theo tiết lộ của giáo sư Nghiêm Thẩm thì Nhựt cũng đã chột biết trên đời này có bọn Trãi mà chính ta và Thượng Việt là Trãi. Họ có đến Sài Gòn để nghiên cứu có ghé thăm giáo sư để tâm sự, nhưng không biết họ đã hay biết rằng:

Sana = Sán (xơ mít) (Việt Nam)

Tsuno = Sừng (Việt Nam)

Mau = Múa (Việt Nam)

Mai = May (Việt Nam)

Arau = Rửa (Khả Tu)

Inú = Anuk (Khả Tu)

Hay chưa? Đó là danh từ của Trãi mà Nhựt và ta với Thượng Việt đều giống hệt nhau, người Nam Dương không có trừ Kơmarau = Rửa

Kamu = Cẩn

Kamiau = Cẩn nhau

Rõ như ban ngày.

Ấy đó, cái 35% tiếng Mã Lai trong Nhựt ngữ, thành phần nó như thế đó, nhưng lại có 17% danh từ Trãi mà không nhà bác học nào biết hết, còn lại 17,5% danh từ Nam Dương thì các ông chỉ nhận diện được có 7% hóa ra không đáng kể và khám phá của nhà bác học trên bị bỏ trôi là vì thế và buồn lắm là chính người khám phá cũng đành chịu Forfait khi mà người ta cho thấy rõ là chỉ có 7,5% thì không thể nói rằng tiếng người có gốc Mã Lai được.

Khi mà KIRI của Chàm và của Nam Dương có nghĩa là Bên trái, bị nông dân miền Trung Việt biến thành RỈ để điều khiển trâu cày, thì thiên hạ nhận diện còn được, chớ Nhựt biến thành HAĐIRI thì chỉ có trời mà biết rằng KIRI và HAĐIRI đồng gốc Mã Lai.

Bây giờ chúng tôi xét qua chủ trương Âu Mỹ cho rằng Hán ngữ và Nhựt ngữ thuộc gia đình An Tai ngữ, xem nó có đúng hay không, chúng tôi đã bác bỏ chủ trương ấy trong cuốn sổ của chúng tôi.

Trong quyển *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*, chúng tôi đã cực lực bác bỏ chủ trương của sách Âu Mỹ cho rằng Hán ngữ và Nhựt ngữ gốc là ngôn ngữ của vùng núi Altai (tây bắc nước Tàu) và cho rằng hai ngôn ngữ đó chỉ là Mã Lai ngữ.

Các ông Tây đã học rồi nên mới dám viết như vậy, nhưng chúng tôi lại cả gan bài xích các ông, không phải là cãi bướng mà vì các ông ăn nói không minh bạch, khiến cả thế giới đều hiểu lầm.

Cho hay, khoa học không thể nói mù mờ như người thường mà phải chính xác, nên chúng tôi phải bác bỏ, vì mặc dầu các ông nói đúng, nhưng thiên hạ lại hiểu sai.

Vùng núi Altai hồi cổ thời chia thành hai khu vực rõ rệt. Ở tây nam, người dân là Nhục Chi, nói tiếng Ấn Âu, tức tiếng Tây. Đó là xứ Thổ Lỗ Phồn. Khu tây bắc là địa bàn Mông Cổ, mà về sau Mông Cổ đặt Kinh đô Quaraqo-roum của họ ở đó.

Khi dùng đại danh vùng núi Altai thì ai muốn hiểu sao cũng đúng cả, nhưng thiên hạ lại hiểu là vùng Tây Nam, tức vùng Nhục Chi và Hàn ngữ và Nhựt ngữ là tiếng Tây.

Chúng tôi cũng đã dịch Altai là Tây Vực trong quyển sử của chúng tôi, không phải vì chúng tôi không biết rằng các ông Tây nói đúng, họ chỉ nói không minh bạch mà thôi nhưng chúng tôi có mục đích bác bỏ ngay vì giấy sắp lên giá khi in quyển đó, chúng tôi phải lọc bớt trang thì không thể nói dài dòng được mà hễ nói tắt là phải bác bỏ.

Vậy đại danh mơ hồ vùng núi Altai của sách Âu Mỹ chỉ có nghĩa là Mông Cổ. Nhưng nếu chúng tôi dịch đúng thì phải giải thích dài dòng, mà các ông Tây cũng không nói đúng hơn gơ-ram nào cả.

Ba dân tộc: Đại Hàn, 2/3 Nhựt Bản và 2/3 Việt Nam đều là Mã Lai Hoa Bắc nước Tàu, chớ không làm sao mà họ lại nói tiếng Mông Cổ như các ông Tây đã lầm.

Nhưng các ông Tây đã lầm vì quả trong Hàn ngữ và Nhựt ngữ có yếu tố Mông Cổ. Việt ngữ cũng mang chút

ít yếu tố Mông Cổ nhưng các ông Tây không biết nên không nói đến Việt Nam.

Tại sao ba ngôn ngữ đó lại mang yếu tố Mông Cổ? Vì Lạc bộ Mã có lai giống với Mông Cổ trên một tỉ lệ 1/15 như sọ ở hang làng Cườm đã cho thấy. Riêng Đại Hàn và Nhật, vì ở quá gần đó nên yếu tố Mông Cổ về sau, tức sau cuộc hợp chủng lần đầu, lại tăng thêm, nhiều nhất là Đại Hàn. Nhưng các yếu tố Lạc bộ Trãi thì các ông Tây mù tịt, nên không bao giờ nói đến, mặc dầu đó là yếu tố căn bản, ít lắm cũng trong Việt ngữ và Nhật ngữ, còn trong Hàn ngữ thì quá ít, nhưng vẫn có. Đại Hàn mất gần hết danh từ của Lạc bộ Trãi, nhưng cứ còn.

Các ông không biết hai điều:

I - Không biết có Mã Lai đợt I tức Lạc bộ Trãi,

II - Không biết là Lạc bộ Trãi có lai giống với Mông Cổ tại Hoa Bắc.

Nhưng cái sọ ở hang làng Cườm đã gạt gẫm các ông Tây ở Hà Nội và các ông cho là lai Tàu, mà lai tại cổ Việt, tức Tàu đã tới xứ ta từ 5.000 năm rồi.

Nhật có tính từ XIUUA, mà các ông ký hiệu theo Anh là SEWA, mà riêng Nhật đã dùng để chỉ tới hai văn thể của họ là SETSEWA và SEWA MONO.

Các ông Tây có biết tiếng Mông Cổ, và thấy trong Hàn ngữ và Nhật ngữ có một số danh từ Mông Cổ, nhưng không hề có SEWA và MÔNÔ chỉ có MÓN của Lạc bộ Trãi.

Ở Nhật SETSEWA = TÍCH XƯA = LÉGENDE

Còn MONOSEWA = một thể kịch diễn tuồng Phong tục, vì xưa cũng có nghĩa Phong Tục, trong Sơ Đăng ngữ.

Vậy trong cả ba quốc gia Đại Hàn, Nhật Bản, Việt Nam đều có một số danh từ Mông Cổ mà không ai dè, không dè nhứt là ở Việt Nam.

Danh từ KỂ là danh từ của Mông Cổ, có nghĩa là người dưới hình thức sau đây KẾ. KẾ CHỢ có phải chẳng là người ở chợ?

Mông Cổ: Ké

Cao Miên: Kê

Việt Nam: Kê

NGƯỜI chỉ là một danh từ do một ngữ nguyên khác tạo ra.

KỂ đẻ ra CON.

Nhưng CON và NGƯỜI ra đời rồi mà KỂ vẫn còn được thịnh dụng, qua câu ca dao tương đối mới, biết rằng nó mới vì trong đó có danh từ TIỀN và CAU. Hồi cổ thời ta đâu có nói Cau mà nói là NANG, y hệt như Chàm và Mã Lai.

Đón rằng Ké Trọng lắm cau

Kẻ Cát lắm lúa, kẻ Mau lắm tiền

Nhưng KỂ không đẻ ngay ra KON đâu, mà có hai ba thế hệ giữa dòng đời của bọn ấy. Kê đẻ ra KO của dân Lác (ở Đà Lạt), KO đẻ ra CẦU của dân Mạ (ở Lâm Đồng) rồi KO và CẦU mới đẻ ra CÔ AI của Bru và NCỐ của Pacóh, rồi mới đến KON của Thái và CON của Việt Nam

hồi cổ thời.

Đây là xâu chuỗi biến dạng.

Hệ thứ nhứt

Mông Cổ: KÉ
Cao Miên: KÊ
Việt Nam: KỂ
Làc: KO
Bru: CÔAI
Pacóh: NCÔH
Mạ: CÂU
Thái: KON
Cổ Việt Nam: CON

CON thì hiện Thái còn dùng để chỉ NGƯỜI.

Nhưng có bằng chứng nào để dám khẳng định rằng trong Việt ngữ có một thời nào đó, CON có nghĩa là NGƯỜI hay không? Có. Bằng chứng rất vững và rất lâu đời, cổ ít lắm cũng bốn ngàn năm.

Ta có danh từ kép BÀ CON. Bà con phải chăng là người phía bên Bà? Không thể nào mà Bà con lại là BÀ và CON CHÁU, bởi còn anh, chị, chị em, chú, bác, cô, dì, đủ thứ hết, tại sao lại chỉ trở có BÀ và CON CHÁU thì quá vô lý.

Vậy CON chỉ có thể là NGƯỜI.

Nhưng tại sao lại là người phía bên bà? Tại chế độ mẫu hệ cổ thời. Con theo họ mẹ. Nhưng người bên bà, bên mẹ là người đồng tộc, còn kẻ bên ông là người ngoại tộc, không là bà con (theo chế độ mẫu hệ).

Vậy bà con là người đồng tộc nhưng mà là tộc bà.

Ta lại có từ ngữ TO con hay TO người. Rõ ràng:

Con = Người

Cũng nên biết hai điều này:

I - TO CON chỉ được nói ở miền Nam, còn ở miền Bắc thì không, hoặc rất ít được nói. Thế thì dùng từ ngữ miền Nam để nói chuyện cổ thời là sai chăng?

II - Không sai. Chúng tôi đã chứng minh trong quyển sử rằng miền Bắc mất ngôn ngữ rất nhiều, thời vua Lê Chúa Trịnh, nhưng lưu dân đi Trung, đi Nam thì giữ được bởi nguyên nhơn mất ngôn ngữ chỉ xảy ra tại đất Bắc mà thôi. Lưu dân ăn nói theo Bắc cổ thời.

Ngay ở Chương II của sách này cũng đã có chứng tích như thế. Người miền Bắc không hiểu ca dao tục ngữ miền Bắc mà người miền Nam thì hiểu.

III - Chữ TO trong từ ngữ trên đây chứng minh được gốc gác miền Bắc của từ ngữ vì người miền Nam chỉ nói LỚN và BỰ mà không nói TO trừ trường hợp độc nhứt là từ ngữ TO CON mang từ miền Bắc vào.

Vậy thuở xưa, chính miền Bắc đã nói TO CON chứ không nói TO NGƯỜI và đó là chứng tích dõ, mặc dầu miền Nam chỉ mới được khai sanh hơn ba trăm năm.

Nhưng đến hình thức KON thì có biến. Kon mọc đuôi rất dài, biến thành KONANG tức thêm ANG. Mã Lai như đã bắt đầu đa âm rồi. Tiếp vĩ ngữ ANG trong KONANG có nghĩa là MẠNH. Quả thật người Nam Dương có danh từ LANANG là *Đàn ông lực lưỡng*.

(KON) ANG có thể ban đầu là người mạnh. Người mạnh là người đàn ông, khác với người đàn bà là người

yếu nên chúng Mã Lai mới tạo ra LANANG = Lan + ang để chỉ đàn ông và tạo PÓRTINA, WAHINA để chỉ đàn bà là kẻ yếu, và giữ KONANG để chỉ NGƯỜI tổng quát.

Mã Lai sáng tác lanang trước khi di cư đi Nam Dương và cho Kon mọc đuôi thành konang cũng trước khi đi Nam Dương. Đến nơi một thời gian họ mới biến ra konang để rồi rụng đầu, hóa ra ngày nay người của họ là ORANG.

Tại sao không để nguyên KONANG mà biến thành KORANG? Là tại ảnh hưởng Ấn Độ. Cứ nghe một ông Ấn Độ ở Sài Gòn nói tiếng V. N. là đủ hiểu cả: "Côrơ oirơ, tôirơ, yêurơ, côrơ, lămrơ."

KONANG đã có trước khi Lạc bộ Mã di cư đi Nam Dương, vì bọn ở lại bên Tàu có nhiều nhóm bị Hoa hóa sâu đậm lắm rồi thế mà về tiếng người họ không dùng tiếng Tàu, mà nói Nang, Náng, Nàng.

Nang (Phúc Kiến)

Náng (Triều Châu)

Nàng (Hải Nam)

Trong quyển sử, chúng tôi đã lầm mà nói rằng bọn ở lại, đã chịu ảnh hưởng Trung Hoa nên mất âm R, KORANG biến thành KONANG rồi lại chịu ảnh hưởng độc âm của Trung Hoa thêm một cú nữa thì KONANG bị co rút thành NANG.

Nhưng chúng tôi học lại thì thấy khác. KONANG đã có trước KORANG. Tại Trung Hoa nó chỉ mất đầu KO mà thôi. Tại Nam Dương thì N biến thành R vì thói lạm phát R của Ấn Độ. Ở Chàm cũng có ảnh hưởng Ấn Độ,

nên nó biến thành urang (mất đầu K).

Ta cũng có một thời nói KONANG, tuy không còn dấu vết trong ca dao, nhưng đồng bào Thượng có thì ta phải có. Mãi cho đến ngày nay mà người Sơ Đăng còn nói KO-NỔU = Người.

Tóm lại dấu vết KO, KON, KONANG đều còn đủ mặt trong lãnh thổ Việt Nam, chỉ có riêng xã hội Việt Nam thì thiếu KONANG nhưng người Sơ Đăng còn giữ được.

Hình thức Ko thì còn giữ được đầy rẫy ở cao nguyên Lâm Đồng, và KO = Người trong ngôn ngữ của riêng dân Núp, Kâyông Việt. Việt... CO LẠC là NGƯỜI DÂN LẠC.

Trong ngôn ngữ Bru, COÀI là NGƯỜI. COAI BRU là NGƯỜI DÂN BRU. Trong ngôn ngữ Mạ thì CÂU là NGƯỜI. CÂU MẠ là NGƯỜI DÂN MẠ.

Lại có đại biến, riêng tại lưu vực Hồng Hà. Đó là cuộc xâm lăng của Mã Viện và Mã Lai ngữ ở đó bị độc âm hóa. Konang bị ép như mía của các chị bán nước mía. Và hóa thành O, đã mất đuôi, lại đứt đầu.

Nhưng cấm nói vô bằng chứng. Bằng chứng là đây. Ta có hai ba câu ca dao khá cổ mà trong đó O = NGƯỜI:

O mi coi dáng nhu mi

Cút dê bỏ bị mà đi khắp làng.

O mi là CON NGƯỜI CỦA MI rõ ràng.

Tự điển K. T. T. Đ định nghĩa O là CÔ. Đành thế, nhưng O phải có nghĩa gì nữa thì câu ca dao này mới là có nghĩa, chớ nếu O chỉ là CÔ thì là gì? Xin thay thế chữ O bằng chữ CÔ ở câu trên để xem sao.

*Cô mi coi đáng nhu mì
Cút dê bỏ bị mà đi khắp làng.*

Không có nghĩa gì hết. Tại sao lại chê “cô” của một kẻ nào đó. Cô của hần phải đã già rồi, không cần được người đời nói đến nữa. Người ta có khen chê thì chỉ khen chê em gái của kẻ đó, hoặc chị của kẻ đó thôi: Không, O trong câu này, không thể nào mà có nghĩa là CÔ được, mà đúng là Người: Người của mi coi đáng nhu mì.

Chữ O với nghĩa là CÔ, chỉ hữu lý trong câu ca dao sau mà thôi:

*O bà cũng nọ mần chi
Hể ông thương đặng thì dì cũng hơn*

Đấy, O là Cô đấy, nhưng người chép ca dao, ông Nguyễn Văn Ngọc, cũng đã chép sai một tiếng. Đó là NỎ chứ không phải NỌ. NỎ cũng cứ là tiếng Mã Lai và có nghĩa CHẰNG. Xin chuyển ra danh từ đời nay:

*Cô bà cũng chẳng làm chi
Hể ông thương được thì dì cũng hơn*

Chữ O với cái nghĩa là CÔ là danh từ Chàm (Lạc bộ Mã) mà ta vay mượn và quả câu ca dao thứ nhì là ca dao miền Trung bằng vào những tiếng mà miền Bắc không có dùng, thí dụ MẦN thay cho LÀM, ĐẶNG thay cho ĐƯỢC.

Chữ O trong câu ca dao thứ nhứt là danh từ của Lạc bộ Trái, tức đó là sự co rút tới mức triệt để của Konang.

Đó là hình thức sau Mã Viện, chứ trước Mã Viện, ta đa âm thì phải dài hơn, nhưng không biết nó ra sao, vì

không tìm được dấu vết, có thể là KONANG, mà cũng có thể là KONỐU như nơi người Sơ Đăng.

Câu ca dao trên đây, chắc chắn là bắt gốc tại Đàng Trong vì có những tiếng mà chỉ có Đàng Trong mới dùng, vì vay mượn của Chàm: MẮN, ĐẶNG (thay vì ĐƯỢC) và chính người Chàm xưa gọi CỎ là O.

Thế thì O gốc Chàm trong câu sau phải khác với O Bắc Việt trong câu trước. O sau là của Lạc bộ Mã có nghĩa là CỎ, O trước của Lạc bộ Trãi có nghĩa là CON.

Đây là xâu chuỗi được hồi phục:

Thế hệ thứ nhất

Mông Cổ: KẾ

Cao Miên: KÊ

Việt Nam: KỂ

Làc: KO

Mạ: KÂU

Bru: CÔAI

Pacóh: NGÔH

Thái: CON

Việt Nam: CON (trước Mã Viện)

Việt Nam: O (sau Mã Viện)

Sơ Đăng: KONỐU

Việt Nam: KONANG (Không có chứng tích)

Lạc bộ Mã: KONANG (Chưa di cư)

Lạc bộ Mã: NANG (Bọn ở lại thành Tàu)

Lạc bộ Mã: KORANG (Bọn di cư đi Nam Dương)

Lạc bộ Mã: ORANG (Rụng đầu K)

Dân Sơ Đăng, bằng chứng vào ngôn ngữ, là Lạc bộ

Trái, thế nên mặc dầu không tìm thấy dấu vết KONANG trong ngôn ngữ ta, trong biểu đối chiếu trên đây, chúng tôi để Việt Nam có Konang vì Sơ Đăng có thì ta phải có.

Danh từ KONỐU quan trọng hơn hết vì nó là cái khoen biến chuyển từ KON ra KONANG. Trong xâu chuỗi này, ta thiếu mất một dân tộc nói KONANG, nhưng KONỐU đã cứu vãn được xâu chuỗi. Quí vị sẽ biết rõ người Sơ Đăng ở những Chương sắp tới, họ gần gũi ta lắm, trong các nhóm Thượng, nhiều danh từ Việt, không nhóm nào có cả, trừ Sơ Đăng.

Thế ta vừa khám phá ra danh từ cổ Việt nó giúp cho cái xâu chuỗi danh từ thành hình rõ rệt, nhưng không phải là giả thuyết chút nào cả. Đó là hai danh từ O và CON.

XIN ĐẶC BIỆT CHÚ Ý: Chúng tôi nói rằng trong Việt ngữ cổ thời O và CON đều có nghĩa là NGƯỜI và chúng tôi đưa ra chứng tích là ca dao tục ngữ, từ ngữ.

Nhưng chúng tôi xin trình ra chứng tích mạnh hơn, thấy được trong ngôn ngữ của dân tộc khác.

Trong ngôn ngữ Sơ Đăng, BÀ CON họ nói là NHONG O.

NHONG là BÀ, O là CON, y hệt như ta, và vào thời cổ, dân ta đã nói BÀ O thay vì BÀ CON y hệt như người Sơ Đăng hiện kim.

Khi ta thấy KOPÔ của Nam Dương biến thành TRÂU của Việt Nam qua một xâu chuỗi biến dạng thì cái gì cũng có thể biến thành cái gì cả.

Nam Dương: KOPÔ

LỘT TRẦN VIỆT NGỮ

Xi Tiêng:	KORPU
Sơ Đăng:	KÔPOU
Chàm:	KAPAO
Ra Đê:	KBAO
Giarai:	KBAO
Cao Miên:	KÀPÂY
Rôplai:	CỪVAU
Khả Tu:	KAPIU
Jêh:	KAPÌU
Các phụ chi Mạ:	GAPU
Mạ:	R PU
Duan:	R PU
Khả Lá Vàng:	SALU
Việt Nam trung cổ:	T LU
Bắc Việt nông thôn:	TRU
Việt Nam:	TRÂU
Úm ba la Kơpô = Trâu	

Nếu chúng tôi nói TÔLO của Nam Dương = TRÚNG của Việt Nam, chắc không ai tin cả. Nhưng nếu biết rằng sách của các cố đạo hồi thế kỷ 17 không viết là TRÚNG mà viết là TLÚNG thì quý vị sẽ hơi hơi tin.

Nhưng Mã Lai Nam Dương lại có một danh từ nữa để chỉ Trúng, đó là TÔRONG, biến dạng của TÔLO. Quý vị chắc đã tin rồi.

Nguyên TRÁI CÀ, Mã Lai gọi hết như Ắng Lê là TRÚNG CÂY (Egg plant). Và TRÚNG CÂY không còn là TÔLO nữa mà tiến đến TÔRONG. Tôlo = Trúng

Tơrong = Trúng

(Nghĩa Sơ Đăng còn tiến xa hơn Nam Dương nữa, vì họ nói là TRÓNG, cái dấu sắc đỏ, đưa họ xít lại gần ta hơn).

(Cũng nên biết rằng có một loại cà tên là CÀ TRỨNG mà người Bắc hình như gọi là CÀ PHÁO vì nó giống cái trứng chim. Việt Nam đã đánh mất TRỨNG CÂY trong thời bị đô hộ và CÀ chỉ là tiếng Tàu, đọc theo Quan Thoại, nhưng người Thượng thì còn, như danh từ Sơ Đăng cho thấy).

Thế hệ thứ nhì

Hệ người thứ nhì, theo linh cảm của chúng tôi, có thể là thế hệ thứ I, danh từ thật sự của chủng Mã Lai hồi thuở còn ở Himalaya, chớ không phải là của người Mông Cổ.

Vì đó là danh từ quá cổ, cổ đến tám ngàn năm là ít, nên dấu vết chỉ còn thấy được trong hai dân tộc: Việt Nam và Sơ Đăng:

Việt Nam: Gã

Sơ Đăng: Gá

Gã và Gá đều mang hai nghĩa: HẮN và NGƯỜI trong Việt ngữ và Sơ Đăng ngữ. Hệ này biến dạng như sau:

Việt Nam: Gã

Sơ Đăng: Gá

Sơ Đăng: N'gê (Mọc đầu N)

Tới hình thức N'GÊ thì Sơ Đăng cho nó cái nghĩa hằn là NGƯỜI, không còn mang hai nghĩa như GÁ nữa. Và xâu chuỗi cứ tiếp tục:

Sơ Đăng: GÁ

LỘT TRẦN VIỆT NGỮ

V.N:	GÃ
Sơ Đăng:	N'GÊ
Giarai:	NGAAI (đổi đuôi)
Bà Na:	BNGAAI
Jêh:	MANGAAY
Mường:	M'WAI
Phi Luật Tân:	M'NUI (đổi đuôi)
Cao Miên:	M'NƯ
Khả Bolonens:	P'NUI
Khả Lá Vàng:	R'NUI
Khả Tu:	MANƯIH
Việt Nam:	NGƯỜI

Nhưng NGƯỜI của ta thành hình thiếu dấu huyền. Nó là NGƯỜI và được dùng với nghĩa là MÂY. Không phải là NGƯỜI của ta thành hình sau các dân tộc khác, mà đó là hình thức kế chót của riêng ta, còn xưa hơn, có lẽ ta cũng nói là NGÊ y như Sơ Đăng hay một cái gì na ná như thế. Ta đã lập quốc còn người Sơ Đăng thì không chắc đã có nước thì ngôn ngữ của ta phải tiến nhiều hơn ngôn ngữ của họ. Biết điều đó rồi, ta cần hiểu rằng NGƯỜI là hình thức sau của ta, chứ không phải là nó có sau các dân tộc khác.

Sự gặt gẫm của các râu chuỗi biến dạng, chúng tôi đã lưu ý quý vị rồi ở biểu đối chiếu đại danh từ Tôi, là không phải gặp Chàm tại Quảng Bình, ta mới mượn CAU của họ để biến thành TAU.

Người ra đời thiếu dấu huyền. Điều đó không có gì lạ. Lạ là ta chưa cho nó cái nghĩa là NGƯỜI. Nhưng

không. Dĩ nhiên là con đẻ của NGÊ, nó phải có nghĩa là NGƯỜI. Nhưng ta đã có KON nên ta gán cho NGƯỜI một nghĩa khác là MẤY.

Thời nầy cũng còn để dấu vết, trong câu ca dao sau đây:

*Còn đời người ấy người ơi,
Nào người đã bảy tám mươi mà già*

Sơ Đăng đi thẳng từ KÊ đến NGÊ, còn ta thì lại ngừng lại ở Người và cho nó nghĩa khác. Tại sao? Chương trước đã cho quý vị thấy rằng là vua Hùng Vương đã vay mượn TA của Lạc bộ Mã, và hồi cổ thời thì chỉ có Mấy với Ta mới đáng kể, vì gia đình nguyên thủy chỉ có hai nhân vật đó. Thói quen ấy kéo dài đến thời vua Hùng Vương.

Người thành hình nhưng bị gán cho cái nghĩa là MẤY, tức cũng cứ là NGƯỜI, nhưng NGƯỜI KHÁC, không phải là TA, tức TA KHÁC.

Trong giai đoạn nầy, ta lại dùng người để chỉ một bộ phận của con mắt.

Việt Nam: Con người

Sơ Đăng: Kongê

Tại sao lại có cái nghĩa đó? Là vì CON NGƯỜI là nơi mà MẤY thấy bóng hình của mầy trong đó.

Rồi thì NGƯỜI đội dấu huyền và thành CON tức các MẤY bởi vì CÁC MẤY khác cũng thấy bóng hình của họ trong đó. Vậy CON NGƯỜI của ta là tất cả mọi người, tức là CON vậy. NGƯỜI TA là kẻ có hình bóng trong CON NGƯỜI của TA, tức là CON vậy.

NGƯỜI TA ra đời, cạnh tranh với CON và cả thắng vì nó có ngữ nguyên gốc tổ là GÁ, GÃ, còn CON do ngữ nguyên ngoại chủng là KẾ của Mông Cổ.

Một cái luật trong Việt ngữ mà chúng tôi đã xướng ra trong quyển sử, được xác nhận lại ở đây một lần nữa “Khi một danh từ của ta, gốc ngoài, thì luôn luôn nó bị ta cho nó một nghĩa kém cỏi. KẾ là NGƯỜI mà ta không trọng.

HAY là trạng từ của Lạc bộ Chuy. Vậy khi một cậu con trai tán gái không khéo, cô ấy kêu lên “Ồ hay, cái ông nầy!” Cô ấy chê đấy, chớ không phải là khen đâu!

Vương Quan nói với Thúy Kiều:

Vương rằng chị nói HAY sao?

Cậu em đó cũng đã chê chị chớ không phải khen bằng trạng từ HAY đâu. Trạng từ của Lạc Bộ Trãi là giỏi.

Việt Nam: Giỏi

Thượng Việt: Rõ ràng

Nhật Bản: Zyoosu

Thượng Việt và Nhật tuyệt đối, không biết HAY.

Thế thì hồi thái cổ ai cũng nói giống nhau hết, trong đại khối Mã Lai nhưng lại giống với Mông Cổ rồi, mới có KẾ và KẾ mới đẻ ra đủ thứ như ngày nay.

Nhưng cái danh từ GÁ thái cổ, chắc chỉ còn tồn tại quanh núi Himalaya. Người Népal ở gần núi đó nhứt. Hiện họ có di cư đến Sài Gòn, chúng tôi có tiếp xúc với họ và quả họ không nói là KẾ, KẾ gì hết bởi họ không có lai với Mông Cổ. Nhưng họ chỉ xuất hiện ở via hè Lê Lợi về đêm, và bận buôn bán, nên chúng tôi không học

hỏi với họ được bao nhiêu, và lại họ cũng nói tiếng Anh ba trợn, chỉ biết: Mất, Rẻ, Bao nhiêu, v.v. mà thôi.

Nên biết hai điều này:

I) Lạc bộ Mã không hề lai giống với Mông Cổ hoặc với Tàu như tiền sử học đã cho thấy. Nhưng một nhóm Lạc bộ Trãi là bọn Bộc Việt đã vượt Hoàng Hà để xuống Hoa Nam với Lạc bộ Mã, thành thử Lạc bộ Mã mới có KORANG con đẻ của KẾ Mông Cổ được.

Người Chàm (Mã) đã đánh mất hệ thống GÁ của Lạc bộ Trãi, nhưng người Giarai (Mã) lại còn giữ được với danh từ NGAAI mà Chàm không có.

HỌ cũng là tiếng Mông Cổ. Trong Mông ngữ HỖYIN là một bộ lạc trong đó tất cả mọi người, đông hàng vạn đều đồng tông. Ta đã biến HO = HỌ và YIN = DÒNG.

Về sau bộ lạc tan rã, nhưng Họ và Dòng thì còn. Nhưng dưới thời vua Hùng Vương còn bộ lạc thì các bộ lạc ấy chắc được gọi là Hoyin (nếu chưa biến dạng) hoặc Họ, Dòng nếu đã biến dạng rồi.

ÔNG cũng là tiếng Mông Cổ. Vua, họ gọi là KHAN, Tàu phiên âm là HẢN. Ông vua = Ong khan (không có dấu mũ)

Các ông ưa bắt ta làm bà con với Tàu, cứ quả quyết rằng ta học Ông với Tàu mà không dè rằng các dân tộc đều cùng học một thầy, thầy Mông Cổ.

ÔNG bị Lạc bộ Trãi ở Cao Nguyên biến thành:

Kong (người Sơ Đăng)

Un (các phụ chi của dân Mạ)

Nhưng UN của Mạ lại là BÀ chứ không là Ông như

Kong của Sơ Đẳng, vì trải qua năm tháng, có sự thay đổi chế độ mẫu hệ, phụ hệ, chế độ thì biến, nhưng danh từ thì còn.

Nhưng người Chàm có ÔNG là vì họ chịu ảnh hưởng của Việt chớ Lạc bộ Mã không hề có lai giống với Mông Cổ.

Người Sơ Đẳng chưa hề thấy mặt Tàu lẫn nào cũng không có học của ta. Vậy khi nào mà một danh từ mà Việt, Hoa, Sơ Đẳng đều có, là danh từ Mông Cổ chớ không phải của Tàu đi vào ngôn ngữ Sơ Đẳng do trung gian Việt Nam, trừ danh từ ĐỒNG, và CHANH, THÙNG thì quả họ đã học của ta.

Điều trên đây, có thể biến thành một luật văn phạm mới: “Những danh từ mà ta ngỡ là Hán Việt, không là Hán Việt, nếu người Sơ Đẳng có. Đó là danh từ Mông Cổ mà chính Tàu cũng đã học. Ta và Sơ Đẳng học trước Tàu vì đã có bằng chứng là ta làm chủ Hoa Bắc trước Trung Hoa (trừ Đồng, Chanh và Thùng mà Sơ Đẳng học của ta).

Có một điều nầy, có thể nói là kinh dị, mà không nói quá lỗ chút xíu nào hết. Là người Sơ Đẳng, đọc những danh từ mà ai cũng ngỡ là Hán Việt đó, bằng giọng Quan Thoại. Ấy người Tàu di cư đến Việt Nam chỉ là Quảng Đông, Phúc Kiến, v.v tức Tàu Hoa Nam, không có dùng giọng Quan Thoại. Nếu rùi có một người Tàu lọt được vào cộng đồng Sơ Đẳng thì cũng không vì thế mà người Sơ Đẳng biết giọng Quan Thoại (Nhưng không hề có người Tàu lọt được vào đó).

Đây là bằng chứng. Cái danh từ mà ta học theo Hán Việt là danh từ HẦU (cuống họng) Quan Thoại đọc là HÓ mà người Sơ Đẳng cũng đọc là HÓ.

Tại sao vậy? Vì danh từ đó không phải của Tàu mà là danh từ Mông Cổ và dân Tàu và dân Sơ Đẳng đều bắt chước Mông Cổ.

Còn ta, chắc thuở xưa ta cũng đọc là HÓ y hệt như Sơ Đẳng, nhưng sau vì lẽ nầy hay lẽ nọ, ta đọc sai đi, còn người Sơ Đẳng thì cứ giữ được mãi cái giọng Mông Cổ đã học từ 5.000 năm rồi.

Những danh từ Mông Cổ mà Tàu có, ta đều có, nhưng ta học thẳng với Mông Cổ từ Hoa Bắc chứ không học của Tàu. Thí dụ: Con SÓI, Tàu nói là SÀI, Mông Cổ nói là SHAKAL. QA của Mông Cổ là LỚN thì:

Mông Cổ: QA

Thái: TO

Việt Nam: TO

Sơ Đẳng: TOX (I)

Bru: TÒA

Quan Thoại: TA (Đại)

Nhật Bản nói O, nhưng không chắc lắm rằng đó là biến thể của Qa Mông Cổ, nhưng rất có thể, vì họ lai với Mông Cổ mãi về sau Tây lịch nữa, chứ không phải chỉ lai cách đây 5.000 năm như Thượng Việt và Việt Nam.

Quý vị đã thấy chúng tôi trình bày về xứ của người Sơ Đẳng mà chúng tôi muốn tới, nhưng thất bại cả hai lần. (Chương I)

Thế mà người Sơ Đẳng lại có tiếng Hán Việt, và họ

lại đọc rất đúng giọng Quan Thoại, chứ không phải đọc sai như các nhà nho Việt Nam.

Chưa hề có nhà ngữ học Âu Mỹ nào thấy được điều đó cả, mặc dầu chúng tôi học ngôn ngữ của người Sơ Đăng qua sách Pháp và sách Mỹ.

Quý vị có biết tại sao người KUY gọi con cá là QAKA hay không? Nếu họ cho mọc đầu K thì cứ cho, đầu có gì lạ. Là vì người KUY là Lạc bộ Trãi vốn đã lai với Mông Cổ mà âm Q tức đọc như K nhưng chìm trong cái HỐ. QAKA không phải là KAKA mà là KAKA CHÌM, KAKA ĐIỆC. Thế nên Mông Cổ mới đặt tên kinh đô của họ là QARAKOUROUM.

Cũng nên biết rằng Quan Thoại cổ thời cũng không có âm K mà dùng toàn âm Q. Quan Thoại TÂN ÂM, tức Quan Thoại vừa được đổi mới, tức trở về Quan Thoại đúng của cổ thời, cũng dùng toàn âm Q, thay cho K và cho tôi, thí dụ TÂN (Thị Hoàng) được viết là QIN, CA CA là anh, được viết là QAQA khi nào họ cần La Mã hóa văn tự cho người ngoại quốc đọc.

Một động từ mà ai cũng tưởng là của Tàu, nhưng nó là của Mông Cổ. Đó là động từ Khát (nước).

Quan Thoại: KHUA

Sơ Đăng: KHÓA

Hán Việt: KHÁT

Việt Nam: KHÁT

Nhật Bản: KATSU

Sơ Đăng đọc đúng Quan Thoại nhứt mà cái Quan Thoại đó chỉ là Mông Cổ.

GÈER là cái lều bằng da thú của Mông Cổ, nào ai dè đã đẻ ra NHÀ của Việt Nam. Nhưng xin xem các biến dạng dưới đây:

Mông Cổ:	GÈER
Sơ Đăng:	(HN)GÊI
Rơngao:	(HN)YÊ
Sơ Đăng Konpring:	(HN)HÂY
Khả:	HNJƠM
Jêh:	NIO
Mạ:	NHI
Xi Trên:	NHI
Koyong:	NYIA
Lamet:	NA
Trung Việt nông thôn:	YÀ
Mường:	NHA
Việt Nam:	NHÀ

Danh từ NGƯỜI của Nhựt là HITÔ, của Đại Hàn là SA-RAM, xem ra chẳng ăn nhằm gì với các danh từ của Lạc bộ Trãi cá, và đó mới là yếu tố An Tai thật sự, nhưng một loại An Tai khác hơn vì chủng Bắc Mông gô lịch gồm hàng trăm nhóm khác nhau, bọn Trãi đi Việt Nam đã hợp chủng với một nhóm khác hơn là bọn Trãi đi Đại Hàn và Nhựt, thế nên danh từ NGƯỜI của ba quốc gia này mới anh đi đường anh tôi đường tôi, Hàn và Nhựt đánh mất GÁ của Mã Lai, lại không có mượn KẾ của nhóm lai với bọn ở hang làng Cườm.

Nhưng cũng xin nhắc lại rằng yếu tố Mông Cổ rất yếu trong Nhựt ngữ, chớ không phải là căn bản như

các ông Tây đã nói. Trong Hàn ngữ, nó tương đối mạnh hơn, nhưng căn bản cứ là Tàu và Lạc bộ Trái. Trong Việt ngữ thì các ông Tây không hề biết là có, nhưng tuy có mà lại còn yếu hơn ở Nhựt ngữ nữa.

Việt = Mã Lai + Mông Cổ

Nên ta có dùng danh từ Mông Cổ là chuyện dĩ nhiên. Còn Tàu là:

Tàu = Nhục Chi + Mông Cổ

Thì họ có dùng danh từ Mông Cổ hay không? Có. Tiếng ÔNG đã cho thấy như vậy. Tuy nhiên căn bản của tiếng Tàu là tiếng Tây vì Nhục Chi là Tây. Họ chỉ chịu ảnh hưởng Mông Cổ ở điểm đọc âm mà thôi, còn thì danh từ nguyên thủy của họ phần lớn là tiếng Tây hết thảy.

Đây là một tiết lộ làm kinh ngạc cả những nhà bác học Âu Mỹ. Tiếng Tàu là tiếng Tây hồi nào hở trời. Nhưng sự thật là thế.

Cái món mà Tàu thấy trước nhất và nhiều nhất là CÁT vì nơi họ lai giống Nhục Chi + Mông Cổ là vùng Altai. Đó là một vùng sa mạc.

Mông Cổ gọi cát là Gô (bi). Tàu không có gọi như vậy. Quan Thoại gọi là SÁ mà ngữ căn Ấn Âu là Sabulum, Pháp biến thành SABLE, Anh biến thành SAND.

Nếu chỉ giống có một vài danh từ thì chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên. Nhưng lại giống hết thảy:

Quan thoại

Ngữ căn Ấn Âu

TI-I (Đất)

TERA (La Tinh)

WỈ (Dạ dày)	VISCERA (La Tinh)
WÍ (Nhỏ lắm)	MIKROS (Hy Lạp)
PI (Mũi)	RHINO (?)
ỚL (Tai)	OTO (?) TAR (Nhật Nhi Man)
XỆ (Máu)	SERUM (La Tinh)
PHÍ (Phổi)	PTY, PTUALON (Hy Lạp)
XƠN (Thân thể)	SÓLORA (Phạn)
PỈ (Da)	PELLIS (La Tinh)
DÃ (Răng)	PADA (Phạn)
YÊL (Mắt)	EYE (Nhật Nhi Man)
FỎ (Lửa)	FOCUS (La Tinh)
MIL, MÉL (Lúa mì)	MILIUM (La Tinh)
SÀI (Cùi)	SALE, CALE (Calorie)
PHÁL (Bột)	FARINA (La Tinh)

Một danh từ khá lâu đời, nhưng có sau những danh từ trên đây:

Quan Thoại Phạn

Tơ (Tơ lụa) Satōra

Vậy Ấn hay Hoa đã phát minh ra Tơ? Truyền thuyết của hai dân tộc đó đều cho rằng họ phát minh ra Tơ. Đố ai biết ai nói láo. Chữ Tơ của cả hai đến đồng gốc Ấn Âu. Theo chúng tôi thì chính bà Tây Vương mẫu đã phát minh ra Tơ. Bà ta là nữ vương của rợ Nhục Chi đấy và đã ảnh hưởng đến cả Ấn lẫn Hoa. Đó là vua của Nhục Chi mẫu hệ và bị đồng hóa với bà Luy Tổ của Tàu trong truyền thuyết Trung Hoa, đến những đời Hán, Đường mà Tàu còn mượn nhạc Nhục Chi thì đã biết “Rợ” đó có rợ hay không.

Ta cần chú ý đến sự kiện tối quan trọng sau đây là người Sơ Đăng luôn luôn là cái khoen thứ nhì trong các khâu chuỗi. Từ X... đến GÁ cũng cứ người Sơ Đăng đứng hạng nhì, từ GÈER đến (Hn) GÊI cũng lại là người Sơ Đăng đứng đầu các nhóm Lạc bộ Trãi. Trong quyển sử, ta đã biết quốc gia Đạo Minh của người Khả Lá Vàng. Sơ Đăng phải chăng là quý tộc của quốc gia đó, cái quốc gia Lạc bộ Trãi song đôi với Văn Lang?

Dĩ nhiên Lạc bộ Mã không có lai với Mông Cổ nên nói khác về Nhà:

Miền Dưới: RUMẢ

Chàm: THANG

Radê: SANG

Giarai: THANG

Churu: SÀNG

Việt Nam: NHÀ SÀN

Họ đồng hóa cái THANG và NHÀ vì muốn lên nhà sàn, phải leo thang.

THANG là danh từ của Lạc bộ Mã, Nam Dương nói là TANGA, Nhựt Bốn biến thành Tana và cho nó cái nghĩa là cái kệ có nhiều tầng, tức cũng cứ là cái THANG. Thang của Lạc bộ Trãi, còn thấy được:

Khả Lá Vàng: MÓN

Mạ: GỐNG

Sơ Đăng: KỐNG

Việt Nam: MÓNG

Ta có câu tục ngữ: "Móng đàng đông, cầu vòng đàng tây.) Cái MÓNG, cũng được người ta gọi là cái Thang

để lên trời.

Danh từ dưới đây, chỉ mới có vào đời Chu, thì chắc không là đồng gốc mà là vay mượn của nhau nhưng không biết ai vay của ai.

Tàu: SÁCH (sách) Phạn: SASTÓRA

Dĩ nhiên là các món về sau, ông Tàu sáng tác khác ông Tây Nhục Chi hết thảy, nhưng những món mà ông Tàu sơ khai thấy và có, đều là danh từ của ông Tây Nhục Chi, ông ấy nói tiếng Tây vì ông ấy thuộc chủng Irano-Indo-Européen.

Ta thấy nhiều sách đời Chu phải được chú giải thì người Tàu mới hiểu, là vì có những danh từ gốc Nhục Chi trong đó mà đến cuối đời Chu, Tàu sáng tác khác, chỉ khi có những nhà bác học như Khổng Tử mới hiểu được mà thôi.

Trong một bài thơ của Kinh Thi có ba câu sau đây:

Lân chi lốc (Lốc viết là giác)

Chân chân công tộc

Hu ta lân hể

Các nhà nho ta thường giải thích rằng chữ GIÁC là cái sừng, phải đọc là LỐC cho nó hợp vận với TỘC. Nhưng ông thi nhân tác giả của bài thơ đó, vào thuở ấy, ông ta có phương tiện loan báo cho dân biết rằng chữ GIÁC phải đọc là LỐC hay không? Và nếu có, dân có bằng lòng nghe hay không.

Ngay như ngày nay mà ta dồi dào phương tiện, ta cũng không làm sao mà bắt độc giả chấp nhận một câu ca dao như sau:

*Trăng rằm mười sáu trăng treo,
Chị em ta từng kéo chỉ bán bông.*

Nếu là chữ TÚNG ở chỗ chữ NGHÈO rồi bắt họ đọc là NGHÈO cho nó ăn với vận TREO, họ sẽ gọi ta đi Biên Hòa mất.

Làm thơ, có đâu muốn gieo vần thế nào thì gieo rồi bắt thiên hạ đọc những vận sai ấy cho hợp với vận trên hay vận dưới. Nguyễn Đình Chiểu phải viết “Dưới đèn xem truyện Tây Minh” chứ không thể viết: “Dưới đèn xem truyện Tây Tống” rồi bắt ta phải đọc Tống là Tinh cho hợp với NHƠN TÌNH ở dưới.

Cái sùng, Phạm ngũ nói là CH, LA thì anh Tây Nhục Chi cũng nói na ná như thế là CH, LÔ, thế nên thi nhân đó làm thơ bằng một vận cổ Hoa gốc Nhục Chi là LỐC.

Về sau, ai đó (Khổng Tử hoặc ông nào khác) sửa sang lại và chợt thấy dân đã sáng tác GIÁC từ lâu mà quên LỐC nên ông chép là GIÁC, nhưng chú rằng Giác phải đọc là LỐC, LỐC có thật sự, dưới đời Hạ Thương chẳng hạn, bị các ông san định tự ý sửa lại là GIÁC rồi chưa rằng phải đọc GIÁC là LỐC.

Thành thử chúng tôi rất khâm phục ông Nguyễn Văn Ngọc, vì nhiều danh từ cổ mà ông quên nghĩa, ông cứ để nguyên, không san định gì hết. Nhờ thế mà ta mới khám phá được nhiều sự thật về cổ thời.

THI SÁCH là ông Thi CUỐI VỢ. Nhưng không phải chỉ có man di Giao Chi là không hiểu, ngờ ông lấy họ Thi tên Sách mà cả các nhà bác học Trung Hoa cũng không hiểu, phải đọc chú thích mới biết rằng SÁCH là

động từ cổ có nghĩa là CƯỚI VỢ, và ông ấy chỉ là ông Thi cưới con gái của Lạc tướng Mê Linh.

Nhưng nếu ai cũng đọc kỹ câu sử của THỦY KINH CHÚ đều thấy một điều Kỳ dị nầy là câu văn đó thiếu mất một động từ "*con trai của Lạc tướng Châu Diên tên là Thi Sách, con gái Lạc tướng Mê Linh tên là Trưng Trắc làm vợ*" v.v. Rõ ràng là thiếu động từ "CƯỚI". Nhưng vì không ai biết tiếng Nhục Chi nữa mà chỉ biết SÁCH là danh từ mà Tàu sáng tác về sau và có nghĩa khác, nên cứ nhắm mắt cho phép câu văn đó thiếu động từ, và xem SÁCH là tên của ông ấy y hệt như ta không hiểu tại sao mo cau mà gọi là mo nang, vì thuở xưa tổ tiên ta là Mã Lai, mà trong ngôn ngữ Mã Lai, Nang là Cau. (Đã có giải thích rồi về vụ mo nang này và tên nước Văn Lang, ở đầu sách).

Danh từ Phạn BANGSA là GIỐNG NÒI, còn BANG HỆ của Trung Hoa là *Nhánh bà con không thẳng dòng*.

Mặc dầu không thẳng dòng, nhưng cũng cứ là một giống nòi. Nhưng mà tại sao lại không thẳng dòng? Vì dân lai căn tự thấy mình mới là chánh tông, và chánh tông Ấn Âu thì lại bị coi là không thẳng dòng.

Không phải BANG SA biến dạng thành BANG mà thôi. Hệ được thêm sau, và Hệ đồng gốc Mông Cổ với ta, gốc HOYIN, ta biến thành HỌ DÒNG, nhưng Tàu biến thành HỆ.

Thành thử trong BANG HỆ, vừa có danh từ Ấn Âu, vừa có danh từ Mông Cổ, đúng là danh từ lai căn của dân Tây lai Mông Cổ.

Nhưng Tàu không đổi mới hết, nên ta mới thấy được hàng trăm danh từ gốc Ấn Âu rõ ràng còn sót lại trong Hoa ngữ.

Ta cứ tưởng tượng rằng CON TẮM do TÂM của Tàu. Thật ra thì dưới thời nhà Chu, Tàu gọi con Tắm là CHƯÔNG. Nhưng họ bỏ danh từ CHƯÔNG để lấy danh từ TÂM mà đó là danh từ của Thất Mân tức của Lạc bộ Mã, tức của ta phần nào.

Tại sao họ lại bỏ CHƯÔNG? Vì đó là danh từ quá cổ và gốc Nhục Chi mà họ không thích cũng như trong vòng vài năm nay báo chí văn nghệ quyết định bỏ tiếng ĐẠI VĂN SĨ mà dùng tiếng NHÀ VĂN LỚN. CHƯÔNG là danh từ của bà Tây Vương Mẫu.

Truyền thuyết Tàu cho rằng họ phát minh tơ lụa trước nhứt. Truyền thuyết Ấn Âu cũng nói như thế và cả hai đều có danh từ y như nhau. Nhưng có hai sự kiện trên đây cần được ta suy gẫm:

1) Tơ lụa ở Cachemire có một loại may áo xong, có thể vò áo lại rồi bỏ trợn trong một cái chén uống trà nhỏ. Đó là sự thật vào thời Trung Cổ Âu châu.

2) Sự thật ngày nay là tơ lụa Nhứt tốt hơn tơ lụa Tàu và bán chạy hơn, trên thị trường quốc tế. Mà Nhứt là Trãi + Mã, kẻ có danh từ TÂM.

Trong quyển sử chúng tôi có viết rằng dân Nhục Chi đã biết lửa, dân Mông Cổ cũng thế, nhưng dân lai căn là Tàu thì lại kể truyền thuyết Phục Hy dạy họ làm lửa, trong đất Tàu.

Truyền thuyết đã lâm lẩn địa bàn. Phục Hy là một

nhân vật Nhục Chi đã dạy Nhục Chi lửa, với danh từ FOCA, FOCUM, FOCUS gì đó, chứ không phải là nhân vật Tàu, dạy dân Tàu, tại đất Tàu. Thế nên lửa của Tàu mới là FỎ.

Ta lại phải trở về với ông Mông Cổ giả là ông Nhựt. Thật ra thì ông ta đâu có trá hình làm Mông Cổ, tại các ông Tây bắt ông ta phải làm Mông Cổ đó thôi.

Ông đó có nói là KỂ là CON gì hay không? Tuyệt đối không. Ông ta nói là HITÔ. Chúng tôi rất nghi rằng ông ta biến dạng tiếng HẮN của Lạc bộ Trãi, và quả thật, HITÔ cũng có nghĩa là HẮN.

Hitô = Người

Hitô = Hắc

Lạc bộ Mã chỉ nói ĐIA mà Trung và Nam Việt biến thành DÀ, DẢ, DA. Bắc Việt đã biến sai NYA của Lạc bộ Mã ra là NỐ, vì NYA có nghĩa là CỬA HẮN chứ không phải HẮN.

Trung và Nam cũng có biến NYA thành NỐ, nhưng dùng rất đúng vì NYA của Chàm đời xưa vừa có nghĩa là CỬA HẮN vừa có nghĩa là CÁI NGŨ ĐÓ. NỐ của Trung và Nam cũng có nghĩa là CÁI NGŨ ĐÓ, CÁI THỨ ĐÓ.

Vậy ông Nhựt không hề là ông Mông Cổ như ông Tây đã nói mò, mà chỉ là ông Mã Lai hỗn hợp y như Việt Nam, tức vừa dùng danh từ của Lạc bộ Trãi như XƯA, MÓN vừa dùng danh từ của Lạc bộ Mã, như KUDA của Nam Dương là con NGỰA bị họ biến thành KURIGE.

Danh từ CON là con của ta đẻ ra và Trẻ con của bọn Trãi thì Đại Hàn đã đánh mất. Họ nói A-DUL và A-I mà

chúng tôi tìm không được ngữ nguyên, có lẽ đó là danh từ Mãn Châu.

Nhưng Nhựt còn giữ được dưới hình thức:

Ko = Con (đẻ)

Komodo = Trẻ con

Đó rồi thì nó đẻ ra Con, Kon, Kuan, Coan hàng trăm thứ, trong khối Trãi, khá giống Con là Người về hình dáng nhưng ngữ nguyên và nghĩa thì khác.

Danh từ Con (đẻ) và Trẻ con của Lạc bộ Mã là Anak mà dân ta biến thành Con nít, tức Con trong Con nít chẳng dính líu gì đến Trẻ con, bởi Con nít gốc Mã, Trẻ con gốc Trãi, Chàm, Giarai, Rađê, Rôglai, Churu biến ra lu bù là Inứ, Ina, Ana v.v.

Chỉ có dân tộc Việt Nam mới phân biệt Con (đẻ) và Trẻ con bằng cách thêm Trẻ vào đó, và dân tộc Nhựt Bản bằng cách thêm Đômô vào con, các dân tộc khác thì chỉ dùng độc một danh từ để chỉ Con (đẻ) và Trẻ con.

Các nhà ngữ học Mỹ, chỉ làm việc ở Cao Nguyên có 5 năm, nhưng kết quả lại bằng 10 công trình của Pháp trong vòng một trăm năm. Nhưng xem ra các ông chưa biết Austroasiatiques là gì, bằng chứng là các ông gọi Nam Dương ngữ, Chàm Ngữ là Austroasiatiques.

Và bỏ chung Trãi và Mã với nhau. Ngôn ngữ Thượng đồng gốc với Việt ngữ, nhưng các ông cứ can đảm viết rằng đó là phụ ngữ của Miên ngữ.

Chàm ngữ là ngôn ngữ Lạc bộ Mã, tức Austronésien, thế mà các ông cũng cứ cho đó là ngôn ngữ Autro-

asiatiques.

Chắc còn lâu, vấn đề ngôn ngữ ở Đông Nam Á mới được biết đúng, vì cái hội ngữ học ở Mỹ là hội lớn, có đầy đủ phương tiện, và ngoài họ ra, chắc không ai làm việc bằng họ, thế mà họ đã sai lầm về căn bản rồi thì sự sai lầm đó trở thành sự thật cổ điển, được thế giới nhìn nhận thì phải lâu lắm, khi may ra chúng tôi có chút ít tên tuổi nào về mặt quốc tế, thì chủ trương của chúng tôi mới được thiên hạ chú ý tới và chừng ấy cái thành trì sai lầm nói trên sẽ bị phá vỡ. Nhưng còn lâu.

CHƯƠNG XI

MỘT NGÀN DANH TỪ PHÙ NAM TRONG VIỆT NGỮ MIỀN NAM

*M*iền Nam có những danh từ, từ ngữ mà Trung Bắc không có, và xem lại thì đó là danh từ của Nam Dương.

Hỡi hột, có thể cho rằng đó là danh từ mà ba thứ người sau đây đã đưa vào miền Nam:

1) Bọn lính đánh thuê cho Pháp, người Phi Luật Tân, họ có đến Sài Gòn, một mớ có ở lại sau cuộc xâm lăng năm 1859.

Nhưng biến cố 1859 là biến cố quá mới, mà bọn ở lại để làm gì và được bao nhiêu người, đã đưa những danh từ nào vào Nam, người miền Nam đều biết thật rõ.

Họ ở lại non một trăm người, tất cả đều làm cảnh sát viên tại thành phố Sài Gòn, tự xưng là Mata Mata, tức cảnh sát viên, và bị người Nam gọi là ma tà (để đùa và khinh) hoặc gọi là mả tà với cái nghĩa là cảnh sát viên.

Nhưng Pháp chỉ dùng bọn này có 5 năm rồi giải nhiệm hết. Đa số hồi hương. Năm sáu anh làm nghề đánh xe ngựa đờ luyệt của thành phố Sài Gòn vào thuở

ấy mà ta gọi là xe Song Mã (được Tản Đà làm thơ tả cái thú đi dạo mát bằng loại xe ấy) và Pháp gọi là xe Calèche.

Bọn ấy tự xưng là dân MANÍ (Manila), và cũng được ta gọi là Chà và Maní. Danh xưng Chà Và, ban đầu phiên âm Java để trỏ người Java, sau lại thì chỉ tất cả những thứ dân đen nhiều hay ít mà ta không biết là ai (Ấn Độ, Phi Luật Tân, Phi Châu, v.v.) Danh xưng MANÍ biến thành danh từ MANIN để chỉ lối húi tóc của đa số người miền Nam nay. Người Phi Luật Tân bị da trắng trị 400 năm trước ta, nên họ húi tóc theo da trắng hết, năm họ đến Sàigòn.

Danh từ thứ ba và thứ tư mà bọn ấy để lại là danh từ XÀ ÍT (Sais) có nghĩa là *Thằng đánh xe*, nhưng ta đã bỏ danh từ ấy từ năm Calèche bị ô tô thay thế, vào khoảng năm 1930. Chỉ có danh từ thứ tư là biến thành từ ngữ rất thịnh dụng ở miền Nam cho đến ngày nay.

Miền Bắc nói THẮNG NGỰA VÀO XE, nhưng miền Nam nói BẮT KẾ. Bắt kế là do PORKAI KUDA mà ra, Pokai = Thắng vào xe, Kuda = Con ngựa.

Bọn đó lấy vợ Việt, sanh con ra và con cháu kế nghiệp ông cha cho đến năm 1930. Có lẽ họ đã thành Việt Nam hết, nhưng tuyệt đối không có đưa thêm danh từ nào vào Việt ngữ trừ bốn danh từ trên.

Chúng tôi biết chắc vị trí của bọn đánh thuê ấy nhờ quen biết với gia đình M. Một gia đình Phi-Việt độc nhứt không làm nghề đánh xe ngựa, mà nhập Pháp tịch, lấy vợ Việt, và làm nghề săn bắn hổ báo.

Chúng tôi mất liên lạc với gia đình này sau biến cố 1945, và họ đã giống Việt Nam lắm rồi, và nếu họ không làm Tây, thì không ai biết được họ là người ngoại quốc.

Về người Phi Luật Tân, nhiều người biết lắm và riêng chúng tôi biết rõ và chắc hơn, nhờ gia đình M.

Như thế, ta loại ảnh hưởng Phi Luật Tân quá dễ dàng, mặc dầu họ ăn nói không khác Nam Dương bao nhiêu và có thể bị tình nghi là kẻ đưa ngôn ngữ vào Nam.

Nhóm bị tình nghi thứ nhì là bọn Mã Lai, lính của Mạc Cửu vì sử có ghi rằng Mạc Cửu có mộ một số lính người Mã Lai. Danh xưng Mã Lai không biết chi rõ quốc gia nào, có lẽ cứ là Java, vì Java thường vào lục địa hơn hết.

Nhưng vì họ là lính Mạc Cửu thì thường bại trận, nên bọn ấy chết trận còn chẳng bao nhiêu. Lại không có tài liệu cho biết bọn ấy đã được giải ngũ và được định cư, mà nếu có, cũng không thể đưa ngôn ngữ vào toàn cõi Nam Kỳ, nhứt là đó là toàn những danh từ rất tế nhị.

Còn ai nữa? Trịnh Hoài Đức cho biết có thương thuyền Mã Lai đến buôn bán với Nông Nại Đại Phố? Sinh quán ở Biên Hòa, chúng tôi biết rõ Nông Nại Đại Phố. Quanh thành phố ấy không có người Việt gốc Mã Lai.

Sau rốt là người Châu Giang đã nói rõ ở Chương I. Họ là dân Java theo bước viễn chinh của quân xâm lăng xứ Cao Miên. Cao Miên quật cường và đuổi xâm lăng được rồi thì họ ở lại đông đảo, nhứt là tại Cao Miên nay.

Người Việt Châu Đốc hoàn toàn không có học gì của họ cả, kể cả con số 1 của họ, như vậy mãi cho đến ngày nay.

Thế thì nếu có một ngàn danh từ của Lạc bộ Mã trong Việt ngữ miền Nam, ta phải kết luận rằng đó là ảnh hưởng của Phù Nam, họ còn sống sót vào đầu thế kỷ 17 mà ta di cư vào đây. Người Phù Nam có ngôn ngữ y hệt như người Nam Dương.

Tưởng cũng nên nói rõ về người Châu Giang ở Châu Đốc, kéo có người lại cứ cho rằng những danh từ lạ trong Việt ngữ miền Nam là do ta học với người Châu Giang.

Người Châu Giang sống biệt lập, giữa ta và họ có một bức tường văn hóa.

Tại sao quân xâm lăng Java lại ở Cao Miên và Châu Đốc mà không bị trả thù? Vì họ là cán bộ giỏi, Cao Miên kém hơn họ nên cần họ. Và lại đó là thường dân nổi gót xâm lăng chứ không phải là binh sĩ.

Về sau, tức vào những thế kỷ 15, 16, họ còn được Cao Miên biệt đãi nữa là khác vì có người Java làm đại thần trong triều Cao Miên, rồi vua Cao Miên lại cưới vợ Java nữa.

Và tại sao ta không có chịu ảnh hưởng của họ và ngược lại? Vì đạo Hồi. Đó là một tôn giáo bất khoan dung. Đã vậy nông dân ta lại rất tin nhảm. Họ bảo rằng họ nghe được mùi thịt heo nơi ta, nên họ không thích cho ta vào làng họ. Trong khi đó thì ta thấy khăn của họ vẽ chữ rằn ri, có lẽ chỉ là những câu chúc lành của kinh Koran, viết bằng quốc ngữ Nam Dương chứ không

có gì, thế mà dân ta ở quanh đó, rất sợ, cho rằng đó là bùa, và bùa ấy sẽ hại kẻ lạ.

Họ không thích chung đụng với ta vì lý do tôn giáo chứ không phải vì ghét ta rồi chực chờ hại ta, bằng những chiếc khăn có vẽ bùa đó đâu. Đối với họ, thịt heo là cái gì nhơ bẩn, cần tránh cho thật xa, chỉ có thể thôi, ta không nên ngộ nhận rồi sợ hãi họ.

Nhưng ta đã ngộ nhận, nên tuyệt đối không có ảnh hưởng qua lại nào, cả đến số 1, số 2 của họ, ta cũng không biết. Nó là Sa, Đua, Tíga, Ômtat, vân vân, trong khi dân miền Nam thạo tiếng Cao Miên, ở quốc ngoại, còn một ngôn ngữ quốc nội là ngôn ngữ vùng Châu Giang thì ta tuyệt đối không biết.

Vậy dầu cho họ là ai đi chăng nữa thì ngôn ngữ của họ cũng không hề ra khỏi 5 làng vùng Châu Giang.

Cho rằng người Phù Nam còn tồn tại vào cái thế kỷ mà dân ta di cư vào Nam, tức thế kỷ 17, có người bảo rằng là không thể có được vì họ đã bị Cao Miên diệt quốc từ thế kỷ thứ 6, thứ 7 S.K.

Nhưng khi mà dân Mêlanê, dân Négritos, dân đôi mỗi của thời trước Tây lịch đến còn đủ mặt trong lãnh thổ ta (xin xem lại quyển sử) thì người Phù Nam cũng phải còn. Cao Miên không hề có chánh sách diệt tộc Phù Nam, lại không đủ giỏi để đồng hóa toàn thể dân Phù Nam vào thế kỷ 17, tức làm xong công việc đồng hóa trong vòng một ngàn năm (ngược lại, chính họ bị Phù Nam đồng hóa vì trong ngôn ngữ Cao Miên, đầy đầy danh từ Phù Nam) thì dân Phù Nam phải còn.

Hơn thế trong một bài nghiên cứu đăng ở tạp chí B.S.E.I ông P. Dupont đã chứng minh rằng Cao Miên không bao giờ có chiếm đất Nam Kỳ khi diệt quốc Phù Nam, mà chỉ chiếm trung ương của Phù Nam là nước Cao Miên nay, vì họ không đủ quân lực, bởi đế quốc Phù Nam rất lớn, họ chiếm tới Nam Miến Điện đã hết quân rồi.

Dân Cao Miên tự động di cư đi chiếm các vùng đất tốt nhất của một vùng vô chủ là Long Xuyên, Châu Đốc, Sóc Trăng, v.v. và dân Phù Nam mất vua nhưng lại còn quá nhiều đất ở Nam Kỳ, mặc dầu là đất xấu.

Chúng tôi đã cho thấy ảnh hưởng của vùng Châu Giang đối với ngôn ngữ ta. Nó là một con số không to tướng. Nếu lính Mạc Cửu và bọn thương hồ Mã Lai có ở lại thì ảnh hưởng của họ cũng đã giống hệt ảnh hưởng của vùng Châu Giang.

Bọn Phi Luật Tân thì có để lại năm ba danh từ được biên ra đầy đủ ở Chương tự vựng.

Bọn để lại khắp miền Nam một ngàn danh từ tế nhị, đôi khi bác học nữa, phải là bọn khác, văn minh hơn là lính đánh thuê cho Mạc Cửu, cho Pháp, văn minh hơn là bọn lái buôn thuyền biển.

Nhưng chứng tích của chúng tôi rất nghèo. Ta chỉ biết là năm ta di cư vào Nam (1623), ta đặt tên cho một cửa sông Cửu Long là Cửa Bà Lai. Bà Lai là danh xưng thứ 5 mà người miền Nam dùng để chỉ Lạc bộ Mã. Đây là 6 danh xưng đó:

Miền Dưới

Chà Và

Mã Lai

Bà Ba

Bà Lai

Kiến Hồ

Dân Mã Lai nào đã định cư đông đảo tại một cửa sông Cửu Long? Cửa sông đó, nằm cách Hà Tiên 400 cây số theo đường chim bay, và 400 cây số rừng rậm mà đến nay ta chưa khai phá hết. Lính của Mạc Cửu, có ở lại, chỉ định cư quanh Rạch Giá, Hà Tiên là cùng.

Hẳn bọn Bà Lai ấy là một cộng đồng Phù Nam đông đúc, còn ở các nơi khác, họ sống rời rạc, nên không có nơi nào mang địa danh trùng với danh xưng mà người miền Nam dùng để trỏ họ.

Như đã nói và sẽ giải thích, dân Phù Nam có ngôn ngữ như Chăm ngữ và Nam Dương ngữ. Đó là Lạc bộ Mã, thì thuở ấy ta có thể lầm lẫn họ với người Nam Dương và gọi họ là Bà Lai.

Chứng tích nầy không đủ mạnh, nhưng sự bác bỏ lính của Mạc Cửu và lính đánh thuê cho Pháp thì rất vững. Nhà bác học tiền bối là cụ Trương Vĩnh Ký đã giải thích rằng Bà Lai là BARAY. Đó là danh từ Cao Miên trỏ một hồ nước nhơn tạo để dẫn thủy NHẬP ĐIỂN.

Nhưng ở cửa sông Cửu Long chỉ có dẫn chứng XUẤT ĐIỂN, chứ không bao giờ phải đập đập Baray để mà dẫn thủy NHẬP ĐIỂN.

Ta phải kết luận rằng những danh từ đó do một thứ dân Lạc bộ Mã không có theo đạo Hồi, họ là người độc

nhất có thể chung đụng với ta, trao đổi văn hóa với ta. Thứ người ấy chỉ có thể là người CHĂM, tức người Chăm không theo Hồi giáo, nhưng thứ người Chăm ấy vẫn có mặt ở miền Trung, mà miền Trung lại không có những danh từ Mã Lai và miền Nam thì có, thì chỉ còn một thứ người nữa mà thôi, người Phù Nam.

Quý vị đã thấy cuộc chung đụng của dân ta với cộng đồng Châu Giang nó ra sao nào rồi. Tôn giáo Hồi đã ngăn chặn mọi tiếp xúc. Họ có đi ra ngoài để làm hai nghề: bán tơ lụa của họ dệt, và bán thuốc rê lậu thuế mà họ mua ở Cao Miên về, vì họ rất được người Cao Miên trọng đãi, khác xa với người Chăm mà Nguyễn Hữu Kính đặt tên là Cô Man.

Nhưng trong các cuộc buôn bán ấy, họ tránh đưa văn hóa và ngôn ngữ của họ ra ngoài, không phải vì cố ý giấu, mà vì họ biết tiếng Việt, bởi một số người đã đi ra ngoài làng ăn học hầu làm quan. Chính những người đó đã đưa Việt ngữ vào Châu Giang.

Chúng tôi đã hỏi thăm người miền Trung, miền Bắc, đã tra tự điển miền Trung miền Bắc, nhưng đều không thấy những dân tộc đó ở hai nơi ấy. Có thể tự điển có thiếu sót và những người mà chúng tôi hỏi thăm, không thạo ngôn ngữ lắm. Như thế, trong 10 danh từ mà chúng tôi đưa ra, sẽ có lối 2 danh từ mà Trung và Bắc có, nhưng cứ còn lại 8 danh từ mà Trung và Bắc tuyệt đối không có.

Như thế, chúng tôi lại phải theo dõi hai nhóm Lạc bộ Mã nữa, có mặt ở miền Nam, vào một thời nào đó.

Có vị lại sẽ thắc mắc hỏi sao chúng tôi lại biết ngôn ngữ Phù Nam. Ngôn ngữ này, không khó biết lắm. Chúng tôi đã chứng minh rằng trống đồng là phát minh của bọn Lạc bộ Mã, mà người ta đã tìm được trống đồng tại trung ương của Phù Nam (Cao Miên nay). Thế thì Phù Nam là Lạc bộ Mã mà ta biết rõ ngôn ngữ.

Một danh từ độc nhứt của Phù Nam mà loài người biết được lại giống danh từ Chăm. Đó dân tộc EO, trong địa danh OC EO.

Nên nhớ rằng mãi cho đến trào Minh Mạng mà dân ta còn gọi cửa Thuận An là CỬA EO, tức gọi theo Chăm.

EO và OC EO là gì? Đó là một sự đọc sai của dân ta chớ thật ra nó là EA, một danh từ Lưỡng Hà, vừa có nghĩa là nước, vừa có nghĩa là sông. Chính dân Lưỡng Hà đó đã đi khai hóa ba nước Chân Lạp, Chiêm Thành và Nam Dương, chớ không phải là dân Ấn Độ như các quyển sử Tây đã viết sai vào hồi tiền chiến. Nhưng ở đây không phải là nơi nói nhiều về vấn đề này được, chỉ biết rằng chỉ có Chăm và Phù Nam mới đọc đúng EA, Nam Dương thì đọc sai là AYER, còn Cao Miên thì không có mượn danh từ đó.

Khi ông Malleret tới OC EO để nghiên cứu thì dĩ nhiên ông phải ghi chép theo người Việt đọc sai, và đọc mất chữ.

ÓC EO, đúng ra là TL'OK EA LING. Ông Malleret không thạo tiếng Mã Lai, tiếng Chăm nên chẳng biết đó là gì, đành cứ viết theo lối gọi của dân Việt ở Rạch Giá.

TL'OK = Cái vịnh

EA LING = Nước linh láng = Biển

Danh từ BIỂN người Chăm và người Phù Nam sáng tác khác với lối Lạc bộ Mã, chớ người Nam Dương không có gọi biển là EA LING mà gọi là LỐT (chính dân ta cũng đã Việt hóa EA LING thành ra Gio Linh, địa danh ấy có thể là THỊ TRẤN GẦN BIỂN, mà ta không hiểu, đã nuốt đến ba từ: THỊ, TRẤN và GẦN, chỉ còn chừa lại có EA LING bị biến thành Gio Linh).

Hai tỉnh từ LÁNG và LINH của Chăm và Phù Nam tràn ngập xứ ta ở các tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy, ở đó Láng là một bãi đất lớn minh mông, còn ở Hậu Giang, Cửu Long thì cũng thế, hơn thế lại có cả một địa danh là LÁNG LINH nữa.

Vậy OC EO = Vịnh Biển

Và dân Phù Nam ăn nói vừa giống Nam Dương, vừa giống Chăm, nhưng chắc chắn là có khác nên các danh từ mà miền Nam vay mượn mới không được miền Trung biết, mặc dầu miền Trung là đất Chăm.

Chúng tôi chỉ biết rằng Phù Nam có khác Chăm, nhưng lại thấy rằng họ giống Nam Dương hơn, vì những danh từ mà miền Nam vay mượn, giống danh từ Nam Dương, mà không phải do người Java Châu Giang đưa ra ngoài, cũng không phải bọn lái buôn Java đưa vào Nông Nại Đại Phố vì bọn ấy chắc không đủ thì giờ để đưa ngôn ngữ, đưa những danh từ quá ư tế nhị vào nước ta. Chỉ có một dân tộc sống chung với ta hàng trăm năm mới đủ thì giờ ảnh hưởng lớn lao đến ta như vậy mà thôi.

Chúng tôi xin nói qua chút ít về địa lý tổng quát. Về thủy trào ở sông ngòi (tức không kể thủy trào ngoài biển), có 5 hiện tượng tất cả.

Hai hiện tượng đầu, đại khối Mã Lai đều có danh từ để chỉ, nhưng họ nói khác nhau hết, chỉ có Việt Nam và Thái nói giống nhau.

I) Hiện tượng thứ nhất là nước ở biển tràn vào sông, hai lần trong mỗi 24 giờ, và chảy lên nguồn. Đó là ở miền Nam, còn ở Trung với Bắc thì nước chỉ chảy ngược có vài mươi cây số thôi. Hiện tượng đó:

Bắc và Trung Việt: Nước lên

Thái: Num (hoặc Nam) Khên

Nam Việt: Nước lớn

II) Hiện tượng thứ nhì là nước lên nguồn rồi lại chảy trở ra biển, cũng cứ hai lần mỗi 24 giờ:

Thái: Num (hoặc Nam) long

Việt toàn quốc: Nước ròng

Người Mã Lai đợt II nói khác ta:

Nước lên: Nước lôrong

Nước ròng: Nước surút (tức nước rút)

Ta thấy một chi tiết hơi kỳ kỳ là trạng từ LÊN của Nam Dương là LÔRONG, khá giống trạng từ XUỐNG của Thái và của ta là LONG, là RÒNG.

Nhưng còn ba hiện tượng nữa thì khắp các địa bàn Mã Lai trên thế giới, không nơi nào có danh từ để chỉ hết, trừ ở Mã Lai Á, Nam Dương, Phi Luật Tân và Nam Kỳ.

Nhưng cả ba nơi kia đều dùng danh từ khác hẳn

Nam Kỳ. Đây, ba hiện tượng đó:

Ba hiện tượng đó, hai quốc gia rất văn minh là Nhật và Đại Hàn, vẫn không có danh từ và phải mượn của Tàu, nhưng Tàu lại thiếu thành ra họ dựa vào Tàu để sáng tác nhưng cũng thiếu.

Thí dụ Đại Hàn chỉ có danh từ là Tiểu trào thủy, danh từ sáng tác hơi chuổng đời, đáng lý gì phải Tiểu thủy trào, nhưng danh từ đó lại chỉ hiện tượng ở biển nữa là REFLUX, mà reflux lại khác với hiện tượng ở sông mà chúng tôi sắp nói đến.

Đây, ba hiện tượng đó:

III) Hiện tượng thứ ba cũng cứ là nước lên, nhưng lên rất cao vào những ngày trăng tròn. Chúng tôi tìm trong các từ điển Bắc và Trung, không thấy có trạng từ nào chỉ hiện tượng đó cả. Chúng tôi thấy có động từ NHẢY, nhưng lại được định nghĩa khác. Nước lụt cũng được gọi là nước nhảy, trong khi đó thì không có tiếng riêng để chỉ hiện tượng vừa nói.

Người Nam Dương gọi hiện tượng đó là CON NƯỚC KÓLING, tức CON NƯỚC LINH LÁNG TRẦN ĐỒNG.

Nếu dân Nam Kỳ bắt chước họ, thì ta cũng nói y hệt như họ. Nhưng không, dân miền Nam đã sáng tác, nhưng không phải là sáng tác phát phơ, mà mượn một danh từ của họ, mượn cái trạng từ LỜRONG có nghĩa là NƯỚC LÊN và biến thành NƯỚC RONG.

Hiện tượng nầy, Pháp gọi là VIVE EAU, Anh gọi là SPRING-TIDE.

Thấy rõ là ta không có vay mượn, mà đã sáng tác,

nhưng sáng tác bằng cách mượn cái trạng từ đồng nghĩa mà khác ý của họ. Nhưng việc quan trọng là ta vay mượn của ai. Như đã nói, lính của Mạc Cửu không thấy được sử ghi là được giải ngũ để làm nông dân, và nếu có đi nữa, họ cũng không ra khỏi vùng Hà Tiên. Còn bọn lính đánh thuê Phi Luật Tân thì không bao giờ được định cư cả, trừ lối mười anh đánh xe Calèche ở Sài Gòn.

IV) Hiện tượng thứ tư là nước xuống rất nhiều vào những ngày trăng khuyết, được Pháp gọi là MORTE EAU và Anh gọi là NEAP-TIDE trường hợp nầy thì dân Việt miền Nam sáng tác mà không dựa vào ai cả. Họ gọi hiện tượng đó là NƯỚC KÉM.

V) Hiện tượng thứ năm không phải là hiện tượng mà chỉ là sự kiện. Vào những ngày trăng đầy thì nước lên cao hơn mực thường đến năm, sáu tấc Tây. Cái mực nước quá cao đó, Mã Lai đợt II gọi là PORNAMA và Nam Kỳ bắt chước gần đúng, nói là NƯỚC ĐẦY MÀ. MÀ có nghĩa là mực nước sông cao dị thường vào những ngày trăng đầy.

Đó là năm động, trạng từ rất tế nhị, chứ không phải là danh từ thường, mà cả những quốc gia Mã Lai văn minh rất cao, cũng không có. Nhứt không có.

Dưới đây là một động từ cũng rất tế nhị. Cái *lồng chim*, người Mã Lai có tiếng gọi cũng như ta, có biến dạng chút ít:

Việt Nam: lồng

Mã Lai: Kurong

Nhưng người Phù Nam lại biến danh từ đó thành động từ với âm cuối, âm RONG để chỉ việc nhốt chim trong lồng, nhốt là nhốt cá trong vìm. Động từ này thì khắp thế giới Mã Lai không đâu có cả mà nghĩ rằng người Việt miền Nam học của lính Mạc Cửu hay của bọn đánh thuê Phi Luật Tân năm 1859, hoặc của Châu Giang.

Chúng tôi biết đó là sáng tác của Phù Nam vì một dân tộc kia, vốn là thần dân của Phù Nam hiện còn tồn tại và có động từ đó. Đó là người Mạ, hiện đang định cư ở cao nguyên Lâm Đồng. Theo nghiên cứu của ông Bourotte và của riêng chúng tôi thì thuở xưa kia, địa bàn của họ là từ lối Mỹ Tho đổ lên. Chúng tôi lại biết rằng họ đồng tông với Việt Nam, nhờ có học ngôn ngữ của họ. Vậy họ là thần dân của Phù Nam ngày xưa, và không thể có động từ RONG, vì ta không có thì họ cũng không có. Họ đã học động từ ấy của Phù Nam.

Dân Việt ở miền Nam, thêm dấu nặng, biến thành động từ RỌNG (không có dấu mũ). Nhưng không phải là ta học của người Mạ, vì người Mạ chỉ dùng động từ ấy để nói về chim, còn ta thì nói về cá, mà dân Phù Nam chuyên ăn cá chớ không ăn chim như dân Mạ. Thế thì ta học RỌNG với Phù Nam chớ không phải với Mạ.

Miền Nam có câu ca dao:

Trắng như bông, lòng anh không chuộng

Đen như cục than hầm, lòng muốn, dạ ưa.

Ta cũng nên biết rằng người bình dân đặt ca dao rất hay, không thể bắt bẻ họ được như là bắt bẻ thơ của thi sĩ. Nhưng trong câu ca dao này, có một chi tiết vô lý.

Đa số bông mang màu đỏ, màu vàng và màu tím. Bông trắng hiếm hơn ba thứ kia.

Thế thì so sánh màu da của một người đẹp với hoa trắng, không được ổn lắm. Nhưng nếu ta biết rằng tiếng Mã Lai TỎ BÔNG có nghĩa là BỘT thì mọi việc sẽ rõ ràng hơn. Tác giả vô danh đã so sánh với BỘT, chứ không phải với BÔNG.

Chúng tôi không thấy người miền Trung giành câu ca dao trên đây là của họ, thì khó lòng mà nói rằng chính họ đã sáng tác bằng cách nói theo người Chăm. Đó là ca dao miền Nam. Hơn thế Chăm cũng không gọi Bột là Bông bao giờ.

Người miền Bắc nói LANG THANG, nhưng người miền Nam lại nói LANG BANG chính vì người Phù Nam nói LANGBANG y hệt như người Nam Dương.

Người dân vùng Rạch Giá thường nói đến CỬI TRÀM LỤC. Tự điển Huỳnh Tịnh Của định nghĩa rằng đó là cây tràm chìm dưới đầm lầy. Nhưng tự điển Mã Lai viết LỤT với chữ T và định nghĩa rằng là gỗ mục mà chưa nát.

Người dân từ Hậu Giang đổ xuống mũi Cà Mau cứ gọi các kinh nhỏ nối liền các dòng nước lớn là CÁI TẮT. Sao họ không gọi cái đó là KINH TẮT? Vì người Phù Nam gọi dòng nước ngắn ấy là KATAK.

Người miền Nam nói LÀM BỘ mà không nói GIẢ VỒ như người miền Bắc, chính là người Phù Nam nói MỐM BUA (Mẩn Bộ), như người Nam Dương.

Người miền Bắc hỏi: "Thế à?" Nhưng người miền

Nam hỏi: “Vậ hả?” cũng cứ vì Phù Nam hỏi: “Ya kà?”

Người miền Bắc nói TRẬN MƯA, ĐÁM MƯA, nông dân miền Nam nói CÂY MƯA là nói theo Mã Lai Phù Nam.

Người miền Bắc nói TO, người miền Nam nói BỰ, chính vì người Phù Nam nói PỰPỰT.

GIÓ NGƯỢC CHIỀU, được miền Bắc gọi là GIÓ CHUỐNG, nhưng miền Nam nói là GIÓ CẤN vì Mã Lai đợt II gọi gió ấy là SAKAL.

Khi kêu lên một tiếng kinh ngạc, người miền Bắc kêu là gì, chúng tôi quên mất rồi. Nhưng người miền Nam kêu là ỦA, mà Mã Lai đợt II cũng kêu y hệt như vậy.

Có một loài hươu nai sừng rất to, chỉ có mặt ở xứ lạnh, chớ không có mặt ở xứ ta. Loài nai ấy, người miền Nam gọi là NAI CHÀ, mà CHÀ là do danh từ CHÀ VANG của Phù Nam có nghĩa là CÁI SỪNG TO LỚN.

Danh từ NAI CHÀ, bắt chúng tôi nghĩ đến địa danh TRÀ VINH. Nhiều sách viết là do tiếng Cao Miên là TRAPENG. Nhưng thuở bé, chúng tôi nghe người ta gọi nơi ấy là CHÀVANG mà CHÀVANG cũng cứ là một danh từ Phù Nam đồng âm với CÁI SỪNG TO, nhưng có nghĩa là NHÁNH SÔNG. Quả thật ở đó có nhánh sông Cửu Long, còn TRAPENG là gì thì không nghe ai giải thích hết, hoặc có giải thích mà không ổn. Địa danh Gò Vấp cũng rất nhiều ý nghĩa. VẤP là loại gỗ quý như gỗ lim của đất Bắc. Dĩ nhiên là nếu có cây Vấp ở đó thì dân ta đã đốn sạch rồi, sau ba trăm năm định cư ở miền Nam. Nhưng cái gò thì phải còn, nếu không có xe ủi đất của Huê Kỳ hoạt động nơi đó. Nhưng cái gò lại không còn

mà xe ủi đất cũng chẳng có ủi nơi đó lần nào cả.

Nhưng trong ngôn ngữ Phù Nam GOVAP có nghĩa là HOA HỒNG. Dân Lạc bộ Mã ưa lấy tên hoa để đặt tên xứ, đặt cả tên nước nữa. Thí dụ tên của Chăm là BNGŨ CHĂMPA tức BÔNG SỮ, BÔNG ĐẠI. KONTUM là NỤ HOA, thì nơi đó được đặt tên là HOA HỒNG thì tưởng cũng không đáng cho ta ngạc nhiên.

Người Phù Nam có động từ chết để dùng riêng cho cá, vì miền Nam là xứ cá. Con cá chết, họ nói con cá NGÁP. Người Việt miền Nam mà có ăn học, cũng dùng đúng y như họ tức Ngáp = Chết (chỉ riêng loài cá). Nhưng các bà hàng tôm hàng cá thì dùng động từ ấy sai. Nguyên con cá, trước khi chết nó có há miệng ra rồi khép lại, y hệt như con người ngáp. Các bà hàng tôm, hàng cá tưởng rằng NGÁP là ngáp như người, và họ hiểu rằng khi con cá nó ngáp là nó báo hiệu rằng nó sắp chết. Nhưng thật ra thì ngáp = (cá) chết, không có nghĩa là ngáp bao giờ.

Người Lạc bộ Mã gọi một loài chim kia là Ó MALAI, người miền Nam cũng gọi y hệt như vậy. Chữ Malai này có nghĩa khác, chớ không phải là chi dân Mã Lai đâu. Malai nghĩa là có chùm lông trên đầu, còn họ thì tự xưng là dân MALAYU.

Người miền Bắc nói BÁC BÒ. BÁC là tiếng Tàu. Người miền Nam nói bất cũng đồng nghĩa, nhưng đó là động từ Phù Nam, BATAL.

Miền Nam có hai câu ca dao mà chúng tôi quên mất vế trên. Vế dưới như sau đây:

Tránh đi nước mặn, sợ hà ăn chơn.

HÀ là danh từ Phù Nam chỉ một loài sâu ở nước, thật sự thì nó chỉ gặm gỗ của ghe thuyền mà thôi. Nhưng trạo phu thường bị lỡ chơn và họ đổ lỗi cho con HÀ, nên mới có câu ca dao trên.

Nếu chúng tôi cứ kể mãi như thế này thì chán quá lại không đủ giấy vì có hơn một ngàn danh từ. Vậy chúng tôi xin trình ra thêm một danh từ nữa, rất là ngộ nghĩnh, nó làm đề tài tranh luận trong giới học giả miền Nam từ 50 năm nay, nhưng chưa ngã ngũ ra sao cả.

Khác hẳn với miền Trung và miền Bắc, người con cả ở miền Nam không được gọi là CẢ, mà chỉ được gọi là HAI mà thôi.

Đa số học giả miền Nam đã giải thích như thế này: Thuở bôn đào ở miền Nam, vua Gia Long có một người con cả. Ông hoàng Cả ấy đã can vua cầu viện ngoại quốc và bị nhà vua xử cực hình. Dân chúng mến đức ông hoàng Cả nên kiêng tên ông.

Thiếu số thấy rằng lối giải thích đó không đứng vững, nhưng không cãi lại được. Nó không đứng vững vì không có tài liệu nhỏ lớn nào kể câu chuyện đó hết. Không có tài liệu, không có nghĩa là câu chuyện không có. Nhưng câu chuyện không có vì các lẽ sau đây:

I) Khi dân ta kiêng tên một người thì họ dùng một danh từ khác để thay thế. Ngày nay, các ông cha, bà phước miền Nam cứ còn nói YẾNG SÁNG thay cho ÁNH SÁNG vì kiêng tên cúng cơm của vua Gia Long.

Họ kiêng tên Nhậm thì họ nói TRÁCH NHIỆM, họ kiêng tên hoàng tử ĐẨM thì họ nói CAN ĐỒM.

Tại sao có phương pháp thay thế đó? Rất là dễ hiểu. Từ đời Hùng Vương thứ nhứt đến nay, dễ thường ba ngàn năm đã trải qua rồi và có ít lắm là một vạn vua, hoàng thân quốc thích và đại thần cần phải cũ tên, mà nếu mỗi lần kiêng, phải bỏ đi một tiếng là đã không còn ngôn ngữ Việt Nam nữa vì Việt ngữ thuở xưa cũng chỉ có lối một vạn tiếng là cùng.

II) Theo dã sử thì Cả không phải là tên của ông hoàng ấy mà không ai biết tên là gì. Cả chỉ là con trưởng của vua Gia Long mà thôi. Thế thì quá vô lý. Người ta chỉ kiêng tên cúng cơm, chớ không bao giờ lại kiêng tước vị, ngôi thứ.

III) Ông tiên chỉ trong làng miền Nam vẫn được gọi là ông HƯƠNG CẢ. Mà hưởng chức hội tể là một thứ quan, tuy chỉ là quan loại bỏ túi, nhưng cũng cứ là quan, hồi tiền chiến. Mà quan thì càng có lý do kiêng tên hơn dân nữa, nhưng họ cứ dám dùng tiếng Cả như thường thì dân đâu có cần bảo hoàng hơn quan.

Nhưng con Cả, được dân Phù Nam gọi là con HAK. Họ có hai danh từ:

Anak sulong = Con nít đầu lòng

Đó là danh từ chung của đại khối Mã Lai nên toàn quốc ta đều có. Còn danh từ ANAK HAK là danh từ riêng của họ.

Vậy ANH HAI chỉ là ANH HAK, CHỊ HAI chỉ là CHỊ HAK, mà thôi.

Tiếng CẢ là tỉnh từ chung của đại khối, nhưng người Nam Dương chỉ dùng để nói Biển Cả, Nghiệp Cả chứ không chỉ con bao giờ. Với con thì họ dùng HAK.

Có một câu hỏi mà có lẽ quý vị đã tự thâm đặt ra từ nãy đến giờ: "Nếu quả người Phù Nam còn tồn tại thì họ biến đi đâu mà không ai thấy cả? Rất dễ giải thích sự biến mất của người Phù Nam. Ở Cao Miên thì họ biến thành người Cao Miên, còn ở Nam kỳ thì họ biến thành người Việt. Mà họ biến được dễ dàng cho đến nỗi không ai biết và Cao Miên, Việt Nam, Phù Nam đến đồng chủng với nhau.

Chúng tôi đã quan sát và có thấy sự kiện sau đây. Từ Gò Công xuống tới mũi Cà Mau, có rất nhiều người Việt Nam có tóc dợn sóng. Tóc dợn sóng là biệt sắc của chủng Mã Lai thuần túy, không bị lai giống với Mông Cổ như ta. Hễ có lai giống với Mông Cổ thì tóc phải thẳng.

Những người Việt có tóc dợn sóng ấy gốc Phù Nam. Tây lai, Ấn Độ lai, cũng có tóc dợn sóng, nhưng đó là thị dân, chứ không phải nông dân. Ở Biên Hòa, Bà Rịa lại cũng có người có tóc dợn sóng. Đó là người Việt lai với Mạ từ 6, 7, 8 đời rồi. Mạ là Lạc bộ Trãi thuần túy, và dĩ nhiên cũng có tóc dợn sóng.

CHƯƠNG XII

HOA PHẬT BỊ HẠ BỆ

Có danh từ Ấn Độ trong Việt ngữ hay không? Dĩ nhiên là có. Đó là những danh từ Phật giáo, nhưng được phiên âm tới 2 lần, từ Phạn sang Hoa rồi từ Hoa sang Việt.

Nhưng nếu có những danh từ thường và danh từ Phật giáo KHÔNG PHIÊN ÂM thì thật là bất ngờ. Đây là một danh từ Phật giáo không qua trung gian Tàu: NAM MÔ. Phạn ngữ là NAMAHA. Tàu viết là NAM VÔ. Nếu qua trung gian Tàu, các sư ta đã đọc là NAM VÔ, nhưng các sư ta cứ đọc là NAM MÔ. Thế nghĩa là ta đã học thàng với Ấn Độ.

Trần Trọng Kim có cho biết rằng dưới trào hậu Lý Nam Đế có nhà sư Ấn đến đây lập ra Thiên tông. Thế là đã rõ. Họ đến vào thời ta độc lập và ta học Nam Mô thàng với họ.

Nhưng nếu có những danh từ thường thì sao? Cũng dễ hiểu? Ông tổ Thiên tông ấy hẳn không tới đây một mình và có các chú tiểu Ấn Độ đi theo. Nếu sư tổ không tiếp xúc với dân chúng thì các chú tiểu phải tiếp xúc.

Thế nên một số danh từ Ấn Độ mới len và Việt ngữ. Có một động từ nầy mà chúng tôi rất nghi là của Ấn Độ, nhưng không dám chắc lắm. Đó là động từ THUÊ. Phạn ngữ là SIUUA, ký hiệu quốc tế là SEWA.

Xin nhắc rằng khoa ngữ học bất kể ký hiệu, vì ký hiệu rất gặt gẫm, mà chỉ kể âm đọc (Phonème). Về phương diện Phonème thì đồng hóa THUÊ và SEWA được mà không bị khoa ngữ học bắt bẻ.

Nhưng sẽ có nhiều người nghi ngờ về THUÊ và SEWA thì xin bỏ qua vậy, vì chúng tôi đã bí đầu, chúng tôi còn hàng tá tiếng Phạn trong túi mà không ai bắt bẻ được hết.

Một nhà bác học Pháp đã đối chiếu truyện *Cây đa thăng Cuội* của ta, chuyện *Hậu Nghệ* của Tàu và một chuyện Ấn tương tự như thế và thấy rằng cả chuyện Tàu, lẫn chuyện Việt đều bắt nguồn từ chuyện Ấn.

Chắc không ai ngạc nhiên. Văn hóa Ấn có thể vào tới Việt Nam, trước khi ta tiếp xúc với Tàu, vì kinh đô Ấn gần nước ta hơn kinh đô Tàu, và Ấn cũng là một quốc gia có một nền văn minh lớn đủ khả năng lan tràn đi xa. Nhưng vì ta ở quá xa họ, nên ta thoát được ảnh hưởng lớn của họ mà chỉ mượn có một số danh từ.

Ai cũng nói danh từ CHÙA của ta, do TỰ của Tàu mà ra. Nhưng đọc cái tiếng TỰ đó, theo bất kỳ giọng nào của Trung Hoa, cũng không thấy rằng nó có thể biến thành CHÙA được hết.

Nhưng nếu ta biết rằng Phạn ngữ chỉ cái chùa bằng danh từ HUNA thì ta sẽ thấy nguồn gốc của chùa:

Huna → Hua → Chua → Chùa

Tiếng Phạn đã có lan vào Việt ngữ mà không ai dè. Dĩ nhiên là những danh từ Phật giáo như Sa di, Tỳ kheo thì ai cũng biết rằng đó là tiếng Phạn vì các nhà sư đã có đi học Ấn Độ và có biết tiếng Phạn. Nhưng các sư, hoặc chỉ học những danh từ triết tôn, nên không biết danh từ thường hoặc không có dịp cho ta biết rằng nhiều danh từ thường, cũng do Phạn ngữ mà ra. Thí dụ, danh từ CHÙA là danh từ tôn giáo, chắc chắn các sư biết do HUNA, nhưng cũng chẳng nghe các sư giảng như vậy lần nào cho ta rõ.

Nhưng danh từ Chùa quá mới, đối với các danh từ thường. HUNA vào đất Việt, và có lẽ dưới thời Lý Phật Tử, ông ấy đã rước sư Ấn về Giao Chi.

Nhưng nhà sư Ấn đó, hẳn không có thì giờ để phổ biến các danh từ thường, có vẻ có đã lâu đời lắm rồi, có trước Tây lịch nữa.

Ta đã thấy trong ngôn ngữ ta có tiếng Mông Cổ, tiếng Tamoul. Nhưng không ai dè rằng có tiếng Phạn, dĩ nhiên là phải trừ các danh từ Phật giáo ra. Ta chỉ kể những danh từ thường mà thôi.

Có ai dè rằng SÁNG SỬA gồm một trạng từ Phạn là SUACHA có nghĩa là SÁNG SỬA hay không?

Ta cứ viết văn phạm cho rằng SỬA vô nghĩa. Nhưng nó có nghĩa SÁNG SỬA đấy và đó là tiếng Phạn. Phạn ngữ nói UDARA SUACHA = bầu trời sáng sửa.

Nhưng hoa SEN, cũng là tiếng Phạn thì thật là không biết nó qua ngã nào, vì Chàm gọi hoa đó khác

ta, Cao Miên cũng thế.

Danh từ Mông Cổ lọt vào Việt ngữ đã 5.000 năm rồi, nhưng ta biết tại sao, còn SUACHA và SEN thì thật là bí. Nhưng SEN là hoa nhà Phật, tức cái gì thiêng liêng quý báu lắm, vậy tại sao tên hoa đó bị tẩy chay trong các gia đình Bắc Việt?

Hẳn là phải có một lý do thâm kín nào mà chưa ai thử truy ra.

Danh từ chỉ loại hoa Phật đó rất thiêng liêng ở Ấn Độ, thế mà nó bị tẩy chay tại Việt Nam thì đó là chứng tích không phải Phật giáo Ấn Độ đã đưa nó vào ngôn ngữ Việt dưới trào Lý Phật Tử, mà danh từ đó đã tới cổ Việt trước Phật giáo và bị tẩy chay trước Phật giáo, tức khá cổ, trước Tây lịch, chứ không phải sau Tây lịch.

Thế nghĩa là đã có ảnh hưởng Ấn Độ tới lưu vực Hồng Hà rất lâu đời mà không ai hay biết, và nhất là không phải qua trung gian Cao Miên và Chàm vì hai dân tộc ấy gọi tên hoa đó khác Ấn Độ và ta. Danh từ Phạn không giống hệt ta được, nó chỉ là SENROJA, nhưng ta biết rằng là đồng gốc.

Dân Saka theo đạo Bà La Môn đã đi khai hóa Chân Lạp tại Trung Lào, mà cái Chân Lạp đó thì có biên giới chung với ta thì họ có đưa chút đỉnh văn hóa Ấn vào nước Văn Lang, không có gì đáng ngạc nhiên, nhưng riêng về tên hoa Sen thì không phải do họ được, và cũng không phải Chàm.

Nhưng tại sao đất Bắc Hà kiêng kỵ tên SEN?

Tôi đang ngồi nói chuyện với một người bạn gốc Hà

Nội, thì một cô gái đi qua cửa của tôi. Tôi gọi nó:

“Sen ơi, sao con không góp tiền hụi?”

Góp tiền hụi có nghĩa là *Thu tiền họ*. *Họ* ở đây là cái bát mà mẹ cô bé ấy cầm cái.

Con bé đó xinh đẹp, đã trở mã, lại ăn mặc lịch sự, nên anh bạn ấy hỏi:

“Con người xinh đẹp như thế mà lại bị đặt tên là con sen? Sao kỳ thế?”

Tôi bật cười. Trong câu hỏi của tôi có ba từ đặc biệt miền Nam là *góp tiền hụi*, nhưng anh bạn đó hiểu, còn Sen thì anh ấy lại không hiểu.

Tôi bật cười vì tôi hiểu sự kinh ngạc của bạn tôi. Hoa Sen là hoa nhà Phật, hương sắc lưỡng toàn nên ta mới có bài ca dao ca ngợi hoa đó:

Trong đầm gì đẹp bằng sen

.....

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Thế mà người Việt đất Bắc lại rất sợ tên của loài hoa quý đó, vì con nhỏ sai vật trong bất cứ nhà ai, cũng bị đặt tên là con sen cả, không biết từ đời thuở nào, và SEN đã bị hoen ố vì cái chức vụ thấp kém đó, nên tên Sen bị kiêng kị, không có cô gái nào của đất Bắc mang tên Sen cả. Họ dám đặt tên con họ là cái Hĩm, nhưng nhứt định không dám đặt tên là Sen.

Chúng tôi đã hỏi tất cả các cụ gốc miền Bắc, nhưng không ai cắt nghĩa cho trôi sự kiêng kỵ đó.

Và khi chúng tôi học sinh ngữ Á Đông để viết sử, chúng tôi mới khám phá ra sự thật. Hoa Sen đã bị hoen

ố trước Chúa giáng sinh nữa, tức trước cả thời đạo Phật được truyền sang xứ ta thảo nào toàn cõi Bắc Hà đều sợ cái tên đó.

Thủ phạm đã làm hoen ố hoa sen là An Dương Vương, kẻ đã cướp nước ta và diệt vua Hùng Vương thứ 18 của ta.

Xin nhắc rằng vua An Dương Vương là cháu nội của vua nước Thục cuối cùng, lưu vong xuống Quảng Tây. Dân Ba Thục là dân Thái, mà dân Quảng Tây cũng thế, họ ăn nói chỉ khác nhau như Nam Việt và Bắc Việt.

Trong ngôn ngữ Thái có hai từ ngữ mà ta đọc hơi sai một chút, và chúng tôi xin chuyển âm thật đúng:

Sauu chai = Trẻ trai (để sai vật)

Sauu hiin = Trẻ gái (để sai vật)

Cũng nên nhớ là Thái An Dương Vương xâm lăng ta bằng lính Thái Quảng Tây. Hoàng gia Thái, lính của Thái, lại giữ ngôi được tới 49 năm thì dân ta hẳn phải có người hợp tác với quân xâm lăng và chính bọn hợp tác đã nhiễm ngôn từ của địch.

Thuở ấy, chắc họ cũng ăn nói y hệt như hoàng gia và lính tráng, tức nói SAUU CHAI chớ không nói là THẮNG NHỎ như ngày nay, và nói SAUU HIIN chớ không nói là CON SEN.

Ngày nay, ta đọc SAUU thành SAO, chớ thuở ấy, ta đọc SAUU là SEN.

Sauu hiin = Sen hĩm

Tĩnh từ Sauu của Thái rất khó đọc, sách Ảng lê ghi là SAOW, nhưng vẫn không diễn đúng âm của Thái

được, mà SEN hay SAO của ta lại càng sai hơn.

HIIN bị ta đọc HĨM, nhưng đó là danh từ chung của đại khối Mã Lai và ta đã cho một nghĩa tục trước khi bị họ xâm lăng. Thế nên khi ta hợp tác với họ, ta chỉ còn dám nói Sen mà không nói Hĩm (xin xem Chương về Hĩm).

TRẺ TRAI về sau bị biến thành THẰNG NHỎ còn được dùng cho tới ngày nay, còn TRẺ GÁI thì vì HĨM đã được gán cho cái nghĩa khác mất rồi, nên chỉ còn TRẺ mà trẻ đó thì ta đọc sai là SEN. Nếu thuở ấy ta đọc sai như ngày nay là Sao, thì một thứ hoa đẹp của ta không mất địa vị và đã có khối người đẹp mang tên là cô Sen.

Vậy hoa Phật bị hạ bệ đúng vào thời An Dương Vương. Đây là biến dạng độc nhứt mà ta biết chắc chắn thời điểm, còn các biến dạng khác thì ta chỉ biết đại khái về một thời điểm quá rộng có khi đến ba trăm năm.

Tội nghiệp loài hoa quý đó quá, và tội nghiệp cho gái Việt không được mang tên Sen, chỉ vì một sự đọc sai.

Nay biết sự thật, tưởng ta nên xóa ngộ nhận. Và thời cuộc sẽ giúp ta xóa dễ dàng vì hiện nay, trong một trăm gia đình, chưa chắc có một gia đình dám mượn con Sen, vì chúng nó đi làm sờ-nách-ba hết cả rồi, các bà nội trợ đành tự sai khiến mình vậy.

Ước mong sẽ có những giai nhân tên là Lý Thị Sen mà không bị ai coi thường như xưa nữa.

Chúng tôi lại truy nguyên coi tại sao một thứ hoa quý khác là hoa nhài (lài) cũng bị đồng bào miền Bắc tẩy chay. Ở đất Bắc, thôn nữ bán cố nông cũng không

dám mang tên Nhài, vì Nhài còn tệ hơn Sen nhiều bậc, bởi hoa Sen bị đồng hóa với tô tố gái, còn hoa Nhài lại bị đồng hóa với con đĩ.

Sự kiêng kỵ với Nhài, khe khát hơn với Sen nhiều lắm.

Nhưng với Nhài thì thủ phạm không phải là An Dương Vương nữa, mà là một bọn khác, xưa hơn, đó là bọn Lạc bộ Mã, đã đến nước ta trước An Dương Vương đến ba trăm năm.

Nơi bọn Lạc bộ Mã tính từ chỉ tánh cách dâm dăng của phụ nữ là KOLINHAI. Kơ, dính liền với Linhhai, chớ không phải KẾ là NGƯỜI dâu.

Có người nói tại hoa nhài nở về đêm nên mới bị mang cái tiếng đó, nhưng tại sao có khối hoa khác cũng nở về đêm, thí dụ hoa quỳnh, hoa nguyệt quế, v.v. lại không bị mang tiếng đó? Và cái vụ Sauu = Sao = Sen đã cho ta thấy quá rõ là không phải vì tánh cách của hoa chút nào hết mà vì ta đã biến âm sai mà thôi.

Tiếng XANH của ta lại bị Thái biến ra thành SAUU. Hóa ra trong tiếng Thái SAUU vừa là Gái trẻ sai vật, lại vừa là XANH.

Về hoa nhài thì đó là danh từ độc nhứt mà toàn thể Mã Lai đều nói giống nhau:

Việt Nam: Lài (nhài)

Cao Miên: Mlít

Thái: Ma li

Miền Dưới: Molati

Sẽ có người nói rằng tất cả đều học của Tàu vì Tàu gọi hoa đó là Mạt lệ. Nhưng còn ngờ.

CHƯƠNG XIII

YẾU TỐ MÊ-NA-LÊ TRONG VIỆT NGŨ

Khi Lạc bộ Trãi di cư đến V.N. thì họ chưa biết nông nghiệp, theo tiền sử học.

Nhưng theo nhơn chứng là Lạc bộ Mã (nhóm Mường) di cư đến sau bọn Trãi 2.500 năm thì nhơn chứng đó đã thấy Trãi có vua chúa, tức đã giỏi nông nghiệp, và bọn đó đành thần phục bọn vua chúa ấy (Hùng Vương). Tiền sử học cho biết rằng Lạc bộ Mã đã biết nông nghiệp hồi còn ở bên Tàu, mà vua Hùng Vương không mất nước thì hẳn vua Hùng Vương phải đã tiến lên giỏi hơn bọn đến sau (vào năm 500 T.K)

Thế thì bọn Trãi đã tự lực tiến lên nông nghiệp tại Việt Nam, và dĩ nhiên là họ sáng tác danh từ. Tuy nhiên, không phải là họ sáng tác tất cả mọi danh từ, mà họ có học với thổ dân. Thổ dân văn minh nhứt ở Đ. N. A. thuở ấy, là chủng Mê-la-nê. Nhưng chủng đó, mãi cho đến ngày nay vẫn chưa tiến lên nông nghiệp.

Nhưng không vì thế mà họ không có danh từ để dạy ta học, vì vẫn có chuối rừng, bí rừng, bầu rừng.

Vậy làm thế nào để biết danh từ nào ta học của họ,

danh từ mà ta sáng tác. Tưởng có thể biết được không tới 100%, nhưng vẫn biết được hơn 70%, bằng cách dựa vào sự kiện nầy là chủng Mê-la-nê rời rạc chớ không có thống nhất. Chủng Mã Lai giỏi hơn, mà mãi cho đến ngày nay, ta vẫn nói khác hơn Sơ Đẳng thì cách đây 5.000 năm Mê-la-nê rất bồi rời về ngôn ngữ. Thế thì những danh từ nào mà người Mạ ở Lâm Đồng lại nói giống Bắc Việt, thì chắc chắn đó là chủng tộc cùng nhau sáng tác.

Đừng nói chi là các món mới mà ngay cả thiên nhiên cũng bị gọi khác thì hẳn phải có ảnh hưởng của Mê-la-nê. Thí dụ chúng tôi thấy rằng về núi non, có ba hệ danh từ, cả ba đều là của Mã Lai:

PHU NÔNG {Đẻ ra đa số danh từ}

GU NÔNG

NÚI, chỉ có Việt Nam với Sơ Đẳng là có

NGÀN, chỉ có Việt Nam với Sơ Đẳng là có

Nhưng người Chăm Ninh Thuận thì lại chỉ núi bằng danh từ CHỐC mà không tìm thấy cả ở vùng Đa Đảo nữa, thì hẳn đó là danh từ của Mê-la-nê ĐỊA PHƯƠNG, vì Đa Đảo xưa cũng do Mê-la-nê làm chủ mà họ không có thì tiếng Chốc phải là danh từ riêng của Mê-la-nê miền Trung Việt.

Ta thử tìm xem trong các thú thổ sản, ta đã sáng tác thứ gì. Về tên loài cá nhiệt đới là 4 loại lóc, trê, rô, sặc, xem ra giống nhau cả, tức cùng nhau sáng tác tại chỗ, tuy mỗi nhóm mỗi học khác nhau chút ít nhưng thấy là biết rằng cùng nhau sáng tác, bởi nếu học của

Mê-la-nê, thì Mạ không thể nói giống Bắc Việt được vì Mê-la-nê ở hai nơi đó nói khác nhau.

Về rau đậu, chúng tôi nhận thấy điều này lạ lắm là nhóm đầu dọc là nhóm Sơ Đăng gọi BẦU, Bí, Dưa gì cũng bằng danh từ PẤU hết.

Có lẽ đó là sáng tác đầu tiên của nhóm Trãi. Các nhóm khác, có địa bàn tương đối tốt hơn, nên tương đối văn minh hơn, mới có phân biệt về sau.

Họ phân biệt bằng cách nào? Dưa thì không nấu, ăn vẫn được, còn bầu bí, phải nấu.

Vậy PẤU có thể đẻ ra BẦU và BÍ và các danh từ của các nhóm khác như Bol, Buôn, v.v. nhưng ta chỉ nói đến ta ở đây mà thôi.

Chữ BAO và cả chữ HỒ LÔ của Tàu, xem ra là chữ phiên âm, chứ không phải tiếng nguyên thủy, vậy không có vấn đề vua Hùng Vương chưa biết Bầu, đợi Mã Viện tới, ta mới học Bào của Tàu. Xem ra thì cái gì Tàu cũng học của ta cả. Thí dụ ta và Thượng Việt gọi MÍT là TRÁI MÍT và hồi xưa, ta gọi là B'LÁI MÍT mà Tàu thì là BA LA MẬT. Thế thì BA LA MẬT là phiên âm B' LÁI MÍT chắc một trăm phần trăm. CHUỐI cũng thế, DỪA cũng vậy, v.v.

Nhưng PẤU không thể đẻ ra DỪA. Một sự lạ hiện ra nữa, là người Sơ Đăng gọi tất cả là PẤU chỉ trừ bí đỏ (bí ngô) thì họ gọi là TUA là TỬA. Có lẽ rồi chủng tộc chỉ lấy TUA, TỬA để gán cho DỪA, thuộc loại khác.

Về việc sáng tác danh từ, xem ra thì các dân tộc không cần nhọc xác cho lắm, cứ gán ghép bậy bạ cho

có mà thôi. Thí dụ trong tiếng Anh thì họ chỉ thêm danh từ NƯỚC và trái MELON, là nó hóa ra DƯA HẤU, mặc dầu hai thứ đó khác nhau một trời một vực. Trái Melon, bề ngoài dường tượng như bí ngô, thịt lại giống đu đủ, chẳng dính lúu gì đến dưa hấu hết.

Sẽ có bạn cho rằng chúng tôi chỉ suy luận để đoán mò. Nhưng thật ra đã có người làm như thế, đó là Ăng lê đã biến Melon thành Dưa hấu bằng cách thêm tiếng NƯỚC vào.

Vậy PẤU của Sơ Đẳng biến thành BẦU và BÍ của ta.

TUA, TỬA của Sơ Đẳng biến thành DƯA của ta.

Có DƯA rồi thì lại phải sáng tác nữa vì nó lu bù thứ dưa. Nhưng ông tổ Sơ Đẳng đã gọi DƯA HẤU là PẤU thì ta cũng cứ gọi trái đó là TỬA PẤU cho xong, rồi thì TỬA PẤU biến hóa thành DƯA HẤU.

Thuở bé chúng tôi đọc tiểu thuyết *Quả dưa đỏ*, và không nhớ tác giả hay ông thầy của chúng tôi giải thích rằng Dưa Hấu, do DƯA HẢO tức DƯA NGON của Tàu mà ra. Nhưng giờ xét lại thì không thể có. Câu chuyện xảy ra dưới thời Hùng Vương mà dân ở Quảng Đông chưa bị nhà Tần đánh chiếm, thì ta làm thế nào để biết tính từ HẢO của Tàu. Mà Tàu gọi Dưa Hấu là Dưa Tây chứ không bao giờ gọi là Dưa Hảo.

Vậy DƯA HẤU do TỬA PẤU đẻ ra thì hữu lý hơn, mặc dầu theo ngôn ngữ Sơ Đẳng thì TỬA PẤU có nghĩa là BÍ NGÔ DƯA, còn theo Việt ngữ cổ thì DƯA HẤU có nghĩa là DƯA DƯA, tức hơi kỳ kỳ, nhưng có kỳ thế nào cũng chỉ kỳ như Melon + Nước = Dưa hấu của Ăng lê là cùng.

Vấn đề BẦU, BÍ, DƯA đã được giải quyết. Nhưng PẤU không thể đề ra được MƯỚP. Nhưng bọn Lạc bộ Mã đến sau, gọi MƯỚP là TI MUN, TA MUN, TI MẶN, tất cả đều có thể đề ra MƯỚP được hết.

Đó là sáng tác thuở ban đầu từ 5.000 đến 2.500 năm nay.

Sáng tác về sau thì lại khác nữa, vì lại có nhiều thứ bí. Bí đỏ, bị gọi là bí ngô khiến có nhiều người tưởng rằng là ở bên Ngô (bên Tàu) đưa sang. Nhưng Nhứt Bốn, Nam Dương và Ấn Độ đều gọi bí ngô là trái dưa Kocbuja, tức gốc nó ở Cao Miên, và bên Tàu không có Bí Ngô vào thời đó. Bí ngô thật đã làm cho ta bí.

Nhưng Bí gợn lòn, mà miền Nam và miền Trung gọi là Bí ĐAO, thì rất dễ biết do đâu mà ra. Tự điển K.T.T.Đ định nghĩa rằng vì loại bí đó dài và quăn như lưỡi đao nên bị gọi là bí đao. Thật sự thì Bí không bao giờ quăn cả. Hơn thế ta đã phải có danh từ trước khi ta bị Tàu chinh phục để ta học tiếng ĐAO với họ. Bí đao chỉ là tiếng Chăm. Họ gọi nó là Dak và DAK không hề có nghĩa là ĐAO. Đó là danh từ nguyên thủy của họ để chỉ TRÁI BÍ, không có nghĩa nào khác hết. Họ gọi nó là BO DAK nghĩa là TRÁI DAK chớ họ không có danh từ BÍ.

Nhưng CHUỐI thì chắc chắn là ta học của chủng Mê-la-nê, vì các nhóm đều gọi khác hết.

Việt Nam: Chuối

Chàm: Patay

Thái: Khuay

Mạ: Prit

Không thể nối kết Kluay và Patay được vì không có cái khoen nối kết nào cả. Cũng không thể nối kết CHUỐI và KHUAY vì không có khoen nối kết.

Cây MÍA cũng bẻ bối lắm:

Sơ Đăng: Kôteo

Mạ: Chao

Nam Dương: Tobu

Việt Nam: Mía

Cao Miên: Ompâu

Ta hiểu được sự kiện này dễ dàng. Chúng Mê-la-nê không biết nấu nướng nên không ăn bí, ăn bầu, ăn mướp gì hết, không có đặt tên, thành ra ta phải sáng tác, nên các nhóm đều giống nhau, còn chuối rừng, mía hoang thì ăn được nên họ có đặt tên, ta học với họ, hóa ra mỗi nhóm mỗi nói khác.

Trái DỪA cũng ở trong trường hợp đó. Tuy nhiên Việt Nam, Sơ Đăng và Mạ vẫn nói khá giống nhau, tức Trãi cùng sáng tác với Trãi, Chuy cùng sáng tác với Chuy, Mã cùng sáng tác với Mã, chứ không học của Mê-la-nê, mặc dầu Mê-la-nê có danh từ Dừa.

Ta và các nhóm khác còn học của Mê-la-nê nhiều thứ nữa chứ không phải chỉ có hai danh từ ấy. Nhưng Chương này không là tự vựng Mê-la-nê ngữ ở Việt Nam.

Riêng danh từ DỪA thì Chăm, Giarai và Rađê nói theo Nam Dương, nhưng có biến dạng, Cao Miên nói theo Dravidien Nam Ấn, còn Việt Nam, có lẽ chỉ biến DỪA thành DỪA, bởi đã bảo loài người sáng tác danh từ rất là lầy lẹ, hai thứ đó khác nhau, nhưng họ mặc kệ.

Cũng nên biết rằng DỪA của ta lại cũng có nghĩa là LÉGUME. Bất kỳ thực vật nào ngâm nước muối cũng được gọi là Dừa hết, mà cơm của trái dừa thì đôi khi cũng được ăn như ăn Légume.

Ta cứ ngỡ Măng cụt là tiếng Mã Lai, nhưng không. Đó là tiếng Cao Miên và chắc đất đai Phù Nam xưa là nơi sản xuất loại trái đó nên ta và Thái Lan đều gọi theo Cao Miên, cả Chàm và vài nơi cũng gọi theo Cao Miên, và Măng cụt có lẽ là sáng tác riêng của Phù Nam, khi mà chỉ một mình họ có loại trái đó, thuở ban đầu ở Đ.N.A lục địa.

Mã Lai có danh từ Mang kok, nhưng nó chỉ vật dụng chõ không phải trái cây, còn măng cụt thì họ gọi khác.

Trầu thì toàn thể Đ.N.A LỤC ĐỊA và Nam Dương đều gọi như nhau, có lẽ là sáng tác tại chỗ và tập thể của Lạc bộ Trãi, Lạc bộ Mã tới sau, học với Lạc bộ Trãi.

Ta không biết Bí ngô tại sao lại bị gọi là bí ngô, nhưng ta biết Bắp tại sao được gọi là Lúa ngô. Người Chàm gọi Bắp là NGÔI, T'NGÔI. Ta bắt chước Chàm chõ xưa kia, Bắc Việt vẫn gọi là Bắp ỳ hết như Thái (POT) và Cao Miên (POT).

PHỤ CHÚ

CHUỐI, ta nói là CHUỐI, còn Quan Thoại thì nói là CHÉO thể thì ai học của ai?

I) Chuối không thể mọc ở xứ lạnh được.

II) Ngô Sĩ Liên, dựa vào sử Tàu, chép rằng Sĩ Nhiếp, dưới thời Tam Quốc, thường biếu xén chúa Ngô nên rất được tin dùng. Trong các cửa lạ Giao Chi, có

CHUỐI và DỪA.

Vậy ai ham làm học trò của Tàu, cứ tin rằng ta biến CHÉO thành CHUỐI.

Một số nhà bác học Mỹ tin rằng Đ.N.A đã biết nông nghiệp 15.000 năm rồi, khiến trí thức V.N đã theo dõi nghiên cứu của họ, có ngộ nhận phần nào. Nên nhớ rằng các nhà tiền sử học không phải là sử gia. Họ chỉ tìm biết loài người ở một nơi nào đó, vào một thời nào đó, mà không cần biết con người ấy là ai.

Vậy nếu quả Đ.N.A đã biết nông nghiệp từ 15.000 năm thì đó là nông nghiệp của chủ đất trước khi chúng Mã Lai đến, tức của chúng Mê-la-nê, chớ không phải là tổ tiên ta đã có mặt ở đây từ 15.000 năm.

Tuy nhiên họ cũng chỉ có chứng tích cổ nhất là 5.000 năm, phù hợp với thời điểm định cư của Lạc bộ Trãi và Lạc bộ Chuy ở Đông Nam Á. Thời điểm 15.000 năm chỉ là thời điểm ước đoán mà không có chứng tích.

Sự kiện chúng Mê-la-nê dạy Hoa tộc nông nghiệp cũng chỉ là sự ước đoán mà không có chứng tích nào hết, ngược lại còn có chứng tích “phản đề”, vì Hoa tộc trồng lúa mì hồi thượng cổ, tuyệt đối không biết lúa gạo, còn Đông Nam Á thì trồng lúa gạo, tuyệt đối không biết lúa mì.

Cách thức thuần hóa hai loại mễ cốc ấy khác hẳn nhau, dân trồng lúa gạo không thể dạy dân trồng lúa mì được và ngược lại.

Tóm lại, chưa có đủ chứng tích thật chính xác về văn minh của kẻ đi trước chúng Mã Lai, và cái gì cũng

được giao lại ở thời điểm 5.000 năm là thời điểm định cư của hai thứ dân: Lạc bộ Trãi và Lạc bộ Chuy.

Tuy nhiên, trước Mỹ, Pháp cũng đã biết rằng Mê-la-nê ở Miến Điện, Đông Ấn Độ văn minh cao bằng bọn đến sau, nhưng ở V.N thì không. Mê-la-nê ở V.N kém hơn Mê-la-nê ở các nơi khác. Họ còn tồn tại giữa ta. Đó là phụ nữ Mường KHÔNG NHUỘM RẮNG ĐEN NHƯ ĐÀN ÔNG MUỒNG, và thấp bé hơn đàn ông Mường. Họ giỏi giang y như phụ nữ ta, nhưng đồng bào của họ trên Trường Sơn thì không biết trồng trọt. Đó là bằng chứng họ đã học với Lạc bộ Trãi chứ không phải đã văn minh rồi khi Lạc bộ Trãi đến nơi.

SƠ ĐĂNG, MỘT DÂN TỘC ĐẦU ĐÀN

Chúng tôi tin rằng người Thượng Việt là gốc tổ của Lạc bộ Trãi và Thượng Nam Dương là gốc tổ của Lạc bộ Mã.

Đại danh từ Any đã cho thấy gốc tổ ấy ra sao và người MẠ đã giữ được. Nhưng chúng tôi có lưu ý quý vị rằng người Mạ không phải là đầu đàn, vì họ chỉ may mắn giữ được có một đại danh từ đó.

Chính người Sơ Đăng mới là đầu đàn, ít lắm cũng ở Đông Nam Á. Nhưng còn Nam Ấn và Trung Mỹ nữa, mà chúng tôi chưa kịp học ngôn ngữ cho nhiều. Đại Hàn ngữ, chúng tôi cũng chỉ mới bắt đầu học khi viết gần xong quyển sách này.

TIN THƯỢNG VIỆT

Thượng Việt không có chịu ảnh hưởng ngoại lai, đời sống bình yên nên ít thay đổi và ít biến dạng danh từ.

Tại sao Đa Đảo cũng nói AKA mà chúng tôi chỉ xem Thượng Việt là gốc? Vì Đa Đảo ở biển, chịu quá nhiều ảnh hưởng ngoại lai. Ngày nay nhiều đảo, toàn dân là Tây lai, hoặc Tàu lai. Riêng Hạ-uy-di, thì có thể cho đó

là một đảo Nhựt lai.

Tuy phong tục và ngôn ngữ ở Đa Đảo (Polynésie) cứ còn là phong tục và ngôn ngữ Mã Lai. Nhưng họ đã biến bậy quá nhiều rồi.

Danh từ Mã Lai được giữ nguyên vẹn rất lâu đời, nhưng trái lại cũng có một số danh từ bị biến đến không còn truy ra được nếu không học đủ ba bốn chục sinh ngữ Á Đông để tìm những cái khoen nối kết.

Nếu không có người Chàm Bình Tuy thì không làm sao mà ai biết được rằng TAI của Thái do MẮT (chết) của Việt Nam mà ra:

Nam Dương:	MATI
Việt Nam:	MẮT
Chàm Ninh Thuận:	MƯ TAI
Chàm Bình Tuy:	HTAI
Thái:	TAI

Khi ta thấy KÓPAO là TRÂU biến ra, TAI là MẮT biến ra thì những danh từ trông xa lạ với nhau mà chúng tôi cho là đồng gốc, không phải là chúng tôi nói liều, mà đã học cẩn thận rồi, nhưng thiếu chỗ để viết hết ra xâu chuỗi biến dạng đó thôi.

Thí dụ biểu đối chiếu dưới đây, tuy vài dân đã cho nó nghĩa khác, nhưng truy ra đều đồng gốc hết:

Việt Nam:	SÂU
Miền Dưới:	SAUÚA (Sawah)
Nhựt Bổn:	SAUUA (Sawa)
Cao Miên:	CHRÂU
Mạ:	ZIRÂU

Bà Na: JRÂU

Sơ Đăng: TRÂU

Xi Tiêng: JƠRU

Miền Dưới chỉ dùng tính từ nầy trong một trường hợp độc nhất: RUỘNG SÂU. Còn Nhựt thì cho SAWA cái nghĩa là đắm lầy.

TIN SƠ ĐĂNG

Người Mạ sống cạnh người Nam Kỳ thuở xưa. Còn người Sơ Đăng chỉ có các cố đạo là nỗ lực lên trên ấy, mà những danh từ Việt được các cố đạo dạy họ, ta đã biết cả.

Nhưng danh từ không do các cố đạo dạy họ mà trùng với Việt thì vô số kể, kể cả những danh từ rất tế nhị như LỖI ỚI đã nói đến rồi. Đó là những danh từ mà cả người Mạ, sống lẫn lộn với người Nam Kỳ cũng không có.

Những ông lái buôn quế ở Tam Kỳ thì có tiếp xúc được với Sơ Đăng tại Trà Mi. Nhưng họ hẳn không bỏ công ở lại Trà Mi để dạy Sơ Đăng LỖI ỚI, vì Trà Mi tuy ít núi non, vẫn là vùng sơn lam chướng khí mà trừ quân đội ra, không ai ở lại để làm gì, còn Sơ Đăng thì chê Trà Mi ít núi nên không thêm ở.

Chúng ta đã thấy vai trò đầu đàn của Sơ Đăng trong hai danh từ quan trọng NHÀ và NGƯỜI.

Nhưng không phải chỉ có thế, nhìn vào bản đối chiếu danh từ MƯA, ta cũng thấy rõ như vậy:

Xi Tiêng: MI

Mạ: MIU

LỘT TRẦN VIỆT NGŨ

Các phụ Chi Mạ:	MI
Mã Lai Á:	AMA
Nhật Bốn:	AMÊ
Việt Nam:	MƯA
Sơ Đăng:	MÊI

Chính danh từ Sơ Đăng là cái khoen nối kết giữa danh từ MÂY và MƯA của các nhóm Trãi. Mây đẻ ra Mưa. Mêi đẻ ra MƯA và MÂY.

Sơ Đăng có những tiếng Việt sơ khai mà không nhóm Thượng nào có cả:

Uâng	= Muống
Noa	= Nua (Già)
Ngo	= Ngàn (Núi)
Inúa	= Núi
Luô	= Lụt (nước lụt)
Jolón	= Sóng
Hmôi	= Mai (sớm mai)
Lo	= Lố (dạng)
Xé	= Xế (chiều)
Rồ	= Hối
Xrua	= Xưa
Drối	= Trước
Potok	= Bao tử (Dạ dày)
Roma	= Mỡ
Pit	= Béo
Ning	= Nín
Xệt	= Xẹo (thẹo)
Xong	= Súng

BÌNH NGUYÊN LỘC

Uán	= Uốn
Tói	= Nói
Mnháu	= Nhạo (báng)
Ngán	= Ngắm
Luan	= Thoáng
Hván	= Hám (hôi hám)
Khíu	= Hiu (buồn hiu)
Xau	= Sợ
P'loang	= Lo
Nguán	= Ngoan
Mona	= Mau
T'Xrống	= Xuống
K'Têang	= Ngang
Mung	= Mượn
Xróng	= Chông (gai)
Hén	= Bén (sắc)
Ap	= Áp (chảo)
Chôu	= Cháy
Ngói	= Khói
Vó	= Vò (rượu)
Hat	= Hát
Xoang	= Xang (Múa vũ)
Vêang	= Gian (nhà)
Nêố	= Nữa
Trung	= Trong (ở)
Ngêi	= Nghêu (lêu nghêu)
Ropong	= Dòng (họ)
Tovó	= Tròn vo

Đây là những danh từ giống thằng, nhưng còn hàng ngàn danh từ giống nhưng phải có xâu chuỗi mới thấy được. Cũng nên biết rằng người Mường giống ta một trăm lần hơn, nhưng không nên kể đến vì họ sống chung với ta từ 2.500 năm rồi còn người Sơ Đăng thì không có tiếp xúc với ta.

TÀN TÍCH MẪU HỆ TRONG VIỆT NGỮ

Ở đây nhắc lại sơ một điều mà chúng tôi đã viết ra rồi trong quyển sử. Là mãi cho đến năm 1861, khoa học mới biết và mới công nhận rằng có chế độ mẫu hệ trong nhân loại, và HÌNH NHƯ bất kỳ dân tộc nào cũng đã trải qua chế độ mẫu hệ cả.

Năm đó, một quyển sách độc đáo ra đời, quyển “Chế độ mẫu hệ” của nhà bác học Bachofen, trong đó soạn giả đã dựa vào các văn kiện cổ thời Hy Lạp để chứng minh rằng Hy Lạp buổi đầu theo mẫu hệ.

Chừng ấy các nhà bác học mới tin những quyển du ký được viết trước đó mà họ cho là truyện trình thám.

Và điều nầy kỳ lạ nhất là trong các chủng, chỉ còn có chủng Mã Lai là còn theo mẫu hệ, người Phi Châu kém hơn nhiều, vẫn bước sang chế độ phụ hệ rồi.

Hậu Hán Thư cũng đã có ghi chép về vài dấu vết mẫu hệ còn sót lại ở Giao Chỉ, thuở nước ta bị Trung Hoa chinh phục. Đó là tục Levirat ở vài làng tổng của ta.

Nhưng còn dấu vết trong ngôn ngữ hay không? Có vẻ là còn. Dân ta nói VỢ CHỒNG mà không nói CHỒNG VỢ,

cho đến các cụ nhà Nho tiêm nhiễm Nho giáo sâu đậm, vẫn nói: “Tình nghĩa vợ chồng”. Mà đừng tưởng là các cụ bị luật bằng, trắc chi phối, bởi các cụ có thể nói: “Nghĩa tình chồng vợ” mà câu văn cứ còn nhạc điệu hoài.

Truyện thuyết ta kể rằng dưới trào Hùng Vương, con gái nhà vua luôn luôn tên là MẸ NÀNG. Tại sao không nói đến con trai?

Người hành khất đi xin ăn, thường hát:

Bớ cơm, bớ gạo,

Làm phước gặp phước,

Làm doan (duyên) gặp doan.

Bà con cô bác

Cứu kẻ bán hàn ở...ở...ở

Nội một câu kêu xin ăn đó chứa đựng hết hai dấu vết mẫu hệ. Cô (nữ) cứ đứng trước Bác (nam).

Và BÀ CON chứ không ÔNG CON đâu. Đã bảo thuở xưa CON là NGƯỜI, thì BÀ CON là người phía bên bà, tức người đồng họ (theo mẫu hệ) còn người phía bên ông không đồng họ nên không được xem là người trong dòng.

Ngày nay đáng lý gì phải là ÔNG CON, nhưng đã quen miệng rồi thì danh từ cổ cứ còn, mặc dầu chế độ đã thay đổi ngược hẳn trước.

Tại sao lại có từ ngữ “gái nà dòng”? NÀ là MẸ thì có phải chăng NÀ dòng là dòng mẹ?

Từ ngữ này không có thể đồng thời với hậu Hán Thư mà ta đã bước sang phụ hệ rồi, nhưng còn sót mẫu hệ ở vài nơi, và bọn theo phụ hệ khinh bỉ bọn theo mẫu hệ, vì ta nghe thấy được giọng khinh bỉ trong từ ngữ đó.

Từ ngữ đó hàm cái ý “gái đã có nhiều con”, tức có nhiều con với nhiều chồng (ám chỉ sự đa phu có thể có), tức là gái không tốt đẹp gì đối với mắt của bọn đã tiến lên phụ hệ rồi.

Ca dao ta lại hát:

Ai về, tôi gửi buồng cau,

Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.

Đứa con trong hai câu dân ca trên đây, có vẻ không được biết lễ giáo Khổng Mạnh chút nào hết. Có người giải thích rằng dân ca ta chống lại Khổng, Mạnh, thuở ta mới bị trị. Cho rằng chủ trương đó đúng đi. Nhưng tại sao họ lại chống? Có phải chăng là vì lễ giáo đôi bên khác nhau, họ chưa quen chịu đựng nên họ khó chịu, họ mới chống lại? Mà nó khác nhau nhứt là ở chỗ đạo Nho chủ trương chồng chúa vợ tôi, khác hẳn nơi họ mà vợ là xếp trong nhà. Tuy Giao Chi đã ra khỏi chế độ mẫu hệ rồi, nhưng chưa lâu, bằng vào sự tồn tại của tục Levirat ở vài nơi. Vậy đàn bà còn được trọng lắm, mặc dầu đàn ông đã cầm quyền. Ta cứ nghe câu ca dao miền Nam sau đây thì rõ:

Lấy Triều Châu, cầm khâu chia khóa

Lấy Quảng Đông, chèo ghe đi bán cá

Người Triều Châu là Lạc bộ Mã. Họ đã bị Tàu bắt theo phụ hệ hơn hai ngàn năm rồi mà vẫn còn trọng đàn bà thì biết đàn bà Giao Chi dưới thời Mã Viện, Sĩ Nhiếp được trọng đến mức nào. Nhưng Sĩ Nhiếp lại dạy dân ta cái chuyện khinh phụ nữ thời hẳn phải có chống đối.

CHƯƠNG XVI

XỬA = THIỆT

Thường thì các nhà nho ta đọc Quan Thoại sai đến 40 phần trăm. Chỉ có vài tiếng hiếm hoi như QUÍ họ mới đọc đúng được.

Nhưng cái sai của các cụ thì thường không sai nhiều: Hài (Sông) = Hà.

Nhưng có một số danh từ, các cụ đọc khác hẳn, khác như Trắng với Đen, khiến ta phải thắc mắc.

Chúng tôi đã tìm cách giải thích về hai tiếng PÍN bị đọc là TÂN và TU bị đọc là ĐỘC thay vì TỬ (cái tử). Nhưng không lấy gì làm chắc.

Một lối giải thích nữa của chúng tôi thì chắc đúng 100% DIỄN là MÂY bị đọc là VÂN. Vân là Awan vốn tiếng Mã Lai có nghĩa là Mây. Đó là Mandi Quảng Đông và Việt để kháng Tàu.

Mỗi ngày chúng tôi mỗi tìm tòi, và chúng tôi tìm được thêm một sự thật nữa về

XỬA = Thiệt (cái lưỡi)

Tại sao XỬA không bị đọc sai là XUA, là XỬA là XỬA là SƠ, v.v. mà bị đọc là THIỆT?

Không có gì lạ cả. Người Việt cổ gọi cái lưới là PIẾT. Tổ tiên ta đọc XỬA là THIẾT là tiêu cực để kháng Trung Hoa, chớ không phải là đọc sai.

Vậy lối giải thích của chúng tôi trong quyển sử, chưa chắc đã đúng. Chúng tôi cho rằng các cụ đọc PÍN của Quan Thoại, là Tân, có lẽ vì kiêng tên một người trong hoàng tộc Việt Nam, sau này ta thu hồi độc lập, chớ không thể nào mà các cụ nhà Nho lại đọc sai quá xa như vậy. XỬA đọc là THỰC tức chỉ sai chút ít mà thôi, luôn luôn như vậy, nhưng có một số danh từ bị đọc sai một trời một vực, như XỬA = Thiết.

Ta đã biết rằng vua Hùng Vương nói khá giống người Khả Lá Vàng hiện nay:

Ai = Tôi

Aka = Cá

Và hiện nay thì:

Khả Lá Vàng: Piết = Lưới

Mạ: Lapiết = Lưới

Jêh: Alpiat = Lưới

Sơ Đăng: Rpê = Lưới

Đó là các nhóm thuộc chi Trãi. LƯỖI chỉ là danh từ của chi Mã, vì ở Việt Nam có ba chi Lạc sống hỗn hợp với nhau, danh từ riêng của ba chi cạnh tranh nhau, chi Trãi đa số, nhưng đôi khi danh từ của họ cũng bị danh từ của hai chi khác lấn lướt.

XỬA là LƯỖI bị đọc là THIẾT là vì thế, còn tại sao XỬA là ĐẦU GỐI lại bị đọc là TẮT? Cũng cứ vì tiêu cực để kháng vì danh từ Mã Lai là LUTÚT mà chắc

hồi cổ thời ta nói là LUTẮT nên ta mới để kháng bằng cách đọc XƯA là TẮT. Vậy BÍT TẮT là danh từ kép gồm toàn tiếng Việt, chớ không phải là một tiếng Việt và một tiếng Tàu.

Ngộ nghĩnh lắm là người Nam Dương sáng tác tên cho món vật dụng đó thì không nói là BÍT LUTÚT mà lại nói là QUẦN CỬA CẢNG. Tuy nhiên thấy rõ là họ đồng tâm hỏn với ta, mặc dầu sáng tác khác. Quần của cảng vẫn bít cái TẮT (Bít tắt đời xưa lên khỏi gối, mà cho cả đến nay, bít tắt phụ nữ cũng thế).

Người Tàu chánh gốc, nói máu là XỆ. Nhưng tại sao Quảng Đông và Việt không đọc sai là XẾ là XỀ, là XỂ mà lại đọc là HUỶT là HUYẾT. Cũng cứ là vì tiêu cực để kháng vì tiếng Thái, máu, nói là LOÁD. Đó là Thái ngày nay chớ Thái đời Tần thì gọi là HỎAD, thế nên họ mới đọc xỏ lá XỆ là HUỶT. Ta là Việt, ta cũng để kháng, nhưng không đọc là MAU mà đọc là HUYẾT và đọc theo Thái chơi cho vui vì đó là lân bang bà con mà ta thạo ngôn ngữ.

Cứ cái đà đó mà tìm, ta sẽ biết các nhà nho ta đọc nhiều tiếng Tàu sai quá sức tưởng tượng HÙNG bị đọc là HỎNG thì quá dễ hiểu vì nó chỉ sai tí ti thôi. DÍL bị đọc là YÊN tuy hơi xa nhưng còn nối kết được, chứ như TU mà đọc là ĐỘC thì hẳn phải có lý do như THIỆT và TẮT.

Ta có thể bạo gan nói rằng ta đã biết chế tạo cái TỬ và ta gọi CÁI TỬ bằng tiếng Việt là ĐỘC, và ta đọc chữ TU của Tàu là ĐỘC vì lý do tiêu cực để kháng.

Trong cổ vật Đông Sơn không hề có cái tù, nhưng tù bằng gỗ thì làm thế nào mà còn được để cho các nhà khai quật tìm thấy.

Nếu không cắt nghĩa như vậy thì không sao hiểu được sự kiện các nhà nho ta viết chữ TU mà lại đọc là ĐỘC.

Chúng tôi nói Khả Lá Vàng gọi cái lưỡi là PIỆT, nhưng Việt Nam hẳn phải đọc khác hơn một chút là THIỆT, vì đã có bằng chứng ta đọc khác Khả Lá Vàng.

Việt Nam	Khả Lá Vàng
----------	-------------

Trai	Trùi
------	------

Gái	Guôi
-----	------

Mắt	Mat
-----	-----

Bắp vế	Bốk
--------	-----

Óc	H'tóc
----	-------

Uống	Óc
------	----

Ăn	An
----	----

Bố	Bo
----	----

Mẹ, Mợ	Mơ
--------	----

Có những danh từ, không phải là tiếng Tàu chút xíu nào hết. Thí dụ BẮT của Nam Kỳ có nghĩa tương đương với BÁC của miền Bắc. Đó là động từ của Lạc bộ Mã: Batal.

Nhưng chỉ riêng người Nam lầm tưởng của Tàu, vì người Bắc không có dùng động từ BẮT đó.

Trạng từ sau đây thì toàn quốc đều lầm: TẮT

TẮT là HẾT là XONG là tiếng Tàu;

TẮT là ẤT HẮN là tiếng Tàu;

Nhưng TẮT CẢ là tiếng Lạc bộ Mã

TẮT TẢ, TẮT TƯỞI là tiếng Lạc bộ Trãi

THỎA không là tiếng Tàu như ai cũng tưởng mà là tiếng Lạc bộ Mã. Đó là trùng hợp ngẫu nhiên với Tàu.

Nhiều học giả Việt Nam, hễ thấy tiếng ta hơi hơi giống tiếng Tàu, liền quả quyết rằng là ta học của Tàu.

Trong quyển sử, chúng tôi đã đưa ra một lối phủ nhận có chứng tích là tỉnh từ XA bị nhiều ông cho rằng do HÀ của Tàu mà Quan Thoại đọc là XÁ có nghĩa là XA. Quả đúng là Quan Thoại có XÁ bị các nhà nho ta đọc là HÀ.

Nhưng Lạc bộ Chuy có CHXANGAI là Xa, mà chắc một trăm phần trăm không phải học của Tàu vì âm X của Tàu len vào ngôn ngữ Lạc bộ Chuy đều biến thành Tàu hết, không có ngoại lệ. Thí dụ XẾ của Quan Thoại bị biến thành TE của Cao Miên thì XÁ của Quan Thoại phải bị biến thành TANGAI, chứ không thể thành CHXANGAI được.

Nam Dương lại có SANGAT, đồng gốc với CHXANGAI. Chàm thì có HATAH, Sơ Đăng có Sak, Rôgai có ATA, Khả Tu có Atagh.

Các ông lại cứ quả quyết rằng GẮN do CẶN của Tàu mà ra, nhưng Nam Dương lại có ĐÓNGAN mà tiền sử học thì quả quyết rằng Lạc bộ Mã không có chịu ảnh hưởng của Tàu. ĐÓNGAN bị toàn thể đồng bào Thượng bỏ âm sau, chỉ nói ĐƠN. Việt Nam rui ro bỏ âm đầu, nói GẮN hóa ra bị tình nghi là ăn cắp của Tàu. Nhưng cái âm sau đó, bị Chàm biến thành GEK thành thử Chàm

không bị tình nghi. Nhưng GẮN của Radê là GĂM khiến các ông rất tức giận mà không lôi kéo Radê vào Tàu và Việt được vì họ ở cách xa Tàu và Việt và các dân tộc sống giữa họ và Việt lại không nói GĂM, GAN gì cả để mà cho rằng Việt làm trung gian giữa Tàu và Radê.

Các ông lại quá quyết rằng ĐÈN của Việt do ĐĂNG của Tàu. Nhưng Tàu đọc Đăng là TẤN chứ không có đọc là Đăng như các cụ nhà nho. Và lại đèn La Mã đầu Tây lịch đã tìm thấy ở Cao Miên, đèn Trung Hoa đời Hán đã tìm thấy ở bên Tàu đều 10 lần xấu xí hơn đèn Đông Sơn thì có lý nào ta lại học với kẻ kém hơn ta.

Các ông lại lôi kéo CHU của Tàu vào CHUA của Việt, nhưng CHU của Tàu thì Tàu đọc là XỬ mà không có nghĩa là Chua mà là GIẤM, trong khi đó thì:

Việt Nam: Chu = Chua

Cao Miên: Môchu = Chua

Sơ Đăng: Chôu = Chua

Nam Dương: Chuka = Chua Cay (chỉ về mặt)

Các ông bảo RƯỢU do TỬU của Tàu mà ra, nhưng trên Cao Nguyên các nhóm Lạc bộ Trãi chưa hề thấy mặt người Tàu đều có rượu và gọi món đó là:

Sơ Đăng: Trôu (giống rượu ở âm sau)

Mạ: Rơnôm (giống rượu ở âm trước)

HÀM của Tàu chỉ là Ngậm trong miệng còn Hàm là cái *Hàm* là tiếng Mã Lai:

Nam Dương: Robang = Hàm

Nam Dương: Keng = Càm

Mạ và các phụ chi: Cang

Các ông bảo TRÀ là tiếng Tàu, nhưng TRÀ lại là tiếng Thái của dân Tây Âu, CHÈ là tiếng Lạc của dân Thất Mân.

TÀM cũng là tiếng Lạc của dân Thất Mân. TÂN LANG là cây cau của Tàu, viết thành chữ thì hoàn toàn vô nghĩa, mà họ đọc là Pấn lạn, mà tiếng Mã Lai là Pin nang, Chàm nói là Nang, Việt là Nang (Mo nang = Mo cau)

Tóm lại:

Đổ bên Tàu các chú đem qua

Mì bên Tàu các chú bày ra

(Bài ca Nam Kỳ điệu Khổng Minh tọa lâu, có tánh cách đùa cợt bọn mê Tàu rất thanh hành từ năm 1900 đến 1930).

CHƯƠNG XVII

TRỜI VÀ NGÀY

Bạn Nguyễn Mạnh Côn cho biết rằng người Nhựt chỉ Trời bằng danh từ ngoại quốc mà họ đọc là SORA. Đành thế. Nhưng chúng tôi đâu có đối chiếu các ngôn ngữ khác, mà chỉ đối chiếu Mã Nhựt thôi.

Người Nhựt có hằng tá danh từ Trời mà một là của Ấn Độ: SAMA, nhưng họ lại dùng sai. SAMA của Ấn chỉ trò VÒM TRỜI, còn họ thì dùng để chỉ ÔNG THIÊN, và tại sao họ sai, chúng tôi xin giải thích.

Trong quyển sử của chúng tôi, chúng tôi có để lộ ra một mâu thuẫn lớn:

I) Chúng tôi cả tin vào tiền sử học.

II) Mặt khác chúng tôi lại bác tiền sử học, họ cho rằng nhóm Nhựt bộ Mã từ Nam Dương đi lộn trở lên Nhựt để cướp ngôi của nhóm Lạc bộ Trãi đã có mặt ở đó từ hơn 2.500 năm và đã dựng nước rồi.

Vì điểm sử đó không liên hệ đến ta, nên nếu có sai cũng không sao, và chúng tôi cố ý sai để chờ đợi một cuộc bắt bẻ về sự mâu thuẫn đó. Khi một điểm sử có

mâu thuẫn, thì điểm sử ấy phải sai. Khi kẻ cả tin vào tiền sử học, lại nói rằng tiền sử học sai, thì phải bắt bẻ kẻ đó. Nhưng không có ai bắt bẻ chúng tôi về mâu thuẫn đó cả, mặc dầu tám tháng đã qua rồi, thành thử nay chúng tôi xin trình ra sự thật: tiền sử học đúng. Nhưng sách tiền sử học không dịch ra đây được thì chúng tôi ủng hộ tiền sử học bằng ngôn ngữ, và trong sách nầy tài liệu ngôn ngữ tìm được chỗ đứng hợp lý.

Khoa khảo tiền sử có thể thiếu sót mà không thể sai. Họ có chứng tích hẳn hoi nên họ mới dám viết như thế.

Nhưng dĩ nhiên là họ không có chứng tích ngôn ngữ như chúng tôi, và đây là loại chứng tích ấy.

Nhật Bốn, từ Nam Dương đi Nhật RẤT TRỄ mãi sau khi tiếp nhận văn minh Ấn Độ rồi, mới đi, bằng chứng là trong Nhật ngữ đầy dẫy tiếng Ấn Độ:

Sama = Trời

Macham → Michi = Đường đi

Nama → Namê → Na = Tên

Dĩ nhiên là vừa mới vay mượn, chưa kịp tiêu hóa là họ ly khai, nên chi họ dùng sai. SAMA của Ấn Độ chỉ có nghĩa là VÒM TRỜI, bị Nhật hiểu là ÔNG THIÊN. Còn MACHAM chỉ có nghĩa là ĐƯỜNG TINH THẦN y như chữ ĐẠO của Trung Hoa, lại bị Nhật biến thành ĐƯỜNG ĐI: Michi.

Ta tự hỏi họ đi làm gì và tại sao họ biết có Lạc bộ Trãi ở đó, để mà tới đó.

Họ không biết gì hết, tại thuận buồm xuôi gió vào mùa Nồm thì họ tới Nhật, chỉ có thể thôi, còn lý do ra

đi của họ là vì tôn giáo.

Quả thật thế, người Nam Dương đã mất luôn tôn giáo thờ Bà Trời của đại khối Mã Lai, vì đạo Bà La Môn xen vào quá mạnh. Cho tới ngày nay, họ còn đức nhưng lưỡi gươm y hệt như người Đông Sơn, mà họ gọi là LAĐAI, nhưng họ chẳng còn biết đến Trời nữa, trong khi đó thì các thần xã ở Nhựt còn nguyên vẹn, giống đình của ta, và Thần Đạo, tôn giáo của chủng Mã Lai, còn được Thiên Hoàng thờ, mặc dầu Phật giáo ở Nhựt rất mạnh.

Hiện nay ở Nam Dương chỉ còn giống ta có cái ao cá và lũy tre làng, còn thì tôn giáo và cảm nghĩ đã hết từ khuya.

Thế nên sử Nhựt chép rằng vua đầu của Thiên Hoàng lên ngôi 5, 6 trăm năm trước Tây lịch, bị sử gia Âu châu thụt lại tới đầu Tây lịch là đúng khít nút. Lên ngôi một ngàn năm trước đó là các ông vua lon con của Lạc bộ Trãi, họ chưa thống nhứt như Hùng Vương nên mới bị bọn sau nuốt hết. Những ông vua ấy, Nhựt hoàn toàn bí, chỉ có sử Tàu là biết lôm bôm mà thôi. Bọn ấy cũng đã văn minh rồi nhờ dân 127 huyện Tàu di cư ra, nhưng cứ thua, vì như đã nói, họ chưa thống nhứt.

Bọn đi Madagascar và Trung Mỹ, chắc chắn là cũng vì lý do tôn giáo, và quả thật đến Trung Mỹ họ gặp bọn Trãi ở đó và hai đảng tiếp tục thờ Trời (và mần thịt người để tế thần y hệt như bọn Đông Di và Nam Man mà Tống Ngọc đã tả).

Quý vị đã thấy, chứng tích ngôn ngữ không có kém

chứng tích tiền sử học chút nào hết. Nếu chúng tôi không có đọc tiền sử học mà biết tiếng Ấn và tiếng Nhựt thì cũng đi tới cái kết quả mà tiền sử học đã tới. Hơn thế, chúng tôi tới xa hơn là chúng tôi biết Lạc bộ Mã có ghé Đông Pháp lập ra Lâm Ấp và Phù Nam, còn tiền sử học thì không biết điều đó.

Nhờ lý khai, nên Nhựt giữ được đạo thờ Bà Trời của chủng Mã Lai:

Hiện nay tại Hòn Chén (Ngọc Trản) ở Huế, ta có đền thờ Thiên Y A Na mà xem ra thì đó là tôn giáo Đồng Bó có tánh cách tương tự như các đền thờ ở đất Bắc.

Tên thánh gồm một chữ Nho “Thiên”, ghép lại với một danh từ Mã Lai Y A Na có nghĩa là Mẹ:

Ra dê:	Ana
Giarai:	Ina
Chàm Kim:	Ina
Nam Dương:	Inang
Nam Kỳ trung cổ:	Áng na
Việt Nam cổ thời:	Nạ
Cổ ngữ Tây Âu:	Ná

Người thờ, không giải thích được mình bạch Thiên Y A Na là gì, nhưng ta hiểu được đó là một danh xưng hỗn hợp Hoa Chiêm, Chiêm đây là Cổ Chiêm Thành, chớ Chàm hiện kim nói Ina, chớ không nói Y A Na. Vậy Thiên Y A Na là Mẹ Trời, tức Bà Trời, mẹ của muôn loài, theo tôn giáo thờ Trời của chủng Mã Lai (chớ không phải thờ Mặt Trời, và Mặt Trời ở trống đồng chỉ là tượng trưng).

MẸ thì hiện nay Đại Hàn còn chỉ bằng danh từ Ô-Mô-Ni mà Ô-Mô-Ni không xa nhưng danh từ trên đây một cách đáng kể, nếu dựa vào luật biến dạng kỳ khô của Swadesh. Năm ngàn năm đã qua rồi thì một danh từ đã biến nát hết, X có thể biến ra Ô-Mô-Ni, Ina, Y A Na, v.v.

Nhật Bốn chỉ mẹ bằng danh từ HAHA. Nhưng cách đây hai ngàn năm, hẳn là không phải là HAHA mà là cái gì đó.

Truyền thuyết Nhật Bốn, được ghi chép lại trong bộ *Cổ sự ký*, tập I, có nói đến cặp bán thần là IZANA EM GÁI, hai vị bán thần nầy là hai anh em ruột, con của Bà Trời Thiên Chiếu.

Hai tên thần trên đây là viết theo chữ La Tinh, chứ viết theo chữ Nhật thì sẽ đọc ra là Y-DA-NA.

Y-DA-NA rất gần Y-A-NA ở Ngọc Trản, mặc dầu hai vị thần đó là con, chứ không phải là Mẹ Trời. Nhưng hai người con đó là con đối với thượng giới, chứ vẫn là Mẹ (cha mẹ) đối với loài người.

Văn tự của thời quyển KOJIKI ra đời là văn tự của năm 714, việc ký hiệu chưa ổn định, truyền thuyết lại mờ mờ, nên ta không thể biết chắc gì hết, nhưng không sao ta không thấy sự liên hệ giữa Y-A-NA ở Huế và Y-DA-NA ở Nhật, liên hệ về hình dáng của danh từ và ý nghĩa của danh từ, cả hai hình thức đều cho thấy ý niệm MẸ TRỜI, và cả hai hình thức đều cho thấy ngôn ngữ của Lạc bộ Mã (Chàm và nhóm Thiên Hoàng) không khác nhau bao nhiêu từ năm 741 S.K. Đến năm đến Ngọc

Trần được xây cất lần đầu, cái lần đầu đó, không còn ai biết là vào năm nào, và tại đâu, bởi không chắc lắm là tại hòn Ngọc Trần ngày nay, nhưng chắc chắn là không thể trước thời Hồ Quý Ly, người đã chiếm đất Chăm cho tới Chiêm Động (Quảng Nam), tức vào mặt điệp nhà Trần của ta, giữa thế kỷ 14.

Từ năm 714 đến đời Hồ Quý Ly thì một ngàn năm đã qua, và danh từ bị biến dạng Y-A-NA đến Y-DA-NA và vừa đúng theo luật Swadesh, tức chỉ mới biến có một lần.

Cũng nên biết điều này là người Chăm có ngôn ngữ y hệt như Nam Dương, tức y hệt như nhóm Thiên Hoàng từ Nam Dương di cư lên Nhật. Nay ta thấy đã khác, không phải vì có sự biến dạng theo luật Swadesh, mà vì người Chăm mà thiên hạ biết, tức Chăm Ninh Thuận, không phải là người Chăm, mà chỉ là người Phù Nam. Sử Chăm chưa được viết đúng ở đoạn nào cả. Nhìn vào các địa danh Chăm ở miền Trung, ta thấy nó giống hệt Nam Dương mà rất khác Chăm nay. Chăm nay nói MƯ TAI = Chết, nhưng địa danh lại là MATI = Mất.

Không thể bảo rằng có sự biến dạng theo luật Swadesh, vì luật ấy chỉ nói đến 20% danh từ trong một thời gian là một ngàn năm, nhưng ở đây thì biến đến 100%.

Tóm lại tôn giáo thờ Bà Trời, Mẹ Trời của chủng Mã Lai (ít lắm cũng là Mã Lai đợt II, tức Lạc bộ Mã, tức Austronésiens) là một tôn giáo có tánh cách duy nhứt vào cổ thời, chớ không phải là những tin tưởng tạp nhạp chưa thành hệ thống như nơi các dân tộc cổ sơ

khác, và nhóm lý khai khởi Nam Dương để đi Nhựt Bốn có lý do mạnh mà lý khai vì tôn giáo.

Bọn Lạc bộ Trãi có thờ Bà Trời hay không thì không còn dấu vết gì để ta dám xác nhận hay phủ nhận. Trên thế giới, chỉ có ta mới kêu “Trời ơi!” mỗi lần kinh sợ hay than thở, nhưng ta có sống chung với Lạc bộ Mã, thành thử cũng có thể nói là ta bị ảnh hưởng, mà không dám chắc là ta đã thờ Trời. Nhưng Lạc bộ Mã thì chắc 100%.

Danh từ Trời của Đại Hàn gồm thêm từ NIM mà Nim vừa có nghĩa là Ông, là Bà. Đại Hàn là Lạc bộ Trãi, mà họ gọi Trời như thế, cũng có thể tin rằng Trãi cũng thờ Trời, nhưng không chắc gì hết vì đó là chứng tích rất mong manh.

Thần đạo, tôn giáo chánh của người Nhựt, đã bắt đầu suy từ thời Nại Lương vì ảnh hưởng Phật giáo quá mạnh. Tuy nhiên người Nhựt cứ giữ và xem đó là tôn giáo chánh thức vì chủ bái là Thiên Hoàng.

Đạo Phật một ngàn lần thịnh hơn, từ đó đến nay, nhưng không hề được hưởng tư cách tôn giáo chánh thức mà chỉ được nhà vua bảo trợ thôi.

Và trong Thần đạo, cứ là Bà Trời và anh hùng dân tộc được thờ phượng, hơi khác ta một chút xíu là ta không còn Bà Trời, nhưng rất giống Bắc Việt là luôn luôn đền thờ cất theo kiến trúc thượng cổ của chúng Mã Lai là nhà sàn.

Một dân tộc giữ đạo như thế, hẳn phải mang cả danh từ, danh xưng HARI theo họ trên bước đường di cư thứ nhì, ngược chiều với bước di cư thứ nhứt, và dĩ

nhiên HARI không còn là HARI nữa, vì hai ngàn năm đã qua rồi, luật Swadesh đã chi phối HARI đến hai lần là ít: HARA HI.

Quyển sử của chúng tôi quá dày nên khi in, phải chặt bớt, hóa ra nhiều điểm, nói không hết lời. Đối chiếu ngôn ngữ trong đó chỉ là chuyện phụ thuộc. Ở đây chúng tôi xin trình bày rõ rệt về danh từ Trời.

Trước hết, đại khối Mã Lai chỉ có một danh từ độc nhứt để chỉ ba ý niệm:

Vòm trời

Ông trời

Mặt trời

Các nhóm Mã Lai kém mở mang ở rừng núi hiện đang còn dùng như vậy. Thí dụ người Sơ Đăng chỉ có danh từ HAI để chỉ ba món kể trên.

Các nhóm văn minh thì có hai ba danh từ:

1. Vòm trời

2.3. Ông thiên và Ngày Ngày

4. Mặt trời

Nhưng không phải nhóm nào cũng có đủ số 4, riêng Nhựt thì có hàng chục với lối vay mượn xô bồ và vô ích của họ là lối biến nghĩa kỳ dị của họ. Thí dụ KAMI chỉ là đại danh từ mà Thần Nam Dương dùng để xưng ta với loài người thì Nhựt biến thành ÔNG THẦN. Đó là chỗ biết riêng của chúng tôi. Nhưng tự điển Pháp-Nhựt còn dịch kỳ dị nữa: Kami = Thần, Kami = Tạo hóa. Thế thì họ lại biến cả Kami là Ông thiên nữa, chớ không riêng gì SAMA và SORA.

Nhưng tất cả những danh từ Trời, Vòm Trời, Mặt trời, đều do một danh từ độc nhứt hồi thượng cổ mà ra, đó là danh từ HANA hoặc HANAL, hoặc HAI chớ không phải HARI hoặc HARA gì hết.

Tiếng Đại Hàn có những danh từ sau đây:

Hananim = Ông trời

Hanul = Vòm trời

Hai = Mặt trời

Nal = Ngày

HANA là số 1, NIM = ÔNG. Hananim = Ông số 1 = Ông trời = Vị thần to nhất của chúng Mã Lai thờ mặt trời (theo Tây, nhưng theo chúng tôi thì là thờ Ông trời, hoặc Bà trời tùy theo nhóm mẫu hệ hay phụ hệ)

Cái ông số 1, đẻ ra vòm trời: HANUL, đẻ ra mặt trời: HAI, đẻ ra NAL.

Đại Hàn là đầu đàn của Lạc bộ Trãi trên thế giới, và Sơ Đăng là đầu đàn của Lạc bộ Trãi trong lãnh thổ Việt Nam, thế nên hai anh đầu dọc ấy có danh từ trùng hợp với nhau, nhưng Sơ Đăng nghèo nàn hơn vì kém mở mang:

Sơ Đăng

Hai = Ngày

Hai = Mặt trời

Hai = Vòm trời

Hai anh khác, cũng cứ trong lãnh thổ Việt Nam giữ cái khoen nối kết thứ nhì:

Mạ và Xi Tiêng

Nar = Mặt trời

Nar = Vòm trời

Nar = Ngày

(người Mạ đã tiến đến hình thức Ngai = Ngày)

Ta thấy rõ là HANUL đẻ ra NAL ở Đại Hàn, và NAL Đại Hàn đẻ ra NAR.

Danh từ HAI và NAR vô cùng quan trọng vì nó cho thoátáng thấy HARI của Câu Tiểu, của Nam Dương.

HAI đẻ ra HARI được, mà NAR cũng đẻ được nhờ âm AR, âm này có mặt trong HARI.

Thế thì HARI của Nam Dương không là gốc tổ, nhưng trong quyển sử, chúng tôi phải dùng HARI làm đối tượng, vì đó là danh từ của dân tộc đang tự xưng là Mã Lai. Chưa ai nhìn nhận Đại Hàn là Mã Lai thì không thể dùng danh từ Đại Hàn để làm cái đích. Hơn thế quyển sử ấy đã quá dày, chúng tôi không thể giải thích dài dòng về gốc một danh từ. Một lý do nữa khiến chúng tôi chỉ phớt qua về ngôn ngữ trong quyển sử là vì chúng tôi làm việc, dựa trên tiền sử học và chủng tộc học, mà hai khoa đó chê chứng tích ngôn ngữ nên chúng tôi để dành chứng tích ngôn ngữ cho quyển này.

Bọn Trãi di cư đi Nhựt Bổn đồng lúc với bọn Trãi di cư đi Đại Hàn, có lẽ cũng đã nói HANA hồi cổ thời. Nhưng HARA bí mật của Nhựt thì lại không phải do HANA mà ra, mà là do HARI vì bọn lãnh đạo ở Nhựt là bọn Mã, từ Nam Dương di cư lên, và dĩ nhiên là mang theo HARI của Nam Dương.

Đến nơi, họ thắng trận, nhưng bọn Trãi bại trận có văn hóa đã cao lắm rồi, thành thử có sự nhượng bộ

phần nào của kẻ thắng trận. HANA không bị tiêu diệt, nhưng HARI phải biến thành HARA để dung hòa, Trãi giữ được âm A cuối, Mã đưa vào được R.

Danh từ HARA của Nhựt được giữ kín, người thường chỉ biết HARA là cái bụng, là đồng bằng, nên khi chúng tôi nói danh từ HARA là ông Trời, ai cũng cho là sai.

Danh từ HARA chỉ có các nhà bác học mới biết, vì đạo thờ Bà Trời hồi cổ thời chỉ có hai quý tộc là họ Imbê và họ Nakatomi là được quyền tế lễ thay cho vua, và mới được nói đến HARA với cái nghĩa là Bà Trời. Dân chúng chỉ biết HARA là cái bụng, là đồng bằng.

Hiện nay hai họ đó đã tàn lụn, và Thiên Hoàng giữ độc quyền tế lễ và dân chúng tiếp tục không biết HARA.

Nhựt giữ kín HARA, nhưng vẫn sáng tác các danh từ khác, mà sáng tác hằng tá, hằng lô, với ngũ căn HARA bí mật đó.

HIRU, biến dạng của HARA, được mở đèn xanh, ai muốn dùng, tha hồ mà dùng.

HI, một sự co rút của HIRU cũng được mở đèn xanh.

Nhiều người biết tiếng và chữ Nhựt Bốn cứ nói rằng HI do NHỰT của Trung Hoa vì quả sách Nhựt Bốn viết chữ HI bằng văn tự Trung Hoa là NHỰT mà không viết bằng văn tự của họ. Đó là một việc làm kỳ cục của Nhựt vì đáng lý gì HI, danh từ quốc ngữ của họ, họ phải viết ra bằng văn tự quốc ngữ, chớ sao lại viết bằng chữ Tàu để gây ngộ nhận?

Chúng tôi e rằng người Nhựt đã quên danh từ của họ nhiều hơn ta, sự quên mà chúng tôi đã nói đến nhiều

ở Chương II và chính họ cũng tưởng HI do Nhựt của Trung Hoa, nên họ mới viết chữ NHỰT để dịch chữ HI, mà không viết bằng quốc ngữ Nhựt Bản, trong khi đó thì NHỰT BẢN rõ ràng được đọc là NIHON chứ không là HIPON.

Nhựt dụng = NICHYOO

Nhựt Bản = NIHON

Nhựt dạ = NICHYA

Nhựt Mỹ = NICHIBEI

Chúng tôi thấy hiện tượng kỳ dị ấy xảy ra ở nhiều danh từ, thí dụ danh từ SÁN (xơ mít) của Lạc bộ Trãi, họ nói SANA, thì không có gì lạ, nhưng lạ lắm là thay vì viết SANA bằng quốc ngữ Nhựt, họ lại viết ra bằng chữ Tàu. Còn SAN HỒ là tiếng Tàu 100% lại không được viết bằng Hán tự mà lại được viết bằng Hiragana. Họ làm việc kỳ cục như vậy, khiến người nước khác, học ngôn ngữ của họ, không còn biết ngữ nguyên ra sao cả, mà có thể chính họ cũng quên chẳng, họ mới viết HI = Nhựt?

Tại sao SUIDŌ được viết bằng hai chữ Hán THỦY và ĐẠO, còn SAN HỒ thì lại viết bằng Hiragana thì thật chẳng biết đâu mà mò.

Sự thật thì danh từ NHỰT của Trung Hoa, Nhựt Bản đọc là NI, chứ không là HI. Cái mà họ đọc là HI chỉ là sự co rút của HARA và HIRU.

Họ có hằng tá danh từ do HARA và HIRU đẻ ra.

HARAMA = Trời trong sáng sau cơn mưa

HARERU = Trời sáng

HARESHON = Vòng sáng quanh mặt trời

HARU	= Xuân (Mùa mặt trời)
HI	= Mặt trời
HIASHI	= Ngày thu ngắn
HIATARI	= Phơi trái dưới ánh mặt trời
HIBOSHI	= Phơi khô
HIDAMARI	= Nơi được mặt trời hong cho ấm
KARARI	= Trời trong
ASAHI	= Mặt trời mọc

Nhưng ta chỉ cần biết là Nhựt đã biến HARI thành HARA, được giữ bí mật vì lý do tôn giáo, còn thường dùng thì:

1) Hi = Mặt trời, tương đương với Matahari

2) Hi = Ngày, tương đương với Hari

Vòm trời (Fimrament) được chỉ bằng SARA.

Tuy nhiên, như đã nói, tiếng Mã Lai Nam Dương cứ còn rơi rớt lại đó đây nên ta mới nối kết giùm họ được.

Thí dụ họ biến:

Nam Dương: KAKI

Chàm: TCAY

Việt Nam: CẶNG

Nhựt: ASHI

Nhưng KaKi còn nguyên vẹn trong ngôn ngữ Nhựt, trong danh từ MIZUKAKI = Cặng nước = Cặng có bẹ (Palmipède)

Thế nên chữ HARE, những HI của họ, ta mới biết do đâu mà ra, mặc dầu họ dấu biệt HARA.

Trên Cao Nguyên, người Sơ Đăng chỉ có độc một danh từ là HAI để chỉ ngày, Ông trời, và Vòm trời, và chính Hai

đẻ ra HARI và TAGAY, Tagay đẻ ra NGÀY của ta.

Thế nên chúng tôi mới trình ra xâu chuỗi Hari = Trời, trong khi HARI chỉ là NGÀY của Mã Lai Nam Dương.

Tuy nhiên chúng tôi có nói rõ trong quyển sách đó rằng Nam Dương vẫn có dùng HARI trong một trường hợp độc nhất để chỉ VÒM TRỜI. Đó là danh từ MẶT TRỜI của họ, họ nói là Matahari.

Thế thì Ngày với Trời đã bị đồng hóa ở khắp các địa bàn Mã Lai vậy.

Chúng tôi thấy nhiều xã hội Lạc không có danh từ Vòm Trời, chớ đừng nói là danh từ Ông Thiên là chuyện cao xa. Cả Vòm Trời, lẫn Ngày đều được gọi chung y như nhau. Nhưng các nhóm đã lập quốc thì có phân biệt hẳn hoi:

Nam Dương: Hari = Ngày - Langít = Vòm trời

Châu Giang: Hari = Ngày - Langít = Vòm trời

Chàm Ninh Thuận: Hray = Ngày - Lingik = Vòm trời

Chàm Bình Thuận: Hroy = Ngày - Lingik = Vòm trời

Cao Miên biến Langít thành LỒ NGHỊT và chỉ TRỜI CHIẾU, còn Việt Nam cũng lập quốc, cũng văn minh, nhưng ta biến một danh từ thành hai danh từ, chớ không có sáng tác thêm danh từ thứ nhì, hoặc cũng có dùng Langít y như Cao Miên, nhưng đã đánh mất rồi.

Và xâu chuỗi biến dạng như sau:

Đại Hàn: HANA

Nam Dương: HARI

Nhật: HIRU

Nhật: HARA

Chàm: HRAY

Chàm: HROY

Radê: HRUE

Sơ Đăng: HAI

Đại Hàn: HAI

Tới đây, ta đã thoáng thấy NGÀY ló dạng với âm AI của Sơ Đăng và âm AY của Chàm.

Nhưng còn phải qua vài cái khoen nữa, đáng kể nhất là cái khoen NAR của Xi Tiêng và Mạ. NAR vừa là NGÀY vừa là VÒM TRỜI, lại có sự ló dạng của tử âm N và một mảnh vụn AR của HARI, trong NAR.

Nhưng ta cứ cho Trời đi luôn cái đã rồi mới nói chuyện NGÀY được.

Ta nói HORY của Célèbes đi liền sau HOROY của Chàm Ninh Thuận. Nhưng từ HORY đến BLONY của Bà Na thì chúng tôi thiếu mất một khoen là khoen HONY mà trong xâu chuỗi CÁI LỢI của V.N thì có:

Nam Dương: Lony

Giarai: Loni

Việt Nam: Lợi

Nhưng mất một cái khoen, mà cái đã biến dạng đã được sự biến của LONY thành LÔI cho thấy, thì ta có thể cho xâu chuỗi tiếp tục được. Và lại, ta còn tìm được cái khoen BLO, ngay trong Việt ngữ. Dưới trào nhà Nguyên (trào Trần của ta) một sứ giả Trung Hoa có phiên âm một mớ danh từ Việt Nam. Ta thấy rằng họ phiên âm đúng hết, thí dụ: CHẰNG LÀNH họ phiên âm thế nào mà Quan Thoại thì nghe na ná như CHẰNG

LÀNH, nhưng các nhà nho ta đọc hai chữ phiên âm đó là CHƯÔNG LĨNH. Như vậy ta có thể dùng cái bản phiên âm đó được để biết danh từ TRỜI của ta dưới đời nhà Trần ra sao.

MẶT TRỜI được phiên âm là BỘT MẶT. Đây là sự lầm lẫn về cú pháp của một sứ giả có cú pháp là Thiên Diện, Nhân Diện, v.v. Sự thật thì phải là MẶT BỘT.

MẶT là MẶT, không có gì rắc rối cả. Bột thì hơi phiên. Cái chữ Nho BỘT ấy, Quan Thoại đọc là PÔ.

Sao ta lại nói MẶT PÔ? Không, ta không nói MẶT PÔ còn vị sứ giả ấy cũng đã chứng tỏ biết cách phiên âm đúng. Ông ta chỉ không đúng vì có một âm Việt không thể phiên âm đúng đó là BLO.

BLO là cái khoen mà Pháp gọi là Antérieur immédiat de BLONY.

(Cũng nên biết rằng ngay trong biểu phiên âm đó, danh từ MẶT TRĂNG cũng đã được phiên âm là PHÙ BỘT MẶT, tức MẶT PHÙ BỘT. Mặt là Mặt. Phù thì họ đã dùng để phiên âm lu bù tiếng Việt:

B'Nam = Phù Nam

Blù = Phù = Trầu

Chăm Pu Lô = Chiêm Phù Lao (Cù lao Châm)

Mặt khác, các quyển sách Tây xưa cũng có ghi chép rằng danh từ TRĂNG của ta xưa là Bulăng.

Cái đời xưa đó, chỉ là thế kỷ 18. Nhưng nhà Nguyên lại cai trị vào thế kỷ 13, và có thể 500 năm trước khi nói Bulăng, ta nói khác hơn là Bublôn chẳng hạn.

BU được phiên âm là PHÙ, còn BLON cũng cứ là

BỘT, chính vì không thể phiên âm BL được nên ở cả hai danh từ, kẻ ấy đều dùng danh từ PÔ để diễn tả BL).

Đại Hàn: HANA, HANUL

Nam Dương: HARI

Nhật: HARA

Nhật: HIRU

Chàm: HRAY

Jêh: HOERÒÉ

Chàm: HRÓY

Célèbes: HÓRY

Việt Nam đời Trần: BUỒ

Bà Na: BLÓNY

Rôglai: HURÓI

V.N Trung cổ: BLÔI

V.N hiện kim: TRỜI

Các phụ chi Mạ: TROK, TRỎ

Mạ: TRÔ

Sự mọc đầu, mọc đuôi thỉnh linh, đã có xảy ra thì chưa chắc đã thiếu một cái khoen giữa HORY và BLÓNY.

Ta bước sang NGÀY.

Danh từ NAL là NGÀY của Đại Hàn và Nar là NGÀY của Xi Tiêng, tuy khá giống nhau, nhưng cơ cấu lại khác hẳn. NAL chỉ là sự co rút của HANA.

NAR lại là một cuộc chuyển mình lớn lao của HANA để biến sang HARI và NGÀY với các mảnh AR cuối, và mảnh N đầu.

Chúng ta đã thấy cứ bằng vào phương pháp lấy

lửa thì người Xi Tiêng cổ sơ nhứt trong khối đồng bào Thượng. Thế thì họ là Trãi đồng hạng với Trãi Đại Hàn và chính họ đã chuyển bụng đẻ cho cái bào thai HANA đẻ ra một cặp song sinh chưa thành hình hẳn: Ngày và Hari. NA báo hiệu Ngày, AR báo hiệu Hari.

Đại Hàn: HAI = Ngày Hanul = Vòm trời

Sơ Đăng: HAI = Ngày HAI = Vòm trời

Mạ và Xi Tiêng: NAR = Ngày NAR = Vòm trời

Đại Hàn: NAL = Ngày

Danh từ của Xi Tiêng rất quan trọng vì nó có mọc đầu N trước nhứt. Còn một mảnh của HARI trong âm AR.

Danh từ Chàm với âm AY cuối và Sơ Đăng với âm AI cuối cũng rất quan trọng.

Thế thì có sự đẻ chứa sau đây:

Sơ Đăng: HAI = Ngày

Xi Tiêng: NAR = Ngày

Lào: NGÊ = Ngày

Roglai: TỐ NGÊ = Ngày

Khả Lá Vàng: T'NGAI = Ngày

Cao Miên: TH NGAY = Ngày

Khả Tu: TANGAAI = Ngày

Jêh: NGAI = Ngày

Mạ: NGAI = Ngày

Kơ Yong: NGAAI = Ngày

Mường: NGAI = Ngày

Việt Nam: NGÀY = Ngày

Một danh từ độc nhất HANA, đẻ ra hai danh từ do một thủ phạm chứa hoang là Xi Tiêng khi họ mọc đầu

N thành hình và mọc đuôi R giữ AR và chỉ cả hai thứ bằng danh từ lai căng N + AR.

Chính NAR là đầu đảng của mọi biến dạng khi các dân tộc chẻ hai Nar ra thành N và AR rồi tha hồ gắn đầu, gắn đuôi mới vào. Nhưng đó là sự bí mật của năm tháng u minh, rất khó mà biết thật chính xác.

Hana đẻ ra → N → Đẻ ra đám con Ngày

Hana đẻ ra → AR → Đẻ ra đám con ARI, HARI, HARA.

(Người Cil và người Duan có lẽ còn cổ sơ hơn cả người Xi Tiêng nữa, nhưng chúng tôi không biết ngôn ngữ của hai thứ người đó. Có lẽ cái khoen nối kết thiếu là ở đó).

Cũng nên biết rằng trong Đại Hàn ngữ HANA là ÔNG TRỜI. NAR của Xi Tiêng và của Mạ do đó mà ra. Và HANA là đầu đàn đã biến thành HARI tại Nam Dương rồi Nhựt mang nó từ Nam Dương lên Nhựt và biến thành HARA.

Nhưng quanh đi quẩn lại cũng chỉ có một danh từ độc nhất đã đẻ ra tất cả, mà cái danh từ đầu đàn đó có lẽ là HANA của Đại Hàn.

Đứa con bị giấu giếm là HARA của Nhựt, không ai biết là có, nhưng nó vẫn có. Và đọc Chương này rồi thì quý vị đã đọc quyển sử, không còn cho rằng chúng tôi nói bướng khi bảo rằng Nhựt ngữ có Hara = Trời.

Phải biết lịch sử của hai dân tộc độc quyền trong tôn giáo thờ Bà Trời là quý tộc Imbê và quý tộc Nakatomi mới biết có cái danh từ HARA không bao giờ được phép xuất hiện trong sách vở Nhựt Bản.

CHƯƠNG XVIII

VIỆT = RÌU

Cần nhắc rằng trong lúc đang in quyển sử của chúng tôi thì có tin giấy sắp lên giá, nên hai biện pháp được thi hành ngay:

I) Xén bớt, để in cho xong trước khi giá giấy nhảy vọt.

II) In sách quá dày sẽ bán không được, phải làm cho nó mỏng lại.

Thành thử về chủ trương Việt = Rìu, chúng tôi chỉ chừa lại có hai cái hình, chữ Việt đời Thương, đối chiếu với cái rìu Quốc Oai.

Sách nầy là sách ngôn ngữ thì chứng tích ngôn ngữ bị loại ra khỏi quyển sử, được cho nằm vào đây thật là phải chỗ.

Có thể nói là hầu hết đồng bào Thượng đều gọi cái rìu là cái Việt. Còn tại sao riêng Việt Nam lại sáng tác ra tiếng Rìu thì chúng ta sẽ thử giải thích.

Xin nhắc rằng trong quyển sử, chúng tôi chủ trương rằng danh xưng Việt không phải là danh tự xưng. Ta tự xưng là Lai, bị Tàu phiên âm sai là Lạc.

Việt chỉ là danh xưng mà Tàu đặt ra để gọi ta vì ta có một loại vũ khí rất độc đáo. Đó là cái rìu mà ta gọi là cái việt.

Bạn Nguyễn Mạnh Côn phê bình chúng tôi, cho rằng chúng tôi chỉ suy luận mà không có chứng minh gì hết.

Có chứ. Sao lại không có chứng minh. Và riêng về trường hợp Việt = Rìu chúng tôi đã đưa ra hai cái hình, chữ việt nguyên thủy và cái rìu Quốc Oai. Tuy ít, nhưng vẫn có. Nhưng ở các điểm sử lớn, như về tiền sử học và đối chiếu sọ thì có nhiều.

Và đây là chứng minh bằng ngôn ngữ:

Khách trọ, nhơn chúng là người Mường, gọi ta là dân YIT: Mường

Cái rìu = YÊIK: Núp, Kâyông

Cái rìu = VÊIK: XI Tiêng

Cái rìu = YÔS: Mạ

Cái rìu = VOK: Mạ (phụ chi)

Cái rìu = VOK: Sợ Đẳng

Quan Thoại gọi ta là = YUE

Thế thì vào đời nhà Thương, danh từ VIỆT của chúng ta là một cái gì hơi giống giống với bảy danh từ trên đây, không còn nghi ngờ gì nữa cả, nên đời Thương mới viết chữ Việt giống hệt lưỡi rìu Quốc Oai.

Về sau, lâu lắm, nhiều ngàn năm sau, sau cả thời Đông Sơn, chủng Việt mới phát minh ra một món khác có công dụng y hệt như cái việt, nhưng hình dáng lại khác. Công dụng đó là làm vũ khí và dụng cụ.

Cái món đó, hiện nay người Cao Miên và đồng bào

Thượng còn giữ nguyên, còn Chàm và Việt đã biến khác, nhưng Việt biến khác mà cũng đặt tên khác, còn Chàm thì giữ tên cũ.

Hình dáng của món ấy, nếu ai không có đi Cao Nguyên, thì thấy được ở Cao Miên:

Việt Nam: Rào

Chàm: Mra

Mạ: Jal

Cao Miên: Chà (gạc)

Danh từ Rào của Việt Nam, hiện chỉ còn dấu vết trong ca dao tục ngữ xưa:

Thợ rào có cái đe, ông Nghè có bút

Câu trên phải ra đời từ đời nhà Lý về sau, chớ không thể trước đời nhà Lý, vì trước đời nhà Lý chưa có ông Nghè.

Thợ rào tức là thợ chế tạo món Rào và Rào sẽ đẻ ra RÌU, chỉ cái Việt thời cổ, và đẻ ra RÈN chỉ cái việc chế tạo dụng cụ bằng sắt, thép.

RÀO lại đẻ ra RỰA, vì sau đó ta sửa đổi hình dáng cái rào, nó khác cái rào cũ chút xíu, và đó là cái rựa ngày nay. Nhưng rựa chỉ còn là dụng cụ chớ hết là vũ khí như Rào.

Người Chàm cũng làm y hệt như ta, về hình dáng của món đồ nhưng cứ giữ danh từ MRA cổ.

Thế thì cho tới đời Lý mà chúng Mã Lai, riêng trong lãnh thổ Việt Nam, vẫn cứ còn giống nhau, vào thời đó, và giống nhau đến ngày nay nữa, trừ ta ra vì ta đã biến RÀO thành RỰA.

CHƯƠNG XIX

NGHI VẤN VỀ TIẾNG ROI

Hồi tiền chiến, miền Nam có một bài tân nhạc rất thịnh hành, trong đó có một câu ca như thế này:

Muôn năm xưa còn roi dấu

Đã bảo miền Bắc mất ngôn ngữ rất nhiều nên dĩ nhiên là tự điển miền Bắc không có chữ ROI đó.

Không rõ tác giả lời ca hiểu thế nào còn dân chúng thì hiểu là “đề” dấu.

Tự vị Huỳnh Tịnh Của định nghĩa ROI là NOI (dấu)

Nhưng ngôn ngữ Khả Lá Vàng tiết lộ rằng nó là Việt ngữ cổ thời. ROI có nghĩa là KỂ CHUYỆN XƯA.

Có lẽ chính Huỳnh Tịnh Của đã quên ROI và cũng chỉ đoán mà định nghĩa thôi. Cả miền Bắc đều quên thì Huỳnh Tịnh Của được quyền quên.

Nhưng ta có cảm giác là Khả Lá Vàng đúng.

Khi nghiên cứu danh từ MONOGATARI của Nhật Bản, chúng tôi cũng gặp sự bối rối của tự điển Nhật y hệt như khi họ định nghĩa về KIMONO.

MONO cũng được dịch là VẬT, tức rõ ràng là MÓN.

GATA được dịch là Ngũ, tức đó là KATA của Nam Dương bị biến dạng, và Nhựt còn nhớ nghĩa nên mới dịch đúng là NGŨ.

Nhưng RI thì không được định nghĩa, làm như đó là một cái đuôi mọc chơi vậy thôi.

Toàn khối MONOGATARI lại được định nghĩa là *Câu chuyện, Sự kể chuyện, Tiểu thuyết*.

MÓN LỜI không sao mà mang ba nghĩa trên được và chính RI mới mang ít lắm là hai nghĩa trên, và Ri đó có nghĩa giống hết ROI của Khả Lá Vàng.

Nhựt cũng đã quên Roi, y như ta.

Chúng tôi cho rằng trong bọn Lạc Địch di cư đến cổ Việt thì bộ lạc Adôuk đa số. Đó là bộ lạc của vua Hùng.

Còn bọn Lạc Địch ở Nhựt Bốn thì có thể có hai bộ lạc đa số vì ngôn ngữ Nhựt quá giống ngôn ngữ Khả lá vàng và ngôn ngữ Khả Tu:

Khả Lá Vàng	Nhựt Bốn
Ki = Cây	Ki = Cây
Kita = Hướng bắc	Kita = Hướng bắc
Khả Tu	Nhựt Bốn
KU = Tôi	(Wat) Aku (Shi) = Tôi
Akan = Mẹ	Okaa = Mẹ
INÚ = Con chó	Anuk = Con chó
Kap = Cẩn	Kamu = Cẩn
NI = Tại	Ni = Tại
Kap = Cập	Kappuru = Cập
Ri = Vàng	Ki = Vàng
Anô = Chị	Ane = Chị

Dĩ nhiên là Nhựt có những danh từ giống hệt Việt Nam, Sơ Đẳng, Pacóh, Bru, y hệt như ta, nhưng danh từ Khả nhiều nhứt trong ngôn ngữ của họ.

MONOGATARI là một danh từ ghép mà hai tiếng Lạc bộ Trãi, MONO và ROI kẹp một tiếng Lạc bộ Mã như cái xăng ụych, tức danh từ đã xuất hiện lối 2000 năm, từ ngày bọn Mã đến Nhựt.

Nhựt mắc họa vì đã viết dính mọi danh từ ghép lại mà không theo luật nào cả, thành thử họ chẳng còn biết đầu đuôi ra sao nữa.

Nhưng ta không làm thế, ta cũng đã quên mất ROI mà Khả Lá Vàng còn nhớ.

Một danh từ đã chết, rất khó làm sống lại. Nhưng bài hát nói trên lại được hoan nghinh thì tưởng cũng nên áp dụng hô hấp nhân tạo để cứu nó. Tác giả bài hát ấy mà có hiểu sai, câu hát đó vẫn còn nghĩa, nếu ta hiểu ROI đúng theo Khả Lá Vàng:

Muôn năm xưa còn roi dẫu.

có nghĩa là *“dĩ vãng, lịch sử muôn đời còn kể thành tích oanh liệt của tổ tiên ta”*

Tất cả các dân tộc sống quanh đèo Mụ Già, tức quanh địa bàn của Khả Lá Vàng đều có động từ ROI đó và đều hiểu y như Khả Lá Vàng.

Quốc gia Đạo Minh là nước của các dân Khả Lá Vàng, Hê lang và Sơ Đẳng thật sự chớ chẳng phải chơi, và đó là nước Văn Lang thứ nhì mà người dân ăn nói y hệt như thần dân của vua Hùng Vương.

Chúng tôi cho rằng khi nhập chung danh từ của Hê

lang, Sơ Đăng và Khả Lá Vàng lại thì có được một bộ ngữ vựng của Việt ngữ cổ thời là không phải nói bướng.

CHỮ ROI THỨ NHỊ

ROI thứ nhì, miền Bắc cũng không có, nhưng không phải là miền Bắc quên ngôn ngữ mà đó là tỉnh từ của Phù Nam mà miền Nam đã vay mượn riêng sau năm 1623.

Về tỉnh từ ROI thì không có nghi vấn nào cả, nhưng chúng tôi cũng tiện tay đặt nó vào chương này.

Tỉnh từ này thì Nam Dương nói là RUAI, còn Phù Nam nói thật đúng ra sao, chỉ có trời mà biết, nhưng người Việt miền Nam vay mượn rồi thì biến thành ROI và để chỉ người có vóc vạc nhỏ, nhưng không yếu đuối.

Văn của Trương Vĩnh Ký chứa rất nhiều tỉnh từ ROI này và hiện nay, ở nông thôn miền Nam, người Việt cũng còn dùng mạnh tỉnh từ ROI, nhưng với hình thức kép: “Anh ấy có tướng roi roi”, không bao giờ dưới hình thức tỉnh từ đơn, khác hẳn Nam Dương.

Trương Vĩnh Ký lại còn dùng một tỉnh từ nữa, có nghĩa là NHỎ, nhưng để chỉ thú vật, nhất là heo, lợn và cạp. Đó là tỉnh từ GẤM (dấu Ǻ) mà hiện nay nông dân miền Nam cũng còn dùng mạnh, các tự điển ở miền Trung có ghi tỉnh từ này, nhưng không rõ do đâu mà ra vì người Chăm cũng không có tỉnh từ Gấm = Nhỏ.

Trương Vĩnh Ký thường nói đến những con cạp GẤM, bị người ta sao lại là GẤM, hóa ra *Cạp nhỏ* trở thành *Cạp có da như gấm*.

CHƯƠNG XX

TỪ VỤNG BỎ TỬ

Vào đầu thế kỷ 17, ta di cư vào Nam thì ta học thêm danh từ của bảy dân tộc sau đây: Cao Miên, Nam Dương, Phù Nam, lưu vong nhà Minh, Mạ, Pháp, Ấn Độ.

Vì vay mượn của Phù Nam quá nhiều, nên chúng tôi chỉ nói qua trong một chương. Vay mượn của sáu dân tộc khác thì quá ít, nên chúng tôi biên hết cả ra đây để giúp các người tìm giữ nguyên.

Tuy nhiên chúng tôi vẫn loại danh từ của Pháp ra, không phải vì họ đã mất chủ quyền, cũng không phải vì đó là những danh từ ít dùng mà vì hiện nay đang có hiện tượng sau đây: người ta loại bỏ lần lần những danh từ không cần thiết, và mượn những danh từ khoa học.

Thí dụ trước 1954, người miền Nam nói THƯỚC, CÂY SỐ. Nhưng ta thu hồi độc lập rồi thì bộ Giáo dục của ta lại chính thức hóa hai danh từ MÉT và KÍLÔMÉT, hóa ra là mượn thêm. Trong khi đó thì dân chúng đang loại bỏ: XỐP PHỐ, PHANH XE, ÔTÔ, v.v.

Như vậy cái vốn có, chưa ổn cố, nên không nên ghi

ra đây, mà chỉ ghi những gì đã vững hơn mà thôi. Về tiếng Pháp thì chúng tôi chỉ ghi đặc biệt một danh từ độc nhất là danh từ Bình tô, vì danh từ đó đã trót nằm trong ca dao miền Nam.

BÌNH TÔ: Do paletot mà ra, đó là một thứ áo vét thời xưa của Pháp.

VỚI LƯU VONG NHÀ MINH

Chúng tôi viết sử rằng Quảng Đông, Quảng Tây là nước cổ Tây Âu, và cổ dân của quốc gia đó là người Thái. Chúng tôi lại viết rằng các quốc gia Sở, Ngô, U Việt, Mân Việt là Mã Lai đợt II, tức nói giống hệt Nam Dương. Nhưng điều ấy, không ai tin cả, kể cả những người đã thích quyển sử đó.

Nhưng khi chúng tôi trình bày ra ở đây, những tiếng Tàu mà miền Nam đã vay mượn của lưu vong nhà Minh thì quý vị sẽ thấy lu bù tiếng Thái và tiếng Mã Lai Nam Dương do người Tàu ở BÊN TÀU đưa sang xứ ta vì họ là quan và lính của nhà Minh chứ không phải là thương gia Trung Hoa từ Nam Dương tới.

Người dân Việt lưu vong nhà Minh gồm hai nhóm, Phúc Kiến và Triều Châu, nói tiếng Tàu khác nhau như Nam Việt và Bắc Việt, tức chỉ khác giọng. Nhưng lối hai trăm danh từ Mã Lai Nam Dương thì họ nói giống y hệt nhau, vì cái lẽ dĩ nhiên là danh từ của tổ tiên chung của cả hai nhóm.

Sở dĩ ngày nay họ mang tên khác vì một đảng sống trong tỉnh Phúc Kiến, còn một đảng thì sống riêng ở mấy phủ của tỉnh Quảng Đông. Khi trực trị được hai

nước Tây Âu và Mân Việt rồi thì Trung Hoa không kể đến biên giới của hai nước đó nữa lúc họ chia vùng dưới thành tỉnh. Thế nên mới có một nhóm lọt vào tỉnh Quảng Đông.

Vậy, bị đặt tên khác, họ cứ là một, cựu công dân của quốc gia Mân Việt đời xưa.

LỐ: Một chục thường, nhưng cũng dùng để chỉ một chục 12, tương đương với danh từ tá ở Bắc Việt, do người Triều Châu nhà Minh đưa tới, nhưng đó là tiếng Mã Lai Nam Dương chứ không phải tiếng Tàu. Hiện người Mã Lai Nam Dương nói là PULỐ. Xin đừng lầm với PU LÔ mà ta biến thành CÙ LAO.

LẤU: Đây là một danh từ ngộ nghĩnh nhứt vì sự phiêu lưu của nó và vì sự ngộ nhận của người miền Nam. Cũng cứ do người Triều Châu, lưu vong nhà Minh đưa vào miền Nam. Theo ta hiểu, thì lấu là một món canh của Triều Châu, đựng trong một thứ bát đặc biệt bằng LAITON.

Nhưng không phải thế. Người Triều Châu gọi món đó là CANH ĐỰNG TRONG BÁT CÓ LẤU. Vậy lấu chỉ là phụ tùng của món đựng, chứ không phải canh. Khi nghe một câu rất dài mà ta không hiểu, ta chỉ nhớ danh từ cuối cùng là Lấu.

Ấy, LẤU cũng là tiếng Mã Lai Nam Dương mà chúng tôi mới ám chỉ trên đây. Người Nam Dương nói là PULỐ và dân ta biến thành Cù Lao, nhưng dân Mân Việt đọc theo cổ thời là LẤU.

Cái món đựng ấy như thế này. Nó giống hệt một cái

bát lớn minh mông, bằng Laiton, nhưng giữa bát, có trồng một cái ống tròn cũng bằng Laiton. Canh đựng trong bát và được hâm nóng luôn luôn bằng nhờ hồng chất trong cái ống trồng giữa bát. Cái ống đó trông rất giống một hòn đảo, vì thế mà người Mân Việt mới gọi là canh đựng, nghĩa trong bát có lấu, tức có PULO, tức có Cù Lao, tức có đảo ở giữa bát.

Đó là dụng cụ của các nước Sở, Ngô, U Việt, Mân Việt đời xưa chứ không phải của Trung Hoa.

Vậy người Hoa Nam còn nói tiếng Mã Lai hay không? Và dưới đời nhà Nguyên, người Hoa Bắc gọi Hoa Nam là Mandi, tuy không đúng về mặt xã hội, nhưng rất đúng về mặt ngôn ngữ, vì dưới trào Nguyên hẳn là họ còn nói tiếng Nam Dương nguyên bộ, chứ không phải chỉ giữ được hai trăm danh từ như ngày nay.

Chưa ai tin chúng tôi cả, trừ các nhà khoa học. Nhưng ngôn ngữ đã cho thấy như thế đó. Thế nên ngay ở Chương đầu, chúng tôi đã nói đến chim ắt, chim phò của Việt và Sở rồi.

Người Mân Việt đã lai Tàu từ 2.100 năm rồi, tức từ 100 thế hệ rồi mà còn như thế đó, thì biết sức sống của ngôn ngữ nó mãnh liệt đến đâu.

Nhưng người Sở, Ngô và U Việt không có di cư đến Sài Gòn, chúng tôi không thể biết họ ăn nói ra sao, nhưng chắc là họ giữ ngôn ngữ ít hơn Mân Việt vì họ bị lai giống và đồng hóa nhiều trăm nước trước Mân Việt.

Kể bị lai giống trước nhất là Sở, kế đó là Ngô, kế nữa là U Việt. Chắc người Triết Giang còn giữ được khá

nhiều và chúng tôi có nghe một người Trung Hoa ở đây, có biết Triết Giang, và ông ấy cho biết rằng hiện nay, người Triết Giang còn viết chữ VÔ thay cho chữ VƯƠNG, còn đọc thì tự nhiên họ đọc gần như người Việt Nam cổ thời, Việt Nam cổ thời đọc là bua thì họ đọc là BÔ.

Nhưng đó là danh từ mà vua Hùng Vương vay mượn của bọn *Tàn cư Giang Nam*, chỗ vua Hùng Vương là Lạc bộ Trãi, hẳn phải có danh từ khác hơn, bởi VUA, là ý niệm về sau của chúng tộc, không thể giống nhau được như Mất, Mũi, Cây, Lá.

CÁI RĂNG của người Trung Hoa nói là YA. Nhưng tại sao Phúc Kiến cũng là Trung Hoa mà lại nói là Ghê? Có thể nào mà cùng chung một quốc gia, một dân tộc mà họ biến YA thành GHÊ hay không?

Ta, người Việt Nam, ta đã đọc sai tiếng Tàu quá nhiều, nhưng ta cũng chỉ đọc YA là NHA mà thôi, thì sao người Tàu Phúc Kiến lại đọc là GHÊ?

Vì họ là Mã Lai Nam Dương mà Mã Lai Nam Dương gọi cái răng là GHI.

Còn tại sao ông Nhựt Bốn gọi Ngà voi là DZÔ GHÊ (zoge)? Trong từ điển Nhựt, ổng viết ra chữ là Tượng Nha. Thế rồi các nhà bác học Nhựt lục lạo tìm tòi, cũng không làm sao mà biết Dzô Ghê do đâu mà ra, bởi có đọc sai Tượng Nha bao nhiêu, nó cũng không thành Dzô Ghê được.

Là tại ổng là Trãi + Mã, y hệt như Việt Nam nên ổng lấy một danh từ Trãi là YÔ mà hiện nay đồng bào

Thượng đang dùng (còn ta thì biến YÔ thành VOI) rồi ổng ghép với danh từ GHI của Mã mà ổng đọc là GHÊ (ge). Hiện nay, ổng đã biết nguồn gốc của Ghê rồi, nhưng còn Dzô thì ổng đang tìm trời chết.

Tại sao cái trán, người Tàu nói là NGỔ, ta đọc sai là NGẠCH thì còn cho qua, nhưng ông Phúc Kiến lại nói là HÍA.

Là tại ổng giống hệt Câu Tiễn, vốn là Mã Lai thì hiện đang gọi cái trán là ĐAHIA.

Có ai tin nổi là Tây Thi, Phạm Lãi, Phù Sai, Câu Tiễn, Hạp Lư đều là Mã Lai hay không? Ấy thế mà họ là Mã Lai Nam Dương 100%, khác với ta một chút xíu vì ta là Mã Lai Bách Bộc, ta nói CHƠN, họ nói CẶNG.

Sách đời Chu thường ca ngợi loại gương Mạc Da của bọn Ngô Việt Xuân Thu. Nhưng họ chép rằng gương đó do gia đình Mạc Da luyện. Có lẽ là họ chép sai, chớ các tự điển Nam Dương ghi rằng hiện họ còn rèn và sử dụng loại kiếm đào được ở Đông Sơn, cổ trên hai ngàn năm và họ gọi loại kiếm đó là LA DA.

Người Trung Hoa không bao giờ đặt tên là Da, vì Da của họ, nghĩa không đẹp. Da chỉ là trợ từ và là đại danh từ dưới đời Chu. Vậy Mạc Da tên người, chỉ là tiếng phiên âm.

Người Phúc Kiến do đuôi nhập vào miền Nam danh từ CHỆK mà dân ta không hiểu, biến nó thành danh xưng để chỉ toàn thể người Trung Hoa, mà chỉ một cách khinh bỉ. Nhưng thật ra thì trong Mân ngữ CHỆK chỉ có nghĩa tốt đẹp là CHÚ.

Người Việt có học, cho rằng, người Phúc Kiến đọc sai chữ THỨC của Tàu ra như thế đó. Nhưng không, họ nói tiếng Mã Lai Nam Dương 100% đấy.

Mã Lai ngữ ở Nam Dương gọi chủ là CHIK, cháu là CHU. Chệch chỉ khác CHÍK có một âm Ê mà thôi.

Ta tự hỏi CHÚ của Việt Nam có quả thật do THỨC của Tàu mà ra hay không? Không có gì làm bằng chứng hết. Âm TH của Hán quả có biến thành Âm Ch của Việt thật nhưng âm C cuối không bao giờ mất.

Trúc = Trúc

Thúc = Thúc

Tục = Thục

Thế thì theo luật nào mà Thúc = Chú?

Nhưng Chík = Chú thì đúng luật vì ÍK và Ứ gần đồng Phonème với nhau.

Chík = Chú

Có lý nào mà ta lại gọi Cháu theo Nam Dương là CHU rồi lại gọi CHÚ theo Tàu là Thúc hay chẳng. Cũng có thể. Nhưng nếu ta làm thế thì quá ta điên. Trong một cặp Chú, Cháu, ta chỉ mượn của Tàu có một danh từ, và giữ một danh từ Mã Lai.

Trong một quyển sách Tàu, chúng tôi thấy họ vẽ cây KÍCH, một món khí giới đời xưa của họ mà chúng tôi chỉ thấy tên trong sách mà không thấy tả.

Bức họa trình ra một thứ giáo ngắn mà lưỡi giáo uốn quăn như một con rắn đang bò tới. Rõ ràng đó là cây KRISH rất nổi danh khắp thế giới mà người ta gọi là KRISH CỦA CHÚNG MÃ LAI (Krish Malais).

Vậy Mã Lai có ăn cắp của Tàu món vũ khí đó, lẫn cái tên Kích chằng? Có. Đó là sự ăn cắp theo lối ăn cắp cái NỖ mà chúng tôi đã trình bày trong quyển sử, tức kẻ cắp không phải là Mã Lai, kể cả danh từ NỖ cũng là danh từ Mã Lai.

Hễ cái gì của Mã Lai trùng với Tàu thì cứ bị cho rằng Tàu là chủ nhơn, là thấy, Mã Lai là ăn cắp, là tở.

Sử Tàu chép rằng họ rất sợ Khuyển Nhung vì Khuyển Nhung có giáo cán dài. Giáo cán dài, về sau, Tàu cũng có, vì phải chế tạo để đương cự với Khuyển Nhung, và họ đặt tên là MẬU. Nhưng chưa chắc Mâu không phải là tên phiên âm, vì chữ TỬ mọc ra một cái đuôi rất giống đuôi chó (Khuyển Nhung = Rợ Chó). Giáo là khí giới của Rợ Chó.

TÍA: Chính các chú rể Triều Châu, lưu vong nhà Minh đã đưa ra danh từ TÍA vào Nam, và bị ta hiểu là Cha.

Nhưng thật ra, thì chỉ là CHA VỢ. Và đó cũng cứ là tiếng Việt ghen bà con, vì Triều Châu là Lạc bộ Mã và Nam Dương gọi cha vợ là TỬA.

Thật ra thì Triều Châu ở Nam Kỳ đọc là TIA không có dấu sắc.

Nhưng chính danh từ Cha khá cổ ở Bắc Việt cũng do Triều Châu đưa tới, có lẽ là Triều Châu đời Tam quốc, vì vào thời đó thì người Tàu bắt đầu di cư sang nước ta, mà là người Tàu vùng dưới, nên mới bị ta gọi là người Ngô. Thứ người Tàu đó là Lạc bộ Mã mà mãi cho đến đời Nguyên vẫn chưa được Hoa hóa xong.

Dưới trào Ngô đó, dân Triều Châu dĩ nhiên vẫn đọc

là Tia, nhưng đọc khác thời Dương Ngạn Địch. Khi TIA đọc nhanh quá thì nó hóa ra là CHIA, y như trong ngôn ngữ của Pháp rồi Chia biến thành CHA.

Danh từ CHIA đã được chúng tôi tìm ngữ nguyên thật kỹ, mà không thấy Lạc bộ Trãi nói như thế bao giờ vào thời nào cả, và bất kỳ ở địa bàn nào, thì chắc chắn do TIA của các ông Triều Châu đời Ngô.

Tía của Nam Kỳ thì ngày nay đã hết được dùng rồi, vì đã hết các chú rể gọi bố vợ là TIA, chớ cách đây 50 năm, vẫn còn được dùng lai rai.

XÚNG XA: Có một thứ quà ăn chơi mà miền Nam gọi tên như thế.

Người Tàu cho rằng đó là danh từ của họ, nhưng yêu cầu họ viết ra chữ thì chẳng có gì là XÚNG XA cả. Họ nói buống, chớ XÚNG XA là tiếng Việt, chúng tôi để danh từ nầy vào Chương vay mượn của Tàu, vì chữ XÚNG bí mật trong đó. Người Tàu viết chữ thì ta đọc là THẠCH HOA THÁI. Thái là RAU. Nhưng ở đây thì Rau lại là Rau của hoa đá, tức là Rong biển vậy, mà miền Nam gọi là RAU CẦU, tức Rau lấy từ dưới nước như là CẦU CÁ.

Tự điển K.T.T.Đ cho biết là danh từ Việt là XOA XOA. Thật ra thì người miền Bắc không có nói xoa xoa, mà nói THẠCH XOA, tức ghép một tiếng Tàu và một tiếng Việt.

Thấy rõ là XA Nam Kỳ và XOA miền Bắc đồng gốc, nhưng gốc nào?

Đó là gốc Lạc bộ Mã. Nam Dương gọi món đó là

Aga Aga. Âu châu cho vay mượn, nhưng vay của Nam Dương, còn ta thì vay của khách trọ hồi năm 500 trước Tây Lịch, tức vay của tổ tiên người Mường.

Nhưng ta biến thế nào mà âm G hóa thành âm X, bởi đáng lý gì ta phải gọi món đó là Ga Ga, chớ không là XOA cũng không là XA.

XUNG XÁO: Giống thạch xoa nhưng đen, không biết chữ nghĩa là gì, nhưng được người Quảng Đông gọi là XUNG XÁO. Yêu cầu họ viết ra chữ thì họ viết bậy bạ là LƯƠNG (Mát). Nhưng nếu LƯƠNG là XUNG còn XÁO là gì thì họ cũng chẳng biết.

Ấy, ta biến XOA thành XUNG XA có lẽ vì nó giống XUNG XÁO phần nào. Và XUNG thì là ngữ nguyên bí, bởi người Tàu bán Xung Xáo lại không bảo đảm rằng Xung = Lương, cũng không hề biết Xáo là gì.

Theo chúng tôi đoán thì XÁO cũng cứ là Thái = Rau, đọc theo giọng Phúc Kiến, và XUNG quả thật là Lương. Xung Xáo = Lương Thái. Người Tàu mà chúng tôi yêu cầu viết ra chữ là người Quảng Đông, y không biết giọng đọc của Mân Việt nên y mới bí.

Vậy ta ghép Xung vào Xa là ghép 1 tiếng Tàu với 2 tiếng Lạc bộ Mã: Lương + Aga.

KHỔ TAI: Một món ăn khác mà dân miền Nam rất ưa và họ gọi là KHỔ TAI. Cái tai nạn nào làm cho họ khổ? Không, đó là tiếng Tàu (tiếng Tàu chớ không phải chữ Nho) do người Triều Châu đưa vào xứ ta, họ đọc tiếng Tàu sai giọng vì họ là Lạc bộ Mã và KHỔ TAI = HẢI TẢO, một thứ rong biển mà họ nấu với đường để

bán cho dân miền Nam ăn. Người Triều Châu đọc là HỒ TAI, ta thêm chữ K vào là loạn xà gầu hết.

XÍ MỤI: Thật đúng là XÍU MỤI chữ Nho là TIÊU MAI, do Quảng Đông đưa vào.

ĐẬU HỦ: Món này ở đất Bắc gọi là ÓC ĐẬU. Cũng do Quảng Đông đưa vào.

XÁ XẤU: Y phục ngắn của binh dân Trung Hoa, không biết chữ nghĩa ra sao, và nhóm nào đưa vào.

CÔNG XI: CÔNG TY, do Quảng Đông đưa vào.

HỦ TIỂU: Không biết chữ ra sao, nhưng do Quảng Đông đưa vào, họ nói là Phái, không hiểu sao ta lại biến thành Hủ Tiếu.

XÍU MAI: Không biết chữ nghĩa ra sao, nhưng cứ là Quảng Đông. Đa số các món ăn đều do Quảng Đông đưa vào.

TÀI CÔNG: Tài do TÀI là CHỖ. Tài công là thuyền trưởng thương thuyền. Không biết nhóm nào đưa vào vì nhóm nào cũng đọc TÀI khá giống nhau.

HÊN: Do HUNG. Triều Châu đưa vào và họ đọc là HINH thì đáng lý ta phải viết là HÊNH.

XUI: Tiếng này đất Bắc có nhưng vay mượn lâu đời hơn và nói là XUI QUẢY. Do chữ SUY mà ra, đọc theo Triều Châu, Hên Xui = MAY RỦI.

XÍNH XÁI: Bán rẻ. Không biết chữ nghĩa ra sao, nhưng do Triều Châu đưa vào, nhưng nhóm nào cũng nói Xính Xái. Miền Bắc đã vay mượn hàng ngàn năm trước, hiểu theo nghĩa khác và đọc là xí xóa.

NHẮM XÀ: Bốc boạ. Nhưng ta chỉ nói đùa đôi khi,

không vào ngôn ngữ như lì xì.

CHẠP PHÔ: Chỉ là Tạp hóa, do người Quảng Đông đưa vào. Nhưng chính người Quảng Đông lại cho nó cái nghĩa hạn chế là thực phẩm: trứng vịt, tôm khô, cá khô, v.v. còn các cửa hàng bán các thứ khác cũng tạp nhạp lại không được gọi là chap phô.

GIÒ CHÁ QUẦY: Cũng cứ do người Quảng Đông. Thật đúng là *Dầu chá quáy* tức con quỳ nướng trong dầu, chỉ loại bánh bột mì chiên mỡ.

LY: Cốc bằng pha lê, do người Quảng Đông đưa vào, họ gọi là PÓ LÝ PUI, tức PHA LÊ BÔI, ta nuốt hết, chỉ chừa lại LÝ và đọc là LY.

XÌ THẦU: Chữ Nho là SỰ ĐẦU = Chef de service, do Quảng Đông đưa vào, nhưng bị ta hiểu là ÔNG CHỦ. Có vài báo Tàu gọi cái chức TỔNG THƯ KÝ TÒA SOẠN là SỰ ĐẦU.

TÀU KÊ: Đại gia, đúng thật là TOA KẾ, do Phúc Kiến đưa vào để chỉ người nhân vật quan trọng. Bị ta dùng để chỉ TỬ BÀ. Điều này rất hay là Nam Dương và Nhựt Bốn đều có mượn chữ GIA và đều đọc là Kê, vì cả bốn: Nam Kỳ, Phúc Kiến, Nam Dương, Nhựt Bốn đều là Lạc tuốt hết chớ Âu tức Thái, tức Quảng Đông, đọc là KÁ.

TÀO CÁO: Nhân viên quan thuế đi bắt rượu lậu. Người Triều Châu làm nông nghiệp và nấu rượu lậu rất nhiều. Họ gọi nhân viên đó là ĐẠI CẦU tức CHÓ LỚN mà họ đọc là TOA CÁO, bị ta biến thành TÀO CÁO.

HUI NHỊ TỈ: Từ ngữ dùng để đùa, có nghĩa là Chết. Do Quảng Đông đưa vào. Quảng Đông là Thái, và động

từ ĐI của Trung Hoa bị họ thay bằng động từ Thái là HUN mà họ đọc theo cổ thời là HUI. HUN là lên đường. Nhị tì là nghĩa địa.

Thế có phải nước Tây Âu là nước của người Thái hay không?

NÀ: Một thứ giò mây hơi giống cái quả nhưng có quai xách, người Tàu dùng để đựng quả đi biểu xén bà con. Không biết do ngôn ngữ của ai, nhưng do Triều Châu đưa vào Nam.

Ồ: ÂU, cái VỊM nhỏ bằng Thau mà Triều Châu đưa vào Nam, ta dùng đựng trầu cau, thay cho cái cối đất Bắc. Ô Trầu = Cối Trầu.

XIÊM LO: Xiêm lo là một thứ canh nấu toàn bằng rau đậu, v.v. không có thịt cá gì hết, và Cao Miên nói là SO LOM. Nhưng Triều Châu nói là XIÂM LỐ.

Đó là danh từ của lính tráng của vua Tàu của nước Xiêm la là Trịnh Chiếu, đã đến đánh Hà Tiên của Mạc Cửu. Thường thì họ thắng, nhưng cũng có khi thua, bị bắt làm tù binh rồi sau được phóng thích cho làm thường dân. Khi họ nói ra tên của món canh đó, thì họ có để tiếng CANH ở trước. Canh Xiêm lỗ, là canh nấu theo dân Xiêm La. Ta và Cao Miên ngộ nhận, bỏ tiếng Canh và ngộ XIÊM LO, SOM LÔ là danh từ, và có nghĩa là canh rau đậu.

Loại canh này, hình như đất Bắc gọi là canh sông, có G, và xin đừng lẫn với món SUÔN, không có G là một thứ canh gần như là một xa xỉ phẩm, không ăn với cơm, mà để ăn chơi với bún.

Triều Châu và Phúc Kiến đưa tiếng Tàu vào miền Nam rất nhiều, nhưng xét kỹ ra thì chỉ có bốn danh từ còn bao nhiêu đều là danh từ Mã Lai hết. Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam là ba nhóm Trung Hoa còn giữ được nhiều danh từ Mã Lai nhứt, và chúng tôi đếm được trên 300. Những tiếng không len vào Việt ngữ, nhưng ta biết, cũng là tiếng Mã Lai. Thí dụ ĐẠI TIỆN, họ nói là BẮNG XÁI, Nam Dương nói là BUANG BOSA.

Nhưng không vì thế mà có Mân ngữ đâu, bởi một vài trăm danh từ không tạo ra một ngôn ngữ được. Họ nói tiếng Tàu sai giọng, chỉ có thể thôi.

NGỮ NGUYỄN BỊ

Miền Nam có ba danh từ mà chúng tôi tìm mãi không ra nguồn gốc.

VỐ = Bít tất.

TÔ, TỘ = Bát lớn. Không có dân tộc nào ở Đ.N.A nói như vậy hết. Tất cả đồng bào Thượng đều có danh từ riêng để chỉ tên chén bát, tức họ không có học của Tàu như ta. Nhưng họ vẫn không có TÔ và TỘ.

XÀ LỎN = Quần đùi. Cách đây 50 năm phụ nữ ta chưa mượn danh từ XI LÍP thì các cô gọi xì líp là QUẦN LỎNG, còn đàn ông gọi quần đùi là XÀ LỎN. Thấy rõ là đồng gốc, mặc dầu hai món đó hơi khác nhau, chỉ hơi khác vì thuở xưa quần lỏng khá giống quần đùi chớ không quá hẹp.

Chúng tôi thấy người Tàu viết chữ là SA LÔNG (Cát rỗng) là biết họ phiên âm, nhưng đó là họ phiên âm danh từ Sarong của Mã Lai, chớ không phải Xà Lỏn

của ta, bởi hai thứ khác nhau một trời một vực.

MÃ LAI

Oái oăm thay, từ khi dân ta di cư vào Nam, tức từ đầu thế kỷ 17, thì ta chỉ học của Mã Lai có năm danh từ, không kể hàng ngàn danh từ khác mà chúng tôi cho là của Phù Nam.

MÃ TÀ: Do Mata Mata của Phi Luật Tân, đã giải thích ở nơi khác.

BẮT KẾ: Thắng xe do Kêrôta của bọn Mata Mata được giải ngũ và ở lại Sài Gòn.

XÀ ÍT: Danh từ này đã bị bỏ từ 50 năm nay, nên không giải thích.

SARÔNG: Tắm vải quấn quanh thân dưới thay cho quần, Nam Kỳ cũng gọi là CHĂN, Nguyễn Siêu, trong P.Đ.D.Đ.C viết là VẦN vì sách đó là sách chữ Nho, viết chữ chăn không được.

SẦU RIÊNG: Do Durion, Durian, Surian.

ẤN ĐỘ

Ấn chi đưa vào miền Nam có bốn danh từ.

CÀ RY: Món ăn, Pháp viết là CARY, Anh viết là CURRY.

NỊ: Một loại mỗ đặc biệt của họ.

ĐỈ: Đây là danh từ Tamoul Nam Ấn, tức cũng của chúng Mã Lai, họ đọc là CHANĐI.

XÉT TY: Do CHETTY. Ta ngỡ CHETTY là kẻ cho vay, nhưng tên của những ông Chetty luôn luôn có CHETHIAR trong đó. Thế nên là tên của giai cấp, chứ không phải là tên người, cũng không phải là danh từ

chỉ nghề nghiệp.

Cả bốn tiếng vay mượn đều mang âm I cuối.

CAO MIÊN

THAO LAO: Cây bằng lăng của ta, được Đ.N.N. của Tàu viết ra chữ là BÀN LÂN. Cao Miên gọi là SRÔLAU.

SẤU ĐẤU: Cây soan. Đã giải rõ nguồn gốc lý kỳ của Cây Soan ở Chương khác.

BỔ NÂU: Do PÔNÂU, một loại trái để nhuộm.

MẶC NƯA: Do KRONOT

KÈ: Do CHRE

MĂNG CỤT: Ai cũng tưởng đây là tiếng Mã Lai, nhưng sự thật thì Nam Dương gọi khác. Chỉ có Thái Lan và Cao Miên với ta gọi là Măng Cụt. Nhưng nước Thái Lan là quốc gia sơ sanh, nên chúng tôi cho là do gốc Cao Miên.

MO: Ván cong lại vì quá mỏng và quá khô. Đúng là BỒ.

CHÙM BAO: Tên cây mà trái dùng trị bệnh hủi. Đúng là ĐOM BAU AU. Rất đỏ. Ta nói ĐỎ AU tức đỏ lắm. Đúng là CHXOAU, nhưng CHXO dính với AU chứ không phải là ĐỎ.

PHÁT ÁCH: Bệnh đầy bụng (Indigestion pour avoir trop manger). Đúng là PHO ẾCH.

BỤNG: Đầm lầy. Cách đây 20 năm, ta lại tân tạo BỤNG BIỂN.

VÀM: Cửa sông. Do PIAM.

RẠCH: Phụ lúa. Do PREK.

CÀ TĂNG: Một loại phen thấp bằng mây, cuốn tròn

lại thì thành một thứ bồ lúa nhỏ.

CÀ RÀNG: Một loại bếp mang đi được, cả bếp lẫn ba ông táo, chỉ nhỏ bằng cái nón, đặt trên bếp ẩm ướt, đặt trên thuyền đều tiện.

CÀ RÒN: Một loại bao đan bằng lát.

CHÀ GẠC: Một thứ rửa ta biết, nhưng không có dùng.

CÀ VOM: Một loại ghe thuyền.

SẠ: Động từ do lúa sạ mà ra và có nghĩa là gieo cấy thả.

LÚA SẠ: Do SRAU chỉ có nghĩa là lúa. Nhưng đó là lúa đặc biệt, nước lụt cao lên tới đâu, nó lên theo tới đó mà không chết. Hầu hết tên các loại thóc đều là danh từ Cao Miên, nhưng quá nhiều, không thể chép ra được. Thí dụ: LÚA ỪNG CO hoặc NÀNG CO, lúa SA MO, vân vân. Ta biết rất nhiều danh từ Cao Miên vì sống gần nhau, nhưng không kể vào đây, vì những danh từ ấy không vào Việt ngữ. Cũng không kể hàng ngàn danh từ chung của chủng Mã Lai, và không kể luôn hàng trăm danh từ vay mượn qua lại hồi cổ thời.

MẠ

Ta học của Mạ nhiều bằng của Cao Miên. Điều này chứng tỏ rằng thuở ta di cư vào Nam, dân số đông đảo vào hàng thứ nhì là người Mạ, người Cao Miên chỉ đông vào hàng thứ tư thôi, ít hơn cả người Tàu nữa. Người Mạ kém cỏi hơn người Cao Miên nhiều bậc thế mà ta học với họ nhiều bằng với Cao Miên thì chỉ có một lối hiểu: Họ đa số hơn người Cao Miên.

SÉT: Han rí. Do SET.

CẨM LAI: Một thứ gỗ quý. Do LAI

CHIM SẮC: Do SIM RẮC.

CÁ LÒNG TONG: Do Ka Rangtong.

CÁ SÀ LỆP: Do Ka Salet.

ĐAU XÓC: Đau lói. Do Sốt.

CHẾT GIẤC: Ngất đi. Do CHỨT LAWẮT. Người Khả Tu ở Quảng Ngãi nói là CHET RANGAT tức CHẾT NGẮT của miền Bắc. Mạ và Khả Tu thường trùng danh từ với nhau và với ta.

CÀ NANH: Trạng từ nầy không có mặt trong tự điển Nhựt Bồn nên chúng tôi cho là gốc Mạ: CANẢNH.

NGẤY NGÀ: Cũng không có trong tự điển miền Bắc, mà cũng không nghe người miền Bắc nói. Do NGAY NGA = Hay rầy mắng.

RỊ: Cũng không thấy miền Bắc có. Do DRI = Kéo mạnh sợi dây.

TRĂNG: Động từ TRANG của người Mạ chỉ có nghĩa là bỏ tù. Ta biến thành danh từ để chỉ GÔNG, CÙM của miền Bắc, và dùng với động từ ĐÓNG. Đóng trăng = Đóng gông.

Thuở còn sanh tiền ông Nhất Linh thường hỏi chúng tôi nghĩa của những danh từ miền Nam mà ông cho là kỳ dị: Đóng trăng, Thét rồi, Nhè v.v.

THÁT: Mãi rồi. Do Thet.

NHÈ: Đúng vào nơi không phải chỗ. Do TAHE.

CỐT: Đốn cây. Do CÔL. Toàn thể đồng bào Thượng đều có động từ nầy. Người Chăm cũng có nên các ông Tây cho rằng ta và Thượng học của Chăm. Sự thật thì

đó là động từ của Lạc bộ Trãi mà Lạc bộ Mã không có, mà Chàm là Lạc bộ Mã. Hể đồng bào Thượng có cái gì đều bị các ông Tây cho là học của Cao Miên và của Chàm tuốt hết.

XÀ NIÊNG: Một loại quý rừng do NUÔN của Mạ và do Chak Niêng của các phụ chi Mạ như Cil, Kâyông, v.v.

LUNG: Nhiều lắm. Do LUNG. Hồ Biểu Chánh luôn luôn dùng trạng từ này, thay cho nhiều.

BẬU: Ta dùng để gọi vợ, như EM ngày nay. Nhưng BAU của Mạ còn có thêm nghĩa là CƯỚI.

QUA: Ta còn dùng để tự xưng với vợ hoặc người yêu, hoặc em út, như ANH. Do một phụ chi của Mạ. Đại danh từ này vốn là TỬA, do ta hiểu lầm, nó chỉ có nghĩa là TÔI mà thôi.

DẦU LONG: Một loại cây dầu tên là KLONG.

Cũng nên biết rằng dân Mạ cũng có danh từ Đồng hàng trăm năm rồi dưới hình thức ĐANG và ĐỒNG. Ta di cư tới thì đặt tên con sông Đồng Nai bằng cách thêm tiếng NAI vào là đủ. Hiện nay họ chỉ còn chiếm đất ở ngọn Đồng Nai và vẫn tiếp tục gọi sông đó là sông Đồng, mặc dầu ở địa bàn của họ không còn đồng bằng nào nữa hết.

(Chúng tôi không kể hàng ngàn danh từ chung của chúng tộc vào đây, vì Mạ là Lạc bộ Trãi, vốn là thần dân của Lạc bộ Mã là người Phù Nam.)

Tên của ngọn sông Đồng Nai bị các nhà địa lý và các nhà vẽ dư đồ làm cho sai đi. Ngày nay có nhiều cậu

học sinh, đọc là ĐÁ DỰNG. Nguyên người Mạ gọi sông Đồng Nai là ĐẠ ĐỒNG = SÔNG ĐỒNG. ĐẠ là hình thức đầu tiên của danh từ nước, cũng có nghĩa là sông.

Nhưng các ông Tây đã ký hiệu là DA DUNG. Các ông không biết chữ Đ của ta, các ông lại ghi cái âm Ờ của Mạ thành chữ U với hai cái chấm ở trên. Tây đi rồi, các ông Việt biến thành Đa Dung. Nhưng học trò thấy rằng ĐA DUNG cứ còn vô nghĩa bèn đọc là ĐÁ DỰNG.

RỌNG: Do Rong, tức nhốt trong Kurong, tức trong lồng chim. Nhưng ta biến thành Rọng để chỉ việc nhốt cá trong VỊM. Nhưng ta học của Phù Nam hơn là của Mạ, bởi Mạ không bắt cá nhiều như Phù Nam.

LUÔN: Đất Bắc chỉ có một trạng từ LUÔN có nghĩa là không bao giờ nghỉ ngơi. Làm luôn tay. Ở Nam có một trạng từ LUÔN thứ nhì, mà thường thì người Nam lẫn lộn hai tiếng, còn người Bắc thì hiểu lầm. LUÔN của miền Nam có nghĩa thật rõ là: Tiện tay làm thêm một công việc, chỉ một thôi, vì cả hai công việc có thể chỉ tốn 4 phút đồng hồ, tức không hề mang ý nghĩa không nghỉ ngơi của miền Bắc. Thí dụ: “Mấy quét nhà rồi quét sân luôn ghen”.

Trạng từ LUÔN thứ nhì của miền Nam là biến dạng của từ LUUÂN của người Mạ, và người MẠ cũng dùng với ý nghĩa đó, tức miền Nam có biến dạng khi vay mượn nhưng không có biến nghĩa.

NHÓT: Do NHÓT, chỉ tách cách teo lại của gỗ vì quá khô.

CÁ CHẠCH LẤU: Do KA LAUUA, một loại trạch (lươn)

nhiều màu rực rỡ, chuyên sống ở đáy đầm, được dân miền Nam nuôi trong bồn cá vàng, vừa để trang trí, vừa dùng nó làm kẻ hốt rác vì nó chuyên ăn phân của các loại cá khác.

BE: Cây đã đốn nhưng chưa cửa ra. Sau khi sống lẫn lộn với ta hàng trăm năm từ lối Mỹ Tho đổ lên Biên Hòa, người Mạ rút khỏi Biên Hòa, vào rừng, nhưng có nhóm còn hợp tác với ta bằng cách làm tiểu phu cho các nhà khai thác lâm sản ở Biên Hòa.

Những danh từ về nghề lâm sản, phần lớn là của họ, nhưng quý vị đã thấy này giờ.

ANH

Tiếng Anh đi vào Việt ngữ không nhiều, và đều do người Pháp đưa vào cả, chỉ có một danh từ độc nhứt là tiếng CỐC mà chính người Anh đã trực tiếp đưa vào. CỐC do CUP. Thời Lê-Trịnh người Anh đã thử đặt chơn ở xứ ta và có liên lạc với cả Chúa Trịnh, lẫn Chúa Nguyễn, có tặng quà qua lại, và trong các món quà có chén uống rượu bằng pha lê mà họ gọi là CUP ta biến thành CỐC. Đó là món quà miền Nam gọi là LY do ngữ nguyên khác.

Trò chơi Oẳn tù tì được nói tên bằng tiếng Anh, nhưng có lẽ do người nước khác đưa vào, vì người Anh không đặt chơn được ở xứ ta.

MAN DI THƯỢNG HẠNG VÀ MAN DI HẠNG BẾT

*N*gười Tàu gọi Việt và Chàm là man di. Nhưng vào cổ thời cả Việt lẫn Chàm đều có danh từ man di riêng để chỉ các dân kém hơn họ.

Danh từ của Việt và Chàm là CHU, ngày nay Chàm còn dùng, nhưng Việt đã đánh mất, nhưng còn dấu vết đó đây. Thí dụ: chợ Chu, một nơi mà người Việt toàn tỉnh chỉ chiếm có 5% dân số.

Ta nói chuyện cây Chu Đồng, mà ĐỒNG là danh từ của đồng bào Thượng, chỉ cây trụ cao mà họ trồng để tế lễ thần NDU của họ. Vậy Chu Đồng là Cây Đồng của dân Chu.

Nhưng người Chàm thì còn dùng mạnh danh từ Chu để chỉ các nhóm Lạc bộ Trãi sống quanh họ, hiện nay, tức là quanh Ninh Thuận, và nhóm Chu nổi danh nhất là Chu Ru, dân đang giữ kho tàng của ông vua Chàm cuối cùng.

Người Chu Ru lại có danh từ riêng có nghĩa là man di, để chỉ dân kém hơn họ là dân CIL, chưa biết đóng

khố. Nhưng dân Cil là Lạc bộ Trãi chứ không phải là Mê-la-nê. Có vài nhóm Cil ra mặt sống với các dân khác và rất thông minh.

Danh từ “man di” của Chu Ru là JUA. Không rõ người Cil có danh từ man di riêng để chỉ ai nữa hay không, có lẽ có, vì dân Mê-la-nê kém hơn họ, chưa biết làm lửa như họ.

Dùi đánh đục, đục đánh sàng, và man di có giai cấp, từ man di sang, đến man di hèn.

Kể ra thì người Chàm nề ta lắm nên mới gọi ta là man di bằng tiếng Phạn đọc sai là Yuan, tức là man di hạng đồ luyt, bảnh hơn CHU nhiều lắm.

Nhưng rồi ta sáng tác danh từ man di khác Chàm. Ta nói là Mọi, cũng cứ để chỉ những đồng bào chậm tiến của ta.

Mong rằng từ đây, man di, mọi sẽ được dùng không phải để chỉ đồng bào Thượng, mà để chỉ kẻ nào không chịu biết rằng Thượng và TA đồng gốc tổ.

CHƯƠNG XXII

TRÀI VÀ MÃ

Sau khi đọc quyển sử của chúng tôi, bạn bè và thân hữu hỏi “Anh nói ta là Mã Lai. Tôi cũng biết vài tiếng Mã Lai, nhưng nó lại không phải là tiếng Việt Nam.”

Chắc nhiều độc giả cũng thắc mắc như thế, nhưng họ không quen biết với chúng tôi nên không hỏi gì được. Và chắc còn lâu mới là hết ngộ nhận. Thành thử có những điều mà nhiều người cho là rất giản dị, lại bị chúng tôi nói đi nói lại hoài hoài.

I) Thứ nhất, không nên nghĩ rằng chỉ có những dân tự xưng là Mã Lai, mới là Mã Lai. Đại Hàn không bao giờ tự xưng là Mã Lai hết, nhưng họ lại là Mã Lai thuần túy. Người tự xưng là Mã Lai, lại nói tiếng Ba Tư.

II) Sự giống nhau của danh từ, tùy thuộc rất nhiều điều kiện, không thể giống nhau 100% được.

Trong quyển sử, chúng tôi đã cho một con số: Ta và Nam Dương giống nhau 40%. Thế thì không nên hỏi tại sao là nói Cái Áo, họ không nói Cái Áo.

Nay chúng tôi đổi lại như thế này:

I) Ta và họ giống nhau đến 99,99%, nếu chỉ tính những danh từ của con người cổ sơ.

II) Ta và họ chỉ giống nhau 10% nếu tính về toàn thể danh từ hiện kim.

III) Con số 40% là tỉ lệ giống nhau của ngày tái hợp.

Và xin nhắc lại rằng có hai thứ Mã Lai. Thứ Mã Lai làm chủ Hoa Bắc, đã di cư đến cổ Việt cách đây 5.000 năm, được tiền sử học đặt tên là Austrosiatiques, chúng tôi đặt tên là Mã Lai đợt I, Tàu đặt tên là Lạc bộ Trãi.

Thứ Mã Lai làm chủ Hoa Nam đã di cư đi Nam Dương cách đây 2.500 năm, được tiền sử học đặt tên là Austronésiens, chúng tôi đặt tên là Mã Lai đợt II, và Tàu đặt tên là Lạc bộ Mã.

Hai thứ Mã Lai ấy đáng lý gì giống nhau 100% vì đồng chủng và tách rời ra chưa lâu. Nhưng họ lại chỉ giống nhau có 99,99% về các danh từ cổ sơ vì bọn đợt II đã sáng tác một danh từ mới để gọi cái CHỚN. Đó là CẶNG.

Nhưng ngày nay thì không phải thế, vì 5.000 năm đã qua rồi, họ biết thêm không biết bao nhiêu là thứ và sáng tác khác nhau hết.

Lửa là phát minh đầu tiên của nhơn loại, nhưng lại không thuộc vào số danh từ cổ sơ, vì loài người xuất hiện xong, nhiều chục ngàn năm sau mới thành chủng tộc. Thành chủng tộc rồi thì mỗi nhóm phát minh lửa không đồng lúc, không đồng địa bàn với nhau.

Nhà bác học P. Paris, nhận thấy rằng dân thiểu số

Xi Tiêng ở Bình Long, làm lửa theo một phương pháp khác các dân tộc thiểu số khác ở V.N. và phương pháp của họ cổ sơ hơn.

Vậy người Xi Tiêng biết lửa sau các dân tộc khác, và dĩ nhiên, họ có thể gọi lửa không giống ai hết. Nếu họ giống ai là vì họ học theo.

Người Nam Dương rất văn minh vào năm họ di cư, sánh với các thứ Mã Lai khác. Nhưng đến Nam Dương, họ chịu ảnh hưởng ngoại lai, nên họ gọi lửa bằng danh từ của Luỡng Hà. Cả người Chàm cũng thế.

Hiện nay trong lãnh thổ Việt Nam và ở Đ.N.A có ba hệ danh từ Lửa tất cả. Đáng lý gì, bằng vào đó là biết rằng có 3 giai đoạn biết lửa khác nhau. Nhưng danh từ Chàm và Nam Dương lại là danh từ Luỡng Hà. Thành thử ta không còn biết là có hai hay có ba. Danh từ của Việt Nam thuộc hệ thống PLƠN. Danh từ AGNI của Ba Tư Ấn Độ, bị Nam Dương biến thành API, Chàm biến thành APUI.

Khi mà LỬA, một món có lâu đời hơn cái nổi, cái nhà, mà cũng khác nhau, thì đừng mong thấy những danh từ sáng tác sau lửa, lại giống nhau được.

Số lượng danh từ giống nhau tùy thuộc thời điểm tách rời nhau của các nhóm trong chủng tộc. Hễ họ tách rời ra trước khi biết lửa thì danh từ Lửa phải khác nhau, hễ họ tách rời ra sau khi biết lửa thì danh từ Lửa phải giống nhau.

Lại có bọn, về sau bị ảnh hưởng ngoại lai, dùng danh từ lửa của ngoại chủng thì lại còn không thể biết

gì hết về thời điểm họ tách rời nhau.

Vậy căn cứ vào danh từ LỬA cũng chẳng biết gì cho nhiều, mặc dầu ai cũng tưởng lửa là món cổ sơ. Ta là Lạc bộ Trái. Đồng bào Thượng là Lạc bộ Trái. Thế mà ta nói LỬA theo Lạc bộ Chuy, trong khi đồng bào Thượng thì thống nhứt về lửa.

Vậy hồi cổ thời lưu vực Hồng Hà đã đón nhận một số dân Lạc bộ Chuy đông đảo lắm, nên mới mất danh từ lửa và nói theo Lạc bộ Chuy.

Trái

UNH: Mạ

ÔNH: Xi Tiêng

ON: Sơ Đẳng

DÍ: Ka Tu

QUÚ: Kuy

Chuy

PLON: Cao Miên

LỬA: Việt Nam

Thế thì bằng vào danh từ, rất khó phân biệt Trái và Mã, phương chi trong lãnh thổ V.N. có nhiều nhóm Trái chậm tiến và được người Chàm (Mã) khai hóa, như Chu Ru, nhứt là Rôglai. Rôglai dùng đến hơn 60% danh từ hiện kim của Mã.

Ở các chương đầu sách, chúng tôi có xin quý vị bằng vào chế độ hôn nhân để phân loại họ chớ khó lòng biết họ là Trái hay Mã, bằng vào danh từ.

Nhưng học khá nhiều rồi thì chúng tôi khám phá được điều kỳ dị sau đây là bọn Trái có thể mất đến 99% danh từ, nhưng luôn luôn giữ được danh từ CHIM.

Jèh mất gần hết ngôn ngữ, nói gần như Nam Dương nhưng cứ gọi Chim là Tjem.

Danh từ Chim của Lạc bộ Mã, khác Chim của Lạc bộ Trãi một trời một vực.

MẮT còn đại thắng hơn CHIM nữa. Vì đó là danh từ chung của cả ba nhóm: chi Lạc Trãi, Lạc Mã và chi Ân (trừ Cao Miên thì đánh mất mắt).

Đó là một sự lạ trong nhóm Trãi. Đại khối Mã Lai, có thể mất đến 70% danh từ, như Nhứt Bốn, vẫn giữ được danh từ Mắt. Chỉ có Cao Miên là đánh mất Mắt.

Đa Đảo:	MATA
Miền Dưới:	MATA
Chàm:	MỚTA ¹
Radê:	MỚTA
Giarai:	MỚTA
Rôglai:	MATA
Bru:	MAT
Kuy:	MAAT
Jêh:	MATA
Mạ:	MAT
Khả Lá Vàng:	MAT
Việt Nam:	MẮT
Bà Na:	MAT
Cua:	MAT
Churu:	MAT
Koho:	MAT
Srê:	MAT

¹ Xin đừng lẫn lộn với Mota = Giàu

BÌNH NGUYÊN LỘC

Tây Tạng: MAG
Sơ Đăng: MA
Thái: TA
Nhật Bản: MA TA²

²Nhật lấy chữ Muc của Tàu và đọc là Mê để chỉ Mắt, nhưng Mata còn nguyên vẹn trong nhiều danh từ kép của họ. Y như ta, họ mượn tiếng Tàu như còn giữ tiếng Việt ở nhiều trường hợp, thí dụ ta nói RĂNG, mà nói Nha-y-sĩ.

CHƯƠNG XXIII

GIÓ THỐNG NHẤT

Ta thấy Nam Dương gọi Gió là ANGIN, Chăm cũng thế rồi cứ tưởng rằng là chủng Mã Lai không thống nhất về danh từ Gió, là danh từ cổ sơ, tức không đồng chủng.

Thật ra thì Chăm và Nam Dương đã đánh mất danh từ GIÓ của chủng tộc, nó vốn là một, như MẮT, LÁ, NƯỚC.

Chúng tôi truy ra thì ANGIN là danh từ Ba Tư.

Bọn đi khai hóa Cao Miên, Phù Nam, Lâm Ấp và Nam Dương không bao giờ là Ấn Độ như các sử gia Pháp đã viết mà là một bọn quý tộc hỗn hợp của ba thứ dân: Nhục Chi, Lương Hà và Ba Tư. Vì thế mà các quốc gia ấy mới mượn những danh từ Lương Hà và Ba Tư rất nhiều.

Tuy nhiên Nam Dương còn giữ được danh từ Gió trong một trường hợp độc nhất là GIÓ CHUỐNG mà họ gọi là SAKAL.

Danh từ đó là: KAL = Gió, SA = Nghịch.

Đại Hàn: Kam D (TT) A

Xi Tiêng:	Cal
Mạ:	Cal
Mạ:	Chhal
Làc:	Kàl
Jêh:	Kayaal
Nhựt Bồn:	Kaze
Khả Tu:	Koya
Hrê:	Yau
Khả Lá Vàng:	Yul
Việt Nam:	Gió

Ba dân tộc là Hrê, Khả Lá Vàng và Việt Nam đã đánh mất âm đầu KA, KO biến thể của Kal, mà chỉ giữ có cái đuôi, nhưng cái đuôi của họ lại mọc khác các cái đuôi khác: Yau, Yul, Gió, hơi khác Yal, Zê, Ya, nhưng vẫn thấy là đồng gốc. Nhưng khi sợi chuỗi biến dạng được ráp nối lại với một số dân tộc thì cái dây xích GIÓ, còn nguyên vẹn, và nó chỉ là một, chứ không là hai như GIÓ và ANJIN đã cho ta cảm tưởng sai lầm.

Thành thử khi nào mà một danh từ chỉ một vật, một ý của con người Mã Lai cổ sơ, mà không giống với danh từ Nam Dương thì nên coi chừng. Nam Dương đã đánh mất cả danh từ MÙA nữa và vay mượn MUSIM của ARập.

Dĩ nhiên là những danh từ chỉ các vật, các ý niệm văn minh của họ mà có khác ta, ta đừng thắc mắc, bởi về sau thì cái gì cũng khác hết. Nhưng GIÓ là chuyện thái cổ thì nó phải là một.

Ông Nhựt rất rắc rối và không ngăn nắp gì hết, làm

tự điển, không có để giữ nguyên thành thử danh từ WAN của các ông có nghĩa là VỊNH, đọc theo Việt Nam là OAN, thật không biết là ông ấy còn giữ được gốc tổ VỊNH biến thành WAN, hay ông ấy đã đánh mất rồi lấy danh từ LOAN của Tàu và đọc là OAN. LOAN của Tàu có nghĩa là cái Vịnh.

Nhưng ông ấy đọc tiếng Tàu quá sức kỳ dị, thành thử ta chẳng còn biết đâu mà rờ nữa, và cả chính ông ấy cũng chẳng biết đâu mà rờ vì UYỂN của Tàu, là cái CHÉN, cũng được Nhựt đọc là WAN (TYAWAN là Chén để uống trà, tức đã kỳ khôi rồi vì Tàu luôn luôn nói TRÀ TRẦN chớ không nói TRÀ UYỂN bao giờ, cái UYỂN mà họ đọc là WÔUL chỉ là chén ăn cơm, nhỏ và nhả hơn cái bát), LOAN cũng có thể bị đọc là WAN lắm.

Tuy nhiên, một là WAN phải là biến thể của VỊNH, hay là nó phải là vay mượn LOAN của Tàu chớ không thể khác được. Chúng tôi kết luận Wan là biến thể của Vịnh bằng chứng là toàn thể âm L của Tàu và của Mã Lai bị ông Nhựt đọc là R, chớ không đọc là W. Thí dụ:

Lợi = Ri

Lý trí = Richi

Lý (dậm) = Ri

Lý ngôn = Rigen

v.v.

NHỨT ĐỊNH KHÔNG LÀ SONG NGỮ

Chúng tôi thường tiết lộ rằng Trãi và Mã có 40% danh từ giống nhau mà không phải là vay mượn của nhau. Đó là những danh từ thượng cổ của đại khối Mã Lai thuở sơ khai, chỉ những vật, những ý niệm đơn giản mà họ phải nói giống hệt nhau vì đồng chủng như Mất, Mất v.v. 60% không giống nhau là những sáng tác về sau mà họ đi sống riêng rẽ ở các địa bàn khác nhau.

Nhưng có nhiều nhóm, nhứt là Thượng Việt lại dùng song song hai danh từ trong số 60% danh từ khác nhau đó. Thí dụ họ vừa nói CHẾT (Tĩnh từ của Trãi) vừa nói Mất (Tĩnh từ của Mã).

Các ông Pháp và các ông Huê Kỳ gọi đó là dân song ngữ.

Nhưng có thể dùng từ ngữ “song ngữ” được hay không trong trường hợp đó. Nếu được thì nhứt định Việt Nam và Nhứt Bản là hai quốc gia song ngữ không còn chối cãi.

Nhưng không, không thể nào mà là song ngữ được

vì đó là vay mượn nội bộ, chứ không phải vay mượn của một chủng khác như Thái, họ trở một vật vừa bằng danh từ Thái vừa bằng danh từ Tàu.

Hơn thế sự vay mượn nội bộ ấy cũng đã xảy ra từ 2.500 năm rồi. Riêng Việt Nam thì có thể xảy ra từ 5.000 năm vì bọn Trãi có một nhóm tên là Bộc Việt, không di cư thẳng bằng đường biển từ Đại Hàn xuống Việt Nam như đa số, mà lại vượt sông Hoàng Hà để nhập bọn với Lạc bộ Mã ở dưới sông Hoàng Hà.

Ngày nay quốc gia Việt Nam xem CHẾT và MẤT là hai tính từ đồng nghĩa (Synonymes), Nhứt Bốn xem NAO (Nũa) và MAĐÁ là hai trạng từ đồng nghĩa chứ không bao giờ xem một trong hai là tiếng ngoại quốc, vì cái lẽ dĩ nhiên là nó không hề là tiếng ngoại quốc mà là danh từ thứ nhì của chủng tộc.

Chúng tôi biết điều ấy, biết ngữ nguyên của tất cả danh từ, nên mới đặt ra vấn đề, chứ Nhứt thì họ chẳng bao giờ biết NAO và MAĐÁ do đâu mà ra và xuất hiện vào những thời nào, nên họ cứ xem đó là trạng từ của họ nó có ngay từ thuở họ vừa biết tiếng người chứ không dè rằng NAO là NỮA là trạng từ của bọn Trãi và MAĐÁ là MASE trạng từ của bọn Mã, NAO đã có từ 5.000 năm, MAĐÁ chỉ mới có từ 2.500 năm.

Đành rằng có sự vay mượn, cho dầu là sự vay mượn đó xảy ra vào cổ thời, nhưng cũng cứ là vay mượn, nhưng tánh cách nội bộ lại xô ý niệm vay mượn ra.

Chúng tôi đã đưa chứng tích rằng khi vua Hùng Vương thống nhứt các bộ lạc để dựng nước Văn Lang

rồi thì lấy tỉnh từ ĐAU của Khả Tu, tỉnh từ XÓC của Mạ, tỉnh từ NHỨC, TỨC, LÓI, THỐN của các bộ lạc khác, mỗi bộ lạc cho vay một tiếng, thì sự kiện đó nếu bị gọi là vay mượn thì Việt ngữ phải là ĐA NGỮ chứ không còn là song ngữ nữa.

Nhưng bảo rằng vay mượn làm sao được khi mà bọn cho vay đã sẵn có 40% danh từ giống con nợ rồi! họ đã đồng chủng từ khuya!

Khi người Bắc di cư vào Nam bắt chước Nam gọi trái DỨA là trái THƠM thì có thể nào cho đó là vay mượn hay không? Hẳn là không. THƠM chỉ là danh từ thứ nhì do địa phương Nam sáng tác thì địa phương Bắc có quyền lấy dùng, và xem đó là danh từ thứ nhì của dân tộc Việt Nam và DỨA và THƠM là hai tiếng đồng nghĩa (Synonymes).

Khi nào một người Việt Nam, thay vì nói MUÔN lại nói VẠN thì đó mới gọi là vay mượn vì VẠN là tiếng Tàu tức danh từ của một chủng tộc khác, chứ họ có quyền xem CÂY (danh từ Trãi) và CHÓ (danh từ Mã) là danh từ của chủng tộc Mã Lai, tức của họ, không hề có vay mượn.

Vậy ta phải có thái độ dứt khoát về vụ này, và sẽ bắt kể chủ trương song ngữ của Pháp và Mỹ.

Hiện ta thấy ở Cao Nguyên có một số danh từ Trãi thắng thế, một số danh từ Mã thắng thế.

Thí dụ CHIM và CHẾT thì Trãi thắng thế 90%, cho đến Đại Hàn mất gần hết ngôn ngữ vẫn còn nói SÊ và CHUK.

LỘT TRẦN VIỆT NGŨ

Chim

Đại Hàn: Sê

Bà Na: Sêêm

Lạc: Sêm

Cua: Sêêp

Mạ: Sêm

Mạ: Sum

Mạ: Sim

Kuy: Cheem

Sơ Đăng: Chêm

Bru: Chóm

Khả Tu: Achim

Jêh: Chim và Tjem

Việt: Chim

Rôglai: Chip

Chết

Đại Hàn: Chuk

Mạ: Chưt

Khả Tu: Chet

Khả Lá Vàng: Pchet và Kêt

Xi Tiêng: Chêt

Bru: Cuchêêt

Pacóh: Kachiat

Việt: Chết

Trong khi đó thì toàn thể đều dùng danh từ của Mã để gọi con chó, từ A Sau đến Aso, So, Ache, Cho, Thu, Chí, đều là danh từ Mã. Danh từ Trãi chỉ còn có hai dân tộc dùng:

Đại Hàn: Kai

Việt Nam: Cầy

Quảng Bình: Khai

Mặc dầu hai cuộc thắng thế đó sẽ giết mất danh từ thứ nhì là MẮT và CẦY, nhưng không hề giết sự thống nhứt trong quốc gia Việt Nam: Việt có hai danh từ còn Thượng chỉ có một, nhưng chẳng có gì thay đổi hết: đồng bằng phong phú hơn núi rừng, chỉ có thể thôi. Nhưng rồi ngày kia, 200 năm nữa chẳng hạn, Thượng

sẽ phong phú y hệt như Việt.

Nhưng nhìn tổng quát thì ta thấy Trãi thắng thế khắp nơi vì các nhóm Thượng gọi CÂY là KI, COYU, chứ không gọi là BỒ CỐC BỒ CỬ gì hết, (Dĩ nhiên là trừ Radê và Giarai), thì sự thống nhất sẽ dễ dàng, bởi chính Việt Nam cũng chỉ còn giữ BỒ CỐC trong một trường hợp độc nhất dưới hình thức CỐI (Cây cối) mà ta cũng chẳng hiểu CỐI là gì nữa thì không có gì phải lo.

Chỉ phiên là danh từ Lưỡng Hà EA là Nước, do Chăm nhập vào, lại thắng thế quá lớn. Nhiều nhóm Trãi 100% cũng đâm ra nói IA, YA thí dụ Churu, Rôglai, nhất là Jêh. EA đi xa lên khỏi Kontum vì người Sơ Đăng biến EA thành TÊA thì đủ thấy sự thắng thế mạnh mẽ của danh từ Lưỡng Hà đó.

Tuy nhiên đó là danh từ ngoại chủng, nhìn vào là biết ngay, không có gây lộn xộn. Đại khối Mã Lai, may mắn quá, chỉ có một danh từ độc nhất chỉ NƯỚC, tuy ở mỗi địa bàn đều có mỗi hình thức khác nhau, nhưng vẫn cứ là một như Sơ Đăng nói ĐÁK thì Thừa Thiên nói NÁC toàn quốc Việt Nam nói NƯỚC thì Khả Tu nói ĐỐC, Bru nói Đauk, không có Mã có Trãi gì hết ráo, mà chỉ có Mã Lai với ngoại chủng Lưỡng Hà mà thôi. Nhưng ngoại chủng thì muốn hất đi lúc nào lại không được.

Chỉ có đồng bào Chăm là trung thành nhất với ngoại chủng Lưỡng Hà, đọc đúng y hệt như Lưỡng Hà, lại cho nó một nghĩa tôn giáo y hệt như Lưỡng Hà, nhưng đồng bào Chăm không giữ vai trò chủ động được, các nhóm khác bị truyền nhiễm EA nhưng đọc không giống, họ

đọc là IA, YA, TÊA, lại không hề cho nó một ý nghĩa tôn giáo thì họ sẽ không tha thiết lắm với EA, bằng chứng là người Sơ Đăng nói TÊA mà cũng nói ĐÁK.

Dưới đây là cuộc biến dạng của danh từ NƯỚC, sau 5000 năm:

Mạ:	ĐẠ
Churu:	ĐA
Kôhô:	ĐA
Nup:	ĐA
Mnong:	ĐẠ
Bà Na:	ĐĐÁK
Sơ Đăng:	ĐÁK
Cua:	ĐAÁK
Xi Tiêng:	ĐAÁC
Thừa Thiên:	NÁC
Việt Nam:	NƯỚC
Mã Lai Á:	BANYU
Phi Luật Tân:	ĐANUM
Khả Tu:	ĐƯỚC
Nam Ấn:	TANI
Kuy:	ĐIAK
Thắc:	NUM và NAM
Bru:	ĐAÚK
Nam Dương:	JAM
Cao Miên:	TÚK

CHƯƠNG XXV

ĐỂ KẾT LUẬN

Những người bạn thân nhất của chúng tôi, có theo dõi công cuộc nghiên cứu của chúng tôi để viết quyển sử, và để viết quyển sách này.

Các bạn ấy nói: “Thượng với ta, có tiếp xúc với nhau, và đã học qua học lại với nhau. Như thế có giống nhau, đâu có gì gọi là đồng chủng”.

Các nhà phê bình trên báo cũng đã nói y hệt như vậy về Nam Dương và ta.

Chúng tôi thấy rằng chỉ cần đưa ra thí dụ sau đây là đủ biện minh cho chủ trương của chúng tôi. Con ký sinh trùng mà miền Bắc gọi là con RUN, miền Nam không có gọi như vậy mà gọi là con LÃI. Thế nhưng người Mạ, có địa bàn ở Biên Hoà, chỉ tiếp xúc với miền Nam, lại gọi con đó là con VRUN từ 1623, còn trước nữa, họ gọi là gì không ai biết, bởi dân ta chỉ tiếp xúc với họ từ 1623 mà thôi.

Thế thì đồng chủng hay vay mượn?

Người Kuy, không sống trong lãnh thổ Việt Nam mà

LỘT TRẦN VIỆT NGỮ

định cư tại biên giới Thái Lan và Cao Miên từ đời thuở nào không ai biết. Thế mà:

Chim	=	CHEEM
Cẩn	=	KÁP
Con	=	KOON
Ngày	=	TANGAY
Mưa	=	MIA
Mây	=	KMỎL
Mất	=	MAAT
Cá	=	OAKA
Chơn	=	JÚN (CHÚN)
Trái	=	PLÁI
Tay	=	TÊ
Lá	=	HLA
Mới	=	KMAI
Mũi	=	MỦ
Một	=	MUUY
Thấp	=	TIẤP
Ngắn	=	NGKÉN
Cây	=	KAL
Rửa	=	RIAU

“Thế thì đồng chúng hay vay mượn? Nếu vay mượn thì hỏi nào và tại đâu?”

“Lâu lắm, hồi cổ thời”.

“Có chứng tích rằng hồi cổ thời Mạ, Kuy, Nhựt Bốn, Đại Hàn có sống chung với ta hay không?”

Tối đây, không có câu trả lời của bạn hữu của chúng tôi. Nhưng chúng tôi trả lời hộ các bạn đó được:

“Có, đã có cuộc sống chung của các thứ dân ấy hồi cổ thời và quanh chân núi Himalaya. Và có sự đồng chủng”.

Khoa học muốn bác chủ trương nào đều phải trưng bằng chứng nghịch lại, chớ không thể chỉ nói nghịch lại mà được với khoa học. Muốn bác chủ trương đồng chủng, phải có chứng tích rằng hồi đời Lý Bôn chẳng hạn ta có sống chung với người Kuy và vì thế họ đã học với ta, và vào thời Đinh Bộ Lĩnh chẳng hạn, ta đã dạy Nhựt Bồn *Cây sào, Múa, May, Rửa, Nắc, Mất, Cá, Halá, Sán (xơ mít)*, v.v.

Bằng không chứng được những bằng chứng ấy thì một là nên cố tìm bằng chứng, hay là không nên bác một chủ trương mà chỉ bằng cách nói nghịch lại mà không chứng minh được.

Nếu Nhựt phải học với ta thì họ học những gì quan trọng hơn, chớ chẳng học CON SÁN, mà chỉ hết. Thí dụ ta nói BUỔI BÔNG thì họ nói ZABÔNG, hai danh từ đó có thể ngờ là họ mới học của ta khi mua buổi của ta về sau này, vì khí hậu của họ không cho phép họ trồng buổi, chớ họ có đâu thì giờ để học CON SÁN (xơ mít)?

Ngoài quân đội Việt Nam và thông ngôn quân đội Mỹ, thử hỏi có người Việt Nam nào thấy mặt người Pacóh lần nào chưa? Chắc chắn là không. Thế mà người Pacóh có động từ TÊM TRẤU, trong khi quân đội Việt Nam không có ăn trầu, các ông thông ngôn quân đội Mỹ cũng không có ăn trầu bao giờ.

Các ông nhà binh ta có mang về Sài Gòn một động từ, đó là động từ “Bể” trong từ ngữ “Bể hội đồng”. Đó là

động từ mà dân Pacóh và Ai Lao có chung vì họ sống tại biên giới Ai Lao, nhưng không biết ai học của ai. “Bê” nghĩa là *“Thắng sau một trận xô xát dữ dội”*.

Nhưng các ông nhà binh biết quá rõ những gì họ học với người Pacóh và những gì người Pacóh đã học với họ, chớ đừng tưởng là có sự kiện lẫn lộn cổ kim loạn xà ngầu không còn phân biệt đâu là đâu nữa.

Khi từ ngữ “Bê hội đồng” xuất hiện trên báo hằng ngày là chúng tôi đi điều tra lập tức, vì chúng tôi biết đó là một động từ mới vay mượn còn nóng hổi, và cần biết là của ai, và chúng tôi được biết liền, vài ngày sau khi mở một cuộc điều tra, nhờ gặp một quân nhơn từ vùng ấy về Sài Gòn.

Hiện toàn thể đồng bào Thượng đều có động từ và danh từ PHÁO. Nhưng chúng tôi cũng đã điều tra và biết chắc rằng họ chỉ mới có từ năm 1956 đây thôi mà họ tham gia vào cuộc chiến với ta, chớ trước kia thì họ tuyệt đối không nghe nói đến TRỌNG PHÁO và PHÁO KÍCH mà nay họ diễn bằng một động từ độc nhứt là PHÁO.

Không, không thể có sự kiện lầm lẫn vay mượn mới và vốn cũ chung, như CON VRUN của người Mạ ở Biên Hòa đã cho thấy.

Như quý vị đã thấy, trong sách nầy, Đại Hàn xuất hiện rất ít vì hai lẽ:

I) Họ đánh mất quá nhiều danh từ.

II) Chúng tôi học chưa đủ để nối kết danh từ của họ với của các nhóm khác, mặc dầu thấy là đồng gốc.

Thường, người không chuyên môn về ngữ học, đã ít tin vào cuộc biến dạng mà chúng tôi đã trình bày, mặc dầu cuộc trình bày rất suôn sẻ, tức có đủ các khoen nối kết, thì làm thế nào chúng tôi được ai tin vì chúng tôi thiếu khoen nối kết giữa danh từ Đại Hàn và danh từ của các nhóm khác.

Có nhiều danh từ, chúng tôi biết nhưng không thể nối kết với Việt ngữ vì thiếu những cái khoen, có lẽ đang nằm tại Trung Mỹ và Nam Ấn mà có thể 10 năm nữa chúng tôi mới học xong.

Xin trở lại Chương I, đại danh từ TÔI thời cổ của chúng Mã Lai, thiếu mặt Đại Hàn. Đại Hàn nói là NA. Biết rằng nó là biến thể của NI của Trung Mỹ, nhưng phải có vài cái khoen đưa ta từ NI đến NA, chớ không thể bỗng dưng nói NA do NI mà ra, mà được ai tin.

Về danh từ chỉ cái ĐẢO là một danh từ rất cổ, chúng tôi cũng không dám đối chiếu. Chúng Mã Lai cũng có hai danh từ nhưng danh từ của Lạc bộ Mã là CÙ LAO thì tràn ngập Đ.N.A rất dễ đối chiếu, mà cũng chẳng cần đối chiếu. Còn danh từ của Lạc bộ Trãi là HÒN thì lại thiếu khoen nối kết vì đồng bào Thượng ở núi, không có dịp nói đến HÒN, mặc dầu họ là Trãi, tức hồi cổ thời họ có danh từ HÒN mà họ đã đánh mất:

Đại Hàn: Som

Việt Nam: Hòn

Nhựt: Shim (a)

Ta biết rằng Som đẻ ra Shim (a) và đẻ ra Hòn, nhưng không thể nói ra mà ai tin nếu thiếu khoen nối kết. Từ

SAÊ đến CHIM mặc dầu quá khác, nhưng ai cũng phải tin vì có đầy đủ tất cả các cái khoen.

Yếu tố KU đã xuất hiện rồi, cách đây 5.000 năm, và có mặt trong Hàn ngữ, nhưng chúng tôi cũng không dám lôi kéo AKU của Nam Dương vào với Đại Hàn, vì trong Hàn ngữ, KU là phần tử của ngôi thứ nhì chớ không phải ngôi thứ nhất như nơi Mã ngữ, Nhựt ngữ và Khả Tu ngữ:

Nam Dương: Aku = Tôi

Nhựt: (Wat) Aku (Shi) = Tôi

Khả Tu: Ku = Tôi

Nhưng:

Đại Hàn: Ku Đại = Mấy

Những cái khoen thiếu, nằm cả ở Nam Ấn và Trung Mỹ với hàng trăm phương ngữ mà chưa biết bao giờ chúng tôi mới học xong, và chúng tôi tha thiết kêu gọi những vị có lòng với Việt ngữ cùng học với chúng tôi vì sức của một cá nhân rất là có hạn.

Trong khi chờ đợi, chúng tôi thử làm một cuộc nối kết gượng ép, cho vui vậy thôi.

Chúng tôi nỗ lực trình bày cho quý vị thấy Sam đẻ ra HÒN và SHIM(a). Chữ A của Nhựt, hoàn toàn vô nghĩa. Dân Nhựt mắc bệnh sợ tử âm cuối, thế nên Sán (Sán xơ mít, tức con Sên của miền Nam) mới mọc đuôi A trong Nhựt ngữ và biến thành SANA.

Họ vay mượn CỐT (Xương) của Tàu, nhưng chữ Tàu cuối làm cho họ đau tim nên họ cho mọc đuôi SU. Cốt = Kotsu.

Vậy SHIMA của Nhựt chỉ là SHIM, con đẻ của SOM của Đại Hàn.

Nhưng chúng tôi chưa trình ra được mấy cái khoen giữa SOM và HÒN với lại CỐN của Việt.

Thế nên khi đối chiếu danh từ KA ở Chương I chúng tôi không dám để danh từ Đại Hàn là KÔGHI vào, mặc dầu dám để KAĐOÓNG của Khả Tu. Chỉ cho KAĐOÓNG rụng đuôi là đủ, nhưng từ KA đến KÔ phải có vài cái khoen nối kết.

Giữa MI Nhựt Bốn và CÁI MÌNH Việt Nam, quá dễ thấy, nhưng giữa MOM Đại Hàn và CÁI MÌNH Việt Nam cũng cứ phải có khoen nối kết. Những cái khoen ấy, như đã nói, đang nằm cả ở Nam Ấn và Trung Mỹ, thế nên trong quyển sử, và ở sách này, các biểu đối chiếu thường thiếu Đại Hàn, họ rất cần thiết vì họ là nhóm Lạc bộ Trãi tiên phong rời Hoa Bắc để di cư.

Giữa GAI của Phi Luật Tân và GHE của Việt Nam, rất dễ thấy sự liên hệ, nhưng giữa PAI của Đại Hàn và GHE của ta sự nối kết không dám thực hiện vì phải chứng minh có sự biến dạng từ âm P sang âm GH bằng vài cái khoen.

Nói PI của Đại Hàn là Máu của Việt Nam thì rất dễ chứng minh, khi ta đã chứng minh được rằng Pi của Đại Hàn thành MƯA của Việt Nam, nhưng không phải luôn luôn may mắn như thế.

Đại Hàn: PI

Xi Tiêng: MI

Kuy: MIA

LỘT TRẦN VIỆT NGŨ

Mạ: MIU

Sơ Đăng: MÊI

Nhật: AMÊ

Nam Dương: AMA

Việt Nam: MƯA

Và lại Đại Hàn mất gần hết danh từ Mã Lai, khiến chúng tôi buồn và chán nản quá. Một dân tộc mất gần hết ngôn ngữ, như là dân đồng chủng, cứ bắt ta ngậm ngùi.

Vậy chúng tôi quyết tâm hà sinh khí cho Hàn ngữ một lần cho ngoạn mục, để cả thế giới đều biết rằng Đại Hàn là Mã Lai.

Chúng tôi đã đối chiếu TRỐNG (gà) của Việt Nam với GÔNG (gà) của Khả Tu, một nhóm Lạc bộ Trãi độc nhưt có tính từ GÔNG = TRỐNG, và có nhắc rằng TRỐNG của Việt Nam thì nông thôn Bắc Việt hiện kim và Việt Nam cổ thời nói là SỐNG, chứ không nói TRỐNG.

Và Đại Hàn gọi GÀ SỐNG là GÀ SU.

SUK'OT là tính từ duy nhất của chủng Mã Lai, Lạc bộ Mã và Lạc bộ Trãi đều chỉ có tính từ đó có nghĩa là ĐỤC mà Nam Dương biến thành SUKU.

Vậy Su = Đục, Trống, đẻ ra Suku, Sống, Trống và Đục của Nam Dương và của ta.

Đại Hàn = SUK'OT

Nam Dương = SUKU

Nhật Bản = ÔSU

Việt Nam = SỐNG (TRỐNG)

Khả Tu = GÔNG

Dầu sao kẻ đầu đàn tiên phong cũng còn giữ được cái gì của chủng tộc để xứng đáng cầm cờ tiên phong trên bước đường di cư vĩ đại từ Đông Bắc Á đến Đông Nam Á, đến Nam Ấn và đến Trung Mỹ.

Có lẽ chính SỐNG đẻ ra GÔNG chứ không phải GÔNG đẻ ra SỐNG.

Suk'ot → SuKu → Ôsu → Sống → Gông → Trống

PHỤ LỤC

A. NGƯỜI JÊH BÍ MẬT

Người Mỹ chỉ mới đến Việt Nam có mấy năm, nhưng làm việc nhiều bằng 10 người Pháp trong vòng một trăm năm, về ngôn ngữ Thượng Việt.

Tuy nhiên họ vẫn sai lầm y hệt như người Pháp về ngôn ngữ Thượng: họ cho rằng Thượng Việt nói tiếng Cao Miên, trong khi Thượng Việt chỉ nói tiếng Mã Lai đợt I, tức tiếng Việt Nam.

Cứ đối chiếu những danh từ cổ sơ nhất của loài người giữa Cao Miên, Việt Nam và Thượng Việt như Cá, Cây, Lá, Mát, Trời thì đã biết Thượng Việt nói giống ai.

Sự sai lầm ấy, chúng tôi cho rằng cố ý, vì các nhà ngữ học ấy nhiều khả năng thật sự thì không thể bảo rằng họ sai lầm thô sơ vì dốt. Nhưng chúng tôi chỉ phớt qua về điểm đó, vì nó sẽ động chạm mạnh đến nhiều thế lực và sẽ gây hại cho chúng tôi.

Có một điểm làm cho các ông da trắng bối rối lắm là ngôn ngữ của người Jêh. Người Jêh là đồng bào Thượng ở cực bắc tỉnh Kontum, tức có địa bàn ở trên

người Sơ Đăng và nằm ngang tỉnh lỵ Quảng Ngãi về mặt vĩ tuyến.

Các ông da trắng thấy rằng người Jêh có ngôn ngữ giống ngôn ngữ Nam Dương đến 70% tức giống hơn người Chăm đã giống.

Thế nên vài ông kết luận rằng người Jêh đã từ Nam Dương di cư tới đó hồi Thượng cổ.

Chúng tôi có thử giải thích nguồn gốc của người Jêh, nhưng sau khi học xong ngôn ngữ của họ, chúng tôi thấy rằng lối giải thích của chúng tôi, tuy có căn bản vững, nhưng vẫn sai như thường. Dưới đây là lối giải thích sai mà chúng tôi ngỡ là đúng, nhưng cũng xin trình ra:

Quảng Ngãi thuộc vào Chiêm Động, tức trung tâm văn hóa của Lâm Ấp. Dân Lâm Ấp không thể chấp nhận cạnh họ còn “man di”, nên họ chỉ còn một con đường đi độc nhút là nỗ lực khai hóa thứ người đó, và vì sự nỗ lực quá lâu đời, từ đầu Tây lịch, nên Jêh bị Lâm Ấp hóa, rồi về sau bị Chăm hóa.

Ta biết được điều đó, bằng vào những địa danh Chăm còn sót lại ở miền Trung, nó giống hệt các danh từ Nam Dương mà khác hẳn danh từ Chăm đời nay, tức Lâm Ấp ăn nói giống hệt Nam Dương.

Thí dụ ở Ninh Thuận có một làng nay còn mang tên là MATI. Đó là động từ Nam Dương có nghĩa là Chết. Nhưng chính người Chăm Ninh Thuận lại diễn cái ý niệm chết đó bằng động từ MƯTAI.

Kết luận: người Chăm trung cổ và người Lâm Ấp cổ

có ngôn ngữ giống hết Nam Dương không khác một nét. Sở dĩ nay họ nói khác là vì luật Swadesh, và sở dĩ người Jêh có ngôn ngữ của người Nam Dương là vì họ bị Lâm Ấp hóa hồi cổ thời. Hoặc cũng có thể người Chăm Ninh Thuận không phải là người Chăm. Nếu luật Swadesh chi phối ngôn ngữ của Chăm Ninh Thuận thì chỉ có 20% hoặc 40% danh từ bị biến dạng. Nhưng danh từ Lâm Ấp cổ thời và Chăm cổ thời khác với danh từ Ninh Thuận đến 100%.

Nên biết rằng có một tiểu vương quốc ở Bình Tuy, Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, như bia Võ Cảnh đã cho biết, vốn là thuộc quốc của Phù Nam. Chăm chỉ chiếm tiểu vương quốc ấy hồi thế kỷ thứ 9. Họ lãnh đạo, nên địa danh do họ đặt ra vì lý do hành chánh, nhưng địa danh đó không thể ăn khớp với lối nói của người dân. Làng thì là làng Mati, nhưng dân lại nói là Mutai. Mà khác hết ở toàn khối ngôn ngữ, chớ không phải chỉ khác có 20%, theo luật Swadesh, sau 1000 năm.

Người ta tự hỏi, nếu thế thì người Chăm biến đi đâu. Rất dễ biết, họ biến thành người Việt miền Trung, và chúng tôi có chứng tích như vậy.

Các ông da trắng không có nói như chúng tôi vì các ông không biết rằng người Jêh vốn là Lạc bộ Trãi, mặc dầu các ông gọi Jêh là Austroasiatiques, tức gọi đúng 100% theo tiền sử học. Nhưng có lẽ các ông không hiểu hai danh xưng Austroasiatiques và Austronésiens là gì, nên một mặt, các ông cho rằng họ từ Nam Dương lên, một mặt các ông gọi họ là Lạc bộ Trãi, tức bọn từ

Hoa Bắc di cư xuống.

Bằng vào ngôn ngữ, chúng tôi thấy người Jêh là Lạc bộ Trãi thật sự, nhưng bị Lâm Ấp hóa, y hệt như người Rôglai bị Chăm hóa. Những danh từ căn bản của họ là danh từ Lạc bộ Trãi chứ không của Lạc bộ Mã.

Lỗi giải thích của chúng tôi có vẻ vững chãi lắm, nhưng xét lại thật kỹ ngôn ngữ Jêh thì chúng tôi giựt mình: NGƯỜI JÊH CÓ DỪNG DANH TỪ Ỏ RẬP.

Khi Chiêm Thành mất Quảng Ngãi thì họ chưa theo đạo Hồi của người Ả Rập thì họ không thể biết tiếng Ả Rập để dạy người Jêh.

Thế là chúng tôi sai. Nhưng các ông da trắng lại càng sai đậm hơn bởi các ông nói đến một cuộc di cư vào thời thượng cổ, mà vào thời thượng cổ thì người Nam Dương chưa biết lấy một tiếng Ả Rập nào hết, mà dân Ả Rập cũng chưa văn minh như một ngàn năm sau Tây lịch, tức không có đi đâu cả để truyền bá ngôn ngữ của họ tới Nam Dương. Trong khi các dân tộc lớn, dân Ả Rập là dân tộc văn minh sau cùng hết.

Thế thì nguồn gốc của người Jêh bí mật thật sự chứ không phải chuyện chơi. Có thể nào mà đó là những tiếng Ả RẬP do người Chăm mới đưa sau vào đó chăng, tức sau khi họ mất Quảng Ngãi rất lâu?

Nhưng chúng tôi cũng có thể xét qua về sự có thể ấy, nhưng cũng không đúng vì những danh từ Ả RẬP mà người Jêh dùng, toàn là danh từ mà người Chăm không có dùng. Thí dụ: Trạng từ VÌ thì người Chăm chỉ dùng trạng từ Mã Lai là YUA, trong khi đó người Jêh

dùng trạng từ Ả RẬP là SƠBAB.

Người Chăm cũng chỉ mới theo đạo Hồi về sau, qua trung gian người Nam Dương, tức họ còn đang ở trong thời kỳ Hồi hóa mạnh thì không thể bảo rằng họ đã trở về với dân tộc họ mà chỉ mới nói YUA đây thôi, còn bốn trăm năm trước thì họ nói SƠBAB. Không, họ chưa tiến đến giai đoạn dân tộc hóa đạo Hồi, và họ nói YAU là đã nói từ nhiều ngàn năm xưa.

Đạo Hồi được truyền bá đi khắp nơi vào thời kỳ có sử, tức thời trung cổ Âu Châu, tức chỉ mới đây thôi, thế mà một cuộc di cư của người Nam Dương theo đạo Hồi, đến Kontum, sao lại không được sử biết?

Bây giờ chúng tôi xin thử giải thích khác hơn thử xem sao: người Jêh là một thứ người với người Châu Giang, tức là thường dân đi theo gót đạo quân viễn chinh của Java đã xâm lăng Cao Miên. Cao Miên quật cường, đế quốc Java bị đuổi đi, nhưng thường dân còn ở lại đông đảo ở Cao Miên, ở Nam Kỳ và ở Bắc Kontum. Nên biết rằng Bắc Kontum nằm tại ngã ba biên giới Miên-Lào-Việt. Có lẽ đó là quân xâm lăng nữa cũng nên chớ không là thường dân, nên mới bị đuổi và phải chạy xa như vậy, chớ thường dân Java vẫn ở lại được, ngay tại Nam Vang mà không bị trả thù.

Nhưng lối giải thích nầy lại vấp phải sự kiện sau đây là tất cả dân Java ở lại, đều theo đạo Hồi, còn dân Jêh thì không có theo đạo Hồi. Vậy kiến giải thứ nhì cũng không đúng, hơn thế nó lại mâu thuẫn với nhận xét của chúng tôi: Jêh thuộc Lạc bộ Trãi, thì không thể

là người Nam Dương được.

Buồn cười lắm là các ông da trắng, một mặt xác nhận rằng Jêh ngữ có 70% danh từ giống Nam Dương, một mặt cứ tiếp tục chủ trương rằng Jêh ngữ thuộc gia đình Cao Miên ngữ. Nhưng cái 30% còn sót lại, lại giống tiếng Việt Nam!!! Mà các ông không biết.

Các ông không biết vì đó là cái tiếng Việt của vua Hùng Vương nó hơi khác tiếng Việt ngày nay. Dân Jêh là dân nói PIET thay vì LƯỠI (vì thế mà dân ta đọc tiếng Tàu XỬA là THIẾT) nói KCHIAT thay vì CHẾT, nói TÀ LÊ thay vì ĐỂ, nói LAANG thay vì LỪNG, nói TMEK thay vì MUỖI, nói NANG thay vì CAU và MONANG thay vì MO CAU, nói MANGAAY thay vì NGƯỜI, nói ĐRA thay vì GIÀ.

Nhưng thà là làm thình khi không biết, chớ sao cho rằng họ thuộc gia đình Cao Miên, cho dẫu là cái 30% đó cho là tiếng Cao Miên đi nữa. Nhưng các ông thừa biết rằng cái 30% đó không phải là tiếng Cao Miên.

100% sách Pháp cho rằng Thượng Việt ngữ là Cao Miên ngữ.

95% sách Mỹ cho rằng Thượng Việt ngữ là Cao Miên ngữ. Chúng tôi xin dùng chính luật ngữ học của người Mỹ, luật M. Swadesh để đối chiếu vài danh từ của con người cổ sơ, thử xem Thượng là Cao Miên hay là Việt Nam.

CÁ đã đối chiếu rồi, không có mặt Cao Miên. Cao Miên gọi CÁ là TRẬY. Mắt cũng đã đối chiếu rồi và cũng không có mặt Cao Miên. Cao Miên gọi Mắt là FNÉC.

LỘT TRẦN VIỆT NGỮ

TÔI của Cao Miên là NHUM, chẳng dính líu gì đến Ai, Any, Anh, Anhe, Aku, Ku của Thượng Việt cả.

CHẾT

Cao Miên: NGQP

Việt Nam: CHẾT

Khả Tu: CHET

Mạ và các phụ chi: CHƯT

Đại Hàn: CHÚK

Pacóh: KACHIAT

Bà Na: LÔCH

Bru: CUCHÊIT

Khả Lá Vàng: KÊT

CÂY

Cao Miên: CHXƠ

Việt Nam: CÂY

Mạ và các phụ chi: KI

Khả Lá Vàng: KI

Rôglai: CAYƠU

Radê: KIẢO

Thượng Việt là Cao Miên ở chỗ nào?

Ta đã đối chiếu CÁ, MẮT, TÔI, CHẾT, CÂY. Đối chiếu thêm một danh từ nữa thì xong.

CHÓ

Cao Miên: KE

Việt Nam: CHÓ

Sơ Đăng: CHÓ

Bana: KÓ

Mạ: SÓ

Bru: ACHO

Thượng Việt là Cao Miên ở điểm nào?

Chúng tôi xin dựa vào một sự kiện khác để thử giải thích lần thứ ba. Người Rôglai và người Churu cũng là hai nhóm Trãi, nhưng cũng nói giống Nam Dương lối 60, 70%. Nhưng các ông da trắng không hề dám nói đến một cuộc di cư của người Nam Dương lên xứ Churu và xứ Rôglai, vì họ có chứng tích rằng chính người Chăm đã khai hóa Churu và Rôglai, mà người Chăm thì nói giống Nam Dương đến 90%.

Vậy chúng tôi kết luận rằng khi Cao Miên quật cường thì một số lính Java chiếm đóng Cao Miên, đã chạy trốn vào xứ của người Jêh. Bọn lính Java này thì đã biết tiếng Á Rập rồi.

Người Jêh còn kém nên được bọn lính ấy khai hóa, thế nên họ mới mất 70% danh từ.

Bọn Java ấy thì mất cán bộ tôn giáo, nên cũng mất tôn giáo luôn. Cứ nhìn vào người Chăm Ninh Thuận, ta sẽ biết cái gì. Họ không mất hẳn cán bộ đạo Hồi, thế nhưng họ còn giữ được gì của đạo Hồi? Rất là ít.

Bọn Java nói trên, sống ở xứ Jêh lối ba thế hệ người là chẳng còn biết gì nữa về đạo Hồi rồi.

B. NHỮNG CON SỐ NGỖ NGHINH

Trong quyển *LES RELIGIONS CHINOISES* ông H. Maspéro viết rằng ở Đông Nam Á, tất cả các dân tộc đều có những con số đếm (Numérations) giống hệt Trung Hoa và ông kết luận rằng người Thái là người

cổ Trung Hoa.

Nhưng qua các biểu đối chiếu trong các quyển sử chúng tôi, thì ai cũng thấy rằng các dân tộc có những con số đếm giống hệt như Việt Nam, trừ Chăm và Thái.

Nhưng Chăm và Thái cũng không đếm như Tàu.

Chăm đếm y hệt như Nam Dương.

Thái thì có vay mượn một mớ của Tàu nhưng còn giữ được một mớ, nhưng con số thượng cổ ấy lại không giống Tàu Kim hay Tàu cổ gì hết.

Người Thái giữ được:

Nửa

Rưỡi

Một

Trăm

Số 2 họ mượn của Tàu, nhưng lại mượn sai, họ mượn chữ SONG có nghĩa là CẶP.

Thế thì Thái là cổ Trung Hoa ở chỗ nào?

Nghĩa Nhựt Bốn giữ được:

Bốn

Bảy

Tám

Mười

Tức cũng đồng số với Thái, nhưng mà tiếng giữ được dĩ nhiên không là tiếng Tàu, vì nếu là tiếng Tàu thì đâu có thể nói là “giữ được”.

Ta rất ngạc nhiên hỏi tại sao họ không mất hết mà lại giữ làm gì có 4 con số?

Hình như là tôn giáo không phải là vô can trong vụ

này. Bốn con số ấy có thể dính với tôn giáo gốc của hai dân tộc đó chăng?

Chúng tôi chưa tìm được bằng chứng nào đáng kể hết. Nhưng cũng nên biết sơ rằng trong truyền thuyết về nguồn gốc người Nhựt con số 8 rất quan trọng: bà Trời của Nhựt Bốn có 8 người con, hóa ra 8 hòn đảo ngày nay của họ.

Ta bị trục trị, nhưng giữ được tất cả thì quả thực quá tài tình. (Chúng tôi không kể đến ngàn, triệu, ức, vì dân ta thuở ấy không có dịp đếm nhiều đến thế.)

Còn tại sao người Cao Miên thuở xưa, không kém hơn các dân tộc khác chút nào hết, mà lại chỉ có năm con số rồi thôi thì thật là khó hiểu hơn là Nhựt và Thái mất 6 con số đếm.

Họ không mất vì họ không có mượn tiếng Tàu hay tiếng của ai hết mà cứ đếm bằng tiếng của họ, chỉ có khác là, 6 họ nói là 5 với 1, 7 họ nói là 5 với 2.

Vấn đề nảy hình như là vấn đề rất lớn lao của lịch sử loài người. Quả thật thế, cứ định ninh rằng ta có 10 con số hữu lý. Nhưng cái sự hữu lý đó nằm tại chỗ nào? Tại sao không 5, không 20 mà lại là 10?

Người Cao Miên có thể nói rằng họ hữu lý hơn vì một bàn tay chỉ có 5 ngón, mà nhân loại cổ sơ đếm bằng ngón tay. Nếu dùng cả hai bàn tay thì phải dùng cả hai bàn chân nữa, mà như thế phải là 20 chớ không phải là 10.

Có một điều chắc chắn rằng là đồng bào Thượng hoàn toàn không phải là phụ chi Cao Miên như các

nhà bác học Pháp đã nói. Sao phụ chi lại có đến số 10, còn chánh lại chỉ có tới số 5?

Một phụ chi Lạc bộ Trãi là người Khả Lá Vàng rất giống với ta là họ nói tiếng CHỤC, trong khi toàn thể đồng bào Thượng chỉ có MUỖI.

Chúng tôi nghi rằng tôn giáo là kẻ giữ được nguồn gốc một dân tộc, không phải là nói riêng về Nhựt, mà về người Thái cũng thế.

Trong lễ cúng ông thần Dwata Luong, thầy phù thủy đọc thần chú như sau:

Một, ha, ba, bốn, sáu, lên ngựa đi quanh Muồng

Một, hai, ba, bốn, bảy, thọc sâu tay vào bị bạc, bị vàng

Một, hai, ba, bốn, tám, có 8 cây lọng màu da cam che đầu.

Một, hai, ba, bốn, chín, làm chúa thiên hạ

Con số 5 không được nói đến, có lẽ vì nó đã động tới cái gì đó mà cả thầy phù thủy cũng không biết. Và chính số 5 là số mà họ đã giữ được. Vì tánh cách thiêng liêng của nó.

C. SỨC SỐNG MẠNH LIỆT CỦA NGÔN NGỮ

Ngữ học là một khoa học non choẹt về tuổi tác. Nếu kể những công trình đầu tiên vào thì khoa ngữ học cũng chỉ có hai trăm tuổi. Nhưng thật ra thì người ta chỉ làm việc nhiều từ 50 năm nay mà thôi.

Giống hết khoa tâm bịnh, hai khoa non choẹt đó phải nỗ lực kinh hấn để rượt theo các khoa khác, thành

thử ngữ học và tâm bịnh học, trong 50 năm, tiến bằng 500 năm của các ngành hoạt động văn hóa khác.

Vì thế mà sử học không có thì giờ theo dõi ngữ học, và cứ chê ngữ học không đủ khả năng để được dùng làm chứng tích.

Sử học không bao giờ dè rằng ngôn ngữ có một sức sống phi thường. Nếu không bị ai phá hoại, nó còn tồn tại được ít nhất là sáu ngàn năm, nhưng nếu có ngoại nhân phá hoại, hai ngàn năm vẫn không đủ giết ngôn ngữ. Người Phúc Kiến hiện còn dùng mạnh hai trăm danh từ của Mã Lai Nam Dương thì đủ biết Tần Thi Hoàng có thành công trọn vẹn hay không trong cuộc diệt dân tộc Lạc bộ Mã ở Hoa Nam.

Trường hợp của Nhựt Bốn thì lại khác. Họ tự phá hoại ngôn ngữ của họ. Thế thì tưởng họ phải thành công hơn là Tần Thi Hoàng. Nhưng không. Tất cả những danh từ Nam Dương bị họ cố sát vẫn cứ còn nguyên vẹn trong Nhựt ngữ, không thay đổi một nét.

Dĩ nhiên là họ đã giết được một mớ, nhưng không giết chết hẳn, và nhờ thế mà chúng tôi tìm lại được cả. Nhưng có một mớ quyết tử và ẩn núp, thoát được tất cả mọi bố ráp và Nam Dương nói sao, Nhựt nói y hệt như vậy. Đó là những danh từ (7%) mà nhà bác học Nhựt Bốn tìm được.

Những phát giác của chúng tôi, nếu không được ai tin, vì thiếu căn bản ngữ học, vẫn phải tin nhà bác học Nhựt, vì ông ấy không có đối chiếu hai tiếng hơi giống nhau, mà đối chiếu những cặp danh từ y hệt như nhau.

Nhà bác học ấy không biết ngôn ngữ của Lạc Địch, nên không đối chiếu SÀO của Việt Nam, và SAO của Nhựt Bản, nhưng ông đã dùng phương pháp đó, tức là phương pháp tìm những tiếng giống hệt nhau giữa Nam Dương và Nhựt Bản, khác hẳn chúng tôi là kẻ chỉ chọn những tiếng hơi khác nhau để kết nối bằng phương pháp “Xâu chuỗi biến dạng”. Thí dụ:

Nam Dương: Mati = Chết

Nhựt: Naki = Chết

Việt Nam: Mất = Chết

Thấy rõ rằng ngôn ngữ là cái gì không thể giết được, khi chúng tôi trưng ra đủ bằng chứng rằng danh từ Nhựt không phải chỉ hơi giống danh từ Nam Dương, mà giống hệt, không khác nét nào cả, khác hẳn những trường hợp MATI và NAKI nói trên.

Khi chúng tôi nói rằng Nhựt biến KAKI là CĂNG của Nam Dương, thành ASHI, vị nào không tin, vẫn phải tin, khi thấy trong vài trường hợp, Nhựt cứ còn dùng danh từ KAKI của Nam Dương.

Họ tự phá hoại ngôn ngữ, nhưng không đủ sức làm cho đổ vỡ hết, vì sự chịu đựng dẻo dai của ngôn ngữ thật là ngoài sức tưởng tượng của con người.

Trong quyển sách này, chúng tôi đã nhiều lần nói đến cuộc li khai của một nhóm Lạc bộ Mã, họ rời Nam Dương đi Nhựt Bản để cướp ngôi các vua lon con Lạc bộ Trãi ở Nhựt.

Hình như là có sự giận hờn lớn lao giữa người Nam Dương với nhau, nên đến Nhựt rồi thì bọn ấy biến nát

danh từ Nam Dương hết, đến nỗi không nhận diện được nhau nữa.

Nhưng có muốn xóa dấu vết, Nhựt Bản vẫn không thành công, vì chúng tôi bắt được tất cả những danh từ Nam Dương ẩn trốn trong Nhựt ngữ.

Thí dụ Nam Dương gọi CĂNG là KAKI, Nhựt biến thành ASHI, nhưng để CĂNG VỊT thì họ vẫn dùng KAKI y hệt như Nam Dương, không khác một nét.

MIZUKAKI = Căng trước = Căng vẹt (Palmipède)

Con mắt, người Nhựt lấy chữ MỤC của Tàu và đọc là MÊ, trong khi Nam Dương gọi là Mata. Nhưng Mata vẫn còn nguyên vẹn trong Nhựt ngữ?

MATATAKI = Cái chớp mắt

Danh từ TAKI là CÁI CHỚP của Nhựt thì Nam Dương nói là KAJIP. Nhựt biến thành TAKI, nhưng KAJIP lại cứ còn, ở nơi khác.

Cái Mặt, Nam Dương nói là MUKA, Cao Miên lấy âm đầu là MUK, Nhựt lấy âm sau là KA rồi biến thành KAO. Nhưng MUKA vẫn cứ còn nguyên vẹn trong Nhựt ngữ với động từ:

MUKA (U) = Đối diện

ĂN, Nam Dương nói là MAKAN, Nhựt nói là KUU, tức đã biến nát rồi, nhưng thức ăn thì gần như còn nguyên vẹn.

Nam Dương: Makanan

Nhựt: Makanai

Con chim Hồng, hay CÁ, Nam Dương gọi là AKA KƠ-RAPU. Nhựt biến CON CÁ thành SAKANA nhưng con

chim Hồng vẫn cứ là KAMÔMÊ.

Nam Dương gọi mưa là AMA, Nhựt cũng cứ biến khác là AMÊ. Nhưng AMA vẫn cứ còn nguyên vẹn trong những danh từ Nhựt dưới đây:

AMAGOI = GỌI MƯA (CẦU ĐẢO)

AMAGASA = Dù che mưa (biến thể của Amakasa)

AMAGAPPA = Áo tơi (biến thể của Amakappa)

AMAGU = Nón che mưa

AMAGAEBRU = Con chấu (loại nhái xuất hiện trong chiều mưa)

AMAJITAKU = Phòng mưa

AMAMIZU = Nước mưa

AAMAMORI = Sự nước mưa rì rào

AMAMOYÔ = Trời chuyển mưa

AMAOOI = Rèm che mưa

Không thể xóa dấu vết tổ tiên được, cho dầu có giận hờn với nhau bao nhiêu đi nữa.

Khoa học chê ngôn ngữ dùng làm chứng tích đồng chủng, nhưng khoa học có biết những điều trên đây hay không là sức sống mãnh liệt của danh từ, nó thọ đến 6 ngàn năm như Any, chớ không phải chỉ có hơn hai ngàn năm như Muka, Mata, Kaki, cho dầu là hai ngàn năm tự phá hoại đi nữa.

Ai biết song song hai thứ tiếng Nam Dương và Nhựt, tìm nối kết mà xem, tất cả những danh từ Nam Dương mà Nhựt hờn mát đập tan hết, vẫn cứ còn sống nhần trong Nhựt ngữ.

Chúng tôi tin rằng có sự giận hờn nên biến nát,

bằng chứng là danh từ của Lạc bộ Trãi, tức của Việt Nam và Thượng Việt thì lại được kính nể ở Nhật, có biến chút đỉnh, nhưng không nhiều, còn nhận ra được:

Sừng	= TSUNO
Mới	= MA (không lâu)
May (mắn)	= MA
(múa) May	= MAI
Nữa	= NAO
Múa	= MAU
Na ná	= AN NA
Gió	= KAZÊ
Nấc	= NAKIJAKURU
Kêu	= KIAI
Cây	= KI
Ri (rừng)	= MORI (Lỡ RÚ, lỡ RI)
Con	= KO
(buồn) Hiu	= HIAI
Xưa	= SIUUA (SEWA)
Món	= MÔNÔ
Đưa	= TIWATUSU (TEWATASU)
Cay	= KARAI
Ung mù	= UMU
Sào	= SAO
(đồng) Nội	= NÔ
Chút	= CHOTTÔ
Cút	= KUSO
Bướu	= KÔBU
Cái mình	= MI

Cái mụt = MÊ (lộc non)

Sán xơ mít = SANA

Nếu không có chuyện căm thù nhau, sao xảy ra hiện tượng kỳ dị và ngôn ngữ của kẻ thua trận, được kính nể, còn ngôn ngữ của chính họ thì lại bị phá hoại?

Nhưng đó là chuyện phụ. Chuyện quan trọng là không thể giết chết ngôn ngữ được trong khi mà Mata, Kaki, Ama, Makanai, Muka (u), cứ còn nằm đó để nói rõ to rằng một phần nước Nhựt là Nam Dương.

D. VAI NHẬN XÉT VỀ CÁC NGÔN NGỮ TRONG ĐẠI KHỐI MÃ LAI

Ngôn ngữ đẹp nhất là ngôn ngữ Việt Nam. Ngôn ngữ dở nhất là ngôn ngữ Thái.

Muốn diễn cái ý “ĐỘC THOẠI” người Nam Dương nói “UCHAPAN SA ORANG YANG PANJANG = LỜI CỦA MỘT NGƯỜI MÀ DÀI”.

Thế thì đó là một câu (Périphrase) chứ không còn là một danh từ nữa. Tuy nhiên Nam Dương không lạm phát câu để thay cho danh từ bằng tiếng Thái. Trong Thái ngữ hễ danh từ nào cổ sơ của con người thì mang đến 60% tiếng Tàu, còn danh từ nào chỉ các ý mới thì đều nói bằng một câu hết thảy, mà cái câu đó cũng đầy đầy tiếng Tàu và tiếng Ấn.

CÁI ĐẦM NƯỚC MẶN của ta gồm 4 tiếng thì đã quá dở rồi, thế mà trong Thái ngữ nó lại gồm đến 9 tiếng. HUANG NUM TEE LORM DUAY KOH PA KAR RUNG. Thế nên tự điển Thái khỏi cần định nghĩa gì hết bởi chính danh từ là cả một câu định ngữ rất dài rồi.

Thái ở đây là Thái Lan, một nhóm Thái đã lập quốc khá lâu rồi, có các nhóm Thái khác thì còn nghèo hơn nữa.

Trong ba quốc gia ở Miền Dưới thì ngôn ngữ của Nam Dương giàu nhất, hay nói cho đúng ra, ngôn ngữ của đảo Java giàu nhất vì đó là địa bàn của một vương quốc rất hùng cường thời trung cổ. Ngày nay ngôn ngữ của Java được dùng làm thừa ngữ cho toàn quốc ANH ĐÔ NÊ XIA, nhưng các đảo khác còn đang học theo vì họ chưa thống nhất với Java (về mặt ngôn ngữ). Họ vay mượn ở nhiều nguồn hơn ta: Lương Hà, Ba Tư, Phạn, Nam Ấn Dravidien, Ả-rập, Hoà Lan, Bồ Đào Nha, Anh, Trung Hoa, nhưng vay mượn tiếng nào dùng tiếng ấy, chứ không lấy đó làm ngữ căn như Hàn, Nhật, Việt dùng Hoa ngữ làm ngữ căn.

Thí dụ họ vay SAMA của Phạn, có nghĩa là VÒM TRỜI nhưng không dùng SAMA để tạo Thanh thiên bạch nhật, Thiên thời, Thăng thiên, như Hàn, Nhật và Việt.

(Nhật chỉ sống chung với Ấn có 1 trăm năm nên cũng có SAMA, nhưng biến thành ÔNG TRỜI, và họ không dùng làm ngữ căn như đã dùng THIÊN vì đó là tiếng mới vay, chưa thâm căn cố đế như ở Miền Dưới).

Miền Dưới dùng tiếng Mã Lai làm căn ngữ và tạo tiếp đầu ngữ, tiếp vị ngữ mới y hệt như Tây, tức chỉ tạo vài cái để nói tắt cả. Thí dụ Tây có tiếp vị ngữ EUX để chỉ TÁNH (Paresse → Paresseux, Ingénieur → ingénieur, Ennui → Ennuyeux, v.v.) thì họ cũng làm y hệt thế, về phương pháp, nó giống Âu châu ngày nay hơn là giống

các quốc gia đã cho họ mượn danh từ hồi cổ thời.

Miền Dưới vay mượn ở quá nhiều nguồn, nhưng lại vay mượn số lượng danh từ ít hơn Nhật Bản đã vay của Trung Hoa và Âu châu. Họ không đánh mất (hoặc ít đánh mất) danh từ Mã Lai như Nhật, Hàn và Việt, vì họ không thấy những danh từ của quốc gia cho họ mượn văn hoá hay hơn danh từ của họ. Họ chỉ mượn khi nào thiếu mà thôi.

Hàn, Nhật, Việt luôn luôn có những khuynh hướng nói DẤ NHÂN bằng tiếng Tàu. Cái danh từ Tàu ấy vốn đã sai, vì con dã nhân không ở ngoài Dã mà ở trong thâm sơn cùng cốc.

Người Nam Dương, đã theo học với Lương Hà và Ba Tư, trước khi học với Ấn Độ, nhất định chỉ có con thú đó bằng tiếng Mã Lai 100%. Họ gọi con đó là NGƯỜI RỪNG (Orang hutang), và được toàn thể Âu châu vay mượn, biến thành Orang Outang.

Nhật vay mượn lại của Âu và nói Oran Uutan. Đây là một hiện tượng vô cùng kỳ lạ và ngộ nghĩnh. Nhật đánh mất Orang Outang của chính họ và 1.500 năm sau, họ lại vay lại của một con nợ da trắng cái danh từ đó, của tổ tiên họ.

Ngôn ngữ đi theo sát sinh hoạt của một dân tộc. Khi Nhật li khai thì ở xứ Nhật không có con Orang Outang, nên bọn cũ là bọn Lạc bộ Trãi cũng không còn có danh từ. Hai bọn không nói đến con đó suốt 1.800 năm, nên bọn Mã đánh mất danh từ. Đến thời canh tân, họ đi học với Âu châu thì khoa học bắt buộc họ có danh từ ấy, thế

là họ mượn của kẻ đang nắm bắt khoa học trong tay là Âu châu.

Người Nam Dương có vay mượn chút ít tiếng Tàu kể từ thời Đường và họ đọc y hệt như Phúc Kiến vì cả hai đều là Lạc bộ Mã: ĐẠI GIA = TOA KÊ.

Và Nhựt Bốn, Lạc bộ Mã chiếm hết nửa nước, thành thử họ đọc chữ GIA bằng hai giọng:

Quan Thoại: Ka

Phúc Kiến: Kê

Với nhiều danh từ khác gốc Tàu, đều cũng thế.

Quan Thoại ngày nay đọc Gia là Chá, Quảng Đông đọc là Cá. Nhựt Bốn đọc là Ka, có lẽ đó là Quan Thoại đời Tần mà bọn Trãi đã học thắng với hậu duệ Phù Tô, chớ bọn Mã đọc là Kê. Vậy những danh từ do chữ Gia mà được phát âm là Ka, là danh từ đời nhà Tần, những danh từ nào được phát âm Kê là danh từ thời Hán trùng điệp, do bọn Mã tân tạo bằng cách vay mượn sau bọn Trãi.

Tiếng Nhựt rất giàu, nhưng lại không phải là tiếng Nhựt. Cứ lật một trang tự điển Nhựt, bất cứ trang nào ta sẽ thấy có 1/3 danh từ Âu châu, 1/3 danh từ Trung Hoa, chỉ còn lại 1/3 tiếng Nhựt tức tiếng Mã Lai của hai đợt Trãi và Mã.

Chính các nhà văn học Nhựt cũng đã thở dài vì sự kiện đó, nhứt là sự kiện bắt chước Âu châu chia động từ ra nhiều thì, mà họ cho rằng tối vô ích, chẳng những không làm cho Nhựt ngữ đẹp hơn, lại làm cho nó kém hơn cổ văn.

Xem cái trang chữ PAR của họ, họ ghi tất cả 27 danh từ, mà có đến 21 tiếng Pháp chỉ còn 6 tiếng Nhựt.

Còn đây là những chứng bệnh vật của các nhóm trong đại khối Mã Lai. Người Nam Dương mắc bệnh nói lắp một cách không cần thiết:

Ta nói “Đêm Đêm” là có lý do, vì sự lặp lại của ta có nghĩa là “mỗi đêm”, Phi Luật Tân nói “Cái tiệm Cái tiệm” (Sari sari) mà không có mục đích nào, hai tỉnh từ lắp chỉ có nghĩa là Dài mà thôi.

Người Nhựt rất sợ tử âm cuối, nó làm cho họ khổ sở lắm, nên họ nuốt hết, ngày nay chỉ còn sót lại có độc một tử âm N, nhưng nó đang chết. Vì thế mà trong Nhựt ngữ CON SÁN của Việt Nam mới thành SANA, món mới thành MÔNÔ, và AKAN của Chu Ru mới biến thành SAKANA, và CẤP của Lạc bộ Trãi biến thành KAPPURU.

Những tử âm khác đã chết hoặc mất xác từ lâu nên ta không biết được, ngỡ họ không bao giờ có tử âm cuối. Nhưng chứng kiến sự hấp hối của tử âm N cuối, ta mới hay là tử âm cuối làm cho họ nhức đầu.

SA MẠC ta viết là thế, Đại Hàn viết là SA MAK, Nhựt Bổn viết là SABAK. Nhưng được chừng một trăm năm thì âm K cuối làm cho họ nhức đầu, uống thuốc mãi không khỏi, nên họ lại thêm U cuối để thủ tiêu âm K cuối, hoá ra ngày nay nó là SABAKU.

Cái bệnh này làm cho họ đọc sai tiếng Tàu nhiều hơn Đại Hàn và Việt Nam. Thí dụ Công Dụng:

Việt Nam: Công Dụng

Đại Hàn: Kong Yong

Nhật: Koyo

Thuở xưa, họ đọc khá đúng là Koyong. Nhưng vì từ âm cuối NG làm cho họ mệt, họ chặt bỏ NG, nếu không thêm U ở sau, để biến thành Koyongu.

Người Thái mắc bệnh này là ngôn ngữ cổ của họ tràn ngập tiếng Tàu, nhưng họ lại không biết dùng tiếng Tàu để tự phong phú hoá như ta. Cho đến con voi cũng gọi bằng tiếng Tàu. Đó là vì họ bị lai giống ngay từ đời nhà Chu, nhưng họ không có thầy, không biết dùng ngữ căn, học được tiếng nào thì dùng tiếng ấy thôi, mà chỉ học toàn là con voi, con ngựa, thành thử muốn diễn ra ý niệm “ĐỘC THOẠI” họ cũng nói bằng một câu thật dài, dài hơn cả Nam Dương nữa.

Chỉ có ba thứ dân là biết dùng tiếng Tàu: Đại Hàn, Nhật Bản và Việt Nam, vì đó là ba anh đã học có căn bản vững.

Nhưng ba anh đều mượn tiếng Tàu khác nhau hết, vì chịu ảnh hưởng khác thời đại và khác hoàn cảnh. Thí dụ CÁI TỬ ta mượn của Quan Thoại, họ đọc là TU. Đó là cái TRẮP mà các cụ nhà Nho gọi là cái ĐỘC. Nhật cũng gọi cái tử là SU, nhưng lại do một tiếng Tàu khác là TỬ mà Quan Thoại đọc là SU (Tansu).

Thoạt trông, ai cũng ngộ TỬ của ta và SU của Nhật đồng một gốc Tàu. Nhưng nó lại khác, Tử chỉ là cái rường bằng tre.

Bọn Phù Tô di cư đi Nhật với cái Rường Tre, còn bọn Mã Viện đi xâm lăng Âu Lạc văn minh hơn đã có Tráp bằng Gõ.

Anh Đại Hàn chịu ảnh hưởng ngay từ thời nhà Thương nên mượn danh từ còn xưa hơn nữa.

Họ mượn SƯƠNG mà họ đọc là CHANG, có nghĩa là RƯƠNG, Nhưng đó là nghĩa về sau, chớ đời Thương, SƯƠNG chỉ là một cái thùng, nhứt là thùng xe, tức là còn cổ hơn TỬ và ĐỘC nữa.

Sử Tào chép rằng vua Trụ xa hoa, nhưng thực ra vua Trụ chưa có Rương, chưa có Tráp bằng chứng là Cơ Tử đi Đại Hàn chẳng có Rương, Tráp gì hết mà chỉ có cái thùng xe để tất cả mọi thứ.

Mà đừng tưởng Cơ Tử là kẻ chạy trốn nên thiếu vật dụng. Cơ Tử đã được vua Trụ phóng thích khỏi lao tù, sau khi định diệt vua Trụ, vậy ông ấy là kẻ ra đi tự do, lại vốn là quý tộc, tuy ngồi tù, nhưng của cải được vợ con cất giữ nhiều. Họ Cơ không có Rương, không có Tráp là tại Trung Hoa nhà Thương chưa có hai món đó.

Cả ba thứ đó: Độc, Tử và Sương, chỉ là Tráp và Rương thôi. Nhưng cả ba dân tộc dùng mãi cho đến ngày nay, ta trở tất cả mọi thứ tù, còn Nhựt trở loại tù thấp, thấy họ vẽ hình thì đó là cái Desserte, nhưng họ lại dịch ra chữ Pháp là cái Commode. Đại Hàn không thay đổi.

Đến đời nhà Thanh, Tào đã có cái QUI, ta có mượn đọc là QUẦY. Nhưng Tào không sáng tác danh từ nữa, gọi cái tù của Tây là Quầy. Tào cũng chẳng thêm sáng tác mà cũng chẳng đồng hoá Quầy với Tử, ví cái quây là cái khác mà biết rõ, đồng hoá thì coi kỳ, trong khi đó thì Tử không được ai biết là gì thì đồng hoá với Armoire của Tây là ổn.

Danh từ mà ta vay mượn cũng cho ta thấy rõ thời ta bị trị, tức đời Hán. CANH (ăn cơm) là danh từ đời Hán. Ngày nay người Tàu không dùng CANH nữa, và một số người Tàu ít học, không biết rằng Canh là danh từ của họ. Ngày nay họ nói THƯƠNG, Quan Thoại đọc là THẮNG, Quảng Đông là THOÓNG.

Và cả ba đều đọc khác nhau cái tiếng Tàu Quan Thoại đó, mặc dầu cả ba đều là Mã Lai hết.

Việt Nam: Cảm tạ

Đại Hàn: Kam sa

Nhật: Kan sha

Quan Thoại đời Thương, đời Tần có như thế hay không? Quan Thoại đời nay thì khác và cả ba anh đều đọc Quan Thoại trật lất.

Tuy nhiên, nhờ thọ nhiều ảnh hưởng hơn nên Đại Hàn thường đọc tương đối đúng hơn Nhật và Việt.

Quan Thoại: Cớ mùa

Đại Hàn: Ca mu

Việt Nam: Ca vũ

Nhật Bản: Ka bu

Nhưng mặc dầu đọc sai, họ lại sai khá giống nhau tức ở Nhật Bản bọn Trãi cũng đông lắm, bằng không, Nhật đã không đọc theo Quan Thoại mà đọc theo Phúc Kiến, vì bọn Mã và Phúc Kiến đều là con cháu của Câu Tiễn.

Ta đã thấy người Khả Lá Vàng ở đèo Mụ Già nói Cám ơn bằng một tiếng tam âm Tôwaykô. Vài đảo ở Đa Đảo cũng nói như vậy, và ngoài Kan Sha, Nhật có Arigato, hơi giống Khả Lá Vàng. Cả hai, Khả Lá Vàng và Nhật

đều phát âm Cây là Ki, đều trở hướng Bắc bằng danh từ Kita.

Tuy nhiên trong Nhựt ngữ, danh từ của Khả Tu lẫn lướt danh từ của các bộ lạc khác của phe Trãi, mà Khả Tu thì không có nói Arigato.

Nói rằng Nhựt chỉ bị hậu duệ của Phù Tô tràn ngập cuối đời Tần, nhưng cả Hàn lẫn Nhựt đều dùng danh từ đời Thương. Thí dụ MUỐI, Hàn nói là SO (gum), Nhựt nói là SHIO. Tự điển Hàn không thấy viết Sogum ra chữ Tàu, còn tự điển Nhựt thì viết chữ DIÊM là Muối Biển. Nhưng xem ra So (gum) và Shio đều do LỖ là MUỐI DIÊM của Tàu mà ra, vì Diêm không thể đọc sai thành Shio được.

Người Nhựt thường đọc khác và viết chữ khác, đọc và viết thường đưa ra một ý niệm mà họ muốn diễn tả, nhưng cả hai thứ đó lại không dính líu gì với nhau hết.

Họ đọc tiếng Tàu không sai nhiều, cơ sao Diêm lại được đọc sai là SHIO? (Muối diêm là muối đào được trong lòng đất (Sel gemme). Đó là LỖ, khác với Muối biển là Diêm).

Cơ Tử, kẻ đi lập nghiệp ở Đại Hàn, chưa biết muối biển. Người Hoa Tây hỏi ấy ở quá xa biển nên chỉ ăn muối diêm. Và lại sử Tàu chép rằng chính Quản Trọng đời Chu trung điệp, đã phát minh ra cách lấy muối từ nước biển thì cho dầu Cơ Tử đã ra tới bờ biển trước đó, cũng chỉ biết đến món LỖ mà chưa biết đến DIÊM.

Văn minh của bọn Cơ Tử tràn sang Nhựt, trước khi hậu duệ của Phù Tô tới Nhựt, và khi đón tiếp kẻ biết

Diêm, Nhựt đã chót nói LỖ rồi, thì không cần sửa đổi nữa làm gì.

Người Tàu văn minh rất sớm, nhưng lại biết muối biển hơi trễ vì nền văn minh của họ phát tích tại cực Tây Trung Hoa. Mãi cho đến đời Quán Di Ngô, họ mới làm chủ hẳn bờ biển nước Tề. Cơ Tử tới Đại Hàn trước họ Quán, nhưng đó là cái Đại Hàn lục địa, chớ chưa phải là cái Đại Hàn bán đảo.

Truyền thuyết Tàu kể rằng kẻ phát minh ra muối biển (diêm) là TỨC SA, nhưng không cho biết kẻ ấy ở đâu, vào thời nào, một cách chắc chắn. Nhưng chuyện Quán Di Ngô thì rõ ràng.

Túc Sa có lẽ quả có phát minh ra cách chế tạo muối, nhưng không phải bằng nước biển, mà bằng cách ngâm muối Lỗ trong nước, vì muối Lỗ bị trộn với đất, đá sỏi, chớ không phải luôn luôn nằm riêng một mình và các dân tộc có địa bàn lục địa đều đã làm như vậy vào cổ thời, và ngay cả ngày nay nữa, là ngâm khoáng sản, đoạn bỏ hết cặn bã, lấy nước mặn mà nấu là có được muối bột giống hệt muối biển.

Chữ Lỗ là muối đất, không có bộ thủy. Thêm thủy vào thì thành nước mặn. Đó là phát minh của Túc Sa, với Lỗ. Phát minh của Quán Trọng thì cũng cứ viết với chữ Lỗ ban đầu, có thêm thất rậm ri, chứng tỏ rằng người Tàu biết Diêm và Lỗ đồng chất, chỉ khác nguồn.

Còn Lạc Địch đã học với Quán Trọng, hay Quán Trọng đã học với Lạc Địch, hoặc cả hai đều phát minh riêng rẽ thì chưa biết, chỉ chắc một điều là cuối đời

Thương, Lạc Định đã mượn danh từ Lỗ của Tàu.

Nhưng sự kiện Lạc Định mượn Lỗ của Tàu, không chứng tỏ rằng họ không biết tìm Lỗ cũng chẳng biết chế tạo Diêm. Lầm khi chỉ vì chịu ảnh hưởng mà phải mượn danh từ, như ta đã đánh mất khóc, mượn của Tàu, chớ hẳn ta đã biết khóc trước khi gặp Tàu.

Hiện nay trên Cao Nguyên, khi nào đồng bào Thượng mua muối biển của ta không kịp thì họ ăn tro tre. Nhưng đó là vì ở Cao Nguyên không có mỏ Lỗ chớ không phải vì cổ thời họ không biết đến Lỗ. Họ làm chủ Hoa Bắc trước Tàu, mà ở Hoa Bắc thì có nhiều mỏ Lỗ, nhứt là ở cực Tây.

Họ vay mượn khác nhau.

Thí dụ ĐẬU PHONG, Tàu gọi là Lạc Hoa Sinh, Việt Nam vay mượn bằng hai lối, như vay theo điệu lười:

I) Trí thức chỉ vay tiếng đầu là Lạc.

II) Bình dân vay tiếng sau là Fa xá mà thực ra thì Tàu đọc khác hai tiếng Hoa Sinh đó.

Quảng Đông: Fá xấn

Quan Thoại: Wá Txấn

Nhật Bản vay trọn vẹn, đọc là Rakkasei.

Đại Hàn nói BẠO QUÂN thay cho BẠO CHỨA và HÔN QUÂN, đó là sáng tác phần nào. Người Nhật cũng thích sáng tác lắm, nhưng thường sáng tác không được ổn. Thủy đạo (Suidôô) được dùng để chỉ cái Aqueduc của cổ Mã Lai thì quá sai. Chỉ cái ống dẫn nước ngày nay lại còn sai hơn. THỦY THỦ lại bị gọi là THỦY PHU (Suifu) thì cũng không đúng ở chỗ nào hết. Trạo Phu

thì được, nhưng Thuỷ Phu thì không. Tại sao? Thủ dùng để chỉ kẻ làm công ăn lương. Còn PHU thì rất được người Tàu trọng, họ để dành PHU hầu chỉ người có phong cách, như ông chèo thuyền có thể là quan ẩn dật, thánh nhơn, không ăn công của ai hết, thành thử Trạo Phu cao quý hơn Thuỷ Phu, mặc dầu cũng có Trạo Phu “Trạo” để ăn lương, nhưng lại có Trạo Phu tự chủ, còn Thuỷ Phu thì không tự chủ bao giờ.

Ta đã lầm ngỡ PHU của V.N. (mộ phu) là tiếng Tàu. Thật ra đó là tiếng Thái. Phu của Tàu chỉ trò đàn ông, còn Phu của Thái chỉ cả nam lẫn nữ, Phu của ta cũng thế.

Chúng tôi đã nói đến trường hợp CANH. Họ không mượn thẳng CANH của Tàu như ta đã mượn, mà sáng tác bằng cách ghép một danh từ Trãi là Món với 1 danh từ Tàu là Thuỷ để tân tạo SUIMÔNÔ = Canh.

Nhưng chợt thấy Thủy Món quá dở, họ bèn ký hiệu Thủy Món bằng Hấp Món. Ký hiệu chữ SUI bằng HẤP thì chẳng còn biết đâu mà rõ nữa.

Đành rằng HẤP MÓN là MÓN ĐỂ HÚP, như vậy chỉ canh bằng Hấp Món là đúng, nhưng lối ký hiệu kỳ dị đó, không dính líu gì đến lối đọc. Lối đọc là đọc theo sáng tác thuở còn chưa đọc chữ. Lối ký hiệu thì theo một sự kiện của tư tưởng lâu lắm về sau. Người ngoại quốc học tiếng Nhật phải điền đầu vì ngữ nguyên. Nhưng chưa chắc người Nhật không là trí thức, lại không điền đầu.

Nếu phải sáng tác, Việt Nam sáng tác hay hơn nhiều. Thí dụ chỉ món đá Marbre thì:

Quan Thoại: Ta lia xưa (Đại Lý Thạch)

Quảng Đông: Tài Lý Sọc (Đại Lý Thạch)

Đại Hàn: Tai Ri SOK (Đại Lý Thạch)

Nhật Bản: Dairiseki (Đại Lý Thạch)

Việt Nam mượn thẳng danh từ cổ của Tàu là Cẩm Thạch, cổ vì Đại Lý Thạch chỉ mới ra đời vào năm mà dân Thái ở Vân Nam lập quốc, tự xưng là nước Đại Lý, tức rất trẻ về sau. Đồng thời, ta lại sáng tác “Đá hoa”, vì loại đá hoa ở Đại Lý ít nhất thế giới và xấu nhất thế giới, không xứng đáng dùng địa danh Đại Lý để gọi nó, mà cần phải sáng tác sao cho nói lên được tánh chất đá phần nào.

Đại Hàn thất lợi quá sức vì hai lẽ:

I) Bọn Lạc bộ Mã không di cư đến đó, nên Đại Hàn nghèo hơn Nhật và Việt quá nhiều. Nói vua Hùng Vương tro tro, nhưng chỉ tro tro đến 500 năm trước Tây Lịch, còn Đại Hàn thì tro tro cho đến ngày nay.

Ông ta là Trái thuần túy mà không có bổ gần như Hùng Vương có Khả Lá Vàng, có Mã ở Mãn Việt, có Thái ở Tây Âu để vay mượn.

Thành thử ông chỉ biết mượn của Tàu và Mãn Châu, Mông Cổ và sau 5.000 năm tách rời, ông mất hết 80% danh từ Trái.

Nhìn vào sách Đại Hàn, chúng tôi ngậm ngùi buồn cho một đồng chủng đã mất gần hết ngôn ngữ. Nói họ mượn của Tàu đến 80% danh từ, nhưng cái 20% còn sót lại thì chứa đến 6% danh từ Mông Cổ hoặc Mãn Châu. Tìm được một tiếng Lạc bộ Trái trong từ điển Đại Hàn

thật là suýt cháy con mắt.

Chúng tôi thấy danh từ ECHO (tiếng vang) được họ dịch ra Hàn Ngữ là PAN HYANG chúng tôi mừng rỡ vô cùng vì định ninh nó là TIẾNG VANG đọc khác một chút. Đến chừng coi lại chữ Tàu trong đó thì té ra là PHẢN HƯỞNG.

Họ dùng toàn tiếng Tàu đời Thương do Cơ Tử đưa tới, thí dụ NHẬP TỊCH thì là KWI-HWA khiến chúng tôi cũng mừng rỡ, ngỡ đó là tiếng Lạc bộ Trãi, nhưng xem lại chữ Tàu thì ra đó là từ QUÍ HOÁ.

Kẻ nói QUÍ HOÁ thay cho NHẬP TỊCH, lại nói TƯƠNG HỔ thay cho HỔ TƯƠNG và TRÀO THUỶ thay cho THUỶ TRÀO, nói LỢI TỬ thay cho LỢI TỨC.

Lật đến trang chữ F thấy danh từ KINGFISHER thì hỡi ôi, Việt Nam nói CHIM BÓI CÁ, Nam Dương nói CHIM PÓRAKA, còn Đại Hàn thì nói PI CH' WI đó là danh từ Trung Hoa đời Chu: PHỈ TUỶ. Cho đến chim bói cá cũng phải mượn đến danh từ của Tàu nữa, thì còn gì!

Ai dám bảo ngôn ngữ Đại Hàn là ngôn ngữ An Tai? Nó chỉ là Hoa ngữ, chẳng còn gì An Tai nữa hết, An Tai hiểu đúng, tức vùng Đông Bắc, vùng Mông Cổ, hoặc An Tai hiểu sai, tức vùng Tây Nam, vùng Nhục Chi, cả hai thứ An Tai đó đều hiếm trong Hàn ngữ như danh từ Pháp trong Việt ngữ.

Khi mà một dân tộc gọi Cọp là Hổ, tức HỔ, gọi CHUA là SIN tức TOAN, gọi TRẮNG là PACK SACK, tức BẠCH SẮC thì dân tộc đó đã mất hết cả rồi.

Cũng nên nhắc là Đại Hàn là nước YÊN của thời Xuân Thu Chiến Quốc trong một thời gian khá lâu. Đó là một tiểu bang Trung Hoa thời Tôn Tấn hạ san, thì còn gì là Lạc Địch nữa.

Xem chuyện *Đông Chu liệt quốc*, ta thấy chép “Vương Bí của nước Tấn, được lệnh giết nước Yên bèn đem quân sang sông Áp Lục, hạ thành Bình Nhưỡng (kinh đô Bắc Hàn thời nay) bắt vua Yên đưa về Hàm Dương”.

Nước Yên đó, không phải là nước Hàn, mặc dầu dân là dân Hàn. Nước ấy đã bị chinh phục, bị trực trị, sau khi đã bị bọn Cơ Tử tràn ngập từ cuối đời nhà Thương, tức là đã bị Tàu tràn ngập gần 1.000 năm trước khi bị cán bộ Trung Hoa cướp lấy để lập ra nước Yên, đóng đô tại thành Bình Nhưỡng, thành này đến nay vẫn còn.

Sau đó, họ lại bị Tàu trực trị nhiều bận nữa, tức trước sau cộng gần 2.000 năm bị trực trị, thì dầu cho thu hồi độc lập được, vẫn mất mát quá nhiều.

Ta đã biết ba ngàn quân của Trần Thắng Tài, Dương Ngạn Địch, ảnh hưởng đến dân tộc Việt Nam vào thế kỷ 17 như thế nào, thì ta biết được bảy ngàn quân của Cơ Tử đối với Đại Hàn 2.700 năm trước đó như thế nào.

Đành rằng 2.700 năm trước khi Nông Nại Đại Phố được xây dựng, người Tàu còn kém, nhưng người Đại Hàn còn kém hơn người Tàu nhiều bậc, không như ta, đã có đủ danh từ rồi, hồi thế kỷ 17, tại Nam Kỳ, thế mà Nam Kỳ đã bị tiếng Tàu chi phối hơi nhiều.

Thế nên không trách Đại Hàn đã mất quá nhiều căn bản Lạc Địch, tức Lạc bộ Trãi.

Thằng đốt nhà được gọi là *Pang hwa pom in* tức phóng hoá phạm nhân, *đáng khen* được diễn là *Kam bok* = Cảm phục.

Ta nói HỔN ĐỘN nhưng cũng nói LỘN XỘN, RỐI REN, XÔ BỒ, BỪA BÃI, họ chỉ có HỔN ĐỘN, ta nói AN LẠC rất ít mà nói DỄ CHỊU thường hơn họ, họ chỉ có AN LẠC mà thôi, ta nói DÍNH LÍU, DÍNH DÁNG, ĂN NHẦM, ĂN THUA, ĂN CHỊU, họ chỉ có KWAN GYE = Quan hệ.

Bọn Cơ Tử thành công hơn cả Tần Thi Hoàng ở Ngũ Lĩnh nữa vì người Phúc Kiến còn giữ được 200 danh từ Mã Lai.

Các nhà tiền sử học chê chứng tích ngôn ngữ, họ cũng có lý chớ chẳng phải không. Ở châu Âu, các dân tộc không có bị một ngoại chủng xâm lăng, mà tất cả đều thuộc chủng Ấn Âu, nên ngôn ngữ của họ tương đối đầy đủ sau 5 ngàn năm. Ở Á Đông, tình thế có khác vì Hoa chủng xen vào.

Muốn chứng minh rằng Đại Hàn và Việt Nam đều là Lạc Địch, tức Austroasiatiques thì chỉ có sọ và lưỡi rìu tay cầm là dùng được, còn ngôn ngữ thì không. Kể cả cái luật hạn chế của Swadesh, cũng không dùng được, nhà ngữ học ấy rất hạn chế số danh từ đồng gốc tổ là hai trăm, không cần phải nhiều hơn.

Nhưng giữa ta và Đại Hàn, không đủ 200 danh từ giống nhau. Giữa ta và Nhật thì có hơn 200, nhờ Nhật ít thọ ảnh hưởng của Tàu hơn Đại Hàn, vậy sự can thiệp của ngoại chủng đã làm sai lạc luật Swadesh.

Tuy nhiên trừ Đại Hàn ra thì giữa ta và các dân tộc gốc Mã Lai khác, có thừa một ngàn danh từ, tức chứng tích ngôn ngữ còn đầy đủ, sau 5 ngàn năm phân ly. Sở dĩ chúng tôi làm một quyển “Tự vựng đối chiếu 10 ngàn từ” được là vì ta giống mỗi nhóm một ít, chớ nếu chỉ nhắm vào một nhóm độc nhất thôi thì không sao mà đi quá một ngàn từ được.

Nhưng kỳ lạ thay có vài danh từ chung cho đại khối Mã Lai, tức danh từ của Âu và Lạc, tức có Lạc Trãi và Lạc Mã trong đó, thì họ còn giữ được. Thí dụ MÁ (gò má) thì Việt Nam vay mượn của ai, chúng tôi truy mãi mà chưa ra, chớ Tàu không nói như vậy. Chữ Nho Má là GIÁP và KIỂM.

Nhưng:

Đại Hàn: Piam

Nam Dương: Pipi

Thấy rõ là hai danh từ trên đây đồng gốc, và chắc chắn không thể do Kiểm do Giáp của Tàu biến ra được, mặc dầu tự điển Đại Hàn vẫn viết chữ GIÁP để dịch chữ Piam, nhưng chúng tôi thấy họ viết liêu vậ thôi.

Danh từ KAM của Thái kìa, mới do KIỂM của Tàu, không thể chối cãi được. Đại Hàn mất quá nhiều, mất gần hết, khiến ta tuyệt vọng đến chết được chớ chẳng chơi và hể ta tìm thấy một tiếng Lạc Trãi là ta mừng như trúng số độc đắc.

Nhặt rất nghèo âm B còn Đại Hàn thì không có âm B, bởi vì người Tàu *pán pánh pò giò chó quáy* mà không *bán bánh bò giò chó quáy*.

Một vị giáo sư Nhật ngữ nói cho chúng tôi biết rằng phân nửa nước Nhật phát âm L không được. Có lẽ toàn quốc Đại Hàn phát âm B không được cũng nên. Nhưng lạ lắm là trong Hàn ngữ còn danh từ bắt đầu bằng âm L còn trong Nhật ngữ thì tuyệt đối không có.

Trong khi đó thì Nam Dương lạm phát âm R, cái âm R thân mến của người Ba Tư và Ấn Độ. Nhưng cả hai cái lưới Đ.N.A và Đ.B.A. đều là lưới Mã Lai, thế mà văn hoá đã tạo ra được cả bình tặt về cơ thể như thế đó.

Tại sao đa số người Rạch Giá nói *Con gà rục rịch trong rổ rau răm*? Chúng tôi e rằng cũng có một cuộc hợp chủng đồng tánh cách với Đại Hàn và Nhật Bản, tại tỉnh Rạch Giá của ta mà người dân phát âm âm R không được. Nhưng hợp chủng với ai?

Đại Hàn và Nhật Bản đều là Mã Lai, y như ta, nhưng không hiểu sao họ lại quá nghèo âm. Ta cứ nghe người Đại Hàn đọc tiếng Tàu như sau:

Ku thay vì Khu

Ku thay vì Cửu

Ku thay vì Cú

Còn đây là Nhật đọc tiếng Tàu

Su thay vì Sào (huyệt)

Suu thay vì Số

Shu thay vì Chu (Đỏ)

Shu thay vì Thứ

Shu thay vì Thứ

Shu thay vì Chúa

Shu thay vì Chủ

Shu thay vì Thi (Thơ)

Shuu thay vì Chúng

Shuu thay vì Chúng

Shuu thay vì Châu (Á Châu)

Shuu thay vì Tuần (lễ)

Và chính vì sự nghèo nàn về âm đó, khiến nhiều người Việt Nam, cũng thông tiếng Nhật, ngộ nhận về Nhật ngữ.

Nhiều người Việt giỏi Nhật ngữ, than phiền rằng chữ Nhật nghèo âm, PHỤ là Cha, họ đọc là Tôô, mà ĐIỀU là CHIM họ cũng đọc là TÔ, v.v.

Sự thật thì không phải thế, mặc dầu Nhật ngữ quá có cơ hàn về mặt ÂM thật đó.

Xét kỹ ra thì người Nhật đọc sai tiếng Tàu không bao nhiêu, nhiều lắm cũng chỉ như ta là cùng. Thí dụ: DƯƠNG PHỤC (Âu phục) họ đọc là YOFU. Thế thì tại sao họ lại đọc PHỤ là TÔÔ mà không là FU?

Ta không biết tại sao, mà chính các nhà bác học Nhật cũng không biết tại sao, vì không ai biết rằng Nhật đã quên tất cả ngữ nguyên danh từ của họ.

TÔÔ là danh từ của Lạc Địch, tức Lạc bộ Trãi. Nhưng người Nhật không còn biết nó là của ai nữa, nên tưởng là họ vay mượn của Tàu mà đọc sai, và họ viết chữ PHỤ để ký hiệu chữ TÔÔ.

Đó là một sự ký hiệu bậy bạ và quên gốc, quên ngữ nguyên, chớ không phải là đọc sai tiếng Tàu PHỤ ra TÔÔ bao giờ cả.

Chúng tôi không có học ở trường Nhật bao giờ, nên không biết tình hình văn tự của người Nhật ra sao cả. Chúng tôi mò mẫm qua các sách vở, và đây là lời giải thích của giáo sư Châm Vũ Nguyễn Văn Tầm, trong tác phẩm *Nhật Bản sử lược*: "... chỉ với một chữ To (đọc là Tô), còn ai biết được nghĩa chữ Tô nào? (vậy) nhờ giả danh phiên âm và chưa chữ Hán giúp... để lĩnh hội".

Lời giải thích trên đây rất minh bạch, nhưng chúng tôi cứ thấy còn cái gì trục trặc trong văn tự của Nhật (chớ không phải trong lời giải thích) một khi ta biết rằng họ có 35% danh từ của Lạc Địch và của Nam Dương.

Nó kỳ ở cái chỗ họ chưa chữ Hán không ổn, chúng tỏ rằng họ quên ngữ nguyên của họ.

Đây là một danh từ được chưa chữ Hán: SANADAMUSHI. Họ chưa là Chân Điền Trùng. Nhưng theo chỗ chúng tôi biết (nhưng không dám bảo đảm) thì trong Hoa ngữ không có danh từ Chân Điền Trùng. Thế thì chưa chữ Hán cho người ta hiểu, mà người ta lại càng không hiểu hơn thì làm sao bây giờ.

Tôi cứ suy luận như là tôi thông chữ Hán, và quả Hoa ngữ không có danh từ Chân Điền Trùng, cho đến chừng nào được ai dạy rằng trong Hoa ngữ có danh từ đó rồi sẽ hay.

Vậy tôi suy luận rằng họ chưa chữ Hán với mục đích nào khác chẳng? Chớ không phải chỉ để giúp hiểu vì có quá nhiều danh từ đồng âm.

Trong trường hợp này thì tôi lại biết rằng Sanadamushi là tiếng Việt Nam, hay nói cho đúng, là

danh từ của Lạc bộ Trãi mà riêng nhóm Việt Nam, phát âm là SÁN SÂU, còn nhóm Nhựt thì phát âm như thế đó, còn Chân Điền Trùng chỉ là mượn âm của Tàu, để ký hiệu vậy thôi, bất cần Tàu có danh từ đó hay không. (Và tại sao lại không là Sâu Sán, mà lại là Sán Sâu thì ta sẽ biết lát nữa đây, ở cuối Chương này)

Nếu quả đúng như tôi đã tìm biết, thì rõ ràng họ chưa chữ Hán không ổn chút nào hết, mà không ổn vì họ không còn biết danh từ của họ do đâu mà ra nữa. Họ chưa lộn xộn ở nhiều danh từ, không có nguyên tắc, qui củ, chứng tỏ họ đã quên ngũ nguyên cho cả những danh từ gốc Hoa rõ rệt.

Thí dụ đối với chữ HAKO là cái HỘP, họ chưa là SƯƠNG. Nhưng chữ SƯƠNG của Tàu, có thể biến ra thành chữ Hako được hay không? Chúng tôi thấy là không, vì chúng tôi biết rằng Nhựt đọc tiếng Tàu sai không nhiều, và nếu Sương biến dạng thì nó biến theo một cái luật, y hệt như trong Việt ngữ cũng có luật như thế. Trong Nhựt ngữ thì

S Tàu = S Nhựt.

ƯƠNG Tàu = Ôô Nhựt.

Thí dụ: Sa Đường = Satôô.

Thế thì tại sao Sương lại biến thành Hako?

Nếu có danh từ Tàu nào biến được thành HAKO thì danh từ đó phải là HẠP.

Vậy họ đã chưa theo một sự kiện của tư tưởng, hơn là theo cái biết về ngũ nguyên. Họ thấy cả SƯƠNG lẫn HAKO đều chỉ một ý niệm là cái Hộp, họ bèn chưa bằng

chữ Sương. Điều đó không sao, miễn thiên hạ hiểu là đủ rồi, nhưng nó lại chứng tỏ, như đã nói, họ không còn biết danh từ của họ do đâu mà ra nữa, cả những danh từ Nhựt gốc Hoa.

Một danh từ gốc Hoa thứ nhì, cũng thấy tự điển Nhựt viết sai. Về chén bát ăn cơm, Tàu có hai danh từ mà ta mượn Bát, Nhựt mượn Uyển đọc là Wan. Nhưng khi họ chưa chữ Hán thì họ lại viết chữ UYỂN bộ Mộc là cái chén nhỏ bằng ngón chơn cái, dùng để uống rượu. Thế mà họ định nghĩa rằng đó là chén ăn cơm.

Chén ăn cơm, phải là chữ Uyển viết với bộ MÃNH, nó to lớn, mới ăn cơm được.

Thế nghĩa là họ quên cả nhưng ngũ nguyên gốc Hoa là cái gì họ rất thạo, và viết sai là lại quên gốc, chớ không phải kém chữ Hán mà họ rất giỏi.

Trong trường hợp đó, dĩ nhiên là danh từ SARA là cái đĩa, vốn là của Mã Lai, được họ chưa chữ Hán là MÃNH. Nhưng Mãnh của Tàu lại không có nghĩa là cái đĩa. Cái đĩa là ĐIỆP mà Quan Thoại đọc là Tê (người Việt miền Nam gọi cái món đó là Đĩa, thì thật là không biết học của ai).

Xin trở lại với Sanadamushi.

Theo nghiên cứu của chúng tôi thì thuở xưa, toàn thể Mã Lai đều có cú pháp như Việt Nam. Nhựt mới thay đổi từ trên một ngàn năm nay, chớ xưa kia, họ nói Mushi San, hoặc Mushi Sana, hoặc Mushi Sana da, tùy theo cái đuôi của danh từ Sán (xơ mít) đã mọc dài tới đâu, khi họ đổi cú pháp thì nó đã mọc dài ra tới Sanada

rồi, thế là Sanada Mushi. Rồi họ lại viết dính các danh từ ghép của họ lại, sau thời canh tân sau cùng, tức mới có mấy trăm năm nay, và nó hoá ra là Sanadamushi.

Nhưng Sanadamushi đã được ký âm bằng chữ Hán trước cả Chúa Giáng Sinh nữa, vì đó là danh từ của bọn Trãi là chủ cũ của Nhựt, chớ bọn Mã, nói khác, họ nói là SÂU DÂY, một danh từ rất hay và khá giống lối nói của người Anh là Tape Worm.

Bọn Trãi học chữ Hán với hậu duệ Phù Tô. Bọn Mã tới sau, học lại của bọn Trãi. Và cả hai bọn đều tiếp tục nói và viết là Chân Điền Trùng, nhưng bọn Mã chẳng hiểu gì hết, mặc dầu có dùng danh từ đó.

Bọn Trãi thua trận, nhưng lại biết chữ, nên được nể nang, và danh từ của họ cạnh tranh với danh từ của bọn thắng trận, và đại thắng, y hệt như ở Việt Nam danh từ của bọn Mã, Con Chó, lại thắng danh từ của vua Hùng Vương, Con Cây.

Đối với bọn Trãi, Chân Điền Trùng chỉ có nghĩa là con trùng tên là San, nhưng âm ĐA đã trót có thì họ cũng ký hiệu vậy thôi mà không kể đến.

Mãi cho đến sau thời Nại Lương, họ bày ra Phiến và Bình giả danh thì hai bọn đã quên mất Sanadamushi do đâu mà ra, đành cứ tưởng là của Tàu, mặc dầu Tàu gọi con đó là Bạch Thốn Trùng, chớ không là Chân Điền Trùng.

Vậy chưa chữ Hán là có tham vọng trình ngữ nguyên, nhưng lại trình lầm, lầm vì cấp lãnh đạo tuyệt đối không biết hai tiếng kép Sanada và Mushi có nghĩa

gì hết, vì như đã nói, họ gọi con đó là Sâu Dây, nhưng Sâu của họ là ULAT chứ không phải là Mushi, còn kẻ có danh từ thì lại quên gốc vì bị đè dưới cả hai ảnh hưởng lớn là di cư Trung Hoa và bọn Mã thắng trận.

Chúng ta đã thấy ở Chương I và II, rằng dân tộc nào cũng đã quên hàng ngàn danh từ của họ thì bảo rằng bọn Trãi ở Nhật quên Sanadamushi, hay nói cho đúng, quên Sanada, không có gì gượng ép cả.

Ở đây, chỉ là quên ngữ nguyên thôi, chứ họ vẫn hiểu rằng con đó trỏ con Sán (Xơ mít).

Chúng tôi suy luận thế đúng hay không? Nếu là bọn sau ký hiệu, mà có quên đi nữa, họ đã ký là Bạch Thốn Trùng, y như trong trường hợp HAKO ký là Sương, tức ký theo sự kiện tư tưởng, với hai mục đích:

1. Dừng đúng tiếng Tàu

2. Giúp hiểu ý niệm

Còn ký hiệu có ăn khớp hay không thì bất kể, vì chính bọn sau cũng đã quên HAKO do cái gì mà ra.

Đằng này sự ký hiệu Sanadamushi lại bất kể tuốt mục đích thứ nhất là dừng tiếng Tàu thì ta phải hiểu rằng chữ Tàu ấy chỉ dùng để mượn âm, do bọn trước vay, rồi bọn sau, vì không biết, nên tưởng là danh từ Trung Hoa, nên cứ để vậy.

Không phải chỉ vì một danh từ Sanadamushi mà chúng tôi thấy những điều trên đây, mà còn vì vô số danh từ khác.

Chữ Hán, thấy rõ ràng là một cái kho để cái gì không biết gốc là họ dồn hết vào đó.

Sự gán ghép ấy, có hai lối:

I) Gán ghép đúng nghĩa, nhưng không ăn khớp với giọng đọc. Thí dụ MICHI là danh từ Nam Ấn, có nghĩa là con đường thì họ chưa bằng chữ Đạo, có nghĩa hẳn hoi, nhưng sao ĐẠO lại đọc là MICHI? Họ đọc ĐẠO là ĐOO, thấy quá rõ trong danh từ Shinitoo = Thần Đạo, chỗ có đọc là Michi bao giờ.

II) Gán ghép bằng cách viết càn, sao cho đúng với câu đọc của họ, Tàu không có danh từ đó cũng được, như Chân Điền Trùng trên đây chẳng hạn, miễn phù hợp với âm đọc của chính họ. Phải ghi chữ Tàu vì phân nửa nước Nhật chẳng biết Sanadamushi là gì, chớ không phải vì sợ trùng âm.

Đây là ba lối đọc chữ KHÚC của Tàu.

Đại Hàn: Kok

Việt Nam: Khúc

Nhật Bản: Kyoku

Nhật đọc thành nhị âm, nhưng viết ra chữ, họ chỉ viết có một chữ Khúc, chớ không là Khúc+Ku, vì họ biết chắc Kyoku do Khúc mà ra thì cái đuôi Ku vô nghĩa, không cần cho ký hiệu nào hết.

Trái lại trong động từ NAKI của Nam Dương, mà họ dùng như là tĩnh từ, thì họ không biết gốc nên họ chưa là Vong + Ky.

Ở đây chỉ vì không biết nên ký hiệu cho đủ âm, người ta có Ki, mình cũng phải có Ki, mặc dầu một chữ Vong là đủ nghĩa Naki rồi, khác hẳn với ở Kyoku mà họ biết chắc 100% rằng KU không cần được ký hiệu, vì chữ

nguyên là KHỨC, không có KU.

Thế thì lối chưa chữ Hán của Nhựt phải có mục đích khác hơn là xóa lằm âm, mục đích ấy, theo thiển ý là hễ danh từ nào mà họ không biết của ai là họ bỏ vào bị Trung Hoa hết thảy, còn hễ biết thì họ viết bằng Bình giả danh hoặc Phiến giả danh.

Nhìn vào tự điển Nhựt, ta thấy họ bối rối lắm, và thường làm sai. Thí dụ với hai động từ NAKI, một của Nam Dương, một của Lạc Địch, tức một của Lạc bộ Mã, một của Lạc bộ Trãi.

Hai động từ đó, phải được hồi phục lại bằng một xâu chuỗi biến dạng, mới biết ngữ nguyên của nó.

I) NAKI: Chết

II) NAKI: Khóc (Nakijakuru)

Động từ thứ nhất là của Lạc bộ Mã:

Nam Dương: Mati

Việt Nam: Mất

Chàm xưa: Mati

Chàm nay: Mưtại

Chàm Bình Tuy: Htai

Thái: Tai

Nhựt: Naki

Cấp lãnh đạo ở Nhựt là Lạc bộ Mã. Thế mà họ cũng quên danh từ của chính họ, vì nay họ dùng như tỉnh từ, tương đương với CỔ của Trung Hoa và FEU của Pháp.

(Nhưng kỳ lạ thay, khi chưa chữ Hán, họ lại không chưa là CỔ, mà chưa đúng nghĩa cổ thời là Vong.)

Tuy nhiên, không phải chỉ có VONG mà là VONG

+ KI.

Thấy rõ là họ đã quên đầu đuôi hết. NAKI là một khối không thể tách rời ra và có nghĩa là VONG, y hệt như Kyoku là Khúc. Thế sao Kyoku không là KHÚC + KU, mà Naki lại là VONG + KI?

Phải chăng họ không biết Naki do đâu mà ra, nên cần thận biên hết các âm vào, mặc dầu một chữ Vong là diễn tả đủ hai âm Vong + Ki.

Viết như vậy chừng hai thế hệ là dân Nhựt đã tưởng NA là đọc sai tiếng Tàu VONG và Ki là cái đuôi vô nghĩa.

Động từ Naki thứ nhì, đúng theo Nhựt là Nakijakuru lại còn cho thấy họ sai rõ rệt, vì không biết nó do đâu, nên họ phân tách lầm lẫn:

Na + Kijakuru

Động từ đó, đúng thật là: Naki + Jakuru

Hai lối ký hiệu ấy, khác nhau rất xa:

Na + Kijakuru

Naki + Jakuru

Người Nhựt bắt chước Tây, viết dính lại tất cả, nên không thấy là có khác, nhưng khi họ chưa bằng chữ Hán thì lối tách hai ra của họ, thấy rõ là họ tách sai. Mà tách sai, vì không biết nó do các yếu tố nào hợp thành.

Khi họ ký hiệu thì như thế này:

Na = Khấp

Kijakuru = bằng Bình giả danh

Họ định nghĩa: Khóc lên tiếng (Sangloter)

Thấy rõ là ký hiệu không ăn khớp với định nghĩa.

KHẤP là KHÓC THẨM, thế mà lại định nghĩa là khóc lên tiếng = Sangloter thì còn gì là chữ Tàu nữa.

Đây là chữ Hán:

Khấp = Khóc thầm

Khốc = Khóc lên tiếng

Người Nhật rất giỏi tiếng Tàu. Thế sao ở đây họ lại lầm?

Họ lầm vì không biết ngữ nguyên mà hễ không biết thì muốn viết sao cũng được, miễn định nghĩa đúng với lối hiểu của dân chúng là đủ rồi.

Thật ra thì đó là động từ của Lạc bộ Trái mà riêng nhóm Việt Nam phát âm là NẮC.

Mà như thế thì phải là:

Naki + Jakuru

Chớ không là:

Na + Kijakuru

Dẫu sao, người Nhật sau này cũng hiểu: Na = Khấp

Na = Vong

Nhưng không có Na nào có nghĩa gì cả, mà chỉ có NAKI mới có nghĩa ở cả hai động từ.

Những cái mà họ biết ngữ nguyên đúng, họ viết rất đúng. Thí dụ từ ngữ KAKKO.

Họ viết ra chữ là KAKKO NI, Kakko bằng hai chữ Tàu CÁC HỘ, NI bằng Bình giả danh.

KakkoNi = Nơi mỗi gia đình

Thì phải có Ni là Nơi, (tức INI của Nam Dương bị co rút).

Chính sự chua thật đúng này lại cho thấy ở các nơi

khác là sai, mà sở dĩ vì có thật đúng và có sai, là vì có cái họ nhớ ngữ nguyên, có cái họ quên, chớ nếu ở đây họ cũng quên thì không làm sao mà có chữ NI mọc ra thình không, trong khi danh từ chỉ là KAKKO gọn lỏn. So:

Vong + Ki = Naki

và

Các hộ + Ni = Kakko

Ta thấy KI không được họ hiểu là gì, nên nó thừa, thừa vì Vong là quá đủ. Còn NI thì được biết chắc, cho nên mặc dầu danh từ không có NI, Ni cũng được viết ra cẩn thận.

Mà viết cũng hữu lý lắm. Các hộ gốc Hoa thì viết bằng Hán tự còn Ni gốc Mã Lai, tức gốc Nhựt thì viết bằng quốc tự của Nhựt, thật là rõ ràng, minh bạch.

Ở các nơi khác thì hỗn loạn, thí dụ San Hô (Sanggo) là danh từ của Trung Hoa, lại được viết bằng Bình giả danh, còn TORI (chim) là danh từ của Lạc bộ Trãi, lại được viết bằng chữ Tàu. Mà đừng tưởng Sanggo nằm một mình, nên không sợ lắm âm, nên không cần chữ Hán, bởi Sán Hậ, cũng được phát âm là Sango và cũng nằm kế cận San Hô, thì rất dễ lắm âm.

Ta thấy danh từ MONO của Nhựt mà đứng ở về thứ nhì của một danh từ ghép thì không thể lắm âm với cái gì hết. Thế mà họ vẫn cẩn thận chưa là Vật, thì quả họ có tham vọng trình ngữ nguyên, chớ không phải sợ lắm âm nữa. Và ở đây, họ cũng trình lắm vì đó là một danh từ của Lạc Địch chớ không phải của Tàu, mà các nhóm phát âm như sau:

Lạc Địch Đại Hàn: Mul

Lạc Địch Việt Nam: Món

Lạc Địch Nhựt Bản: Mono

Tại sao người Nhựt lại dễ quên quá nhiều ngữ nguyên của họ hơn các dân khác. Là tại họ thích sáng tác, mà lại sáng tác rất loạn, ghép ngôn ngữ nầy với ngôn ngữ nọ lại, nên sau, chừng hai trăm năm thì phải bí.

Sự sáng tác, rất có lợi mà cũng rất hại. Thí dụ Lạc bộ Trãi chỉ có một danh từ là ANO để chỉ ANH và CHỊ. Như vậy là dở, thành thử Nhựt sáng tác ANI và ANE với độc một danh từ ANÔ. Vậy là tài (ta không biết sáng tác, biến Ani thành Anh và đành mượn Chị của Tàu. TỠ, Quan Thoại đọc là CHỀ, ta đọc là CHỊ)

Nhưng khi sáng tác loạn lên thì nó gây rối loạn.

Ta cứ nhìn vào danh từ của ta và của Pháp thì ta biết rõ nguyên nhơn tại sao Nhựt lại quên.

Pháp tạo danh từ với ngữ căn Hy và La. Học giả của họ chỉ biết Hy La là truy ra được tất cả. Những danh từ không do Hy La mà do Mã Lai Nam Dương chẳng hạn, thì lại được tự điển của họ cho biết nguồn gốc ngay lối 20 năm sau khi được tân tạo. Họ không bí.

Ta, ta cũng làm với chữ Tàu, nên ta không bí. Nhưng khi ta làm thế với danh từ không của Tàu là ta bí chết đi, vì tự điển của ta không cập nhựt hóa, hoặc chưa có tự điển thuở tân tạo.

Người Nhựt đã lâm vào cảnh của ta, nhưng họ bí hơn ta vì họ chưa học đủ thứ ngôn ngữ Á Đông như ta.

Nguyên tắc của Việt Nam là không bao giờ ghép chữ

Tàu với chữ Việt để làm một danh từ. Nhưng Nhựt rất ưa làm như vậy. Chúng tôi đã nói đến danh từ SUIMONO của họ. Họ không mượn thẳng của Tàu danh từ Canh như ta mà ghép Sui (Tàu) và Mono (Nhựt). Chúng tôi đã đoán rằng đó là Thủy+ Món vì quả họ đọc Thủy là Sui. Nhưng họ lại chưa chữ Tàu rằng là Hấp + Mono.

Một người bạn Trung Hoa của chúng tôi, đọc bản thảo của chúng tôi rồi cười ha hả và nói: “Ông Nhựt ghép chữ đã dị kỳ, viết chữ Tàu cũng kỳ khôi, anh lại dốt chữ Tàu cái nữa thì loạn hết. Sui của Nhựt, không do Thủy đâu, mà do XUYẾT. Trung Hoa có hai động từ chỉ sự HÚP CANH là Hấp và Xuyết, chứ không phải chỉ có một như anh và ông Nhựt đã tưởng.

Quá thật tôi chỉ biết Xuyết là nước canh, mà không hề biết Xuyết là Húp canh. Nhưng dầu sao, Nhựt cũng đã quên SUI do đâu mà ra nên mới viết là Hấp. Thủy hay Xuyết gì, cũng không thể biến thành Hấp được bao giờ cả.

(Luật M. Swadesh lại được chứng minh bằng cả Hoa ngữ nữa, vì từ đời nhà Chu đến nay, ta thấy danh từ Canh của Trung Hoa bị thay đổi ba lần rồi.)

LANG: Đời Chu, thấy được trong Kinh Thi

Canh: Đời Hán.

Thương: Danh từ hiện kim có lẽ đã già gần một ngàn năm rồi, và có thể sắp bị thay đổi nay mai. (Các nhà ngữ học quốc tế vì đồ kỹ chẳng mà công kích luật ấy quá dữ, nhưng luôn luôn ta thấy luật đó đúng ở rất nhiều trường hợp).

Đó là Tàu ghép với Nhựt, tức dễ biết, vì Nhựt rất thông chữ Tàu, mà họ còn quên như thế thì với ngôn ngữ khác, còn loạn hơn nữa.

Thí dụ điển hình là danh từ NGÀ VOI của họ. Họ lấy một danh từ của Lạc bộ Mã ở Nam Dương là GHI là cái Răng và họ biến thành GÊ để ghép vào với một danh từ của Lạc Địch là Yô mà hiện Thượng Việt đang dùng (Mạ, Xi Tiêng, Mnong Gar) nhưng riêng Trãi Nhựt thì đọc là Zoo. Vậy.

Zooge (đọc là zôghê) = Ngà voi.

Phân nửa nước Nhựt, bọn Trãi, không biết GE là gì, phân nửa khác không biết ZOO là gì.

Dĩ nhiên là trong tình thế đó, họ phải viết ra bằng Hán tự là Tượng Nha, bằng không, Trãi chẳng biết một phần tử của danh từ, Mã lại bí về phần tử khác, chớ Zoo-gê thì không có trùng âm với danh từ nào khác mà phải chua chữ Hán.

Nhưng sáng tác Zooge coi vậy mà không quá gở bằng nhiều danh từ khác bởi dẫu sao Lạc Địch và Nam Dương đều là Mã Lai với nhau cả.

Động từ ĐI ĐÊM của Nhựt là một cái gì làm cho cả người Nhựt cũng ngẩn ngơ, vì họ ghép một tiếng tàu là Dạ mà họ đọc là YÔ với một tiếng Nam Ấn là MICHI. Đúng là INDO-CHINA.

Nhưng họ nào có biết rằng Michi là của Nam Ấn, bởi họ chỉ sống chung với Ấn có lối một trăm năm tại Nam Dương rồi thì ly khai đi Nhựt, họ có học, nhưng học theo lối người Thái học tiếng Tàu, tức học không

thấy, không biết căn bản, rồi quên là của ai.

Nhưng MICHI chỉ là CON ĐƯỜNG thì Yomichi là Con đường ban đêm, tức danh từ, thế thì làm sao mà là động từ ĐI ĐÊM được?

Thế nên, họ ghép thêm một động từ Nam Dương là CHUKU mà họ biến thành SURU có nghĩa là Làm, tức:

YOMICHSURU = Làm con đường đêm = Đi đêm

Hoa + Ấn + Nam Dương

Nhưng nào có giản dị thế đâu, trước SURU họ thêm một tiếng đệm là Ô.

Kết quả YO được hiểu, vì tiếng Tàu là văn hóa ở Nhật. Nhưng phân nửa nước Nhật, bọn Lạc bộ Trãi, phải học Ô sư rư. Và toàn quốc không hiểu tại sao ĐẠO thường được đọc là ĐOO, nhưng ở đây, lại được đọc là Michi.

Nếu họ không viết Michi bằng Bình giả danh, chắc họ sẽ không thắc mắc vì ngỡ rằng đó là quốc ngữ của họ, tự nhiên tổ tiên họ đã sáng tác ra thế như tổ tiên bọn Mã đã sáng tác Tàng (Đường) và tổ tiên bọn Trãi đã sáng tác Truông.

Tại sao Parasol là ngoại ngữ, được ký hiệu bằng Phiến giả danh, còn Michi cũng là ngoại ngữ mà được viết bằng chữ Tàu? Là tại họ không còn biết Michi do đâu mà ra, và đổ trút cho Tàu tất cả những ngữ nguyên mà họ bí.

Ari = Con Kiến, là danh từ của Khả Tu. Người Nhật cũng nói như vậy, nhưng viết ra chữ NGHỊ của Tàu, khiến ai cũng ngỡ Ari do NGHỊ đọc sai, mà có lẽ chính

họ cũng tưởng như vậy.

Người Mạ nói IRAU = Rũa. Nhựt nói Arau. Nhưng họ đọc là Ara Ứ. Thành thử họ viết Tấy + Ứ, Tấy được viết bằng tiếng Tàu, Ứ bằng Phiến giả danh, khiến ai cũng tưởng rằng Tấy được đọc sai là Ara, còn Ứ là cái gì đó chẳng biết nữa.

Thế nên ta mới thấy KARAI của Nam Dương được đọc là Kara I và được viết là Tân + I mặc dầu KARAI, Việt Nam nói là CAY, Tàu nói là LẠT, chứ không phải TÂN, nhưng viết bằng chữ Tân hay chữ Lạt gì, ai cũng ngộ Kara do Tân mà ra và I là cái gì đó không biết.

(Nhựt Bồn cho Kara I hai nghĩa: Cay và Mặn, mặc dầu họ đã có Shikê, diễn được ý niệm Mặn. Tàu không có ỚT, họ gọi Ớt là Lạc Tiêu, tức Tiêu Cay. Vào hiệu ăn của Tàu, ta thường nghe họ gọi ớt cho khách: “Laạt chéo ló!” Người Tàu chỉ dùng Tân trong văn chương và y khoa còn trong việc bếp núc thì họ dùng Lạt).

Thế thì chữ TE đọc là THÊ là Bàn tay, chưa chắc gì do chữ Thủ của Tàu mà ra, mặc dầu họ đã viết chữ Thủ, bằng chứng là đồng bào Thượng trên Cao Nguyên hiện nay gọi bàn tay là TI, TAI, ĐAI, TÊ và THÊ.

Thủ, Tàu đọc là Xủ mà âm Xủ của Tàu biến thành âm Thủ của Nhựt được chăng? Trái lại Nhựt Bồn có phát âm Tê với âm Đ y như Cao Miên, trong từ ngữ SƯỀ của họ.

Thê = Xủ?

Đê = Xủ?

Lạc bộ Trãi đã phát âm ba cách: Tàu, TH, Đ. Trung

Hoa chỉ 1 cách thôi. Nhựt 2 cách. Vậy Thê của Nhựt do Tê, Thê, Đai của Mã Lai mà không do Thủ của Tàu.

Tất cả mọi người Việt Nam đều tưởng rằng TE do Thủ mà ra, vì lối chưa chữ Hán của sách Nhựt như thế đó.

Danh từ Phân, Phấn của Việt Nam và Fun của Nhựt đều do Phấn của Tàu mà ra, thì Nhựt chưa là Phân thì rất đúng. Chứ như Kuso thì rõ ràng là danh từ Lạc Địch và nhóm Lạc Địch V.N phát âm là Cút, mà họ cũng chưa là Phấn thì rõ ràng họ không còn biết Kuso là của ai nữa.

Ở đây thì chắc một trăm phần trăm là không vì sợ lẫn âm, bởi hai danh từ tương tự, lại khác âm:

Kuuso = Trống không

Kuusôô = Tượng tượng, Mộng, Ảo Ảnh.

Đuổi một kẻ khác đi bằng giọng to tiếng, Lạc Địch V.N nói: Cút đi!

Lạc Địch Nhựt cũng nói KUSO SŨ. Nhưng họ cũng chưa bằng chữ Phấn của Tàu!!!

Tóm lại, người Nhựt quên rất nhiều ngữ nguyên của danh từ của họ, và chưa chữ Hán, không còn là để tránh lẫn âm mà là để trình ngữ nguyên, nhưng lại trình lẫn.

Cuộc hợp tác giữa hai thứ Mã Lai Trãi và Mã ở Nhựt, giống hệt ở Việt Nam. Ở xứ ta Trãi lãnh đạo, nhưng Mã rất văn minh, thành thủ được nể, được ưu đãi, và có sự hòa hợp huyền diệu.

Ở Nhựt thì Mã tới sau, nhưng lãnh đạo, nhưng Trãi lại văn minh cao, nhờ đã học với hậu vệ Phù Tô. Thành

thử Trái ở Nhựt cũng được ưu đãi như Mã ở Việt Nam, và danh từ của Nhựt và của Việt, phong phú hơn của Đại Hàn. Đại Hàn cũng phong phú, nhưng không phong phú về mặt Mã Lai. Mà chỉ nhờ mượn gần toàn bộ của Tàu.

Đây là chủ quan của chúng tôi, nhưng chúng tôi tin mạnh. Nhựt mượn của Tàu nhiều hơn ta, nhưng không đẹp bằng ta. Tác phẩm của họ được Âu Mỹ dịch gần hết, chỉ nhờ họ là đại cường quốc, chớ đọc văn thơ của họ, không thấy hay hơn của ta chút nào.

Ta bị trị, mới thu hồi độc lập, chưa ai biết. Nhưng khi Âu Mỹ dịch xong ta rồi, họ sẽ thấy là ta hơn Nhựt rõ rệt.

Tuy nhiên bộ ngũ vựng chuyên môn thì ta thua họ rất xa, vì ta chưa kỹ nghệ hóa.

Lúc đặt thương điểm ở Hội An, Nhựt có vay của ta hay không? Có, nhưng đó là danh từ độc nhứt ZABON tức PONKAN là trái bưởi. Chỉ có Việt Nam mới gọi trái đó là Bông. Trái ở Nhựt thì không biết Bưởi, vì khí hậu ở đó không cho bưởi mọc tự nhiên. Đó là danh từ vay mượn, nhưng chủ nợ không thể lăm lẩn với ai, vì chỉ ta mới gọi trái đó là Bông.

Cam quýt một lòng, bưởi bóng một dạ.

Hồi còn ở Nam Dương, có trái bưởi, họ gọi trái ấy bằng danh từ Nam Dương mà họ đã đánh mất sau hơn một ngàn năm định cư ở Nhựt. Bọn Trái ở Nhựt thì không có danh từ vì bưởi không mọc tự nhiên được ở Nhựt. Họ đánh mất danh từ Bưởi của Nam Dương cùng lý do với sự mất mát danh từ Orang-Outang vì không

có dịp nói đến.

Nhưng may quá, đó là danh từ vay mượn dưới thời chúa Nguyễn, nên họ còn nhớ gốc, không có viết ra bằng chữ DỮU của Tàu.

Ta, ta không có vay mượn của họ danh từ nào cả, trừ một tiếng Tàu là Bồn Tài, mới vay mượn có vài năm nay, dưới hình thức Bonsai.

Những danh từ Nhựt Việt giống nhau là vì chung gốc tổ Mã Lai, chứ không phải vay mượn.

Cũng như Việt Nam, Nhựt Bồn thường dùng cả hai danh từ của Trãi và Mã, để chỉ một ý niệm. Có khi ta thua họ, có khi họ kém ta. Thí dụ họ chỉ có CẮNG (Kaki (Ashi) mà không có Chơn. Trái lại, có khi ta nghèo hơn họ. Thế là hòa cả làng.

Nam Dương: Đua – Việt Nam: Đôi – Nhựt: Tsui

Thượng Việt: Kap – Việt Nam: Cập – Nhựt: Kappuru

Nam Dương: Masé – Việt Nam: O – Nhựt: Mađa

Thượng Việt: Nẻo – Việt Nam: Nữa – Nhựt: Nao

Tánh tình người Nhựt trái ngược nhau và ảnh hưởng đến ngôn ngữ. Họ tôn cổ triệt để, mà đồng thời cũng vong bốn triệt để. Ở Nhựt, cây Soan nhiều cho đến đổi Pháp gọi cây đó là Soan Nhựt Bồn (Lilas đuôi Japon) thế mà họ không có danh từ để gọi và mượn danh từ Lilas của Pháp, biến thành Rira. Nhưng họ từ Nam Dương di cư lên, mà Nam Dương cũng giàu Soan, cũng có danh từ là Kâyư Đoan Mambu (Cây soan đầu của Việt Nam).

Vậy họ đã ham mới bỏ cũ, đánh mất Kâyư Đoan

Mambu, và dùng tiếng Pháp Rira đỡ hơn Kâyư Đoan Mambu quá nhiều.

E. LÀM TỰ ĐIỂN

Từ đây, người làm tự điển, không thể theo phương pháp xưa nữa, tức không thể chỉ kể có hai loại ngữ nguyên là NÔM và HÁN VIỆT mà được nữa.

Chúng tôi không trình bày dài dòng mà chỉ đưa ra vài thí dụ là rõ ràng nhứt (Và xin trình theo ý niệm chớ không theo trật tự A, B, C).

THANG: Danh từ, do danh từ của dân Mã Lai đợt II, tức Lạc bộ Mã TANGGA mà ra. Danh từ nầy cũng được người Chăm biến thành THANG y hệt như ta về tự dạng, nhưng lại dùng để chỉ cái nhà vì vào cổ thời, họ và ta đều ở nhà sàn, muốn lên nhà, phải nhờ cái THANG. Danh từ nầy cũng được Nhựt Bổn biến thành TANA nhưng để chỉ CÁI KÊ, có nhiều bậc như cái THANG.

TẮNG: Danh từ, do danh từ Tangga nói trên. Dân Lạc bộ Mã chỉ có một danh từ là Tangga để chỉ ba món: *Cái Thang*, *Tảng Bạc* và *Sàn Nhà*. Dân ta cũng dùng danh từ đó, nhưng biến dạng để tránh cái khuyết điểm đồng âm làm rối loạn ngữ vựng.

SÀN: Danh từ, do danh từ Tangga, được biến dạng vì mục đích nói trên. Sự biến dạng nầy giống hệt lối biến dạng của đồng bào Thượng, họ phát âm là SÀNG, nhưng chỉ dùng với hai nghĩa, y như người Chăm là Thang và Nhà. Họ không gọi cái món mà ta kêu là SÀN NHÀ, bằng danh từ nào cả.

MÓNG: Danh từ riêng của Lạc bộ Trãi, tức của

Mã Lai đợt I, có nghĩa là cái Thang, một số đồng bào Thượng còn giữ được, nhưng ta đã mất. Tuy nhiên, danh từ này vẫn còn nằm trong ca dao tục ngữ ta: “Móng đàng Đông, cầu vồng đàng Tây”. Hiện nhiều người Việt cũng gọi cái MÓNG là cái Thang để lên trời.

Hiện nay trong lãnh thổ Việt Nam, danh từ Thang thắng thế, và danh từ Móng được rất ít nhóm Thượng dùng, kể cả những nhóm Thượng Trai 100% vẫn dùng danh từ SÀNG (có G).

CẢNG: Danh từ riêng của Lạc bộ Mã, gốc tổ không biết ra sao, nhưng được các dân tộc biến như thế này:

Phi Luật Tân:	KAKI
Mã Lai Á:	KAKI
Anh Đô Nê Xia:	KAKI
Jêh:	GAKE
Nhựt Bốn:	ASHI
Rôglai:	TACAI
Chàm:	TCAY
Radê:	TCAY
Giarai:	TCAY
Việt Nam:	CẢNG

Hiện nay, danh từ riêng của Lạc bộ Trai thắng thế trong lãnh thổ Việt Nam. Đó là danh từ CHƠN, được toàn thể đồng bào Thượng dùng, không kể Radê và Giarai.

THANG: Danh từ vay mượn của ngoại chủng (Trung Hoa) vốn có nghĩa là Nước nóng, được chính người Tàu đồng hóa với loại thuốc nấu sắc trong nước nóng mà

họ gọi là THANG DƯỢC. Dân ta vay mượn, nhưng có biến nghĩa:

THANG THUỐC: Gói thuốc

THUỐC THANG: Thuốc men. Điều trị, săn sóc con bệnh.

LANG THANG: Trạng từ riêng của Lạc bộ Mã, dưới hình thức LALANG và LA BANG. Người Việt miền Nam đã bắt chước người Phù Nam, thuở họ di cư vào Nam năm 1623 mà người Phù Nam còn tồn tại ở Đông Phố, thế nên dân miền Nam mới biến LA BANG thành LANG BANG mà không nói theo gốc Bắc, cũng không bắt chước Chăm vì Chăm chỉ nói LALANG mà không nói LABANG.

CỐC: Chén uống rượu làm bằng phalê hoặc thủy tinh. Danh từ nầy vay mượn của ngoại chủng (Ăng lê, nó vốn là CUP, xuất hiện từ thời chúa Trịnh mà các phái đoàn của công ty Đông Ấn Độ tặng vị chúa ấy nhiều món quà trong đó có cái CUP).

LY: Chén uống rượu làm bằng thủy tinh hoặc pha lê. Danh từ nầy là danh từ riêng của miền Nam, vay mượn của lưu vong nhà Minh trong đó có người Quảng Đông họ gọi món ấy là PỐ LÝ PÚI.

Ta nuốt mất PỐ và PÚI, chỉ chứa lại Lý biến thành LY. (Pố-lý-púi = Pha lê bơi = chén rượu làm bằng chất pha lê).

HÀNG: Danh từ, gốc Hoa: chỗ bày bán. Thí dụ: Cửa hàng.

HÀNG: Danh từ, gốc Lạc bộ Mã là BARANG biến

dạng ra: Vật để bán. Rất nhiều người lẫn lộn hai danh từ này cứ tưởng cả hai đều có gốc Hoa. Sự thật thì **VẬT ĐỂ BÁN**, Tàu gọi là **HÓA** chứ không bao giờ gọi là **Hàng**. **HÀNG** của họ chỉ có nghĩa là **CỬA TIỆM** không bao giờ có nghĩa là hóa phẩm. Ta ngộ nhận vì đã trót sáng tác danh từ **HÀNG HÓA** gồm một tiếng Mã Lai Barang biến dạng và một tiếng Tàu gọi là **HÓA VẬT**, **HÓA PHẨM** và Nam Dương gọi là **BARANG**.

Danh từ hàng hóa được sáng tác sai nguyên tắc là ghép một tiếng Lạc với một tiếng Tàu, khiến ta quên mất là **HÀNG** là của ta, ngõ là của Tàu.

Đó là nguyên tắc của riêng ta, không ghép tiếng Lạc với tiếng Tàu, nhưng Nhựt Bổn thì xem lối ghép như thế là đúng nguyên tắc, và chính vì thế mà họ quên ngữ nguyên của rất nhiều danh từ của họ.

BÁC: Động từ gốc Hoa: Từ chối một lời xin, không nhận một kiến giải.

BẮT: Động từ riêng của miền Nam, dùng với cái nghĩa **BÁC** của miền Bắc, nhưng không phải là đọc sai từ **Bác** mà là do ngữ nguyên Phù Nam họ nói là **Batal** = **Bác bỏ**.

F. SỰ CẠNH TRANH RAO RIẾT GIỮA DANH TỪ CỦA HAI THỨ MÃ LAI

Như ta đã nói ở hai quốc gia Nhựt Bổn và Việt Nam, có hai thứ Mã Lai, bọn Austroasiatiques (Lạc bộ Trãi) và bọn Austronésiens (Lạc bộ Mã).

Muốn biết danh từ nào của ai, khi có hai danh từ chỉ một vật thì không khó biết lắm vì Nam Dương là Lạc bộ Mã thuần túy, Đại Hàn là Lạc bộ Trãi thuần túy.

Nhưng Đại Hàn đã mất danh từ hơi nhiều, nhưng ta cũng còn phân biệt được như thường, các thứ danh từ, bằng vào danh từ của Thượng Việt.

Như vậy thì ở Nhựt và ở Việt có sự cạnh tranh, khi nào không hợp tác. Ta đã thấy cả ta và Nhựt đều dùng danh từ của Mã, lại vừa dùng danh từ của Trãi, nhưng không phải luôn luôn như vậy.

Mà tại sao lại không hợp tác để được phong phú mà lại cạnh tranh với nhau thì không thể biết được nếu bằng vào dân số.

Chúng tôi đã truy ra rằng người Mường là Lạc bộ Mã. Như thế thì ở V.N. Lạc bộ Mã rất kém về dân số, thế mà danh từ của họ cũng thắng được danh từ của ta như Chó, Cua, Ăn.

Ở Nhựt thì không thể biết số lượng của hai thứ Lạc, chỉ thấy rằng có kẻ thắng trận và kẻ chịu thuận phục. Tuy nhiên, thường khi danh từ của bọn thuận phục là bọn Trãi cũng toàn thắng, như Mẹ, Anh, Chị, Chó, Chim.

Bọn Trãi nói TÔ là Chim nó có mặt ở Nhựt và ở Trung Mỹ, chớ không có mặt ở Việt Nam, nhưng chính ở Nhựt, danh từ TÔ thắng danh từ Bùrông của bọn Mã.

Bọn Trãi nói chim, có mặt từ Đại Hàn tới Cao Nguyên Việt Nam (xin xem lại biểu đối chiếu về danh từ Chim).

Thế thì nói SÊ, hay nói TÔ, cũng cứ là nói theo bọn Trãi, tức phe Thiên Hoàng đại bại về danh từ Chim.

Ta có thể tưởng tượng ra sự cạnh tranh ráo riết giữa hai phe nhóm, nhưng ta rất tư lự về phương pháp cạnh tranh. Làm thế nào mà phe thiếu số (ở Việt Nam) và

phe bại trận (ở Nhựt Bốn) lại cạnh tranh thắng lợi với phe cầm quyền?

Qua nhiều Chương, chúng tôi đã phỏng đoán vai trò văn hóa của bọn tới sau ở V.N. và bọn cũ, ở Nhựt Bốn.

Ta cứ nhìn vào người Mường ngày nay rồi so sánh họ với ta, và không chịu tin rằng cách đây 2.500, ta kém họ. Ta quên mất rằng cách đây 2.500 năm, ta đã tiếp xúc với đủ các thứ người, vì các cuộc xâm lăng, nhứt là bốn cuộc xâm lăng lớn (Thục Vương Tử, Lộ Bác Đức, Mã Viện, Pháp), còn người Mường thì thủ phận khách trọ và ở ẩn, ngay sau cuộc xâm lăng đầu (Thục Vương Tử).

Bị xâm lăng, tuy có đau đớn, nhưng đồng thời, ta cũng có thọ lãnh cái gì ở ngoài mà ta không có, hoặc thọ lãnh một sự kích thích để mà tiến lên.

Như vậy, trước năm 500 T.K. hẳn là ta phải kém hơn người Mường ngày nay. Tuy ta đã lập quốc, nhưng vua Hùng trở tội, không như bọn Lạc bộ Mã, họ đã hùng cường tại Hoa Nam và được sử Tàu nói đến. Nước U Việt của Câu Tiễn được đếm xia tới, không kém gì các nước thuần túy Trung Hoa thuở đó.

Bọn Mã đã có danh từ riêng để chỉ ĐỒ SỬ thì biết họ có văn minh hay không, còn ta thì chưa chắc đã biết chế tạo đồ sứ vào thuở ấy.

Kỹ nghệ ghép của U Việt cũng được sử Tàu ca ngợi (Kiếm Mạc Da) thì đủ biết họ có giỏi hay không.

Ở Nhựt thì khác, chính bọn Mã thắng trận ở Nhựt. Mã thì đã giỏi, như đã thấy, nhưng dầu sao, họ cũng

kém Tàu, bằng không, họ đâu có phải bỏ nước để di cư.

Mà bọn Trãi ở Nhựt thì lại tiếp đón hàng triệu người Tàu từ nhiều trăm năm rồi (127 huyện Hoa Bắc).

Thành thử ở Phúc Kiến, Trãi lại tài hơn Mã về công kỹ nghệ, cố nhiên, chớ về quân sự thì họ bại trận, như đã thấy.

Không thể biết tình hình dân số ở Nhựt được phân bố ra sao, ta cũng quan niệm dầu rằng danh từ của bọn Trãi mà thắng thế ở Nhựt, cũng cứ nhờ văn hóa của bọn Trãi đã cao.

Học với hàng triệu người Tàu trong vòng ba trăm năm, hẳn là phải khá lắm, thế nên bọn thắng trận hóa ra phải học với quân bại trận, vì bọn bại có những cái mà bọn thắng chưa có. Những món như là Tansu, Tant - subo đều là của Tàu đưa tới do trung gian của bọn thua là bọn Trãi.

Nhưng nếu bị cật vấn về chi tiết thì khó lòng mà trả lời cho trôi. Tại sao ở Nhựt, danh từ Chó của Trãi đã thắng, còn ở V.N. danh từ Chó của Trãi thua, chẳng những thua ở lưu vực Hồng Hà, mà khắp Cao Nguyên đều thua? Tại sao ANH của Trãi lại toàn thắng ở Nhựt và ở Việt Nam?

Tại sao Nhựt lại phong phú hóa bằng cách dùng Cặp (của Trãi) và Đôi (của Mã, nhưng ở các trường hợp khác, họ không làm như thế mà chỉ lấy của Trãi hoặc của Mã không mà thôi, thí dụ họ có CẶNG mà không có CHƠN như ta?

Qua 5.000 năm lịch sử, nhưng danh từ Trãi ở Nhựt

và ở Việt đi riêng, tiến hóa khác nhau. Ta chưa biết Sa-nada rụng đuôi thành Sán hay Sán mọc đuôi thành Sa-nada nhưng cú pháp thì đã khác nhau. Ta nói *Sâu sán*, Nhựt nói *Sán sâu*. Ta lại bỏ *Sâu*, Nhựt còn giữ. Văn phạm cũng khác, ta nói *Có Sán*, Nhựt nói *Sán là có*. Nhưng ai đúng gốc tổ? Hình như là Nhựt. Ta nói quá giống Tàu: Tôi có sán (Ngô hữu sán trùng). Nhựt nói khác Tàu rất xa: Tôi chi Chân điển trùng hữu.

Vậy cú pháp của ta còn là cú pháp Mã Lai (*Sâu Sán* còn cú pháp của Nhựt là cú pháp Tàu, còn văn phạm của Nhựt còn giữ được tính cách Mã Lai).

Trong cuộc tiếp xúc lớn lao và lâu dài với Tàu, ta cứu vãn được cú pháp, Nhựt cứu vãn được văn phạm. Xin đừng quá tin rằng văn phạm hiện nay của ta là của tổ tiên ta.

Nhưng trái lại ta cứu vãn được nhiều danh từ hơn Nhựt, nhứt là trước thời Lê Trịnh mà cả ở Bắc Việt cũng nói *Bông*, *Trái chó* không nói *hoa*, *quả*.

Như thế, ta với Nhựt, ai mạnh cá tánh hơn ai? Không nên kết luận mà nên giải thích. Ta bị mặc cảm bị trị nên ta cố chống lại, thành thử ta cứu vãn được nhiều hơn. Trái lại Nhựt không bị trị nên tự do để sự thần phục thu hút họ, và họ không ngại mà vay mượn, cả ở những trường hợp không cần thiết, ta tiếp tục nói *DẤY NÚI*, họ, họ dám nói *RENPOO* một cách cố tình, tự động, vì họ không sợ mất mát bởi không lâm nguy. Sự thọ nạn, đôi khi lại có lợi hơn sống tự do.

Ta không nên mặc cảm, hoặc tự khinh vì đã vay

mượn “quá nhiều” của Trung Hoa. Nhứt còn vay mượn nhiều hơn ta nữa. Và lại không có dân tộc nào thoát hết và chính Trung Hoa cũng đã vay mượn của man di hơi nhiều. Thí dụ:

Mã Lai	Trung Hoa
Nana (Dứa, Thơm)	Ba La
Mít	Ba La mật
Chuối	Tiêu (đọc là Chéo)
Dừa	Da (đọc là Ya)
Tàng (Đường)	Đường (đọc là Thái)
Pinnang (Cau)	Tân Lang (đọc là Pấn lạng)
Trầu	Phù (đọc là Pu)
Việt (Rìu)	Việt
Nõ	Nỗ

Đó là chỉ có hai thứ man di, U Việt và Văn Lang, nhưng quanh nước Tàu, có hàng trăm thứ man di, và ai biết được cho nổi, số lượng danh từ mà họ đã mượn, và lại có ai chứng minh được rằng cây CHANH là ta vay mượn của Tàu, hay Tàu vay mượn của ta chẳng?

Ở Hoa Bắc, địa bàn chánh của Tàu, Chanh có mọc được hay không mà họ có danh từ đó chớ?

Có ai chứng minh được rằng QUẾ là ta vay mượn của Tàu hay Tàu vay của ta, chỉ biết là ở bên Tàu không có QUẾ, còn QUẾ NGỰ của Việt Nam thì tốt nhất thế giới.

Vậy những danh từ trình ra trên đây, không phải muốn nói rằng Trung Hoa chỉ vay của ta có bấy nhiêu đó thôi. Và cứ thấy danh từ nào của ta và Hoa giống nhau, nhưng lại không có nghĩa gì cả trong Trung Hoa

ngữ thì có thể nói được rằng họ vay của ta. Như Ba La Mật chẳng hạn.

Ba La Mật của Phật giáo là do họ phiên âm Paraga của Phạn. Nhưng Ba La Mật là trái mít, lại không dính líu gì với Ba La Mật Phật giáo hết và chỉ diễn tả ý niệm sau đây: “Loại trái có gai như trái Ba La (nana) và tên là MẬT (đọc theo Quan Thoại là MÍA, tức đọc sai MÍT chút ít”.

Hiện nay, Trung Hoa đã bỏ danh từ Chanh, mà nói theo Quan Thoại là Níng Múng. Đó là tiếng Anh lemon. Họ bỏ Chanh vì Chanh, thật ra không phải là danh từ của họ, mặc dầu trong các tự điển Trung Hoa có Chanh hẳn hoi.

Từ bao lâu nay, nhiều học giả nói Mất của V.N. do MỘT của Trung Hoa mà ra. Nhưng thật ra thì đó là động từ Mã Lai MATI mà cái bọn nói Mati thì được tiền sử học cho biết rằng không có chịu ảnh hưởng của Trung Hoa, lúc di cư đi Nam Dương.

Chúng tôi trình ra trong quyển sử rằng các dân tộc sau đây đều gọi hoa lài giống Trung Hoa: toàn thể các đảo Mã Lai, Thái, Cao Miên, Việt Nam. Nhưng trong Hoa ngữ thì Mật lị hoa là gì? Có phải là tiếng phiên âm hay không?

Nếu bị mặc cảm thì Pháp cũng sẽ bị mặc cảm y như ta khi ta cân ngữ căn Hy La của họ với ngữ căn Trung Hoa mà ta dùng. Hễ cứ không có là phải mượn, điều đó không sao cả, miễn là có cái tối thiểu của một nền văn minh là đủ rồi. Ta có danh từ NHÀ, danh từ VẢI, động

từ THỜ, danh từ GIƯỜNG, CHIẾU tức khi tiếp xúc với Tàu ta không còn sống lộ thiên, không còn nằm trên đất, không ở lỗ, không thiếu đời sống tinh thần với THƯƠNG, GHÉT, BUỒN, VUI, HÁT, XANG, THỜ. (Toàn thể đồng bào Thượng và Nam Việt đều có động từ Xang có nghĩa là VỮ, nhưng Bắc Việt hình như đã đánh mất rồi. Miền Nam thường nói Ca Xang, nhưng lại hiểu lầm rằng Ca Xướng. Nhưng họ nói Xang qua, Xang lại, để mắng các thiếu nữ chỉ đi tới đi lui mà không làm việc, là nói đúng theo đồng bào Thượng: Xang = VỮ.)

Ảnh hưởng ngoại lai đã xáo trộn lớn lao như thế nên khoa ngôn ngữ ti hiệu ở xứ ta không thể thực hiện như ở Âu châu được, ở bên ấy, họ đối chiếu cả cú pháp nữa, nhưng cú được, vì không có ngoại nhân đưa ảnh hưởng vào ngôn ngữ Ấn Âu quá lớn lao đến làm đảo lộn văn phạm của họ.

Sự thoáng thấy của ông L. Aourousseau, qua một đoạn trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên đã bị tiền sử học xô ngã.

Nhưng tưởng không có tiền sử học, ta cũng biết được sử học, ta cũng biết được sự thật: hiện nay người Tàu Hoa Nam, tức người Hoa gốc Việt, còn nói tiếng Nam Dương, mỗi tỉnh tuy chỉ giữ được có vài trăm danh từ nhưng đó lại là danh từ căn bản của một dân tộc.

Thế thì Việt là Lạc bộ Mã, còn ta là Lạc bộ Trãi, nên không nói giống Nam Dương như người Tàu Hoa Nam, hay nói cho đúng, chỉ giống phần nào thôi, vì cả hai thứ đều là Mã Lai hết. Nhưng hễ Mã thì phải giống Mã nhiều

hơn mà Hoa Nam lại giống Nam Dương nhiều hơn.

Có ai dè rằng hiện ở Triết Giang, Tô Châu, người Trung Hoa không nói NGÃ, NGÔ, DƯ, gì hết, mà nói A LẠP để chỉ TÔI hay không.

Lạp chỉ là lối viết ra bằng chữ Tàu để diễn lu bù Phonème của ngoại quốc (Á rạp = A lạp, Chanh Ra = Chân Lạp) thì khó lòng biết Lạp là gì. Nhưng Lạp cũng có thể là LAK và ALẠP giống DALAK của Chàm vô cùng, và cũng cứ nằm trong khu vực AKU (Xin xem lại biển đối chiếu TÔI ở Chương I).

Bao nhiêu danh từ Tàu mà người Hoa Nam đưa vào Nông Nại Đại Phố, xem ra có đến 80% danh từ Nam Dương.

Sử học cứ chê ngôn ngữ ti hiệu vì sử học trẻ đồ, không biết ngữ học đã tiến đến đâu.

Và xét lại thì người Tàu cổ thời quá giỏi. Họ biết rằng Vua của nước Văn Lang là Vua của dân Lạc Địch đa số, còn Việt bộ Mã chỉ thiểu số, nên gọi ông là Lạc Vương mà không là Việt Vương.

Gọi dân, họ gọi là Lạc Việt vì họ biết đó là Mã Lai hỗn hợp. Sự kiện đặt Lạc trước Việt cũng cho thấy rõ là họ biết sự thật: Lạc Địch đa số, Việt bộ Mã thiểu số.

Người Tàu ưa nói bí hiểm, không bao giờ nói huỵch toẹt cái biết của họ ra. Nhưng khi ta phanh phui mọi việc, ta thấy họ biết quá nhiều sự thật, qua vài ba danh từ mà ta ngỡ họ đã dùng một cách phất phơ, không có ý thức gì hết.

Nhưng nhờ đâu mà họ biết? Nhờ vào thời Triệu Đà,

họ còn biết ngôn ngữ Lạc Địch và ngôn ngữ của Việt bộ Mã.

Cho tới năm nay (1972) mà người Triết Giang, Tô Châu, Phúc Kiến cứ còn tiếp tục nói tiếng Nam Dương thì dưới thời Triệu Đà, dân ở đó hẳn còn nói tiếng Mã Lai rặc rờng.

Ngôn ngữ Lạc Địch cũng chưa chết, vì dân nước Tề dùng cái ngôn ngữ đó, mà dưới thời Triệu Đà, nước Tề bị sáp nhập vào với đại khối Trung Hoa chưa lâu.

Nên nhớ, Tần Thi Hoàng đánh nước Tề và nước Yên sau rốt hết. Ở Tề và Yên, dân chúng toàn là Lạc Địch, mặc dầu cấp lãnh đạo là Tàu. Mà từ năm Tần Thi Hoàng hạ Yên, Tề, đến thời của Triệu Đà, mới có 15 năm trải qua thôi, làm sao mà Yên Tề lại quên ngôn ngữ Lạc Địch được.

Vậy họ còn biết Lạc Địch và Việt là hai thứ, hai nhưng vẫn một, nên họ có phân biệt, nhưng cứ xem như là một: Lạc + Việt = Lạc Việt.

Mà Lạc chỉ là phiên âm sai lầm của Lai mà thôi.

Tin giờ chót: Cứ theo tin Mỹ thì Hà Nội đã tìm được thêm vài nhóm Thượng, nhưng Hà Nội và Mỹ lại gọi là Austroasiatiques. Đã bảo chưa ai biết phân biệt Austroasiatiques và Austronésiens hết thì phát giác của Hà Nội, chưa cho ta biết chắc những dân Thượng đó là Lạc Địch hay là Việt. Nếu họ là Lạc Địch thì con số 36 bộ lạc mà vua Hùng đã thống nhứt, của chúng tôi, ở một Chương trước, sẽ sai.

Người tìm ra các nhóm Thượng đó là ông Vương

Hoàng Tuyên, nhưng không rõ ông V.H. Tuyên đã học các ngôn ngữ ở dưới nầy chưa, để mà đối chiếu đầy đủ, để biết chắc họ là Việt hay Lạc Địch. Ở dưới nầy có những nhóm Xi Tiêng, Mnong Gar, Churu mà người miền Bắc thiếu phương tiện nghiên cứu.

G. TỪ, SÀO LÀ TIẾNG TÀU?

Người bạn Trung Hoa của chúng tôi, đọc bản thảo của chúng tôi, cho rằng chúng tôi sai về chữ Tàu ở hai nơi:

I) Chữ Từ là tiếng Tàu, chứ không phải là tiếng Việt. Nhưng, như đã nói, khoa ngữ học đã khám phá ra có một số danh từ tình cờ giống nhau giữa các ngôn ngữ xa xôi với nhau. Tôi biết Tàu có TỪ, nhưng không xem đó là vay mượn của Tàu.

Nhờ sự trùng hợp tình cờ đó mà người Do Thái đã chủ trương từ nhiều trăm năm nay rằng tất cả ngôn loại đều đồng gốc, GỐC DO THÁI, và quả họ đã tìm được vài danh từ Trung Hoa, Mã Lai, Ấn Âu, trùng hợp với danh từ của họ. Thế nên thuyết ấy đã bị xô ngã từ ngày người ta khám phá được sự kiện trùng hợp ngẫu nhiên.

II) Về chữ Sào thì đặc biệt hơn, vì có vài sự kiện khác xen vào.

Cái chữ mà Trung Hoa dùng để ký hiệu ý niệm Cây Sào, miền Trung và miền Nam đọc là TIÊU, chứ không phải Sao hay Sào gì hết. Trung Hoa và Bắc Việt có đọc là Sao hay không? Chúng tôi không biết. Nhưng đã có tiền lệ là Trung Nam Bắc thường đọc không giống nhau.

Thí dụ cái chữ Tàu mà Trung Hoa dùng để ký hiệu

ý niệm “Trà” vào cổ thời thì Bắc đọc là Dánh, Trung và Nam đọc là Minh.

Ngay ở Nam cũng có hai lối đọc cho đọc một chữ Tàu. Thí dụ chữ Phủ (Phủ định, Phủ quyết). Cũng cứ cái chữ đó mà đứng trước danh từ VẬN thì bị đọc là Bì Vận mà không là Phủ Vận.

Tại sao đọc lung tung thế? Vì tự điển Tàu dạy đọc, bằng cách nói lái hai chữ, mà hai chữ có thể cho phép nói lái hai cách khác nhau ở một số trường hợp... Và lái nói lái ở đây, cũng chỉ là nói lái bằng giọng Quan Thoại, chớ nói lái bằng giọng ta, thì nó sẽ đưa đi quá xa.

Tất cả Đông Nam Á đều có tính từ XA, dưới hình thức nầy hay hình thức nọ, nhưng luôn luôn có âm XA, NGA, NA, trong đó thì XA của ta trùng hợp với XA của Tàu chỉ là sự ngẫu nhiên.

Nhưng sự kiện sau đây đáng được chú ý.

Người Nhựt ký hiệu cho danh từ chỉ ý niệm Cây Sào của họ, không phải bằng chữ Hán TIÊU, mà bằng chữ CAN khác hẳn ta là kẻ ký hiệu bằng chữ Tiêu.

CAN và TIÊU đều là CÂY GẬY, tức đều chỉ được ý niệm Cây Sào. Nhưng trong tình thế đó thì Sao của Nhựt và Sào của Việt, đồng gốc Tàu, hay đồng gốc Mã Lai?

Chúng tôi thấy trong tự điển Trung Hoa có danh từ CHANH mà khắp Đ.N.A đều có. Vậy Chanh là tiếng Tàu chăng? Nhưng đồng thời, chúng tôi cũng thấy họ đã bỏ Chanh mà dùng danh từ LEMON của Anh. Nếu Chanh là danh từ của họ, hẳn họ đã không bỏ.

Lắm khi vì tình cờ, họ sáng tác giống hệt ta, và

không theo dõi, cứ tưởng là ta học của họ. Thí dụ danh từ Serviette de toilette của Pháp, Bắc Việt sáng tác là Khăn Mặt, Khăn Bông, nhưng Nam Việt sáng tác là Khăn Lông. Ấy người Tàu sáng tác là Mao Cân. Đó là sự tình cờ, chớ người Tàu không có học người Việt miền Nam, mà người Việt miền Nam cũng không học của họ bao giờ.

Họ đã phiên âm Cát Ròng (Sa long) để chỉ cái Sarong của Mã Lai. Nhưng người Việt miền Nam sáng tác XÀ LỎN để chỉ cái QUẦN ĐÙI mà hoàn toàn không phải bắt chước Sa long.

Nếu cứ cho rằng cái gì cũng của Tàu, thì ta chẳng có ngôn ngữ nữa. Đa số bạn hữu của chúng tôi đều nói rằng THEN CỬA của ta là do SAN của Tàu. Nhưng chúng tôi đã làm một bản danh sách đối chiếu về khoa kiến trúc thì thấy rằng ta chỉ học của Tàu có một danh từ Ngói = Ngỏa.

Chuyên = Gạch

Truyền = Kèo

Chuẩn = Mộng

Táo đột = Ống khói nhà bếp

Sa trù = Nhà bếp

Đũa = Nện đất

Để tử = Nền móng

Ám câu = Ống cống

Vân vân và vân vân. Còn những Lương, những Đồng của Tàu, những Vi Kèo, những Con Đấu của ta có là đồng gốc hay không thì ai cũng đã biết rồi.

Đồ xưa là thế, đồ nay cũng khác biệt. Carreau émaillé, Brique émaillée, Tàu sáng tác là Bạch-Từ-Chuyên = Gạch sứ trắng. Ta, ta nói gạch men. Men ở đây là men quý, loại trán chén, bát tốt, chớ không phải là men xoàng để trán gạch lót nền nhà. Bạch-Từ-Chuyên tức gạch men chỉ dùng ở kỹ nghệ, tức là kỹ nghệ điện, và để lót buồng vệ sinh, chớ không phải để lót nền nhà. Gạch lót nền nhà, Bắc Việt gọi là Gạch Hoa, Nam gọi là Gạch Bông, không phải là Bạch-Từ-Chuyên.

Có rất nhiều tiếng Việt gốc Hoa mà không ai biết, thí dụ Tô (tô phở), trong khi đó thì bao nhiêu tiếng Việt rắc ròi lại bị cho là gốc Hoa tuốt hết. Tìm ngũ nguyên rất khó.

Cái Lồng Chim, Trung Hoa gọi là LUNG, Nam Dương gọi là Kurông, mà tiền sử học cho biết người Nam Dương không có chịu ảnh hưởng Tàu khi rời Hoa Nam di cư đi Nam Dương thì Lồng do Kurông hay do Lung?

Muốn biết, xét một danh từ khác thì rõ.

Con Nhộng, Tàu gọi là Đông, Nam Dương gọi là Ulatsarong. Thế thì còn biết ai cóp của ai?

Nhưng sách Tàu lại cho ta biết rằng hồi cổ thời, họ gọi con tằm là CHƯÔNG và TÂM chỉ là danh từ Mân Việt mà họ cóp. Sự kiện cóp, thấy quá rõ trong tự dạng: Trùng + Dục. Có khối con sâu dùng được, thí dụ con *Đông trùng dạ thảo*, sao con Nhộng lại là Trùng Dục? Đó là tự dạng phiên âm. Tiếng Nam Dương: Ulat = Trùng.

Sarong không phải là Dục, nhưng nó mang nghĩa

không đẹp, nên Trung Hoa thay chữ Dụng vào đó, Sarong chỉ là quần áo. Ulat sarong = Con trùng mặc quần áo, tức con trùng ở trong cái kén.

Khi mà người ta cóp Tầm thì người ta cũng cóp luôn Nhộng. Người ta cóp luôn Ngài, vì con Ngài Nam Dương gọi là SƠRANGA mà chữ Hán là NGA. Nga viết là Trùng + Đẹp. Sự thật thì con Nga không có đẹp. Nga chỉ là danh từ phiên âm.

H. NHỰT VÀ KHẢ TU

Nhựt đã biết rằng phân nửa dân Nhựt là người Nam Dương. Họ biết trước chúng tôi nữa.

Nhưng cái phân nửa khác là Lạc Địch thì họ biết sau chúng tôi, tuy sau, nhưng cũng đã năm mươi năm rồi, và cứ theo tiết lộ của giáo sư đại học Nghiêm Thẩm thì họ đã định lên Cao Nguyên để tìm bà con.

Chúng tôi tin rằng họ tìm chưa được, vì họ với ta đều là Lạc Địch cả, thế mà họ không biết, không nằm tại Sài Gòn để nghiên cứu tiếng Việt, thì lên Cao Nguyên còn khó khăn hơn nhiều, giữa thời khói lửa nầy.

Nhưng nếu các Anata tìm chưa được, chúng tôi xin trình rõ về người Khả Tu cho các Anata để nghiên cứu.

Người Khả Tu ở trong Trường Sơn ngang tỉnh Quảng Ngãi về mặt vĩ tuyến.

Trong đại khối Mã Lai, danh từ CÁ của Khả Tu dài nhứt. Đó là KAĐOÓNG. Dài hạng nhì chính là Nhựt Bốn.

Toàn cõi Việt Nam đều nói:

Việt Nam: Cặp

Thượng Việt: Kap

Nhưng riêng Khả Tu thì Kapu. Đó là một nhóm người có khuynh hướng mọc đuôi và quả các ông Nhựt cho đuôi mọc thêm, thành Kappuru.

Cái TRÚNG, Hán tự là ĐẢN, Quan Thoại đọc là TÁL. Nhựt Bốn vay mượn đọc là TAM. Thế là ổn. Nhưng từ âm M cuối, đã làm cho ông Nhựt nhức đầu, nên đọc TAM được vài trăm năm, ông ta mọc cái đuôi A, hóa ra là TAMA.

Tưởng thế là yên, vì đã hết từ âm cuối rồi. Nhưng nào có yên, vì còn cái khuynh hướng muôn năm của Khả Tu, vút đi đầu.

Thế nên TAMA lại mọc đuôi thành TAMAG. Nhưng từ âm G cuối lại làm cho ông Nhựt nhức đầu, thế là TAMAG hóa thành TAMAGO. Từ đây tới năm 2010, danh từ Tamago của Nhựt sẽ là TAMAGON, rồi TAMAGONA rồi TAMAGONAN, rồi TAMAGONANU. (Tự điển Nhựt viết lầm là NOĂN. Noãn quả đúng là Trứng. Nhưng họ vay mượn ĐẢN chứ không phải Noãn.)

Ai không tin, cứ cố sống tới đó thì sẽ thấy. Tất cả các danh từ dài của Khả Tu và của Nhựt đều thành hình theo lối đó.

Đại khối Mã Lai nói LÁ, HALA, thế mà ông Khả Tu nói LAH LANG. Ông Nhựt đặc biệt chỉ nói HẠ, vì một lẽ nào chưa biết chớ đáng lý gì phải là LAHALANGANUISU.

Việt Nam và Thượng Việt nói Hô, Hố (cái hố) Khả Tu cho mọc đầu là Pahô. Việt Nam và Thượng Việt nói Bụi – Bui, Khả Tu cũng đa âm hóa cho được mới nghe

là Ba – Ui.

Giữa Anh của Việt Nam và Anô của Khả Tu, đều có ba chữ. Nhưng Anô lại nhị âm chớ không độc âm như Anh. Mà Nhựt cũng nhị âm là Ani.

Tóm lại Lạc Địch Khả Tu có khuynh hướng đa âm hóa. Khuynh hướng đó đích thị là khuynh hướng của Nhựt Bốn.

Thế nên chúng tôi mới quả quyết rằng dưới thời Hùng Vương, ở Việt Nam thì bộ lạc Ađôuk lãnh đạo, còn ở Nhựt Bốn thì Lạc Khả Tu lãnh đạo.

Ta cứ tưởng tượng ra sự kiện sau đây. Khi rời Hoa Bắc để di cư, nhóm Khả Tu ghé lại Nhựt đông đảo, chỉ có một nhóm nhỏ là đi Đà Nẵng trong khi đó thì nhóm Ađôuk, cái nhóm có danh từ Sán (xơ mít) ghé lại Nhựt rất ít, còn đa số thì đi Việt Nam, vì danh từ của Khả Tu có mặt trong Nhựt ngữ nhiều hơn danh từ Mạ, hơn Bru, hơn Bacóh, hơn Việt Nam, tức ở Nhựt vẫn có đủ mặt các bộ lạc Lạc Địch của lãnh tụ Xy Vưu, nhưng Khả Tu là đa số.

Khả Tu hay Khả Lá Vàng gì cũng là danh xưng mà Lào đặt ra để gọi họ, còn họ tự xưng khác, bằng lu bù danh xưng. Khả có nghĩa là man di. Nhưng ngôn ngữ Khả Tu lại giàu nhứt trong các ngôn ngữ Cao Nguyên tức không có man di chút nào hết.

Tuy nhiên vì ở khít vách với kinh thành Indrapura, nên họ đã bị người Lâm Ấp nỗ lực đồng hóa và họ có dùng một số danh từ Chăm, tức danh từ Austronésiens, Lạc bộ Mã.

Thí dụ Cuống rún (rốn):

Rún thì họ nói như ta: Puun, tức nói theo Lạc Địch (Austroasiatique). Còn Cuống thì họ nói theo Austronésien là TALAI. Đó là Khả Tu ở quận Phù Hoa, còn Khả Tu ở quận An Điểm thì lại nói khác. Ngay chính trong cộng đồng Khả Tu ngày nay mà cũng có đến ba bốn bộ lạc nói khác nhau rồi.

Nhưng xin ông Nhựt coi chừng. VƯỜN thì Khả Tu nói là BƯƠN, còn chính ông, ông nói theo Cao Miên. Ông nó là SÔNG, còn Cao Miên nói là SUÔN.

Vậy bà con của ông đông đảo vô số kể trên Cao Nguyên mà kẻ gọi hướng Bắc ỵ hết như ông là người Khả Lá Vàng. Họ nói KITA. Nhưng khuyên ông đừng có đi tìm họ, vì họ ở Đèo Mụ Già, nơi đó là đất chiến lược của Việt Cộng, ông vào đó thì mệt cho ông lắm đấy nhé.

Ông đã biến nát danh từ của Nam Dương và của Thượng Việt khiến chúng tôi đọc lại giùm ông đến ngắt ngư. Vậy ông có đi tìm bà con, chắc cũng nhọc xác lắm vì những danh từ còn nguyên vẹn như Ki, Kita rất hiếm vì Anô đã bị ông biến thành Ani, Anê, Sùng đã bị ông biến thành Tsuno, Sán (xơ mít) đã bị ông biến thành Sanadamushi rồi thì ông chẳng còn biết đường đâu mà mò nữa.

Tôi nói nữa, Sơ Đẳng nói Nẻo, ông nói Nao thì hơi phiền cho ông.

Và nếu ông Đại Hàn đi tìm bà con như ông lại còn chết một cửa nữa, vì ông Đại Hàn còn biến dữ dội hơn ông nhiều bậc.

Ông Đại Hàn nói Na = Tôi: Muốn biết Na, phải biết Any của dân Mạ, Ni của Maya Trung Mỹ, tức phải đi từ Biên Hòa sang Mỹ Tây Cơ.

Thảo nào mà danh từ nào của ông, ông cũng chưa chữ Tàu vào đó hết. Thế thì dễ ăn hơn là đi tìm xa xôi, tốn tiền xe pháo. Từ đây ông nên viết ARI bằng Hiragana mà đừng viết chữ NGHỊ vào tự điển nữa, bởi vì Ari là của tổ tiên ông là Khả Tu chứ không phải của Tàu đâu.

Nhưng văn phạm của Khả Tu không khác văn phạm Việt Nam bao nhiêu, trong khi đó thì động từ Nhựt Bốn nằm ở đuôi một câu. Âu Mỹ rất quan tâm đến động từ và họ sắp loại ngôn ngữ Hàn và Nhựt vào ngôn ngữ An Tai chính vì vị trí của động từ Nhựt Bốn, tức Nhựt và Hàn đã lấy văn phạm An Tai, chứ không phải là văn phạm Mã Lai Hoa Bắc như chúng tôi đã nhận xét ở một Chương trước.

Khả Tu nói: Ku inuk kap anô inuk.

Nghĩa là: Tôi chó cắn anh chó.

Nghĩa là chó của tôi cắn nhau với chó của anh.

Nhựt nói: (Wat) Aku (Shi) nô inu wa watashi nô ani nô inu ga kamiau teiru.

Nghĩa là: Tôi CHI chó và tôi CHI anh CHI chó... đích thị cắn nhau.

Câu văn Nhựt trên đây không bảo đảm là đúng, vì chúng tôi viết theo sách dạy, không kỹ bằng có thấy. Nhưng chắc 100% là động từ *Cắn* của Khả Tu nằm giữa, y hệt như của ta, còn động từ *Cắn nhau* của Nhựt thì

nằm ở cuối câu luôn luôn.

Cú pháp Khả Tu và cú pháp Nhựt giống hệt nhau. *Tôi chó* (Khả Tu). Tôi CHI chó (Nhựt), Chó anh (Khả Tu), Chó CHI anh (Nhựt). Nhựt văn minh, thấy rằng *Tôi chó* không ổn, nên thêm tiếng đệm NÔ có giá trị như CHI của Tàu. *Nhơn chi sơ*, chó không là *Nhơn sơ*.

Sự thêm thắt Nô của Nhựt là sáng tác của chủ đất cũ là bọn Trãi, dưới ảnh hưởng Phù Tô, chó không phải của bọn từ Nam Dương lên, vì bọn sau tuyệt đối không biết Inu là gì. Cú pháp Nhựt đã thành hình trước khi bọn Mã đến nơi.

Còn thì danh từ giữa Nhựt và Khả Tu phần lớn giống nhau hết thảy.

Khả Tu	Nhựt
Ku = Tôi	Wat Tô (Aku) shi = Tôi
Inuk = Chó	Inú = Chó
Káp = Cẩn	Kamiau = Cẩn nhau
Anô = Anh	Ani = Anh

Và lại cả hai đều giống ta, nhứt là Kamiau của Nhựt giống *cẩn nhau* của ta hơn là giống Káp của Khả Tu. Anô, Ani của họ với Anh của ta cũng chỉ là một. Còn Watakushi và Ku thì đồng gốc với TÔI (xem lại Chương I)

Chỉ có Chó là Lạc Địch, Nhựt với Lạc Địch và Khả Tu giống nhau. Lạc Địch Đại Hàn và Lạc Địch Việt Nam thì nói Cây.

Chó, chỉ là danh từ của Việt, tức của Austronésien, tức của Lạc bộ Mã, tức của Mã Lai Hoa Nam, tức của

Mã Lai đợt II, tức của Nam Dương, nó đã thắng thế khó hiểu ở xứ sở ta, mặc dầu kẻ phổ biến danh từ *chó* chỉ là một nhóm thiểu số: người Mường, hồi năm 500 trước Chúa Giáng Sinh.

PHỤ CHÚ

Ở V.N có ba bộ lạc Khả Tu, tất cả là một, tuyệt đối không có tiếp xúc với V.N. Khả Tu Phù Hoa và Khả Tu An Điểm có tiếp xúc với ta và đã học với ta những danh từ như đồng, thùng, xe. Trong vòng 10 năm nay họ có làm địa phương quan và có học thêm : Pháo, Gác, Phép, Phạt, Mỹ, v.v.

I. Nhựt, Hàn và Việt Nam

Tại sao, đều là Lạc Địch với nhau mà Đại Hàn, Nhựt Bổn lại không có những danh từ mà Việt Nam có?

Thí dụ: Bobo thì Thượng Việt gọi là Bokobo, Việt Nam gọi là Bobo, còn Nhựt thì phải mượn Ý Dĩ của Tàu và đọc là BIKI?

À, ở đây thì sự quên đầu quên đuôi của ông Nhựt thấy rõ bông ra. Ổng dịch chữ BIKI ra Pháp ngữ là SORGHO. Thế thì đó là BOBO không còn chối cãi được. Vậy mà chưa chữ Hán, ông ta lại chưa chữ THỮ thành KÊ.

Người Nhựt rất giỏi, rất cẩn thận, thế mà làm tự điển, họ lại bê bối đến thế.

Biki là Kê hay là Ý Dĩ. Nếu là Kê thì tại sao lại dịch ra tiếng Pháp là Sorgho. Bằng như là Ý Dĩ, tại sao chưa chữ Hán là Thử?

Ông Đại Hàn khá hơn. Ông cũng mượn tiếng Tàu, nhưng lại mượn Thục Thử chứ không mượn Ý Dĩ và ông đọc là SuSu. Như vậy là đúng. Nhưng khi dịch ra tiếng Pháp, ông cũng cứ dịch là Millet, tức KÊ. Có cái là ông không chua chữ Hán nên không biết ông sai hay đúng về chữ Hán. THỤC THỬ đúng là MILLET DES INDES, đúng là BOBO, là Ý DĨ.

Tóm lại, ông Nhựt sai về chữ Hán, ông Đại Hàn sai về chữ Pháp.

THỬ gọn lỏn, chỉ có nghĩa là KÊ. Phải là THỤC THỬ hoặc CAO LƯƠNG mới là Ý DĨ, chứ Lương gọn lỏn cũng là Kê chứ không là Ý Dĩ.

Trong danh từ Ngũ Cốc của Hạ, Thương, Chu, có Thử, nhưng Mã Viện lại chưa ra đời, chưa có ai mang giống Bobo về Tàu cả, tức Thử không phải là Bobo.

Ông Châu Văn Cán, nhà trí thức Trung Hoa ở Chợ Lớn, rất tinh thông Việt ngữ, định nghĩa ngũ cốc:

Đạo = Nếp

Mạch = Lúa mì

Tắc = Bắp

Thử = Kê

Thúc = Các thứ đậu

Trung Hoa cổ thời không biết Gạo, không biết Bobo, không biết Đậu nành, mặc dù Thúc là các thứ đậu. Đậu nành chỉ xuất hiện sau khi Tư Mã Thác diệt nước Thục, vì đậu nành được trồng ở nước Thục mà không được trồng ở Hoa Bắc.

Bobo cũng có mặt ở Thục (Thục Thử) nhưng đó là

Bobo xấu, nên Tàu không lấy giống Thục Thử trong biển cổ Tư Mã Thác, đợi mấy trăm năm sau mới lấy giống Bobo Giao Chi.

Và họ cũng sáng tác Ý Dĩ mà bỏ Thục Thử, có lẽ vì hai thứ Bobo ấy có khác nhau ở chỗ nào đó.

Thục Thử đồng nghĩa với Cao lương, chắc nhỏ hột gần như là Lương tức Kê, còn Cao lương thì lớn hột hơn Lương gọn lỏn.

Thử = Hoàng lương = Kê

Thục thử = Cao lương = Bobo

Cứ đọc sử nhà Hán thì rõ. Mã Viện diệt Hai Bà Trưng rồi thì chở về Lạc Dương nhiều xe Bobo của Giao Chi để gây giống. Vậy Hoa Bắc không có Bobo. Đại Hàn, Nhựt đồng khí hậu cũng không có. Không có Bobo, họ làm thế nào để có danh từ.

Nhiều trăm năm sau Mã Viện, Bobo của Tàu mới sang Đại Hàn và Nhựt nhưng dưới cái tên khác, do Mã Viện sáng tác. Đó là tên Ý Dĩ (Bì ki)

Dĩ nhiên là Đại Hàn và Nhựt cũng chẳng có Chuối, Dừa, Mít, Mía, Đường gì cả, vì khí hậu của họ không cho phép các thứ ấy xuất hiện, và họ phải học của Tàu cả. Tàu cũng không có, và đã học với Giao Chi, nhưng họ văn minh cao, nên không có, họ cũng cố làm cho có.

Họ không có Bưởi, nhưng họ có hai danh từ chỉ Bưởi, đó là CHỈ (Bưởi đắng) và DƯU (Bưởi ngọt). Nhựt chỉ mới học của Việt dưới trào Nguyễn và nói ZABON và PONKAN vì ta gọi Bưởi là Bổng.

Trái lại Đại Hàn và Nhựt có TUYẾT mà ta không có,

phải mượn của Tàu, vì xứ họ có tuyết.

Hai nhóm Lạc Địch đó sáng tác chớ không mượn của Tàu. Đại Hàn gọi Tuyết là NUN, Nhật gọi là YUKI.

Tàu có một câu tục ngữ Thượng cổ: *Việt khuyến phê tuyết*. = Chớ Việt sửa tuyết. Chớ Việt, mấy ngàn năm mới thấy tuyết một lần, nên nó hoảng, sửa dữ dội khi tuyết rơi ở đất Việt. Đất Việt ở đây là Hồ Quảng chớ không phải Việt Nam đâu nhé.

Vậy ba đám Lạc Địch đó, không giống nhau 100%, chỉ vì thế.

Nhiều người băn khoăn tự hỏi tại sao Lạc Địch Nhật lại giỏi hơn Lạc Địch Việt Nam, mặc dầu người Khả Tu ở Đà Nẵng, chẳng giỏi gì hơn các đồng bào Thượng khác. Ấy chỉ vì Lạc Địch Nhật cứ còn nằm trong môi trường cũ của chủng tộc. Lạc Địch ở Himalaya, rồi sang Hoa Bắc, thì cũng cứ là các xứ lạnh. Đến Nhật, vẫn còn lạnh, nhưng khí hậu Nhật lại tốt hơn khí hậu của hai nơi cũ rất nhiều.

Trong khi đó thì Lạc Địch Khả Tu và Lạc Địch Việt Nam lại rui ro khi gặp khí hậu nhiệt đới.

Tâm hồn và trí não kẻ uống rượu thưởng thức cảnh tuyết rơi, rất cảm thông với loại văn thơ:

Lác đác rừng phong hạt móc sa

Vì cả hai đều có rừng phong. Ta rất ngỡ ngàng với những tuyết, những liễu, những phong mà người Tàu đưa tới. Ta ca ngợi phượng vĩ, soạn đầu, dừa.

Dân ăn nước mắm khác hẳn dân ăn tương đậu nành mặc dầu đồng máu mủ với nhau. Ta, ta ăn Ô MAI ngào

đường cho vui miệng và Nhựt ăn U MÊ ngâm muối với cơm, tuy Ô MAI và U MÊ là một thứ, đó là quả mơ, nhưng hai lối sử dụng quả mơ như vậy không giúp cho hai kẻ cảm nghĩ giống nhau.

(Tự điển *Khai trí Tiến đức* định nghĩa ô là đen, đen vì phơi khô. Nhưng xem ra ô chỉ là biến thể của U. Ô mai = U mê, chớ không có nghĩa gì là đen cả. Tàu đọc là MUI mà không có ô, u gì cả, vậy ô của ta và u của Nhựt không do tiếng Tàu mà ra.)

K. VỚ

Miền Bắc gọi VỚ là BÍT TẮT. Ở một Chương trong sách nầy, chúng tôi thú nhận rằng VỚ của miền Nam, có ngũ nguyên bí. Nhưng đã tự hào là biết hết cả các ngũ nguyên miền Nam thì không có quyền bí về VỚ. Thế nên chúng tôi học đêm học ngày và khi sách nầy được sắp chữ xong thì chúng tôi đã thành công và phải năn nỉ nhà in cho thêm đoạn nầy vào.

Từ Đông Bắc Á, đến Đông Nam Á, dân tộc nào cũng sáng tác danh từ nầy cả chớ không có mượn của Tàu, trừ Đại Hàn.

Thái Lan:	Thoong taow sun
Nam Dương:	Sarong kaki
Đại Hàn:	Yal mal (Dương Miệt)
Nhựt Bản:	Kutsushita
Việt (Bắc):	Bít tất
Việt (Nam):	Vớ

Nhưng thật ra thì Việt miền Nam không sáng tác, và đây là ngũ nguyên lý kỳ nhứt trong mấy vạn danh

từ Việt Nam.

VỐ chỉ là tiếng Tàu, đọc theo giọng Quan Thoại: WOÁO.

Nhưng không phải là giản dị như thế đâu, nếu giản dị như vậy, chúng tôi đã không bí.

Trung Hoa có danh từ HÓA, có nghĩa là ĐÔI HIA (giày Bottes). Đó là danh từ đời nhà Thương, bằng vào tự dạng của nó. Hóa viết như BIẾN HÓA, nhưng với bộ CÁCH là da thuộc (Cuir).

Chúng tôi biết đó là danh từ đời Thương vì có chứng tích. Cách + Hóa, tức là biến hóa da thuộc thành một món đồ. Dưới đời nhà Thương, họ chỉ chế tạo một món đồ độc nhất bằng da thuộc là cái yên ngựa. HÓA là món đồ thứ nhì. Đó là lần thứ nhì mà họ biến Hóa da thuộc thành một món đồ. Nhưng cái yên ngựa là món đồ thứ nhất, không được gọi là Hóa, vì họ đã có yên ngựa bằng vải mà họ trót gọi là YÊN, AN, nên HÓA không được dùng cho yên ngựa. Vậy Hóa, được kể như món đồ thứ nhất, biến hóa da thuộc thành vật dụng.

Nhưng mang Botte đầu chơn, thế là họ chế tạo bút tất. Nhưng không biết gọi là gì, họ đồng hóa hai thứ: BÍT TẮT và HIA, gọi cả hai là WOÁO.

Hàng ngàn năm sau họ mới sáng tác danh từ MIỆT để chỉ BÍT TẮT, nhưng đã quen miệng gọi Bít tất là WOÁO rồi, nên họ cứ tiếp tục như thế cho đến ngày nay mà không dùng MIỆT trong câu chuyện.

Các man di quanh họ, bị chinh phục trễ, nên không mắc phải cái nạn quen miệng và tất cả đều nói MIỆT,

chẳng hạn Quảng Đông phát âm là MẠCH.

Ta, ta cũng bị chinh phục trễ, nhưng ta học với lính Tàu gốc Hoa Bắc họ nói theo thói quen là WOÁO, ta biến thành VỐ, còn Quảng Đông, Phúc Kiến, học với thầy đời Tấn, nên nói theo các thầy là MIỆT. Các thầy là trí thức, phải theo sát sự tiến hóa của ngôn ngữ, lính là dân chúng, giữ thói quen cũ.

Mà như thế thì danh từ Vố là danh từ gốc miền Bắc, vì chỉ có dân Lạc Việt ở lưu vực Hồng Hà mới có tiếp xúc với lính của Mã Viện mà thôi. Người Việt ở miền Nam tuyệt đối không biết giọng Quan Thoại vì Hoa Kiều ở miền Nam không phải là người Hoa Bắc. Miền Nam chỉ biết Quan Thoại từ trên 10 năm nay thôi, vì thấy Hoa Kiều học thì họ học theo cho vui, chớ từ năm 1623 đến nay họ chỉ nghe nói đến Quan Thoại, mà không hề nghe ai phát âm hết.

VỐ là danh từ được lưu dân từ lưu vực Hồng Hà mang đi Bắc bố chính rồi từ Bắc bố chính mang vào Nam.

Sau cuộc di cư đi Bắc bố chính thì đất tổ sáng tác BÍT TẮT, nhưng lưu dân không hay biết, tiếp tục nói VỐ.

Người Trung Hoa cổ thời đồng hóa hai món đó cũng có lý do vì Bít tất của Tàu, luôn luôn lên khỏi gối, bởi HIA đã lên tới gối rồi. Bít tất là bít đầu gối lại.

Đại Hàn mượn tiếng Tàu là MIỆT, đọc là MAL, nhưng vẫn thêm tỉnh từ DƯƠNG (Âu châu) ở trước Mal, bởi Miệt cũng cao lên khỏi gối, mà họ thì chỉ dùng Miệt Âu châu, tức Miệt ngắn.

Nhưng có chứng tích rằng dưới các trào Thương,

Chu, Tần, Trung Hoa chỉ món Hóa bằng chữ Cách, tức bằng cái bộ CÁCH ngày nay, mà không có chữ HÓA, chỉ mới được thêm sau đây thôi và biến thành ngũ căn.

Bằng chứng thấy rõ là Nhựt Bốn đã vay mượn chữ đó dưới đời nhà Tần, để chỉ giày, nhưng đọc là CÁCH (Kutsu) mà không đọc là Hóa. Có thể nào mà Nhựt đọc sai chăng? Không. Ta thấy họ không có đọc sai tiếng Tàu nào cả, hay nói cho đúng, không sai quá xa như ta đọc PÍN ra TÂN mà không ra BẾN. Họ đọc chỉ sai một chút xíu, y hệt như Quảng Đông, Phúc Kiến hay Việt Nam, nhưng HÓA mà đọc ra Kutsu thì khác quá xa.

Họ cũng có để kháng y hệt như Việt Nam. Thí dụ XỬA là cái LƯỠI, ta đọc là THIỆT vì Thiết là danh từ của Lạc bộ Trãi, ta đọc như vậy với tinh thần để kháng. Nhựt cũng đọc là ZETSU. THIỆT của ta, PIET của Thượng Việt và ZETSU của Nhựt đồng gốc Lạc bộ Trãi.

Nhưng trường hợp Hóa bị đọc là Kutsu thì không phải là để kháng nữa vì chừng Mã Lai chưa có món CÁCH vào thời đó, để mà có danh từ Kutsu.

Hóa chỉ là danh từ đời Hán y hệt như Miệt, còn trước đó, họ chưa ghép Hóa vào, mà chỉ viết là CÁCH nên Nhựt mới đọc là Kutsu.

Ta đọc Hóa (Woáo) là HIA, mà cũng đọc là VỐ có lẽ vì có hai nguồn vay mượn. Bình dân phát âm HIA, vì họ chỉ thấy Woáo mà không có dùng nên không biết cái món bên trong, cũng có tên là Woáo.

Bọn Lạc tưởng có hợp tác, biết dùng đồ Tàu, đều sáng tác hết. Đây là một sự lạ. Tuy nhiên họ sáng tác,

nhưng vẫn mượn tiếng Tàu phần nào, chẳng hạn ta đã mượn TẮT của Tàu, còn Nhứt thì sáng tác là KUTSU SITA, tức cũng đã vay mượn CÁCH của Tàu.

Sita là trạng từ Mã Lai, ở đây được dùng y hệt như Pháp (Sous trong sous-vêtements) Sita là ở dưới, nhưng ở đây nó mang nghĩa bóng là ở trong. Kutsu sita được ghi ra tiếng Tàu là HÓA HẠ, nhưng có nghĩa là HÓA NỘI.

Tại sao vào đời Hán, Tàu lại thêm HÓA vào? Là vì họ đã chế tạo rất nhiều vật dụng bằng CÁCH và lấy CÁCH là cái BỘ để cho biết ngữ nguyên. Thế thì họ phải phân biệt các món bằng một chữ khác nữa ghép vào với chữ CÁCH, nhưng các chữ ghép khác, có nghĩa rõ ràng minh bạch chỗ không mơ hồ như HÓA là món thứ nhì kể như thứ nhứt rất cổ mà đáng lý gì họ nên ghép CÁCH với CƯỚC chẳng hạn.

HÀI là danh từ có sau, có vào thời mà người Tàu ý thức hơn trong việc tạo tự dạng, nên họ ghép CÁCH với KHUÊ. HÀI rất đẹp, không thô kịch như HÓA thì cần ghép với một chữ có nghĩa đẹp, ngọc KHUÊ chẳng hạn.

Chữ HÓA vắng bóng trong từ điển Đào Duy Anh, vì đó là một danh từ gần như là chuyên môn, bởi trước khi Pháp đến vua quan ta không có may HIA chẳng, mà chỉ may HÀI thôi?

Ta không có ảnh về những nhân vật của thời ta bị chinh phục, mà chỉ có các bức họa. Họa sĩ có thể bị ảnh hưởng theo những gì họ thấy ở sân khấu hát bội. Theo các bức họa đó thì vua quan ta có mang hia. Nhưng sự vắng bóng của danh từ Hóa trong từ điển Đào Duy Anh, lại

bắt ta nghĩ khác.

Thế thì ta có những danh từ rất non tuổi như CỐC, LY, BÍT TẮT, nhưng vì không biết do đâu mà ra, nên ta cứ tưởng là cổ lắm, không dè CỐC chỉ mới có từ khi các phái đoàn Ảng lê ve vãn các chúa Trịnh và Nguyễn, LY chỉ mới có sau 1623, và Bít tắt chỉ mới có sau khi dân Việt di cư vào Bắc Bộ Chính.

Trái lại, nhiều danh từ vay mượn từ thời Mã Viện, như WOÁO bị đọc là VỐ thì lại bị tưởng là do Nam Kỳ mới sáng tác riêng về sau.

Nếu Hoa Bắc không quen miệng gọi BÍT TẮT là WOÁA mà gọi là MIỆT (Dĩ nhiên là đọc theo Hoa Bắc) thì không bao giờ ai truy ra ngũ nguyên của danh từ VỐ của miền Nam được cả.

Nhưng đọc sách, không thể biết sự thật, vì cả sách Hoa Bắc ngày nay cũng trở Bít tắt bằng chữ Miệt chứ không phải chữ HÓA. Nhưng dân chúng ở Hoa Bắc thì cứ tiếp tục gọi BÍT TẮT là WOÁO, mặc dầu họ đã có danh từ Miệt từ trên hai ngàn năm rồi.

SÁCH THAM KHẢO

E. Sapir, *Le langage, Introduction à l'étude de la parole*, Paris 1953.

J. Vendryes, *Le langage, Introduction linguistique à l'histoire*, Paris 1923.

M. Cohen, *Le langage: structure et évolution*, Paris 1950.

E. Benveniste, *Problèmes de linguistique générale*,

Paris 1966.

M. Leroy, Les grands courants de la linguistique moderne, Bruxelles 1963.

B. Mulmberg, Les nouvelles tendances de la linguistique, Paris 1968.

A. Meillet & M. Cohen, Les langues du monde, Paris 1964.

A. Meillet, Introduction à l'étude comparative des langues indo-européennes, Paris 1937.

A. Meillet, La méthode comparative en linguistique historique, Oslo 1925.

M. Swadesh, Lexico statistie dating of prehistorie ethnic contacts, New York 1965.

MỤC LỤC

Chương I	
Gốc tổ ra sao?	7
Chương II	
Việt ngữ đa âm trước Mã Viện	33
Chương III	
Những đảo âm nội bộ trong chủng Mã Lai	48
Chương IV	
Nguyên nhân mất mát âm D và GI của miền Bắc	56
Chương V	
Tài ba của Việt ngữ	64
Chương VI	
Vua Hùng lãnh đạo bao nhiêu bộ lạc?	70
Chương VII	
Minh với ta tuy hai mà vẫn cứ là hai hay là Trò chơi xí cọt của các đại danh từ Mã Lai	96
Chương VIII	
Con gái, đồn bà, mái đực trống, chồng vợ	117
Chương IX	
Về loại từ Cái và Con	127

Chương X

Vùng núi An Tai hay là yếu tố Mông Cổ trong Việt ngữ 146

Chương XI

Một ngàn danh từ Phù Nam trong Việt ngữ miền Nam 182

Chương XII

Hoa Phật bị hạ bệ 202

Chương XIII

Yếu tố Mê-na-lê trong Việt ngữ 210

Chương XIV

Sơ Đẳng, một dân tộc đầu đàn 219

Chương XV

Tàn tích mẫu hệ trong Việt ngữ 225

Chương XVI

Xử = Thiệt 228

Chương XVII

Trời và ngày 235

Chương XVII

Việt = Rìu 254

Chương XIX

Nghi vấn về tiếng roi 257

Chương XX

Từ vụng bỏ túi 261

Chương XXI

Man di thượng hạng và man di hạng bét 282

Chương XXII

Trái và Mã 284

BÌNH NGUYỄN LỘC

Chương XXIII

Gió thổi nhút 290

Chương XXVI

Nhút định không là song ngữ 293

Chương XXV

Để kết luận 299

Phụ lục 308

